**PHÒNG GIÁO DỤC QUẬN BA ĐÌNH**

**TRƯỜNG THCS MẠC ĐĨNH CHI**

**Giáo viên: Ngô Thị Hà**

**Tổ: Xã hội**

**GIÁO ÁN NGỮ VĂN 8**

**HỌC KÌ I**

**CHỦ ĐỀ TÍCH HỢP:**

**VAI TRÒ CỦA GIA ĐÌNH TRONG HAI VĂN BẢN “TÔI ĐI HỌC”, “TRONG LÒNG MẸ” TÍCH HỢP VỚI TÍNH THỐNG NHẤT VỀ CHỦ ĐỀ**

***PHẦN I:* XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ.**

***A. CƠ SỞ LỰA CHỌN CHỦ ĐỀ .***

- Căn cứ vào “Công văn 3280/BGD ĐT-GDTrH về việc hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS, THPT, ngày 27 tháng 8 năm 2020 để xây dựng chủ đề tích hợp văn bản - làm văn trong học kì I.

- Các văn bản truyện truyện ngắn và hồi kí được sử dụng trong hoạt động đọc hiểu sẽ trở thành nguồn ngữ liệu để hướng dẫn HS tiếp thu các tri thức cơ bản về làm văn.

***B. THỜI GIAN DỰ KIẾN :***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Tuần*** | ***Tiết*** | ***Bài dạy*** | ***Ghi chú*** |
| **1** | *1* | *Những vấn đề chung*  *Tôi đi học* |  |
| *2* |
| *3-4* | *Trong lòng mẹ* |
| **2** | *5* | *Tình thống nhất chủ đề của văn bản* |

***C. MỤC TIÊU CỦA CHỦ ĐỀ:***

**I. MỤC TIÊU CHUNG**

-Dạy học theo vấn đề hay chủ đề tích hợp là khai thác sự liên quan, gần gũi ở *nội dung*  kiến thức và khả năng bổ sung cho nhau giữa các bài học cho mục tiêu giáo dục chung. Các tiết học chủ đề Gv không tổ chức thiết kế kiến thức, thông tin đơn lẻ, mà phải hình thành ở học sinh năng lực tìm kiếm, quản lý, tổ chức sử dụng kiến thức để giải quyết vấn đề trong tình huống có ý nghĩa.

-Tích hợp kiến thức đọc hiểu văn bản và kĩ năng thực hành nghe- nói- viết trong mỗi bài học tạo hứng thú học tập cho học sinh. Các em có cái nhìn hoàn chỉnh và thấy được mối liên hệ giữa các môn học. Từ đó có ý thức tìm tòi, học hỏi và vận dụng kiến thức đã học vào đòi sống sinh động.

-Thông qua dạy học tích hợp, học sinh có thể vận dụng kiến thức để giải quyết các bài tập hàng ngày, đặt cơ sở nền móng cho quá trình học tập tiếp theo; cao hơn là có thể vận dụng để giải quyết những tình huống có ý nghĩa trong cuộc sống hàng ngày;

- Thông qua việc hiểu biết về thế giới tự nhiên bằng việc vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu giúp các em ý thức được hoạt động của bản thân, có trách nhiệm với chính mình, với gia đình, nhà trường và xã hội ngay trong cuộc sống hiện tại cũng như tương lai sau này của các em;

- Đem lại niềm vui, tạo hứng thú học tập cho học sinh. Phát triển ở các em tính tích cực, tự lập, sáng tạo để vượt qua khó khăn, tạo hứng thú trong học tập.

- Thiết lập các mối quan hệ theo một logic nhất định những kiến thức, kỹ năng khác nhau để thực hiện một hoạt động phức hợp.

- Lựa chọn những thông tin, kiến thức, kỹ năng cần cho học sinh thực hiện được các hoạt động thiết thực trong các tình huống học tập, đời sống hàng ngày, làm cho học sinh hòa nhập vào thế giới cuộc sống.

**-**  Chủ đề góp phần giúp học sinh học thấy được mối quan hệ giữa học văn bản và làm văn trong nhà trường đề phát trỉển hoàn thiện kiến thức, kĩ năng và phẩm chất, năng lực theo mục tiêu mon học. Từng bước tiếp cận chương trình giáo dục PT mới.

**II. MỤC TIÊU CỤ THỂ CHỦ ĐỀ**

**1. Kiến thức/ kỹ năng/ thái độ**

***1.1.Đọc- hiểu***

*1.1.1. Đọc hiểu nội dung*: Qua chủ đề văn bản - làm văn, học sinh hiểu, cảm nhận được dòng tâm trạng mơn man của nhân vật trong ngày đầu tiên đi học (*Tôi đi học*) và thể hiện niềm khát khao tình cảm ruột thịt cháy bỏng của nhân vật bé Hồng ( *Trong lòng mẹ*), hiểu những thành kiến cổ hủ, nhỏ nhen, độc ác không thể làm khô héo tình cảm ruột thịt sâu nặng, thiêng liêng.

*1.1.2. Đọc hiểu hình thức:* Nắm được cốt truyện, nhân vật, sự kiện, một số chi tiết nghệ thuật đặc sắc trong miêu tả tâm lí nhân vật. Bước đầu biết đọc - hiểu một văn bản hồi kí. Vận dụng kiến thức về sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn bản tự sự để phân tích tác phẩm truyện.

*1.1.3. Liên hệ, so sánh, kết nối:* - Văn bản “Cổng trường mở ra” – tác giả Lí Lan, được trích dẫn trong chương trình *Ngữ văn 7, tập I.*

- Bài viết “Ngày khai trường” – tác giả Edmondo De Amicis, được trích dẫn trong cuốn *Tâm Hồn Cao Thượng,*Hà Mai Anh dịch

- Có kĩ năng vận dụng phương pháp học tập vào đọc - hiểu những văn bản khác:

*1.1.4. Đọc mở rộng*: tìm đọc một số truyện khác cùng đề tài và đọc toàn bộ tác phẩm “Những ngày thơ ấu”. Chia sẻ những điều mình tâm đắc.

***1.2. Viết:***

***-Thực hành viết:*** Viết được bài theo chủ đề được định hướng và có bố cục hợp lý.

***1.3. Nghe - Nói***

***- Nói:*** kể lại một cách tóm tắt và nêu nhận xét về nội dung và nghệ thuật của hai tác phẩm được học trong chủ đề

-***Nghe***: Lắng nghe và tóm tắt được nội dung trình bày của thầy và bạn.

-***Nói nghe tương tác:*** Biết tham gia thảo luận trong nhóm về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất, biết đặt câu hỏi và trả lời, biết nêu một vài đề xuất dựa trên các ý tưởng được trình bày trong quá trình thảo luận.

*2.****Phát triển phẩm chất, năng lực***

*2.1.Phẩm chất chủ yếu:*

- *Nhân ái:* Qua tìm hiểu văn bản, HS biết tôn trọng, yêu thương người thân yêu. Biết dũng cảm đấu tranh với hành vi làm tổn hại đến tình cảm gia đình, nhà trường, bạn bè. Biết đồng cảm với những số phận bất hạnh...

- *Chăm học, chăm làm:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân. Chủ động trong mọi hoàn cảnh, biến thách thức thành cơ hội để vươn lên. Luôn có ý thức học hỏi không ngừng để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, trở thành công dân toàn cầu.

-*Trách nhiệm:* hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, dân tộc để sống hòa hợp với môi trường.

*2.2. Năng lực*

*2.2.1.Năng lực chung:*

***-***Năng lực tự chủ và tự học: sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống, khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.

-Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.

-Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

***2.2.2.*** *Năng lực đặc thù:*

- Năng lực đọc hiểu văn bản*:* Cảm nhận được nội dung tư tưởng và giá trị nghệ thuật của văn bản trong chủ đề để phát triển năng lực đọc hiểu những văn bản tương tự.

**-** Năng lực tạo lập văn bản: Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân để hiểu văn bản;Trình bày dễ hiểu các ý tưởng ; có thái độ tự tin khi nói; kể lại mạch lạc câu chuyện; biết chia sẻ ý tưởng khi thảo luận ý kiến về bài học.

- Năng lực thẩm mỹ: Cảm nhận vẻ đẹp ngôn ngữ, nhận ra những giá trị thẩm mĩ trong văn học. Trình bày được cảm nhận và tác động của tác phẩm đối với bản thân. Vận dụng suy nghĩ và hành động hướng thiện. Biết sống tốt đẹp hơn.

**D. CHUẨN BỊ :**

**- Giáo viên:**Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .

+ Thiết kể bài giảng điện tử.

+ Chuẩn bị phiếu học tập và dự kiến các nhóm học tập.

+ Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

+ Học liệu:Video clips , tranh ảnh, bài thơ, câu nói nổi tiếng liên quan đến chủ đề.

**- Học sinh :** - Đọc trước và chuẩn bị các văn bản SGK.

+ Sưu tầm tài liệu liên quan đến chủ đề.

+ Thực hiện hướng dẫn chuẩn bị học tập chủ đề của GV.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC.**

***1. Phương pháp và kĩ thuật dạy học:***

- Kĩ thuật động não, thảo luận - Kĩ thuật trình bày một phút

- Kĩ thụât viết tích cực: Hs viết các đoạn văn .

- Gợi mở - Nêu và giải quyết vấn đề

- Thảo luận nhóm - Giảng bình, thuyết trình

***2. Phương tiện dạy hoc:***

- Sách giáo khoa, máy tính có kết nối mạng, máy chiếu... - Bài soạn ( in và điện tử)

***PHẦN II.* TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tiết 1*** | **TÔI ĐI HỌC**  **(**Thanh Tịnh) |

**A.MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức***: Hướng dẫn HS hiểu sơ lược về tác giả Thanh Tịnh và hoàn cảnh ra đời tác phẩm “Tôi đi học”. Nhận diện được phương thức mà văn bản thể hiện, biết phân tích bố cục và bước đầu nêu nên cảm nhận chung về tác phẩm.

2***. Kĩ năng***: - HS có kĩ năng đọc - hiểu đoạn trích tự sự có yếu tố miêu tả và biểu cảm.

- Bồi dưỡng kĩ năng cảm nhận tác phẩm tự sự giàu chất trữ tình.

- Trình bày những suy nghĩ, tình cảm về một sự việc trong cuộc sống của bản thân.

***3. Thái độ, tình cảm***: - Bồi dưỡng tình cảm với ngôi trờng, với thầy cô bạn bè và gia đình..

4. ***Năng lực cần phát triển***

- Tự học - Tư duy sáng tạo. - Hợp tác - Sử dụng ngôn ngữ

– Năng lực đọc hiểu văn bản (văn bản truyện Việt Nam hiện đại).

– Năng lực sử dụng tiếng Việt và giao tiếp (qua việc thảo luận trên lớp, thuyết trình trước lớp hệ thống tác phẩm văn học).

– Năng lực cảm thụ thẩm mĩ (nhận ra giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản).

**B. PHƯƠNG TIỆN, HỌC LIỆU**

- Phần chuẩn bị ở tiết trước.

- Phiếu học tập:

**PHIẾU HỌC TẬP**

**Nhóm....... Nhóm trưởng:..................................................**

**Quan sát SGK. Tìm chi tiết, hình ảnh để hoàn thiện bảng sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NHÂN VẬT***“TÔI”.* | **Chi tiết, hình ảnh** | **Nhận xét** |
| ***Trên đường tới trường*** |  |  |
|  |  |
|  |  |
| ***Ở sân trường*** |  |  |
|  |  |
| ***Khi ngồi trong lớp*** |  |  |
|  |  |

**C. PHƯƠNG PHÁP/KỸ THUẬT DẠY HỌC**

-Kĩ thuật động não, thảo luận: - Kĩ thuật trình bày một phút:

- Kĩ thụât viết tích cực: Hs viết các đoạn văn .

- PP trực quan, vấn đáp, thuyết trình, nêu vấn đề ...

**D. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG**

**HOẠT ĐỘNG I. KHỞI ĐỘNG**

**-** Cho Hs hát tập thể bài “ Ngày đầu tiên đi học”.

- Như lời bài hát, trong mỗi chúng ta ai cũng có những ngày đầu tiên đi học với biết bao bỡ ngỡ... giờ đây mỗi khi nghĩ lại trong lòng mỗi người lại mơn man những cảm xúc khó tả. Vậy nhà văn Thah Tịnh đã nhớ và ghi lại cái cảm xúc ấy của mình như thế nào? Chúng ta đi tìm hiểu qua văn bản “ Tôi đi học”.

**HOẠT ĐỘNG II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**A.NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHỦ ĐỀ( 3P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **THẢO LUẬN CẶP ĐÔI**  **- GV giới thiệu chương trình chủ đề chủ đề so với cấu trúc SGK**.  Tổ chức cho HS trao đồi:  **(***1) Em hiểu thế nào là chủ đề tích hợp?*  *(2) Chủ đề tích hợp lớp 8- kì 1 có mục đích gì?*  - Tổ chức cho HS thảo luận. GV quan sát, khích lệ HS.  - Tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm.  - GV tổng hợp ý kiến. | - Chủ đề tích hơp văn bản- Làm văn gồm 6 tiết (2 tiết cho 2 văn bản, 2 tiết làm văn và tiết tổng kết): Qua khai thác sự liên quan, gần gũi ở văn bản đọc hiểu về *đề tài và bố cục .... từ đó vận dụng vào tạo lập văn bản.+ năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản.*  - Thông qua chủ đề: HS biết *quan sát*tình huống liên quan đến bài học *như nhà trường, gia đình. Đặc biệt là hình ảnh người mẹ, tình mẫu tử thiêng liêng và bền vững nhất không bao giờ mờ phai...*  *=>Các em ý thức được hoạt động của bản thân, có trách nhiệm với chính mình, với gia đình, nhà trường và xã hội ngay trong cuộc sống hiện tại cũng như tương lai sau này của các em;* |

**B. VĂN BẢN: TÔI ĐI HỌC**

**I. TÌM HIỂU CHUNG (7P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  -HS đọc chú thích ( SGK 18)  - Nêu một vài nét chính về t/ giả Thanh Tịnh và t/ phẩm “ Tôi đi học”?  - Gọi HS trả lời câu hỏi  - HS tham gia nhận xét, đánh giá, bổ sung...  - GV tổng hợp , bổ sung, kết luận. | **1.Tác giả:**  - Thanh Tịnh ( 1911- 1988) tại Huế.  - Tên khai sinh là Trần Văn Minh.  - Bắt đầu sáng tác từ năm 22 tuổi với phong cách nhẹ nhàng, ngọt ngào và sâu lắng.  **2. Tác phẩm:**  - Trích từ tập truyện ngắn “ Quê mẹ” – 1941 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **C:\Users\Administrator\Desktop\00.jpg** | **C:\Users\Administrator\Desktop\11.jpg** | **C:\Users\Administrator\Desktop\222.jpg** | **C:\Users\Administrator\Desktop\444.jpg** |

*Thanh Tịnh là cây bút có mặt trên khá nhiều lĩnh vực: truyện ngắn, truyện dài, truyện thơ, bút kí... song ông thành công nhất ở truyện ngắn và thơ. Những truyện hay của ông toát lên tình cảm êm dịu, trong trẻo. Văn ông nhẹ nhàng mà thấm sâu, dư vị vừa man mác buồn thương vừa ngọt ngào quyến luyến. “Tôi đi học” là một tác phẩm như vậy. Truyện ngắn là “những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường” qua hồi tưởng của nhân vật “tôi’.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  (1) GV nhận xét, hướng dẫn và đọc mẫu một đoạn. Gọi HS đọc .  - Em hãy đọc thầm chú thích SGK ?  (2) Cho biết phương thức biểu đạt của văn bản?  (3) Theo dòng hồi tưởng của nhân vật” tôi” và trình tự thời gian của buổi tựu trường, em hãy tìm bố cục của văn bản?  - Cho biết nội dung từng phần?  - Gọi HS nhận xét phần chia đoạn của bạn?  - HS tham gia nhận xét, bổ sung...  - GV tổng hợp , bổ sung, kết luận. | ***a. Đọc chú thích- bố cục:***  - Đọc giọng nhẹ nhàng, sâu lắng.  - Chú thích ( SGK 8+9).  - Phương thức BĐ: Tự sự + biểu cảm,  ***b. Bố cục: 5 đoạn***  Đ1: Từ đầu – rộn rã: Khơi nguồn nỗi nhớ.  Đ 2: Tiếp – ngọn núi: Khi cùng mẹ trên đường tới trường.  Đ 3: Tiếp – các lớp: Khi đưng giữa sân trường nhìn mọi người và các bạn.  Đ 4: Tiếp – chút nào hết: Khi nghe gọi tên và rời tay mẹ vào lớp cùng các bạn.  Đ 5: Còn lại: Khi ngồi vào chỗ của mình và đón nhận tiết học đầu tiên. |

**II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN (30P )**

*Truyện ngắn bố cục theo dòng hồi tưởng của nhân vật “ tôi”. Qua dòng hồi tưởng đó mà tác giả diễn tả cảm giác, tâm trạng của” tôi” trong buỏi tựu trường đầu tiên. Theo đó, trình tự diễn tả kỉ niệm từ hiện tại nhớ về dĩ vãng : Những biến chuyển của trời đất cuối thu và hình ảnh mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đến trường khơi gợi trong lòng nhân vật “ tôi”những kỉ niệm trong sáng của ngày đầu tiên đến trường.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** | |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  HS theo dõi phần 1 bố cục văn bản.  (1) Nỗi nhớ buổi tựu trường của t/ giả được khơi nguồn từ thời điểm nào? Vì sao?  (2) Tâm trạng ấy được tái hiện qua những từ ngữ nào? Tác dụng của nó?  - Gọi HS nhận xét phần chia đoạn của bạn?  - HS tham gia nhận xét, bổ sung...  - GV tổng hợp , bổ sung, kết luận. | **1.** **Tâm trạng và cảm giác của nhân vật “tôi”:**  - Thời điểm cuối thu, mùa khai trường- Gợi sự liên tưởng tự nhiên giữa hiện tại và quá khứ của bản thân.  - Các từ láy tính từ tạo cảm giác: mơn man, náo nức, tưng bừng, rộn rã- Rút ngắn khoảng t/ gian giữa quá khứ và hiện tại, làm cho người đọc thấy chuyện đã xảy ra từ bao năm mà như mới vừa xảy ra. | |
| *Những kỉ niệm diễn tả theo trình tự thời gian (hiện tại → quá khứ), không gian (trên đường đến trường → sân trường Mĩ Lí → trong lớp học) và trình tự diễn biến tâm trạng nhân vật.* | | |
| **HOẠT ĐỘNG NHÓM**  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm - **phiếu học tâp**.  - Tổ chức cho các nhóm thảo luận. GV quan sát, khích lệ HS.  - Tổ chức cho HS báo cáo kết quả thảo luận qua phiếu học tập  - GV tổng hợp- kết luận. | | - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận .  -Các nhóm khác tham gia ý kiến.  -Nhận xét, rút kinh nghiệm. |

***Dự kiến sản phẩm của học sinh:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NHÂN VẬT***“TÔI”.* | **Chi tiết, hình ảnh** | **Nhận xét** |
| ***Trên đường tới trường*** | -Trên đường cùng mẹ đến trường: thấy “lạ”, trong lòng “đang có sự thay đổi lớn”,  - Cảm thấy trang trọng và đứng đắn;  - Nâng niu mấy quyển vở, muốn thử sức cầm bút. | -Kể+ tả  Tâm trạng hồi hộp, cảm giác bỡ ngỡ pha lẫn niềm thích thú của cậu bé |
| ***Ở sân trường*** | - Sân trường dày đặc người.  - Mình bé nhỏ, lo sợ vẩn vơ.  -  Nghe gọi tên và rời tay mẹ: giật mình, lúng túng, sợ hãi như quả tim ngừng đập.  - Thấy xa nhà, xa mẹ. | - Miêu tả nội tâm.  - Cảm giác ngỡ ngàng, hồi hộp, lo lắng,bịn rịn khi thực sự xa mẹ và trở thành cậu học trò nhỏ. |
| ***Khi ngồi trong lớp*** | - Mùi hương lạ, thấy lạ với bức hình treo trên tường, ..  -Lạm nhận bàn ghế, chỗ ngồi là của mình;  - Không hề thấy xa lạ với người bạn mới ngồi bên;  -Nhìn theo cánh chim.... | - Vừa ngỡ ngàng, vừa tự tin- nghiêm trang bước vào lớp học đầu tiên. |

*Đoạn văn tái hiện dòng hồi tưởng của nhân vật bao gồm một chuỗi sự kiện mà yếu tố xuyên suốt là dòng cảm xúc tha thiết tuôn trào . Mạch chính của dòng cảm xúc ấy là biểu hiện tâm lí của nhân vật “Tôi”. Có thể xem thời điểm “cứ vào cuối mùa thu, lá ngoài đường rụng nhiều...”là hoàn cảnh khơi gợi cảm xúc nền, tạo ấn tượng chung . Hình ảnh “ mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ” là hình ảnh có tính chất qui tụ và định hướng liên tưởng, từ đó mở ra các tình huống cụ thể: Những quan sát dọc đường, trước sân trường, xếp hàng vào lớp...*

**HOẠT ĐỘNG III-IV. LUYỆN TẬP / VẬN DỤNG ( 7P )**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| 1. Đọc diễn cảm một đoạn mà em tâm đắc nhất?  2. Bằng một đoạn văn nói, hãy trình bày cảm xúc của em vào ngày khai giảng năm học mới? | - HS lựa chọn và trình bày  - HS chuẩn bị ra giấy ý chính.  - Nói trước lớp nội dung đã chuẩn bị  - Nhận xét - rút kinh nghiệm |

**HOẠT ĐỘNG V. TÌM TÒI, SÁNG TẠO (3)**

- Soạn kĩ bài theo hệ thống câu hỏi SGK.

- Chọn và phân tích những hình ảnh so sánh hay, độc đáo có trong văn bản.

**-------------------**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tuần1 - Tiết 2*** | **TÔI ĐI HỌC *(Tiếp)***  **(**Thanh Tịnh) |

**A.MỤC TIÊU:**

***( Đã trình bày ở tiết 1)***

4. ***Năng lực cần phát triển***

- Tự học - Tư duy sáng tạo. - Hợp tác - Sử dụng ngôn ngữ

– Năng lực đọc hiểu văn bản (văn bản truyện Việt Nam hiện đại).

– Năng lực sử dụng tiếng Việt và giao tiếp .

– Năng lực cảm thụ thẩm mĩ (nhận ra giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản).

**B. PHƯƠNG TIỆN, HỌC LIỆU**

- Phần chuẩn bị ở tiết trước.

**PHIẾU HỌC TẬP**

**Nhóm....... Nhóm trưởng:..................................................**

**Quan sát SGK. Tìm chi tiết, hình ảnh để hoàn thiện bảng sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NHÂN VẬT** | **Chi tiết, hình ảnh** | **Nhận xét** |
| \* Các bậc phụ huynh |  | . |
|  |
|  |
| \* Ông đốc: |  |
|  |
| \* Thầy giáo trẻ: |  |
|  |

**C. PHƯƠNG PHÁP/KỸ THUẬT DẠY HỌC**

-Kĩ thuật động não, thảo luận: - Kĩ thuật trình bày một phút: .

- PP trực quan, vấn đáp, thuyết trình, nêu vấn đề ...

**D. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG**

**HOẠT ĐỘNG I. KHỞI ĐỘNG ( 1P )**

*Mỗi khi mùa thu sang, nắng vàng như màu những bông cúc đại đoá vàng tươi, rực rỡ, lòng mỗi chúng ta cũng như nhà văn Thanh Tịnh lại bồi hồi nhớ đén cảm giác ngày đầu tiên được đến trường với cặp mới, vở mới, bạn mới... lần đầu tiên rời bàn tay mẹ... xung quanh có biết bao người xa lạ... lần đầu tiên được bước vào ngôi trường lớn vừa trang nghiêm vừa ấm cúng tình người... Và rồi bài học đầu tiên... Cái cảm giác đó thật khó tả.*

**HOẠT ĐỘNG II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 25P )**

**Hoạt động 2: Đọc - Hiểu văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **HOẠT ĐỘNG NHÓM**  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm - phiếu học tâp.  - Tổ chức cho các nhóm thảo luận. GV quan sát, khích lệ HS.  - Tổ chức cho HS báo cáo kết quả thảo luận qua phiếu học tập  - Tổ chức cho HS nhận xét | **2, Thái độ, cử chỉ của những người lớn.**  - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận .  - Các nhóm khác tham gia ý kiến.  -Nhận xét, rút kinh nghiệm.  **Phiếu học tập** |

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NHÂN VẬT** | **Chi tiết, hình ảnh** | **Nhận xét** |
| ***Các bậc phụ huynh*** | - Chuẩn bị chu đáo cho con mình.  - Trân trọng tham dự buổi lễ.  - Lo lắng, hồi hộp cùng các em. | -Đó là nghĩa vụ, là trách nhiệm và tấm lòng của gia đình, nhà trường đối với các em (Thế hệ tương lai của đất nước).  - Tạo ấn tượng và niềm tin với học trò. |
| ***Ông đốc*** | -Hiền từ, giọng nói căn dặn, động viên, tươi cười nhẫn nại |
| ***Thầy giáo trẻ*** | -Tươi cười chờ đón. |

- *Đó là một môi trường giáo dục ấm áp, là nguồn cổ vũ, động viên, giúp cho các em trưởng thành. Một thế giới mới rộng mở tình yêu thương, mơ ước, niềm tin ...đang chào đón các em...*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  (1) Để diễn tả tâm trạng của n/ vật “ Tôi” trong truyện, t/ giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào?  (2) Em hãy tìm các hình ảnh so sánh đẹp được nhà văn sử dụng trong văn bản?  - Chọn, phân tích một trong các hình ảnh đó?  (3) Cách so sánh của tác giả có gì độc đáo?  - HS tham gia nhận xét, bổ sung...  - GV tổng hợp , bổ sung, kết luận. | **3, Những đặc sắc về nghệ thuật:**  - Theo dòng hồi tưởng của n/ vật “ Tôi” và theo trình tự t/gian của buổi tựu trường.  - Kết hợp giữa tự sự + m/ tả + bộc lộ cảm xúc.  - Sử dụng nhiều h/ ảnh so sánh đẹp:  + Tôi quên... như mấy cành hoa tươi...  + Ý nghĩ ấy... nhẹ nhàng như một làn mây lướt trên đỉnh núi.  + Họ như những con chim...  + Họ thèm... như những học trò cũ.  + Tôi cảm thấy như quả tim tôi ngừng đập.... |

GV: *Các so sánh giầu hình ảnh. Nguyễn Trọng Hoàn: Khảo sát gần hai mươi lần so sánh trực tiếp và so sánh ngầm xuất hiện trong truyện rất giầu sức gợi cảm xuất hiện ở những thời điểm khác nhau để diễn tả cảm xúc tâm trạng n/ vật tôi khiến cho người đọc cảm nhận cụ thể, rõ ràng hơn và làm cho truyện man mác chất trữ tình trong trẻo.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| - Cho HS thảo luận:  Vì sao nói: ***truyện ngắn*** Tôi di học ***của Thanh Tịnh man mác chất trữ tình trong trẻo?***  ***- Gọi đại diện các nhóm trình bày kết quả.***  - Gọi HS nhận xét.  - GV tổng hợp ý kiến- kết luận.  - Nêu nội dung và n/ thuật chính cuả truyện?  - gọi HS đọc ghi nhớ. | ***III. Tổng kết:***  + Kết hợp giữa tự sự, miêu tả và biểu cảm.  + Bố cục theo dòng hồi tưởng của nhân vật.  + Các tình huống truyện chan chứa những cảm xúc tha thiết, cảm xúc khó quên của buổi tựu trường..  + Tình cảm ấm áp, trìu mến của những người thân đối với các em.  + Hình ảnh t/ nhiên, ngôi trường và các so sánh giầu sức gợi cảm.  + Đề tài quen thuộc, chất giọng nhẹ nhàng,man mác, trong sáng  \* Ghi nhớ : SGK/ 9 |

*Có thể nói: Truỵên là biểu hiện của những kí ức hồi quang cho nên thời gian và không gian trong truỵên là thời gian và không gian tâm trạng. Đồng thời những kỉ niệm ngọt ngào của buổi đầu đến lớp ấy cũng được chuyển hoá thành những cảm giác bay bổng, lãng mạn, lung linh và tươi tắn sắc màu , tha thiết gợi về một thời quá khứ tưng bừng, rộn rã và lấp lánh chất thơ. Khép lại trang văn, dường như mỗi người còn bồi hồi xao xuyến, thổn thức rộn lên hai tiếng “tựu trường”.*

**HOẠT ĐỘNG III. LUYỆN TẬP( 6P )**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| 1.Phát biểu cảm nghĩ của em về dòng cảm xúc của n/vật “ tôi” ?  3. Viết đoạn văn ngắn trình bày cách hiểu của em về hình ảnh: *Một con chim con liệng đến đứng bên bờ cửa sổ, hót mấy tiếng rồi rụt rè vỗ cánh bay cao?.* | 1. HS chuẩn bị rồi trình bày trước lớp. 2. Nhận xét:   - Hs chia nhóm thảo luận.  - Trình bày theo tinh thần xung phong. |

**HOẠT ĐỘNG IV. VẬN DỤNG( 5P )**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **- HOẠT ĐỘNG NHÓM:**  **Thi hát tiếp sức “ Ngày đầu tiên đi học”.**  - Thành lập đội chơi  - Tổ chức cho HS thảo luận.  - Quan sát, khích lệ HS.  - Tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm.  - GV tổng hợp ý kiến. | **C:\Users\Administrator\Desktop\1.jpg** |

*Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức về diễn biến tâm trạng nhân vật “ tôi” trong ngày đầu tiên đi học:*

***Trên đường đến trường***

***Trên sân trường***

**NHÂN VẬT**

**“ TÔI”**

***Khi xếp hàng chờ gọi tên***

***Khi vào trong lớp***

**HOẠT ĐỘNG V. TÌM TÒI, SÁNG TẠO( 3P )**

- Soạn kĩ bài theo hệ thống câu hỏi SGK.

- Chọn và phân tích những hình ảnh so sánh hay, độc đáo có trong văn bản.

- Soạn bài: “Trong lòng mẹ” theo câu hỏi SGk.

- Trao đổi với người thân: Kể lại kỷ niệm ngày đầu tiên đi học của mình.

**-----------------**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tiết 3*** | **TRONG LÒNG MẸ**  **(*Những ngày thơ ấu***- Nguyên Hồng) |

**A. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức:*** HS có khái niệm về thể hồi kí. Nắm được cốt truyện, nhân vật, sự việc trong đoạn trích “Trong lòng mẹ”

- Học sinh đồng cảm với nỗi đau tinh thần, tình yêu mãnh liệt, nồng nàn của chú bé Hồng đối với người mẹ đáng thương được biểu hiện qua ngòi bút hồi ký tự truyện đượm chất trữ tình và truyền cảm.

***2. Kĩ năng:*** - Bước đầu biết Đọc - Hiểu một văn bản hồi kí.

- Vận dụng kiến thức về sự kết hợp các PTBĐ trong VB tự sự để phân tích tác phẩm.

- Rèn kỹ năng phân tích diễn biến tâm lý nhân vật.

***3. Thái độ, tình cảm:***

- Giáo dục các em ý thức học tập tốt, biết yêu thương và kính trọng mọi người.

4. ***Năng lực cần phát triển***

- Tự học - Tư duy sáng tạo. - Hợp tác - Sử dụng ngôn ngữ

– Năng lực đọc hiểu văn bản (văn bản truyện Việt Nam hiện đại).

– Năng lực sử dụng tiếng Việt và giao tiếp (qua việc thảo luận trên lớp, thuyết trình trước lớp hệ thống tác phẩm văn học).

– Năng lực cảm thụ thẩm mĩ (nhận ra giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản).

**B. CHUẨN BỊ**

-Thày: SGK - SGV - Thiết kế - Câu hỏi trắc nghiệm - Bảng phụ

- Hình ảnh tư liệu

**PHIẾU HỌC TẬP**

**Nhóm....... Nhóm trưởng:..................................................**

**Quan sát SGK. Tìm chi tiết, hình ảnh để hoàn thiện bảng sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | ***Bà cô bé Hồng*** | ***Nhận xét*** |
| *Hoàn cảnh cuộc trò chuyện* |  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| *Hành động - Lời nói* |  |  |
|  |  |

**C. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT DẠY HỌC**

- Động não, HS trao đổi, thảo luận về nội dung, bài học ....

- PP phân tích, thực hành , vấn đáp, nêu vấn đề...

**D. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG**

**HOẠT ĐỘNG I. KHỞI ĐỘNG ( 1P )**

- Em hãy kể tên bài hát hoặc đọc một đoạn thơ viết về mẹ mà em biết ?

Có một bài hát trong đó có câu: *Như mặt trời chỉ có một mà thôi*

*Và mẹ em chỉ có một trên đời.*

*Quả đúng như vậy, tình mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào. Còn gì hạnh phúc hơn được sống trong sự yêu thương che chở của mẹ. Nhưng một tuổi thơ không có được điều đó. Và có những tháng ngày em luôn ấp ủ khát khao tình mẹ...Đó là tình cảm của chú bé Hồng trong chương IV của tập hòi kí “ Nhứng ngày thơ ấu”- Nguyên Hồng.*

**HOẠT ĐỘNG II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 35P )**

***I-Tìm hiểu chung****:* **(7P )**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  (1) HS đọc SGK  (2) Em hãy cho biết vài nét về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyên Hồng ?  (3) Nêu hiểu biết của em về thể hồi ký và tập “ Những ngày thơ ấu”? Chương IV “ Trong lòng mẹ”?  - HS tham gia nhận xét  - Gv giới thiệu về tác giả, tác phẩm. | ***1-Tác giả:***  - Nguyên Hồng (1918 - 1982 ) tên khai sinh là Nguyễn Nguyên Hồng quê ở Nam Định, nhưng ông sống chủ yếu ở Hải Phòng trong một xóm lao động nghèo.  - Tác giả viết tiểu thuyết, kí, thơ. Tác phẩm chính: Bỉ vỏ, Những ngày thơ ấu...  ***2- Tác phẩm***: TP gồm 9 chương  - Tóm tắt: SGK |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **C:\Users\Administrator\Desktop\111.jpg** | **C:\Users\Administrator\Desktop\444.jpg** | **C:\Users\Administrator\Desktop\333.jpg** |
| **C:\Users\Administrator\Desktop\555.jpg** |

*Quan sát các hình ảnh về nhà văn Nguyên Hồng. Trong sự nghiệp sáng tác của ông, “Những ngày thơ ấu” là tập hồi kí viết về tuổi thơ cay đắng của tác giả. Từ cảnh ngộ và tâm sự của chú bé Hồng - nhân vật chính- tác giả còn cho thấy bộ mặt lạnh lùng của một xã hội chỉ coi trọng đồng tiền, đầy rẫy nhữg thành kiến cổ hủ, thói nhỏ nhen, độc ác của đám thị dân tiểu tư sản khiến cho tình máu mủ ruột thịt cũng trở thành khô héo. Đoạn trích học là chương IV của TP.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  - GV hướng dẫn HS đọc - Đọc chậm, chú ý các từ ngữ thể hiện cảm xúc thay đổi của nhân vật tôi, nhất là đoạn cuối khi bé Hồng trò chuyện với bà cô.Ngữ điệu của lời nhân vật.  - GV đọc một đoạn  (1) Gọi HS đọc - HS & GV nhận xét  (2) Tìm hiểu các chú thích ở SGK-“ Đoạn tang “ ?  (3) - Bài có thể chia làm mấy phần? Nêu nội dung từng phần ?  - Gọi HS nhận xét? | a. ***Đọc - Chú thích:***  - HS thực hiện các yêu cầu của GV:  Đọc, nhận xét.  - “ Đoạn tang “ : Mãn tang, hết tang.  ***b. Bố cục:***  - Đầu => *Người ta hỏi đến chứ:* Cuộc trò chuyện của bé Hồng với bà cô.  - Tiếp => Hết : Cuộc gặp gỡ giữa 2 mẹ con bé Hồng |

***II- Đọc- hiểu văn bản:*** **( 23P )**

***1.*** ***Nhân vật bà cô qua cái nhìn và tâm trạng của bé Hồng***.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **HOẠT ĐỘNG NHÓM**  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm - phiếu học tâp.  - Tổ chức cho các nhóm thảo luận. GV quan sát, khích lệ HS.  - Tổ chức cho HS báo cáo kết quả thảo luận qua phiếu học tập  - Tổ chức cho HS nhận xét | - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận .  -Các nhóm khác tham gia ý kiến.  -Nhận xét, rút kinh nghiệm. |

***Cuộc trò chuyện giữa bà cô và bé Hồng***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Bà cô bé Hồng* | ***Nhận xét*** |
| *Hoàn cảnh xuất hiện* | -Gần ngày giỗ đầu cha bé Hồng.  - Mẹ bé Hồng chưa về ..  - Chủ động tạo ra để nhằm mục đích riêng . | -Xoáy sâu vào sự thiếu thốn tình mẫu tử của bé Hồng.  -Cố gieo rắc vào đầu đứa cháu hoài nghi để chia rẽ tình mẹ con  - Những cử chỉ ngọt ngào nhưng rất kịch, hành động quan tâm giả dối, lời nói cay độc, nhẫn tâm, ý nghĩ xấu xa, nham hiểm. |
| *Hành động- Lời nói* | + Cười hỏi: *Mày có muốn vào* ....  + Cười rất kịch....  + *Sao lại không vào, vào mà bắt mợ....*  + *Mày dại quá cứ vào đi....*  + *Thăm em bé....* |

*- Quan sát lại văn bản chung ta thấy: khi nói chuyện với cô, Bé Hồng trả lời không vào - Khóc thì Bà cô an ủi, khích lệ “ Cứ vào đi ...“ nhưng lại ngân dài hai chữ em bé. Bà cô là người săm sói, độc địa, cứ hành hạ, nhục mạ đứa trẻ bằng cách xoáy sâu vào nỗi đau, nỗi khổ tâm của nó. Bà cô tỏ ra lạnh lùng trước sự đau đớn đến tột cùng của đứa cháu. Bà lại tiếp tục kể về sự nghèo túng, đói rách của người mẹ và đến khi cổ bé Hồng đã nghẹn ứ, khóc không ra tiếng, bà cô lại đổi giọng ngậm ngùi xót thương người đã mất. Bà cô là người độc ác. Hình ảnh bà mang ý nghĩa tố cáo hạng người nhẫn tâm đến khô héo cả tình cảm ruột thịt.*

*-Chỉ cần kể lại, ghi lại một cuộc trò chuyện đối thoại Nguyên Hồng vừa khắc hoạ bức chân dung tiêu biểu cho một hạng người vừa bộc lộ thái độ dứt khoát, quyết liệt của mình.Bằng mấy câu nói có kèm theo vài chi tiết gợi tả giọng điệu, cử chỉ, nhà văn dựng lại khá sinh động chân dung nhân vật bà cô. Nhân vật này chẳng những tiêu biểu cho hạng đàn bà “ miệng nam mô, bụng bồ dao găm” mà còn là hiện thân của cái thành kiến cổ hủ, phi nhân đạo của xã hội ngày đó.*

**HOẠT ĐỘNG III/IV. LUYỆN TẬP/ VẬN DỤNG( 5P )**

1) TP “ Những ngày thơ ấu “của Nguyên Hồng đượcviết theo thể loại nào?

A- Bút ký B- truyện ngắn C- Hồi ký D- Tiểu thuyết

**Đáp án**:B

2) Em hiểu gì về sự kiện được nói tới trong hồi ký?

A- Là những sự kiện xảy ra trong quá khứ mà tác giả là người tham dự hoặc chứng kiến.

B- Là những sự kiện do nhà văn hoàn toàn hư cấu để thể hiện tư tưởng, nghệ thuật của mình.

C- Là những sự kiện do nhà văn hư cấu dựa trên những tưởng tượng suy đoán của người ta về tương lai.

D- Cả 3 ý trên đều đúng .

**Đáp án**: A

3) Mục đích chính của tác giả khi viết: “ Tôi cười dài trong tiếng khóc “ là gì ?

A- Nói lên sự đồng tình của bé Hồng với những lời nói của bà cô về mẹ mình.

B- Nói lên trạng thái phức tạp của bé Hồng: Vừa đau đớn, vừa uất ức, căm giận khi nghe những lời nói của bà cô về mẹ mình.

C- Nói lên sự căm giận mẹ của bé Hồng khi nghe bà cô nói về những việc làm của mẹ mình.

D- Nói lên niềm yêu thương, sự thông cảm đối với mẹ khi nghe bà cô nói về những việc làm của mẹ mình.

**Đáp án**: D

**HOẠT ĐỘNG V. TÌM TÒI, SÁNG TẠO( 3P )**

-Xem lại bài, đọc kĩ TP, tóm tắt TP,

- Phát biểu cảm nghĩ về bà cô bé Hồng.

- Nghiên cứu tiếp về diễn biến tâm trạng bé Hồng khi trò chuyện với bà cô và khi gặp mẹ.

-Vẽ tranh với chủ đề**:**+ ***Người mẹ kính yêu***.

**-------------------------**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tiết 4*** | **TRONG LÒNG MẸ**  **(***Những ngày thơ ấu* - Nguyên Hồng) |

**A.MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức:*** Giúp học sinh đồng cảm với nỗi đau tinh thần, tình yêu mãnh liệt, nồng nàn của chú bé Hồng đối với người mẹ đáng thương được biểu hiện qua ngòi bút hồi ký tự truyện đượm chất trữ tình và truyền cảm .

***2. Kĩ năng:*** Rèn kỹ năng phân tích diễn biến tâm lý nhân vật, củng cố hiểu biết về thể tự truyện, hồi kí.

***3. Thái độ, tình cảm:*** Giáo dục các em ý thức học tập tốt, biết yêu thương và kính trọng mọi người nhất là người mẹ.

4. ***Năng lực cần phát triển***

- Tự học - Tư duy sáng tạo. - Hợp tác - Sử dụng ngôn ngữ

– Năng lực đọc hiểu văn bản (văn bản truyện Việt Nam hiện đại).

– Năng lực sử dụng tiếng Việt và giao tiếp (qua việc thảo luận trên lớp, thuyết trình trước lớp hệ thống tác phẩm văn học).

– Năng lực cảm thụ thẩm mĩ (nhận ra giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản).

**B. CHUẨN BỊ**

-Thày: SGK - SGV - Thiết kế - Câu hỏi trắc nghiệm - Bảng phụ

- Hình ảnh tư liệu

- Phiếu học tập:

**PHIẾU HỌC TẬP**

**Nhóm....... Nhóm trưởng:..................................................**

**Quan sát SGK. Tìm chi tiết, hình ảnh để hoàn thiện bảng sau:**

***Bé Hồng trong cuộc trò chuyện với bà cô***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Bé Hồng* | ***Nhận xét*** |
| *Hoàn cảnh* |  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| ***Cử chỉ- Lời nói- suy nghĩ*** |  |  |
|  |  |
|  |  |

**C. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT DẠY HỌC**

- Động não, HS trao đổi, thảo luận về nội dung, bài học ....

- PP phân tích, thực hành , vấn đáp, nêu vấn đề...

**D. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG**

**HOẠT ĐỘNG I. KHỞI ĐỘNG( 1 )**

*Ở tiết 1, chúng ta đã thấy nhân vật bà cô bé Hồng là đại diện cho những cổ tục xã hội phong kiến. Nhưng những cổ tục , thành kiến nhỏ nhen, ích kỉ, độc ác ấy không thể nào làm khô héo được tình ruột thịt sâu nặng thiêng liêng. Đó cũng là tâm trạng của chú bé Hồng trong chương 4 khi trò chuyện với bà cô và khi được ở trong lòng mẹ*.

**HOẠT ĐỘNG II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 30 )**

**Hoạt động : Hướng dẫn HS Đọc- Hiểu văn bản ( tiếp)**

***2- Nhân vật bé Hồng với những rung động cực điểm của một linh hồn trẻ thơ.***

***\*) Diễn biến tâm trạng của bé Hồng trong cuộc thoại với bà cô.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **HOẠT ĐỘNG NHÓM**  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm - phiếu học tâp.  - Tổ chức cho các nhóm thảo luận. GV quan sát, khích lệ HS.  - Tổ chức cho HS báo cáo kết quả thảo luận qua phiếu học tập  - Tổ chức cho HS nhận xét  - Gv nhận xét - kết luận. | - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận .  - Các nhóm khác tham gia ý kiến.  -Nhận xét, rút kinh nghiệm. |

**PHIẾU HỌC TẬP**

***Bé Hồng trong cuộc trò chuyện với bà cô***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Bé Hồng* | ***Nhận xét*** |
| *Hoàn cảnh* | Hoàn cảnh- Bố mất sớm vì nghiện ngập.  - Mẹ phải xa con đi tha hương cầu thực  - Hồng sống với bà cô lạnh lùng, thâm hiểm | *- Tuổi thơ cô đơn, thiếu tình thương.* |
| ***Cử chỉ- Lời nói- suy nghĩ*** | -Hồng cúi đầu không đáp  -Cười đáp lại cô tôi “ Không cháu không muốn vào, ... mợ cháu cũng về”.  -Bé Hồng nhận ra những ý nghĩ cay độc trong giọng nói và trên nét mặt của bà cô=> Cổ họng nghẹn ứ. Khoé mắt cay cay -> Nước mắt ròng ròng -> Cười dài trong tiếng khóc  -Bé Hồng khóc không ra tiếng.  - “*Giá như những cổ tục đã đày đoạ mẹ tôi là cục thuỷ tinh hay đầu mẩu gỗ...”* | -Miêu tả diễn biến nội tâm tinh tế.  - *Thể hiện rõ nỗi đau đớn, uất hận* ***của*** chú bé Hồng đã lên đến đỉnh điểm.  -*Tâm trạng đau đớn , thương mẹ, căm thù cổ tục PK...* |

*Đoạn văn thuật lại quá trình diễn biến tâm trạng của bé Hồng từ chỗ nín nhịn, ghìm nén tới sự bùng nổ niềm xót xa, uất hận, Nguyên Hồng đã nói to lên nỗi bất hạnh của phụ nữ và trẻ em trong xã hội cũ. Qua đó ông kết án đanh thép sự tàn nhẫn, bất công của xh đương thời.*

***\*Cảm giác sung sướng đến cực điểm khi được ở trong lòng mẹ.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  (1) HS đọc đoạn đầu phần 2?  (2) Lòng khao khát được gặp mẹ của bé Hồng được biểu hiện như thế nào? Biện pháp nghệ thuật?  (3) Khi nhận ra đúng là mẹ rồi thì cử chỉ, thái độ của bé Hồng ra sao?  (4) Tại sao khi gặp được mẹ rồi, Hồng lại nức nở khóc? Giọt nước mắt ở đây có khác với giọt nước mắt khi bé Hồng trò chuyện với bà cô không?  (5) HS đọc diễn cảm đoạn cuối? Đây có phải là đoạn văn hay nhất không? Vì sao?  (6) Qua đây, em có nhận xét gì về bé Hồng ?  - Gọi HS trả lời câu hỏi  - HS tham gia nhận xét, đánh giá, bổ sung...  - GV tổng hợp , bổ sung, kết luận. | - Trên đường đi học về, thấy người ngồi trên xe giống mẹ -> Đuổi theo gọi mẹ => khát khao cháy bỏng trong lòng  - ảo ảnh của dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm... ngã gục giữa sa mạc => So sánh có ý nghĩa cực tả , thể hiện thấm thĩa , xúc động nỗi khao khát tình mẹ.  - Đuổi kịp xe - thở hồng hộc - Ríu cả chân lại - Oà khóc nức nở  => Giọt nước mắt hạnh phúc, sung sướng, mãn nguyện, khác với giọt nước mắt khi trò chuyện với bà cô.  \_ Cảm giác sung sướng, mãn nguyện được thể hiện ở đoạn: “ Phải bé lại lăn vào lòng một người mẹ...  => Niềm sung sướng vô bờ, được nằm trong lòng mẹ, được cảm nhận bằng tất cả các giác quan. Đó là những giây phút thần tiên, hạnh phúc hiếm hoi nhất, đẹp đẽ nhất của con người. Được ở trong lòng mẹ, tất cả những phiền muộn, sầu đau, tủi hổ cũng chỉ như bọt xà phòng, như những áng mây thoảng qua.  => Hồng là chú bé giàu tình cảm, giàu lòng tự trọng. Cuộc sống của chú còn nhiều đau khổ gian truân. Song cũng được đền bù. |

*Hình như Nguyên Hồng cảm thấy sự bất lực của ngôn từ , khó có thể diễn tả hét niềm sung sướng vô biên của đứa trẻ được về “ trong lòng mẹ” . Đang miên man với những cảm giác đê mê trong hồi ức nhưng vần không quên nhắn nhủ với người đọc : “Phải bé lại lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ ... êm dịu vô cùng”. Phải chăng tình mẫu tử thiêng liêng là niềm hạnh phúc lớn lao nhất, kì diệu nhất trong cuộc đời. Hãy biết trân trọng người mẹ và tình mẹ.*

III,***Tổng kết:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **THẢO LUẬN CẶP ĐÔI**  - Tổ chức cho HS thảo luận.  .  (1) Những nội dung chính của văn bản?  Em hiểu gì về nhân vật chính của đoạn truyện?  (2) Tại sao gọi đây là hồi ký tự truyện?  Những đặc sắc về nghệ thuật của đoạn truyện?  (3) Chủ đề và ý nghiã của văn bản?  - Quan sát, khích lệ HS.  - Tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm.  - GV tổng hợp ý kiến  - HS đọc ghi nhớ SGK ? | - Nội dung: Cảnh ngô đáng thương của chú bé Hồng. Nỗi cô đơn và niềm khao khát tình mẹ của bé bất chấp sự tàn nhẫn, vô tình của bà cô và cảm nhận về tình mẫu tử sâu nặng thiêng liêng khi được ở bên mẹ.  - Nghệ thuật: - Hồi kí: Viết lại những kỉ niệm đã qua do chính tác giả kể lại.  Mạch truyện, cảm xúc tự nhiên, chan thực. Khắc hoạ nhân vật qua lời nói, tâm trạng, hành động. Kết hợp kể-tả- biểu cảm.  - Tình mẫu tử là thiêng liêng, bền vững không bào giờ vơi cạn trong tâm hồn con người  \* Ghi nhớ: SGK. |

**HOẠT ĐỘNG III. LUYỆN TẬP( 6 )**

1)Những câu văn sau sử dụng biện pháp tu từ nào để diễn tả các trạng thái tình cảm của bé Hồng?

“ Giá như những cổ tục đã đày đoạ............Kì nát vụn mới thôi. Và cái lầm đó không những.........Ngã gục giữa xa mạc.”

A-Nhân hoá B- ẩn dụ C- Tương phản D- So sánh

**Đáp án**: D

2. Chọn và đọc diễn cảm một đoạn văn ngắn trong “ Trong lòng mẹ” có yếu tố miêu tả và biểu cảm. Cho biết tác dụng của các yếu tố đó?

**HOẠT ĐỘNG IV. VẬN DỤNG( 5 )**

***Đ*OẠN THAM KHẢO**:

Văn Nguyên Hồng bao giờ cũng lấp lánh sự sống. Những dòng chữ đầy chi tiết cứ cựa quậy, phập phồng. Một thứ văn bám riết lấy cuộc đời, quấn quít lấy con người.Người ta thường nói nhà văn, nhà thơ cần có ba yếu tố chủ quan: tài, trí và tâm.Có cây bút chỉ mạnh về tài, về trí. Đọc Nguyên Hồng, thấy tài và tâm, nhất là tâm nổi lên hàng đầu.Mà *Chữ tâm kia mời bằng ba chữ tài,* ở những nhà văn chân chính xưa nay, tâm bao giờ cũng là cái gốc.tài và trí chỉ là cành, là ngọn. Nguyên hồng viết văn như là đặt luôn cái “tâm” nóng hổi của mình lên trang sách. Nếu cần nói thật khái quát một cái gì chung nhất cho mọi chủ đề tác phẩm của Nguyên Hồng, thì đó là lòng nhân đạo, bao giờ cũng thống thiết, mãnh liệt.

( ***Nguyễn Đăng Mạnh****, con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002).*

*Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức về diễn biến tâm trạng nhân vật bé Hồng :*

***Trong cuộc trò chuyện với bà cô***

******

**NHÂN VẬT**

**BÉ HỒNG**

Thoáng thấy mẹ

***Khi được gặp mẹ***

******

Trong lòng mẹ

**HOẠT ĐỘNG V. TÌM TÒI, SÁNG TẠO ( 3P )**

-Xem lại bài học, tóm tắt Vb và tìm đọc tài liệu tham khảo.

-Ghi lại một trong những kỉ niệm sâu sắc về người thân của mình.

-Soạn bài “ Tức nước vỡ bờ ” theo câu hỏi SGK.

**------------------**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tiết 5*** | **TÍNH THỐNG NHẤT VỀ CHỦ ĐỀ CỦA VĂN BẢN** |

**A.MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức:*** - Giúp HS: Nắm được c hủ đề của văn bản, tính thống nhất về chủ đề của văn bản.Những thẻ hiện của chủ đề một văn bản.

***2. Kĩ năng:*** - Đọc - Hiểu và có khả năng bao quát toàn bộ văn bản.

- Biết viết một v/ bản bảo đảm tính thống nhất về chủ đề; biết xác định và duy trì đối tượng trình bày, chọn lựa, sắp xếp các phần sao cho văn bản tập trung nêu bật ý kiến, cảm xúc của mình

***3. Thái độ, tình cảm:***- Bồi dưỡng ý thức nói viết có tính thống nhát chủ đề.

4. ***Năng lực cần phát triển***

- Tự học - Tư duy sáng tạo. - Hợp tác - Sử dụng ngôn ngữ

**B. CHUẨN BỊ**

-- Bài soạn

**C. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT DẠY HỌC**

- Động não, HS trao đổi, thảo luận về nội dung, bài học ....

- PP phân tích, thực hành , vấn đáp, nêu vấn đề...

+ Sơ đồ tư duy.

**D. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG**

**HOẠT ĐỘNG I. KHỞI ĐỘNG ( 1P )**

Câu chuyện “ Dê đen và dê trắng” được kể như sau:

a. Dê đen và dê trắng cùng đi qua một chiếc cầu hẹp. Dê đen đi từ đằng này lại. Chúng húc nhau. Chẳng con nào chịu nhường con nào. Dê trắng đi từ đằng kia sang. Con nào cũng muốn tranh sang trước. Cả hai con lăn tòm xuống suối.

b. Dê đen và dê trắng cùng đi qua một chiếc cầu hẹp. Dê đen đi từ đằng này lại . Dê trắng đi từ đằng kia sang. Cảnh Hương Sơn rất đẹp. Tiếng giọt gianh đổ ồ ồ. Con nào cũng muốn tranh sang trước. Chúng húc nhau. Cả hai con lăn tòm xuống suối.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| Theo em các chi tiết chính của câu chuyện có đảm bảo không? ở mỗi cách kể có điểm nào không chấp nhận được? | Hai cách kể trên đều không được chấp nhận vì các chi tiết chính được đảm bảo song VBa sắp xếp lộn xộn, không hợp lí. VB có những câu không liên quan gì đến đề tài câu chuyện. |

*Vậy để hiểu rõ về vấn đề này, ta đi tìm hiểu bài học.*

**HOẠT ĐỘNG II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 15P )**

**Hoạt động : Tìm hiểu về chủ đề văn bản**.

**I*. Chủ đề của băn bản:* ( 7P )**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  - Gọi HS trả lời câu hỏi.  GV sử dụng v/ bản Tôi đi học.  (1)Trong v/ bản, t/ giả nhớ lại những kỉ niệm sâu sắc nào trong thời thơ ấu của mình?  (2) Sự hồi tưởng ấy gợi nên những ấn tượng gì trong lòng t/ giả?  (3)Vậy chủ đề của v/ bản này là gì?  (4) Từ đó hãy cho biết: chủ đề của v/ bản là gì?  - Tổ chức trao đổi, nhận xét, thống nhất ý kiến, | **1. Tìm hiểu ví dụ:**  - Những hồi tưởng của t/ giả về ngày đầu tiên đi học:  + Khi trên đường cùng mẹ tới trường.  + Khi nhìn ngôi trường, các bạn, lúc gọi tên mình và rời tay mẹ.  + Khi ngồi vào chỗ của mình và đón nhận giờ học đầu tiên.  Cảm xúc về một kỉ niệm sâu sắc thuở thiếu thời.  - Đó là những hồi tưởng, tâm trạng hồi hộp, cảm giác bỡ ngỡ của t/ giả về ngày đầu tiên đi học.  **2.** **Nhận xét:** Chủ đề của văn bản là đ/ tượng và vấn đề chủ chốt được t/ giả nêu lên, đặt ra trong văn bản.  **3**. . **Kết luận**: Ghi nhớ 1: SGK/ 12. |

**II. Tính thống nhất về chủ đề của văn bản: ( 8P )**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **THẢO LUẬN CẶP ĐÔI**  - Tổ chức cho HS thảo luận.  (1) Căn cứ vào đâu em biết v/ bản Tôi đi học nói lên những kỉ niệm của t/ giả về buổi tựu trường?  + Từ ngữ?  + Câu văn?  + Các đoạn văn? cảnh vật mà tác giả ấn tượng?  + Cách sắp xếp chi tiết trong VB?  (2) Để tô đậm cảm giác trong sáng của n/ vật “ tôi” trong ngày đầu tiên đi học, t/ giả đã sử dụng các từ ngữ và các chi tiết nghệ thuật nào?  - Quan sát, khích lệ HS.  - Tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm.  - GV tổng hợp ý kiến.  **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  (1) Dựa vào kết quả p/ tích trên, hãy cho biết thế nào là tính thống nhất về chủ đề của v/ bản?  (2) Tính thống nhất thể hiện ở p/ diện nào?  - Gọi HS trả lời câu hỏi.  - Tổ chức trao đổi, thống nhất ý kiến,  - Gọi HS đọc ghi nhớ | **1.Tìm hiểu ví dụ**  - Nhan đề: có nghĩa tường minh.  - Từ ngữ : Những kỉ niệm mơn man... lần đầu tiên đến trường, đi học, hai quyển vở mới, ...  - Câu: + Hôm nay tôi đi học.  + Hàng năm , ....tựu trường.  + Tôi quên... trong sáng ấy.  a, Trên đường đi học:  - Con đường quen đi lại lắm lần... mới mẻ..  - Hành động: Thả diều đã chuyển thành việc đi học thật thiêng liêng tự hào.  b, Trên sân trường:  - Ngôi trường cao ráo... lo sợ vẩn vơ.  - Cảm giác ngỡ ngàng, lúng túng khi xếp hàng vào lớp.  c, Trong lớp học:  - Cảm giác bâng khuâng khi xa mẹ.  - Tính thống nhất về chủ đề của văn sự nhất quán về ý đồ, ý kiến, cảm xúc của t/ giả được thể hiện trong v/ bản.  **2. Nhận xét**:- Tính thống nhất thể hiện ở các phương diện:  + Hình thức: mạch lạc, chi tiết hợp lý  + Nội dung: Nhan đề của v/ bản . Các câu hướng về cùng một đề tài, chủ đề.  **3. Kết luận**:Ghi nhớ 2+ 3 SGK/ 12. |

*Tính thống nhất của chủ đề văn bản là sự thể hiện tập trung chủ đề đã xác định trong văn bản ấy, không xa rời hay lạc sang chủ đề khác. Để đảm bảo tính thống nhất đó, từ nhan đề đến các đề mục, nhiều câu trong văn bản đề thể hiện ý nghĩa của chủ đề văn*

**HOẠT ĐỘNG III. LUYỆN TẬP( 20P )**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **THẢO LUẬN CẶP ĐÔI**  - Tổ chức cho HS thảo luận.  (1)Phân tích tính thống nhất về chủ đề của v/ bản ***Rừng cọ quê tôi***  (2) Trình tự?  (3) Chủ đề  (4)Thể hiện chủ đề?  - Quan sát, khích lệ HS.  - Tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm.  - GV tổng hợp ý kiến:  *Văn bản tập trung thể hiện sự gắn bó và tình cảm yêu thương của người dân sông Thao với rừng cọ quê mình.* | Bài tập 1.- Văn bản trên nói về rừng cọ quê tác giả về nỗi nhớ rừng cọ. Các đoạn văn đã trình bày đối tượng và vấn đề theo trình tự:  - Nêu khái quát về vẻ đẹp của rừng cọ:trập trùng  - Miêu tả hình dáng cây cọ (thân, lá)     + Thân cọ, búp cọ, cây non, lá cọ.  - Kỉ niệm gắn bó với cây cọ     + Căn nhà ... + Trường học ... + Đi trong rừng cọ  - Cuộc sống ở quê gắn bó với cây cọ  - Khẳng định nỗi nhớ về cây cọ  ***=>Trật tự sắp xếp như trên là hợp lí, không nên thay đổi***  b, Chủ đề văn bản : Rừng cọ quê tôi ( nhan đề)  c, Chủ đề ấy được thể hiện trong toàn bộ văn bản, từ việc miêu tả rừng cọ đến cuộc sống của người dân.  d, Hai câu hát*: Dù ai đi ngược về xuôi.*  *Cơm nắm lá cọ là người sông Thao.* |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  - Gọi HS trả lời câu hỏi.  - Tổ chức trao đổi, nhận xét, thống nhất ý kiến, | Bài 2. SGK/ 14  b, Văn chương lấy ngôn từ làm phương tiện biểu hiện  c, Văn chương làm ta thêm tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước, truyền thống tốt đẹp của ông cha ta |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  -HS đọc yêu cầu bài tập.  -HS suy nghĩ- phân tích ví dụ  -Xung phong trả lời câu hỏi  - Tham gia nhận xét, đánh giá, bổ sung...  GV tổng hợp ý kiến. | Bài 3. SGK/ 14  a, Cứ mùa thu về, mỗi lần thấy các em nhỏ núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đến trường, lòng lại nao nức, rộn rã, xốn xang.  b, Con đường đến trường trở nên kì lạ do lòng nhân vật “tôi” đang có sự thay đổi lớn.  c, Mẹ âu yếm dắt tay “tôi” đi trên con đường làng dài và hẹp.  d, Muốn thử sức mình tự mang sách vở như một cậu học trò thực sự |

**HOẠT ĐỘNG IV. VẬN DỤNG( 5P )**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  (1)Vì sao khi tạo lập văn bản cần chú ý tính thống nhất chủ đề văn bản?  (2) Phân tích tính thống nhất chủ đề văn bản “ Cảnh khuya” của Hồ Chí Minh ( Ngữ văn 7)  - HS suy nghĩ  - Gọi HS trả lời câu hỏi  - HS tham gia nhận xét, bổ sung...  - GV tổng hợp , bổ sung, kết luận. | **(1)Đảm bảo văn bản thể hiện một vấn đề chính, một tư tưởng xuyên suốt.**  + Tính thống nhất chủ đề là đặc trưng để phân biệt văn bản với chuỗi câu hỗn độn, bất thường về nghĩa. Nó liên hệ mật thiết với tính mạch lạc, tính liên kết trong văn bản.  **(2) Tính thống nhất:**  + Nhan đề  + Bốn câu thơ tập trung khắc họa bức tranh cảnh rừng dưới đêm trăng đẹp và tâm trạng nhân vật trữ tình.  + Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt |

**HOẠT ĐỘNG TIẾP NỐI: LUYỆN TẬP- TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ ( 16P)**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**:

***1.Kiến thức:*** Luyện tập củng cố, nâng cao kiến thức về chủ đề. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh.

***2.Kỹ năng:*** Rèn kĩ năng hệ thống, tổng hợp kiến thức.

***3. Thái độ:*** HS tự hào về truyền thống dân tộc, trân trọng di tích lịch sử.

***\* Phát triển năng lực***: giao tiếp, trình bày, giới thiệu,.

**B.CHUẨN BỊ:** *Phương tiện: máy chiếu, vi tính, ...hình ảnh, tư liệu*

**C. PHƯƠNG PHÁP/ KĨ THUẬT DẠY HỌC :**

+ Động não , HS trao đổi, thảo luận về nội dung, bài học ....

+ Trình bày, báo cáo, thuyết rình,...

+ Đóng vai...

**D. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG**

(1**) TÂM SỰ TUỔI HỌC TRÒ: *Gia đình - Điều em muốn nói!( 10P)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 112 | 113 | 114 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 116 | 118 | 115 | 119 |

Quan sát hình ảnh và thảo luận, chuẩn bị bài thuyết trình bày tỏ quan điểm, suy nghĩ về gia đình Việt trong đó đề xuất được giải pháp giải quyết tình huống đề ra.

|  |  |
| --- | --- |
| - Học sinh làm sử dụng hình ảnh đã chuẩn bị  - Dựa vào các kiến thức thực tế và kiến thức hai văn bản đã học, kết hợp ảnh minh hoạ để giới thiệu.  - Cần chú ý đến kĩ năng trình bày. Vận dụng kiến thức về bố cục và tính thống nhất chủ đề trong khi trình bày. | + Tự giới thiệu về bản thân trước khi nói.  + Chú ý ngôn ngữ, cử chỉ, nét mặt...Sự tự tin và cách biểu cảm.Cảm ơn sau khi trình bày.  - Xây dựng bố cục hợp lý. Diễn đạt có liên kết.  - Nôi dung hướng vào :  *+ Gia đình và vai trò của gia đình.*  *+ Tuổi thơ khao khát một mái ấm gia đình hạnh phúc.*  *+ Thực tế còn tình trạng bạo lực gia đình đáng lên án...*  *+Ngăn chặn bạo lực gia đình, xây dựng hạnh phúc bền vững.* |

- *Thực hiện giải pháp giải quyết tình huống và nhận ra sự phù hợp hay không phù hợp của giải pháp thực hiện*

***2. Chúng em làm hoạ sĩ.( Trình bày ản phẩm của nhóm đã chuẩn bị ở nhà)( 5P)***

- Vẽ tranh với đề tài: + ***Người mẹ kính yêu***.

***+ Ngôi trường mơ ước***

**- Tiêu chí đánh giá.**

|  |  |
| --- | --- |
| ***- Gv nêu yêu cầu:***  - Đề tài: Sản phẩm đúng đề tài lựa chọn (2 điểm)  - Nội dung: Thể hiện đúng kiến thức đã học trong chủ đề, có tính sáng tạo và thể hiện tình cảm, tư tưởng của bản thân. ( 5 điển)  - Hình thức: Bố cục hợp lý, trình bày sạch đẹp, hấp dẫn. ( 3 điểm) | - Hs lựa chọn đề tài, nội dung, cách thức trình bày sản phẩm.  - Chuẩn bị, tạo sản phẩm ở nhà.  - Trình bày trước lớp. |

**III. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG( 6P )**

***(1). Tập làm nhà phê bình văn học***

Viết bài văn ngắn nêu suy nghĩ về nhận xét: ***Nguyễn Hồng là nhà văn của phụ nữ và nhi đồng.***

- Nội dung dựa vào kiến thức đã học và tham khảo tài liệu.

- Hình thức: bài văn khoảng 50 câu.

(2) Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức chủ đề.

(3) Chuẩn bị bài “Tức nước vỡ bờ ” theo yêu cầu SGK. Sưu tầm tư liệu, hình ảnh liên quan đến Ngô Tất Tố và tác phẩm “ Tắt đèn” . Xem phim “ Chị Dậu”.

**HOẠT ĐỘNG V. TÌM TÒI, SÁNG TẠO( 4P )**

- Học thuộc nội dung phần ghi nhớ.

- Hãy viết văn bản với chủ đề: **Ngôi trường mến yêu** hoặc vẽ tranh với chủ đề**: *Ngôi trường mơ ước***

+ Phân tích tính thống nhất chủ đề của văn bản vừa viết ?

- Chuẩn bị bài: Bố cục của văn bản.

---------------------

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tiết 6*** | **BỐ CỤC CỦA VĂN BẢN** |

**A. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức:*** Hướng dẫn học sinh nắm được bố cục của văn bản và tác dụng của nó. Đặc biệt là cách sắp xếp nội dung trong phần thân bài.

***2. Kĩ năng:*** - Biết cách xây dựng văn bản mạch lạc, phù hợp với đối tượng phản ánh , ý đồ giao tiếp của người viết và nhận thức của người đọc. Rèn kỹ năng sắp xếp bố cục văn bản. Vận dụng trong qua strình Đọc - Hiểu VB.

***3. Thái độ, tình cảm:***

Giáo dục các em ý thức học tập tốt.

4. ***Năng lực cần phát triển***

- Tự học - Tư duy sáng tạo. - Hợp tác - Sử dụng ngôn ngữ

**B. CHUẨN BỊ**

- Theo yêu cầu SGK. - Sơ đồ tư duy

**C. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT DẠY HỌC**

-Kĩ thuật động não, thảo luận: - Kĩ thuật trình bày một phút:

- Kĩ thụât viết tích cực: Hs viết các đoạn văn .

- PP trực quan, vấn đáp, thuyết trình, nêu vấn đề ...

**D. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG**

**HOẠT ĐỘNG I. KHỞI ĐỘNG ( 1P )**

*Mỗi văn bản đều được bố trí, sắp xếp như một công trình kiến trúc. Và ở mỗi kiểu văn bản lại có những cách sắp xếp khác nhau. Nhưng thông thường văn bản có bố cục như thế nào? Cách sắp xếp phần thân bài ra sao cho hợp lí? Để trả lời câu hỏi đó, chúng ta đi tìm hiểu bài.*

**HOẠT ĐỘNG II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 15P )**

***I-Bố cục của văn bản*( 5P )**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  (1) HS đọc văn bản SGK  (2) Văn bản trên chia làm mấy phần? Chỉ ra các phần đó ? Nêu nhiệm vụ từng phần?  (3) Phân tích mối quan hệ giữa các phần trong văn bản?  (4) Qua phân tích, em rút ra kết luận gì ?  - HS suy nghĩ- phân tích ví dụ  -Xung phong trả lời câu hỏi  - Khái quát kiến thức  - Tham gia nhận xét, đánh giá, bổ sung...  HS đọc ghi nhớ SGK | **a-Dẫn chứng**:“ Người thầy đạo cao đức trọng”  **b- Nhận xét**:  - Văn bản trên có 3 phần: Mở - Thân - kết bài  - Nhiệm vụ từng phần:  + Mở: Giới thiệu chung về nhân vật  + thân: nêu rõ đạo cao, đức trọng của nhân vật.  + Kết: Nêu cảm nghĩ về nhân vật  - MQH giữa các phần trong văn bản: phần 1 nêu khái quát, phần thân làm rõ cho phần mở, phần kết làm nhiệm vụ tôn cao và nhấm mạnh thêm cho phần mở và phần thân.  => Bố cục văn bản là sự tổ chức các đoạn văn thể hiện chủ đề. Văn bản có bố cục 3 phần. Mỗi phần có nhiệm vụ riêng nhưng lại có mối quan hệ khăng khít với nhau để bổ sung hỗ trợ cho nhau.  **\* Ghi nhớ**: SGK |

***II-Cách bố trí sắp xếp nội dung phần thân bài của văn bản*( 10P )**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  (1) VB “ Tôi đi học “ được bố trí sắp xếp theo trình tự nào?  GV hướng dẫn HS tìm hiểu đoạn trích “ Trong lòng mẹ” của Nguyên Hồng.  (2) Diễn biến tâm trạng của bé Hồng qua phần thân bài?  (3) Khi tả người, phong cảnh, vật, em sẽ tả theo trình tự nào?  (4) Cách sắp xếp các sự việc trong văn bản “ người thày đạo cao đức trọng “?  (5) Nêu cách sắp xếp nội dung phần thân bài của văn bản nói chung?  - Gọi HS trả lời câu hỏi  - HS tham gia nhận xét, đánh giá, bổ sung...  - GV tổng hợp , bổ sung, kết luận. | VB “ Tôi đi học “ sắp xếp theo sự hồi tưởng..  + Cảm xúc sắp xếp theo thứ tự thời gian, không gian.  + Sắp xếp theo sự liên tưởng đối lập: Con đường, ngôi trường...  - Đoạn trích “ Trong lòng mẹ “:  + Những phản ứng tâm lý của chú bé khi bà cô nói xấu, xúc phạm đến người mẹ.  + Những cảm giác sung sướng cực điểm khi đột nhiên gặp lại mẹ và được yêu thương, ấp ủ trong lòng.  - Tả người: Hình dáng-> Nội tâm  - Tả vật: Hình dáng -> Tính nết  - Phong cảnh: Gần -> xa, chung -> riêng...  - VB “ Người thày đạo cao đức trọng “  + Dạy giỏi: Học trò theo đông.  + Biết can ngăn, tránh điều xấu  + Học trò biết giữ lễ, thày nghiêm khắc ..  => Thân bài được trình bày một cách mạch lạc. Có thể theo trình tự:+ Thời gian, không gian  + Theo sự phát triển của sự việc  + Mạch suy luận  => Phù hợp với chủ đề văn bản và sự tiếp nhận của người đọc. |

**HOẠT ĐỘNG III. LUYỆN TẬP( 4P )**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| - Gọi HS đọc bài tập 1.  **HOẠT ĐỘNG NHÓM**  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm :  + Tổ 1-2: phần a.  + Tổ 3-4: phần b  - Tổ chức cho các nhóm thảo luận. GV quan sát, khích lệ HS.  - Tổ chức cho HS báo cáo kết quả thảo luận qua phiếu học tập  - Tổ chức cho HS nhận xét  - Gv tổng hợp ý kiến và kết luận chung. | **Bài 1**  a.Miêu tả cảnh sân chim theo trình tự không gian.  + Giới thiệu đàn chim từ xa đến gần.  + Miêu tả đàn chim bằng những quan sát mà mắt thấy tai nghe xen với miêu tả, cảm xúc và những liên tưởng so sánh.  b.Miêu tả Ba vì:  + Theo không gian hẹp: Miêu tả trực tiếp Ba vì  + Theo không gian rộng: Miêu tả Ba vì trong mối quan hệ hài hoà với sự vật xung quanh |

**HOẠT ĐỘNG IV. VẬN DỤNG( 3P )**

***Cho HS tham khảo mô hình tổng quát của bài văn nghị luận:***

|  |  |
| --- | --- |
| *I ( Mở bài)*  *II\_\_\_\_\_\_\_\_III\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_IV(Thân)*  *V( Kết luận)* | M : *nêu vấn đề cần giải quyết*  T:*mỗi đoạn là một luận điểm*  *các luận điểm tập trung*  *làm nổi bậtv/đ đã nêu ở MB*  K*: TTổng hợp các luận điểm*  *đã trình bày,đánh giá, gợi mở.* |

\*\*\* Nhìn vào mô hình, nêu tính hệ thống của bố cục một văn bản?

**HOẠT ĐỘNG V. TÌM TÒI, SÁNG TẠO( 1P )**

-Xem lại bài học, học thuộc phần ghi nhớ, Làm bài tập còn lại trong SGK.

-Soạn bài “ Tức nước vỡ bờ “. Đọc văn bản SGK. Tìm đọc cả tác phẩm và xem phim “ Chị Dậu” từ nguồn Internet.

-Chuẩn bị viết bài số 1

**-------------------------**

**HOẠT ĐỘNG TIẾP NỐI: LUYỆN TẬP- TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ ( 16P)**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**:

***1.Kiến thức:*** Luyện tập củng cố, nâng cao kiến thức về chủ đề. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh.

***2.Kỹ năng:*** Rèn kĩ năng hệ thống, tổng hợp kiến thức.

***3. Thái độ:*** HS tự hào về truyền thống dân tộc, trân trọng di tích lịch sử.

***\* Phát triển năng lực***: giao tiếp, trình bày, giới thiệu,.

**B.CHUẨN BỊ:** *Phương tiện: máy chiếu, vi tính, ...hình ảnh, tư liệu*

**C. PHƯƠNG PHÁP/ KĨ THUẬT DẠY HỌC :**

+ Động não , HS trao đổi, thảo luận về nội dung, bài học ....

+ Trình bày, báo cáo, thuyết rình,...

+ Đóng vai...

**D. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG**

(1**) TÂM SỰ TUỔI HỌC TRÒ: *Gia đình - Điều em muốn nói!( 10P)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 112 | 113 | 114 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 116 | 118 | 115 | 119 |

Quan sát hình ảnh và thảo luận, chuẩn bị bài thuyết trình bày tỏ quan điểm, suy nghĩ về gia đình Việt trong đó đề xuất được giải pháp giải quyết tình huống đề ra.

|  |  |
| --- | --- |
| - Học sinh làm sử dụng hình ảnh đã chuẩn bị  - Dựa vào các kiến thức thực tế và kiến thức hai văn bản đã học, kết hợp ảnh minh hoạ để giới thiệu.  - Cần chú ý đến kĩ năng trình bày. Vận dụng kiến thức về bố cục và tính thống nhất chủ đề trong khi trình bày. | + Tự giới thiệu về bản thân trước khi nói.  + Chú ý ngôn ngữ, cử chỉ, nét mặt...Sự tự tin và cách biểu cảm.Cảm ơn sau khi trình bày.  - Xây dựng bố cục hợp lý. Diễn đạt có liên kết.  - Nôi dung hướng vào :  *+ Gia đình và vai trò của gia đình.*  *+ Tuổi thơ khao khát một mái ấm gia đình hạnh phúc.*  *+ Thực tế còn tình trạng bạo lực gia đình đáng lên án...*  *+Ngăn chặn bạo lực gia đình, xây dựng hạnh phúc bền vững.* |

- *Thực hiện giải pháp giải quyết tình huống và nhận ra sự phù hợp hay không phù hợp của giải pháp thực hiện*

***2. Chúng em làm hoạ sĩ.( Trình bày ản phẩm của nhóm đã chuẩn bị ở nhà)( 5P)***

- Vẽ tranh với đề tài: + ***Người mẹ kính yêu***.

***+ Ngôi trường mơ ước***

**- Tiêu chí đánh giá.**

|  |  |
| --- | --- |
| ***- Gv nêu yêu cầu:***  - Đề tài: Sản phẩm đúng đề tài lựa chọn (2 điểm)  - Nội dung: Thể hiện đúng kiến thức đã học trong chủ đề, có tính sáng tạo và thể hiện tình cảm, tư tưởng của bản thân. ( 5 điển)  - Hình thức: Bố cục hợp lý, trình bày sạch đẹp, hấp dẫn. ( 3 điểm) | - Hs lựa chọn đề tài, nội dung, cách thức trình bày sản phẩm.  - Chuẩn bị, tạo sản phẩm ở nhà.  - Trình bày trước lớp. |

**III. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG( 6P )**

***(1). Tập làm nhà phê bình văn học***

Viết bài văn ngắn nêu suy nghĩ về nhận xét: ***Nguyễn Hồng là nhà văn của phụ nữ và nhi đồng.***

- Nội dung dựa vào kiến thức đã học và tham khảo tài liệu.

- Hình thức: bài văn khoảng 50 câu.

(2) Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức chủ đề.

(3) Chuẩn bị bài “Tức nước vỡ bờ ” theo yêu cầu SGK. Sưu tầm tư liệu, hình ảnh liên quan đến Ngô Tất Tố và tác phẩm “ Tắt đèn” . Xem phim “ Chị Dậu”.

-----------------

**Tiết 7:**

***Xây dựng đoạn văn trong văn bản***

**I. Mục tiêu bài học:**

1. **Về kiến thức:**Cần có khái niệm đoạn văn, từ ngữ chủ đề, câu chủ đề, quan hệ giữa các câu trong đoạn văn và cách trình bày nội dung đoạn văn.
2. **Về kỹ năng**: Biết rèn kỹ năng viết các đoạn văn mạch lạc, đủ sức làm sáng tỏ một nội dung nhất định.
3. **Về thái độ**: Bồi dưỡng ý thức học tập bộ môn cho học sinh.

**II. Chuẩn bị của giỏo viên và học sinh:**

**1- Giáo viên:** Chuẩn bị nội dung lên lớp.

**2- Học sinh:** Học và chuẩn bị bài.

**III. Phương pháp dạy- học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trình

**IV. Tiến trình dạy- học:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Giới thiệu và dạy bài mới:**

Lớp 6 và lớp 7 các em đã được học cách viết đoạn văn trong các kiểu văn bản: đoạn văn tự sự, đoạn văn miêu tả, đoạn văn nghị luận. Tiết học này cô cung các em tìm hiểu về cách xây dựng đoạn văn trong văn bản.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tÌm hiểu chung về đoạn văn.

**+ Mục tiêu:** Hình thành khái niệm đoạn văn.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 10 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| Hoạt động 1  - Gv nêu yêu cầu hs đọc VB: "Người thầy đạo cao đức trọng"  *? VB trên gồm mấy ý? Mỗi ý được viết thành mấy đoạn?* - - Đánh dấu bước phát triển cao nhất của phong trào Cần Vương d­ưới sự lãnh đạo của các văn thân sĩ phu yêu nước.  - Thể hiện truyền thống yêu nư­ớc bất khất của DT, rút ra những bài học kinh nghiệm cho cuộc khởi nghĩa sau này.  - Cuộc khởi nghĩa thất bại đánh dấu phong trào Cần Vương kết thúc trong cả nước đoạn văn.  - Gọi HS đọc bài tập (T1/36)  *? Căn cứ vào đó em hãy tìm những dấu hiệu hình thức để nhận biết đoạn văn?*  *? Theo em đoạn văn là gì?*  - GV: Đoạn văn là một đơn vị trên câu, có vai trò quan trọng việc tạo lập văn bản.  *? Văn bản chia làm mấy ý? Mỗi ý được diễn đạt thành mấy đoạn văn?*  - Y/c HS xác định đúng số ý và số đoạn văn, căn cứ vào dấu hiệu hình thức để xác định. | - HS đọc lại VB.  - HS phát hiện  - HS phát hiện  HS phân tích trình bày  HS đọc  HS phân tích  -Hs trả lời | *I. Thế nào là đoạn văn*  1. Tìm hiểu ngữ liệu  **a. Bài tập:** Văn bản: Ngô Tất Tố và tác phẩm tắt đèn  b. Nhận xét:  - Gồm 2 ý: Mỗi ý được viết thành 1 đoạn văn.  - Đoạn đầu nói về tác giả NTT.  - Đoạn hai: Nói về tác phẩm tắt đèn.  - Dấu hiệu nhận biết: Viết hoa, lùi đầu dòng và dấu chấm xuống dòng.  - Hình thức: Viết hoa lùi đầu dòng và chấm xuống dòng  - Nội dung: biểu đạt ý tương đối hoàn chỉnh.  Có nhiều câu tạo thành.  \* Bài tập1: Văn bản “ai nhầm ” VB gồm 2 đoạn, mỗi đoạn biểu đạt 1 ý tương đối hoàn chỉnh.  2. Ghi nhớ: SGK/36.  - VB gồm 2 ý: Mỗi ý được diễn đạt thành 1 đoạn văn.  - ý 1: Đoạn văn 1: Thầy đồ cho chép bài văn tế ông thân sinh mình để tế bà chủ nhà chết.  - ý 2: Đoạn văn 2 chủ nhà trách thầy chép nhầm, thầy cãi là do chết nhầm. |

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chung về từ ngữ và câu trong đoạn văn.

**+ Mục tiêu:** Học sinh nắm được thế nào là từ ngữ và câu trong đoạn văn.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 10 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| Hoạt động 2  *? Tìm các từ ngữ chủ đề cho mỗi đoạn văn?*  *? ý khái quát bao trùm cả đoạn văn là gì?*  *? Câu nào trong đoạn văn chứa đựng ý khái quát ấy? ( câu then chốt )*  *? Nhận xét gì về câu chủ đề?*  *? Từ nhận thức trên em hiểu từ ngữ chủ đề, câu chủ đề là gì? Chúng đóng vai trò gì trong văn bản?*  - GVKQ: Từ ngữ chủ đề là các từ ngữ dùng làm đề mục hoặc được lặp đi lặp lại nhiều lần nhằm duy trì đối tượng được nói đến trong đoạn văn. Câu chủ đề thường có vai trò định hướng cho cả đoạn văn. Vì vậy, khi một văn bản có nhiều đoạn văn thì chỉ cần nhặt ra các câu chủ đề rồi ghép lại với nhau chúng ta sẽ có một văn bản tóm tắt khá hoàn chỉnh.  - GV yêu cầu h/s tìm hiểu VB.  *? So sánh cách trình bày ý của hai đoạn văn trong VB trên?*  *? Đoạn 1 có câu chủ đề không?*  *? yếu tố nào duy trì đối tượng trong đoạn văn?*  *? Quan hệ ý nghĩa giữa các câu trong đoạn văn ntn?*  *? Nội dung đoạn văn được triển khai theo trình tự nào?*  *? Cho biết cách trình bày ý?*  *? Tìm 2 câu trực tiếp bổ xung ý nghĩa cho câu chủ đề?*  *? Quan hệ ý nghĩa giữa câu chủ đề giữa các câu khai triển và giữa các câu khai triển với nhau có gì khác biệt?*  *? Tìm các câu khai triển cho* *câu ( qua 1 vụ thuế .... VN đương thời) .*  *? Nêu kết luận về mối quan hệ ý nghĩa giữa các câu trong đoạn văn?*  - GV: Một đoạn văn thường gồm nhiều câu có quan hệ chặt chẽ với nhau về ý nghĩa.  *? Đoạn văn có câu chủ đề không? Nếu có thì đặt ở vị trí nào?*  *? Nội dung đoạn văn được trình bày theo trình tự nào ?* | HS xác định  - HS phát hiện  - HS phát hiện  - HS nhận xét  -Hs trả lời  -  HS khái quát.  - HS nhận xét.  - HS so sánh  - Trả lời  - HS nhận xét  - HS trả lời.  - HS tìm câu  -Hs trả lời  -Hs tìm câu  -Hs trả lời  -Hs phát hiện  -Hs trình bày | *II. Từ ngữ và câu trong đoạn văn:*  *1. Bài tập*: Từ ngữ chủ đề và câu trong đoạn văn:  *\* Từ ngữ chủ đề:*  - Đoạn văn 1: Nói về tác giả NTT ( ông, nhà văn )  - Đoạn 2: Tác phẩm Tắt đèn.  Các câu trong đoạn văn thuyết minh cho đối tượng này.  \* ý khái quát đoạn văn  - Đoạn văn đánh giá những thành công xuất sắc của NTT trong việc tái hiện thực trạng nông thôn Việt Nam trước CM tháng tám. Khẳng định phẩm chất tốt đẹp của những người lao động chân chính.  \* Câu chứa đựng ý khái quát: Tắt đèn là tác phẩm tiêu biểu nhất của NTT- câu chủ đề.  \* Nhận xét:  - Về nội dung: Câu chủ đề thường mang ý khái quát của cả đoạn văn.  - Về hình thức: Lời lẽ ngắn gọn, thường có đủ 2 thành phần chính ( CN- VN ).  - Về vị trí: có thể đứng đầu hoặc cuối đoạn.  *2. Ghi nhớ: SGK*  *\*. Bài tập: Cách trình bày nội dung đoạn văn:*  *a. Đoạn 1:* Không có câu chủ đề  - yếu tố duy trì đối tượng trong đoạn văn là cụm từ NTT.  - Quan hệ ý nghĩa trong đoạn văn là quan hệ độc lập với nhau.  - Nội dung của đoạn văn được triển khai theo trình tự: Giới thiệu tác giả: quê hương, gia đình, con người, nghề nghiệp, thành phần.  - Được trình bày theo cách song hành.  *b. Đoạn 2:*  - Câu chủ đề đặt ở vị trí mở đầu đoạn văn “Tắt đèn là TP tiêu biểu nhất của NTT ”. ý của đoạn văn được triển khai theo trình tự phân tích giá trị nội dung – giá trị nghệ thuật của tác phẩm.  - Trình bày theo kiểu diễn dịch.  *\* Hai câu triển khai:*  - Qua 1 vụ thuế .....Việt Nam đương thời.  - Tắt đèn làm nổi bật .... xã hội ấy.  *\* Sự khác biệt:*  - Câu chủ đề- các câu khai triển:  - Quan hệ chính phụ  - Câu khai triển- câu khai triển:  - Quan hệ bình đẳng.  *\* Các câu khai triển:*  - Trong tác phẩm .... đểu cáng.  - Chúng mỗi tên mỗi vẻ không có tính người.  - Đặc biệt qua nhân vật chị Dậu.... cao đẹp.  - Tài năng tiểu thuyết của NTT .....sinh động.  *🢥 Kết luận*: Các câu trong đoạn văn phải có mối quan hệ chặt chẽ về ý nghĩa trong đó.  + Câu chủ đề mang ý nghĩa khái quát của cả đoạn văn.  + Câu khai triển trực tiếp bổ sung ý nghĩa cho câu chủ đề.  + Câu chủ đề và câu khai triển có quan hệ chính phụ.  + Các câu khai triển có quan hệ bình đẳng với nhau.  c. Đoạn văn:  - Đoạn văn có câu chủ đề.  Đặt ở vị trí kết thúc đoạn văn “ Như vậy , lá cây có màu xanh là do chất diệp lục chứa trong thành phần tế bào ”  - Nội dung đoạn văn: được trình bày theo trình tự ( Từ các ý cụ thể đến ý kết luận ).  Gọi là cách trình bày ý theo kiểu quy nạp ( gọi tắt la đoạn văn quy nạp )  *2. Ghi nhớ: SGK* |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh luyện tập

**+ Mục tiêu:** Vận dụng những kiến thức vừa học vào các dạng bài tập

**+ Phương pháp:** Luyện tập, thuyết trình.

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** cá nhân

**+ Thời gian:** 20 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| Hoạt động 3  - GV: các câu trong đoạn văn có nhiệm vụ triển khai làm sáng tỏ chủ đề của đoạn bằng các phép diễn dịch, quy nạp, song hành.  - GV khái quát ghi nhớ  - GV nêu yêu cầu bài tập .  *? Phân tích cách trình bày nội dung trong các đoạn* *văn?*  *? Từ câu chủ đề đã cho viết đoạn văn theo các diễn dịch, sau dó biến đổi từ diễn dịch thành quy nạp?*  - Lưu ý: Trước câu chủ đề thường có các từ ngữ được ung để nối câu chủ đề, nối câu triển khai ở phía trước như: Vì vậy, cho nên, do đó, tóm lại. | - HS tìm câu  -Hs trả lời  -Hs trả lời | III. Luyện tập  1.Bài tập 2  - Đoạn a: Trình bày theo cách diễn dịch, có câu chủ đề “ Trần Đăng Khoa rất biết yêu thương ”, đứng ở đầu đoạn văn.  - Đoạn b: Song hành ( Không có câu chủ đề )  - Đoạn c: Song hành (Không có câu chủ đề )  *Bài 3:*  - Câu chủ đề đã cho trước.  - Các câu triển khai:  - Câu 1: Khởi nghĩa Hai Bà Trưng  - Câu 2,3: Chiến thắng của Ngô Quyền, nhà Trần, Lê Lợi. Kháng chiến chống Pháp thành công. Kháng chiến chống Mỹ cứu nước toàn thắng. |

**HOẠT ĐỘNG VI: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**- Củng cố bài học:** GV hệ thống lại kiến thức bài học.

**- Hoạt động tiếp nối:**

- Học bài, làm bài tập còn lại.

**Tiết 8: Tập làm văn:**

***Liên kết đoạn văn trong văn bản***

**I.Mục tiêu bài học :**

**1. Về kiến thức:** Hiểu được cách sử dụng các phương tiện liên kết các đơn vị, khiến chúng liền ý, liền mạch.

**2. Về kỹ năng:** Viết được các đoạn văn liên kết, mạch lạc, chặt chẽ.

**3. Về thái độ :** Biết sử dụng xcác phương tiện liên kết đoạn văn

**II Chuẩn bị**

**1. Giáo viên:** soạn bài, tài liệu, bảng phụ.

**2. Học sinh:** Học và chuẩn bị bài...

**III .Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trình

**IV Tiến trình dạy – học**

***HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG***

**2.Kiểm tra bài cũ**? Thế nào là từ ngữ chủ đề, câu chủ đề? Vai trò của chúng trong văn bản?

**3. Giới thiệu và dạy bài mới:**

Trong văn bản các phần phải có sự thống nhất, liên kết liền mạch vậy làm như thế nào để văn bản liên kết liền mạch chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay ...

\* Hoạt động dạy học

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chung về tác dụng của việc liên kết các đoạn văn trong văn bản.

**+ Mục tiêu:** Nắm được tác dụng của việc liên kết các đoạn văn trong văn bản.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 10 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV sử dụng bảng phụ  *? Hai đoạn văn ở mục 1 có mối liên hệ gì không?*  *? Nhận xét 2 đoạn văn ở mục 2?*  *- Cụm từ* **trước đó mấy hôm** *được viết thêm vào đầu đoạn có tác dụng gì?*  *- Sau khi thêm cụm từ này 2 đoạn văn đã liên kết với nhau như thế nào?*  *? Hãy so sánh ý nghĩa 2 đoạn văn ở mục 1 và 2?*  ? Cụm từ “ trước đó mấy hôm” có tác dụng liên kết đoạn.  *Hãy cho biết tác dụng của nó trong đoạn văn bản?* | - HS đọc bài tập  - HS phát hiện  - HS Nhận xét  - HS trả lời  -Hs trả lời | ***I. Tác dụng của việc liên kết các đoạn văn trong văn bản***  ***1. Ngữ liệu:***  - Đoạn 1: Tả cảnh Mĩ lý trong ngày khai trường.  - Đoạn 2: Cảm giác nhân vật tôi một lần ghé thăm trường.  - Bổ xung ý nghĩa về thời gian và phát biểu cảm nghĩ cho đoạn văn.  - Tạo ra sự liên kết về hình thức và nội dung, hai đoạn văn trở nên gắn bó chặt chẽ với nhau  - Hai đoạn văn bị đánh đồng về thời gian hiện tại và quá khứ nên gây cảm giác hụt hẫng.  - Hai đoạn văn phân định rõ thời gian hiện tại và qúa khứ nhờ cụm từ “ trước đó mấy hôm”  - Làm đoạn văn liền mạch.  Góp phần làm nên tính hoàn chỉnh cho đoạn văn.  2. Ghi nhớ 1. |

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về cách liên kết các đoạn trong văn bản.

**+ Mục tiêu:** Hiểu và biết cách liên kết các đoạn trong văn bản.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 10 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| *? Xác định các phương tiện liên kết đv trong 3 ví dụ a, b, c ?*  *? Cho biết quan hệ ý nghĩa giữa các đoạn văn trong từng ví dụ?*  *? Kể thêm những từ ngữ có ý nghĩa như trên?*  *? Xác định câu có tác dụng liên kết giữa hai đoạn văn?*  *? Phương tiện liên kết trên có cấu tạo như thế nào?*  *? Tại sao câu đó lại có tác dụng liên kết?*  *? Qua tìm hiểu ví dụ em hãy cho biết có mấy phương tiện* *dùng để liên kết đv?*  - Y/c HS đọc ghi nhớ | - HS Nhận xét  - HS xác định  - HS độc lập trả lời  - HS tìm bổ xung  - HS nhận xét  - HS khái quát  - Đọc ví dụ  - HS nhận xét  - Đọc ghi nhớ | ***II. Cách liên kết các đoạn trong văn bản***  *1. Dùng từ ngữ để liên kết đoạn văn*  a. Sau khâu tìm hiểu: quan hệ liệt kê.  b. Nhưng: quan hệ tương phản đối lập.  c. nói tóm lại: mang ý nghĩa tổng kết.  - liệt kê: trước hết, đầu tiên, cuối cùng.  - Đối lập: nhưng, trái lại, tuy vậy.  - Chỉ từ: đó, này, ấy.  - Tổng kết: tóm lại, nhìn chung, tổng kết lại.  *2. Dùng câu nối để liên kết đoạn văn*  VD: - ái chà lại còn chuyện đi học nữa cơ đấy  Cấu tạo một câu.  Câu này tiếp nối và phát triển ý ở cụm từ “ Bố đóng sách cho mà đi học ”.  *3. Ghi nhớ 2* |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh luyện tập

**+ Mục tiờu:** Vận dụng, củng cố kiến thức

**+ Phương pháp:** Luyện tập

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Cỏ nhõn

**+ Thời gian:** 20 phỳt

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giỏo viờn** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| *? Tìm những từ có tác dụng liên kết đoạn văn?*  *? Chọn từ ngữ câu thích hợp điền vào chỗ trống?*  - GV hướng dẫn HS viết đoạn văn – nhận xét bài làm của HS. | - HS đọc và xác định y/c bài tập  - Thảo luận trình bày kết quả  - Độc lập làm bài  - HS viết và trình bày trước lớp | ***III. Luyện tập***  1. Bài 1:  a.Nói như vậy: ý tổng kết  b. Thế mà: ý tương phản  c. Cũng: ý nối tiếp, liệt kê  d. Tuy nhiên: ý tương phản  2. Bài 2:   1. Từ đó 2. Nói tóm lại 3. Tuy nhiên 4. Thực khó trả lời   Bài 3: Viết và phân tích các phương tiện liên kết trong đoạn văn đó. |

HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ,VẬN DỤNG

**Củng cố bài học:** GV tổng kết kiến thức: Nắm các phương tiện liên kết đoạn.

**Hoạt động nối tiếp :**  Hoàn thành bài tập

**Tiết 9, 10** Văn bản

***Tức nước vỡ bờ***

*(Trích" tắt đèn"- Ngô Tất Tố)*

**I. Mục tiờu bài học:**

1. **Về kiến thức:**

+ Thấy được bộ mặt tàn ác bất nhân của chế độ xã hội đương thời và tình cảnh đau thương của người nông dân cùng khổ trong xã hội ấy: cảm thấy được cái quy luật của hiện thực. Có áp bức, có đấu tranh. Thấy được vẻ đẹp tâm hồn và sức sống tiềm tàng của người phụ nữ nông dân:

+ Thấy được những nét đặc sắc trong nghệ thuật viết truyện của tác giả.

1. **Về kỹ năng:**

Biết phân tích nhân vật qua đối thoại, cử chỉ và hành động; qua biện pháp đối lập - tương phản; kĩ năng đọc sáng tạo văn bản tự sự nhiều đối thoại giàu tính kịch.

1. **Về thái độ:** Giáo dục học sinh thể hiện tình cảm yêu ghét rõ ràng

**II. Chuẩn bị của giỏo viờn và học sinh:**

1. **Giỏo viờn:** Nghiên cứu SGK + SGV

**2- Học sinh:** Học bài cũ, soạn bài theo câu hỏi.

**III. Phương pháp dạy – học:** Đọc hiểu, vấn đáp, bình giảng, thảo luận

**IV. Tiến trình dạy – học:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Kiểm tra bài cũ:** *? Qua đoạn trích trong lòng mẹ em hãy chứng minh văn của Nguyên Hồng giàu chất chữ tình?*

- Nội dung: câu chuyện kể lại những cảm xúc , xót xa yêu thương mẹ của chú bé Hồng.

- Nghệ thuật:

+ Tình huống chuyện

+ Cảm xúc phong phú của chú bé Hồng

+ Cách thể hiện cảm xúc phong phú qua các phương thức biểu đạt.

+ Các so sánh gây ấn tượng, lời văn say mê khác thường được viết trong mơn man.

**Giới thiệu và dạy học bài mới :**

Ngô Tất Tố là một trong các nhà văn xuất sắc nhất của trào lưu văn học hiện thực trước cách mạng. Ông nổi tiếng trên nhiều lĩnh vực: thảo cứu triết học cổ đại trung Hoa và Văn học cổ Việt Nam, viết báo, phóng sự, tiểu thuyết... về các sáng tác văn học ông là cây bút nổi tiếng về các phóng sự và tiểu thuyết hầu như các sáng tác của ông đều viết về đề tài nông thôn vì thế có thể gọi ông là nhà văn của nông dân và tiểu thuyết Tắt Đèn là tác phẩm tiêu biểu trong sự nghiệp văn học của Ngô Tất Tố đồng thời là tác phẩm tiêu biểu cho trào lưu văn học hiện thực trước cách mạng.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tfm hiểu chung văn bản

**+ Mục tiờu:** Học sinh nắm được những nét tiêu biểu về tác giả, tác phẩm.

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp.

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** cá nhân

**+ Thời gian:** 5 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV cho hs đọc chú thích dấu \***  **? Nêu vài nét khái quát về tác giả Ngô Tất Tố? Các tác phẩm tiểu biểu?**  *? Vị trí đoạn trích?*  - **GV khái quát lại.**  - Đọc cho học sinh nghe tiểu sử của tác giả.  - GV nêu yêu cầu đọc.  - GV đọc 1 đoạn.  - GV nhận xét phần đọc của hs.  - GV cho hs giải nghĩa các từ khó.  *? Giải nghĩa từ: thuế thân, đinh, lính.*  - Thuế thân( Sưu): là thuế đánh vào nguời dân, đàn ông 16 tuổi trở lên phải đóng 1 khoản tiền thuế.  - Đinh: là người đàn ông thuộc lứa tuổi phải đóng thuế thân và đi lính thời PK.  - Lính: Những người trong quân đội thời đế quốc PK( lính lệ, lĩnh dõng, cai lệ, lính cơ..)  *? Đoạn trích chia làm mấy phần? Sự việc chính trong mỗi phần?*  *? Đoạn trích tập trung vào miêu tả những nhân vật nào?*  ? Tóm tắt đoạn trích? | - HS đọc chú thích dấu \*  - HS theo dõi SGK trình bày.  - Ghi những ý cơ bản.  - HS đọc nối tiếp đến hết.  - HS dựa SGK giải thích các từ khó.  - HS nghe  Trình bày  Hs trả lời  Hs trả lời | ***I. Tìm hiểu chung văn bản.***  **1.*Tác giả***  ***2. Tác phẩm***  (SGK/31-32)  - Vị trí đoạn trích: Trong chương XVIII của tác phẩm.  *3 Đọc.*  - Chú ý giọng đối thoai. Ngôn ngữ miêu tả của tác giả.  ***4 Chú thích:*** *SGK*  5.Thể loại: Tiểu thuyết  6. Bố cục: 2 phần  - Phần1: Từ đầu dến ăn có ngon miệng không. Miêu tả tình thế của chị Dậu.  - Phần 2: Còn lại. Hành động của Cai lệ và diễn biến tâm lí của chị Dậu.  Nhân vật: Chị Dậu và Cai  8.Tóm tắt: |

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản

**+ Mục tiờu:** Thấy được bộ mặt tàn ác bất nhân của chế độ xã hội đương thời và tình cảnh đau thương của người nông dân cùng khổ trong xã hội ấy: cảm thấy được cái quy luật của hiện thực. Có áp bức, có đấu tranh. Thấy được vẻ đẹp tâm hồn và sức sống tiềm tàng của người phụ nữ nông dân.

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp, bỡnh giảng, thảo luận.

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp, nhóm nhỏ.

**+ Thời gian:**25 phút.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV khái quát nôi dung của toàn đoạn trích và hướng dẫn hs phân tích.  - GV tóm lược phần thuyết minh ( chữ in nhỏ)  - GV định hướng hs chú ý phần 1. GV tóm tắt nhũng ý chính trong phần 1.  *? Khi bọn tay sai xông vào nhà chị dậu tình hình của chị như thế nào?*  - GV: Tất cả những cảnh ấy được diễn ra trong không khí căng thẳng của tiếng tù và inh ỏi.  *? Qua những chi tiết trên cho em hiểugì về tình cảnh củaGĐ chị Dậu ?*  *?Tìm những chi tiết miêu tả cảnh chị Dậu chăm sóc chồng?*  *? Qua những chi tiết trên cho em hiểu gì về chị?*  *? Mục đích duy nhất của chị giờ đây là gì? Có thể gọi đoạn này là thế tức nước đầu tiên được không? Vì sao?*  - GVKQ chuyển ý hướng dẫn hs tìm hiểu 2 nhân vật Cai lệ và chị Dậu song song.  - GV định hướng hs chú ý vào đoạn văn còn lại.  *? Cai lệ là chức danh gì?*  *? Cai lệ có vai trò gì trong vụ thuế ở làng Đông Xá?*  - GV: Cai lệ là hiện thân đầy đủ rõ rệt nhất của cái “ nhà nước” bất nhân lúc bấy giờ  *? Trong đoạn trích Cai lệ hiện lên ntn? ( Lời nói, cử chỉ, hành động)?*  *? Trước những lời van xin của chị Dậu hắn có thái độ gì?*  *? Em có nhận xét gì về các hành động, suy nghĩ đó?*  *? Nhận xét về nghệ thuật khắc hoạ nhân vật của tác* *giả?*  *? Em có cảm nhận ntn về nhân vật này?*  *? Em hiểu gì về hình ảnh của XH cũ từ hình ảnh của tên tay sai này?*  *? Trước những cử chỉ và hành động của Cai lệ chị Dậu đã tìm mọi cách để dối phó với bọn tay sai và bảo vệ chồng ntn?*  *? Vì sao chị Dậu lai có cách xưng hô như thế?*  *? Nhưng đến khi Cai lệ chạy sầm sập vào định hành hung anh Dâu chị Dậu đã có cử chỉ thái độ gì?*  *? Vì sao chị Dậu lai có cử chỉ và hành động như vậy?*  *? Đến khi Cai lệ bịch vào ngực và cố xông lên anh Dậu thì chị Dậu đã có hành động gì?*  *? Sự chống cự lại của chị Dậu được thể hiện qua các giai đoạn ntn?*  *? Cách chị Dậu xưng hô là* ông tôi đã khẳng định vị trí của chị thế nào?  - GV: Đến khi Cai lệ vẫn không thèm trả lời còn tát vào mặt chị lúc bấy giò chị *Dậu đã có hành động gì? Cách xưng hô: bà, mày cho người đọc thấy thái độ của chị Dậu ra sao?*  *? Đọc đoan văn miêu tả chị Dậu chống lại hai tên người nhà lí trưởng và Cai lệ người đọc có được cảm giác ntn? Vì sao?*  *? Do đâu mà chị Dậu có được sức mạnh lạ lùng khi quật ngã hai tên tay sai như* *vậy?*  *? Em có thái độ ntn với hành động của chị Dậu?*  *? Tác giả đã sử dụng nghệ thuật nào để khắc hoạ nhân vật chị Dậu?*  *? Qua đoạn trích em thấy được những nét tính cách nào của chị Dậu?*  - GV: Nhà văn như nhập hồn cùng nhân vật để đồng cảm, đồng tình. Người đọc đồng cảm với nhân vật, yêu mến nhân vật. Chị Dậu đến lúc này đã thay đổi căn bản từ van xin lễ phép, nhẫn nhục chịu đựng, chị trở thành con người quyết liệt liều lĩnh muốn chống lại tất cả, muốn quật ngã tất cả.  *? Hành động chiến thắng của chị Dậu có ý nghĩa gì?*  *? Theo dõi lời ngăn vợ của anh Dậu và câu trả lời của chị Dậu em có ý kiến gì?*  GV: Hành động của chị Dậu chỉ là bột phát về căn bản vẫn chưa giải quyết được tức là chị vẫn bế tắc. Nhưng có thể tin rằng khi có ánh sáng CM rọi tới chị sẽ là người đi hàng đầu trong cuộc đấu tranh.  GV khái quát | Trình bày  - Suy nghĩ trả lời  -Nghiên cứu VB  - Phát hiện cách tổ chức VB.  - HS phát hiện  -  HS đọc phần 1 của đoạn trích.  - HS phát hiện  - HS nhận xét  - Suy nghĩ trả lời độc lập.  HS giải thích  - Phát hiện trả lời độc lập  - Thảo luận nhóm hai  - Phân tích  - HS phát hiện  *- HS nhận xét*  - HS chỉ ra nghệ thuật  - HS bộc lộ  *- HS bộc lộ*  - HS trả lời dộc lập  - Thảo luận nhóm 2  - Phát hiện  - Phân tích lí giải.  - Trả lời độc lập.  - HS phân tích  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs phát hiện, nhận xét  -Hs trình bày  -Hs trả lời | **II. *Tìm hiểu chi tiết***  1. Tình thế của gia đình chị Dậu.  \* Hoàn cảnh gia đình:  - Nghèo “ Nhất nhì trong hạng cùng đinh”  - Món nợ sưu của nhà nứoc chưa có cách gì để giải quyết.  - Anh Dậu ốm rề rề vẫn có thể bị đánh đập và bị bắt bất cứ lúc nào.  - Chị Dậu người đàn bà nghèo xơ xác với 3 đứa con làm gì để bảo vệ được gia đình...  ***=> Tình thế của chị Dậu khốn khổ, khó khăn và bế tắc.***  \* Cảnh chị Dậu chăm sóc chồng  **+ Cháo chín..**  **+ Chị Dậu rón rén.**  **+ Ngồi xuống..**  *=> Người phụ nữ dịu dàng, người vợ đảm đang rất mực thương yêu chồng.*  **- Mục đích của chị giờ đây là mong chồng mau khỏi bệnh, bảo vệ chồng trong tình thế nguy ngập.**  - Có thể coi là thế tức nước đầu tiên.  *2. Nhân vật Cai lệ, người nhà lí trưởng và chị Dậu.*  - Là viên chỉ huy tốp lính lệ ở các phủ huyện, cấp chỉ huy thấp nhất đứng đầu 10 tên lính ở huyện.  - Là tên tay sai đắc lực của quan phủ, giúp bọn lí dịch tróc nã người ngheo chưa kịp nộp thuế...  *\* Cai lệ.*  - Hành động: Sầm sập tiến vào, **trợn ngược** hai mắt, đùng đùng **giật** phắt cái thừng, **bịch** luôn vào ngực chị Dậu, **tát** đánh bốp, **sấn** đến **nhảy** vào...  - Ngôn ngữ:  + **Thét**: thằng kia...  + **Quát**: mày định nói cho thằng cha mày nghe đấy à?  + **Hầm hè**: nếu không có tiền nộp sưu...  + **Nham nhảm**: thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu  - Để ngoài tai những lời van xin, không 1 chút động lòng trước tiếng kêukhóc của **bọn trẻ.**  - Ngôn ngữ không phải của con người, dường như hắn không biết nói tiếng người và không có khả năng nghe tiếng người.  ***- Nghệ thuật: Kết hợp chi tiết điển hình về bộ dạng, lời nói, hành động khắc hoạ nhân vật.***  ***- Bản chất: Hống hách, thô bạo, không còn nhân tính.***  Một XH đầy dẫy bất công thô bạo 1 XH có thể gieo hoạ xuống người dân lương thiện bất kì lúc nào, 1 XH tồn tại trên cơ sở các lý lẽ và hành động bạo ngược.  *\* Chị Dậu.*  - ***Mới đầu chị Dậu sợ hãi*** cuống cuồng ***van xin*** thiết tha bằng giọng run run. Gọi cai lệ bằng ***ông*** xưng ***cháu...***  - Cách ứng xử tất nhiên của những người cùng đinh trong XH coi mình như con sâu cái kiến để mong đợi 1 chút từ tâm của ông Cai.  - Chị vẫn giọng mềm mỏng thiết tha nhưng hành động của chị trở lên nhanh nhẹn.  - Chị lo cho sự an toàn của anh Dâu và 1 mặt vẫn mong chờ lòng thương hại của Cai lệ qua lời nói mềm mỏng.  - Chị Dậu: không thể chịu được đã cự lại.  + Mới đầu: chị cự lại bằng lí lẽ “ chồng tôi đau ốm...  Xưng hô là tôi - ông...  - Chị đã đứng thẳng lên có vị thế của kẻ ngang hàng, nhìn vào mặt đối thủ.  - Chị vụt đứng lên nghiến 2 hàng răng..  - Mày trói chồng bà, bà cho mày xem... ấn dúi 2 tên ra cửa..  - Cách xưng hô và hành động của chị Dậu chứng tỏ sự căm tức, khinh bỉ đến cao độ và chị đã khẳng định tư thế đứng trên đầu thù.  - Chị Dậu đã đấu lực với Cai lệ và người nhà lí trưởng.  - Người đọc hả hê, vui sướng sau những nỗi buồn thảm của chị Dậu.  - Cái ác đã bị chặn đứng, kẻ ác bị trừng trị .  - Chị Dậu có lòng yêu thương chồng quyết bảo vệ chồng và đó chính là sức mạnh của lòng căm hờn.  - Thông cảm và đồng tình với chị Dậu  *->Nghệ thuật*: *Kết hợp các chi tiết điển hình về cử chỉ, lời nói, hành động*  - Chị Dậu là người mộc mạc, hiền dịu, đầy lòng vị tha, sống khiêm nhường, biết nhẫn nhục chịu đựng nhưng không yếu đuối sợ hãi mà ***chị có 1 sức sống mạnh mẽ 1 tinh thần phản kháng tiềm tàng.***  - Chứng tỏ sức mạnh tiềm tàng của người nông dân, người phụ nữ nông dân VN, có chứng minh quy luật của XH “ có áp bức có đấu tranh” “ Con giun xéo lắm cũng quằn” “ Tức nước vỡ bờ”  - Lời anh Dậu tuy nói đúng cái lý, cái sự thật phổ biến trong cái trật tự tàn bạo không hề có công lí ấy, nhưng chị Dậu không chấp nhận cái chân lí đó: “Thà ngồi tù....”III. |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh tổng kết

**+ Mục tiêu:** Thấy được những nét đặc sắc về nghệ thuật viết truyện của tác giả.

**+ Phương pháp:** Thảo luận, vấn đáp.

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** cá nhân

**+ Thời gian:** 5 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| Hoạt động 3  *? Nhận xét nghệ thuật đặc sắc của đoạn trích?? Đọc tức nước vỡ bờ em hiểu gì về số phận và bản chất của người nông dân trong XH cũ.*  GV khái quát toàn bài. | - HS nhận xét | III.Tổng kết.  ***1. Nghệ thuật*:** khắc hoạ nhân vật rõ nết, ngòi bút miêu tả linh hoạt sống động, ngôn ngữ kể chuyện, miêu tả của tác giả và ngôn ngữ đối thoại của nhân vật rất đặc sắc.  *2. Nội dung:vạch trần bộ mặt tàn ác bất nhân của xã hội phong kiến đương thời. vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ nông dâ, vừa giàu tình yêu thương, vừa có sức sống tiềm tàng mạnh mẽ.* |

**HOẠT ĐỘNG 4:** CỦNG CỐ, VẬN DỤNG

**+ Mục tiờu:** Vận dụng, củng cố kiến thức

**+ Phương pháp:** Luyện tập

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Cá nhân

**+ Thời gian:** 5 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| Hoạt động 4  *? Nhà văn Nguyễn Tuân cho rằng: Với tác phẩm tắt đèn Ngô Tất Tố đã sui người nông dân nổi loạn nên hiểu ntn về nhận định này?*  *? Thái độ của tác giả đối với thực trạng XH và đối với phẩm chất của người nông dân?*  *? Em hiểu ntn về nhan đề . Tức nước vỡ bờ. đặt tên cho đoạn trích? Theo em cách đặt tên như vậy có thoả đáng không* | - HS tự bộc lộ.  - HS nhận xét  - HS bộc lộ | *IV. Luyện tập*  **Chế độ phong kiến áp bức bóc lột tàn bạo không còn chỗ cho người lương thiện như chị Dậu được sống, những người nông dân như chị muốn sống dược, không còn** **cách nào khác phải vùng lên đấu tranh chống áp bức bóc lột. Đó là 1 nhận xét hoàn toàn đứng đắn.**  - Lên án XH thống trị áp bức vô nhân đạo  - Cổ vũ tinh thần phản kháng của họ.  - Lòng tin vào phẩm chất tốt đẹp của họ. |

**-** Gv nhắc lại những kiến thức trọng tâm.

**- Hoạt động tiếp nối :**

- Học ở nhà: Phân tích hình tượng nhận vật chị Dậu qua đoạn trích.

- Học thuộc ghi nhớ, soạn bài tiếp theo.

***Tiết 11, 12***

***Ôn tập văn bản***

**A. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức:*** Hướng dẫn học sinh nắm được bố cục của văn bản và tác dụng của nó. Đặc biệt là cách sắp xếp nội dung trong phần thân bài.

***2. Kĩ năng:*** - Biết cách xây dựng văn bản mạch lạc, phù hợp với đối tượng phản ánh , ý đồ giao tiếp của người viết và nhận thức của người đọc. Rèn kỹ năng sắp xếp bố cục văn bản. Vận dụng trong qua strình Đọc - Hiểu VB.

***3. Thái độ, tình cảm:***

Giáo dục các em ý thức học tập tốt.

4. ***Năng lực cần phát triển***

- Tự học - Tư duy sáng tạo. - Hợp tác - Sử dụng ngôn ngữ

**B. CHUẨN BỊ**

- Theo yêu cầu SGK. - Sơ đồ tư duy

**C. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT DẠY HỌC**

-Kĩ thuật động não, thảo luận: - Kĩ thuật trình bày một phút:

- Kĩ thụât viết tích cực: Hs viết các đoạn văn .

- PP trực quan, vấn đáp, thuyết trình, nêu vấn đề ...

**D. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG**

**HOẠT ĐỘNG I. KHỞI ĐỘNG ( 1P )**

*Mỗi văn bản đều được tạo thành bởi tài năng và tám lòng của tác giả. Và ở mỗi văn bản lại có những giá trị khác nhau. Nhưng thông thường văn bản có giá trị về nội dung và nghệ thuật nào? Cách cảm nhận giá trị ấy sao cho hợp lí? Để trả lời câu hỏi đó, chúng ta đi vào tiết ôn tập.*

**HOẠT ĐỘNG II. ÔN TẬP VỀ CÁC GIÁ TRỊ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT ( 40P )**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| - Gọi HS đọc bài tập 1.  **HOẠT ĐỘNG NHÓM**  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm :  + Tổ 1-2: phần a.  + Tổ 3-4: phần b  - Tổ chức cho các nhóm thảo luận. GV quan sát, khích lệ HS.  - Tổ chức cho HS báo cáo kết quả thảo luận qua phiếu học tập  - Tổ chức cho HS nhận xét  - Gv tổng hợp ý kiến và kết luận chung. | **Bài 1:** Nêu cảm nhận về tình mẫu tử của chu bé Hồng.  + Giới thiệu hoàn cảnh đáng thương.  + Cảm nhận tình mẫu tử ở hai thời điểm: những ngày sống xa mẹ và khi được ở trong lòng mẹ  + Cảm nhận về nghệ thuật khắc họa tâm trạng nhân vật của nhà văn Nguyên Hồng.  **Bài 2:** Nêu cảm nhận về hình tượng người phụ nữ nông dân Việt Nam:  + Cảm nhận về hoàn cảnh khốn cùng của chị Dậu.  + Cảm nhận vẻ đẹp phẩm chấtcủa chị Dậu ở hai thời điểm: khi chăm sóc chồng con và khi đương đầu với bọn cai lệ  + Cảm nhận về nghệ thuật khắc họa nhân vật của nhà văn Ngô Tất Tố. |

***Tiết 13- 14******Văn bản***

***Lão Hạc***

**( Nam Cao )**

**I. Mục tiêu bài học:**

1. **Về kiến thức:**

+ Có được tình cảnh khốn cùng và nhân cách cao quí của nhân vật Lão Hạc qua đó hiểu thêm về số phận đáng thương và vẻ đẹp tâm hồn đáng trọng của người nông dân Việt Nam trước CM tháng tám.

+ Thấy được lòng nhân đạo sâu sắc của nhà văn Nam Cao, thương cảm đến xót xa thật sự trân trọng đối với người nông dân nghèo khổ.

+ Ban đầu hiểu được đặc sắc truyện ngắn Nam Cao: Khắc hoạ nhân vật tài tình, cách dẫn truyện tự nhiên, hấp dẫn, sự kết hợp tự sự, triết lý .....

1. **Về kỹ năng:** Biết tìm hiểu và phân tích nhân vật qua ngôn ngữ đối thoại, độc thoại, qua hình dáng, cử chỉ và hành động; kĩ năng đọc diễn cảm, thay đổi giọng điệu thể hiện tâm trạng các nhân vật khác nhau trong truyện.
2. **Về thái độ*:*** Sẽ có thêm về số phận đáng thương và vẻ đẹp tâm hồn rất đáng trân trọng của người nông dân Việt Nam trước CM tháng 8.

**II. Chuẩn bị**

**1. Giáo viên:-** giáo án

**2. Học sinh:** - tóm tắt truyện

**III. Phương pháp dạy - học*:*** Đọc hiểu, vấn đáp, bình giảng, thảo luận

**IV. Tiến trình dạy – học:**

***HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG***

**Kiểm tra bài cũ:**

*? Từ nhân vật chị Dậu , anh Dậu, bà hàng xóm em hiểu gì về số phận và phẩm cách của nông dân Việt Nam trước CM tháng 8.*

**Giới thiệu và dạy bài mới :**

Có những người nuôi chó quí chó như người như con, nhưng quí chó đến mức như Lão Hạc thì thật hiếm, và quí chó đến thế tại sao Lão Hạc vẫn bán chó để rồi tự dằn vặt hành hạ mình, và cuối cùng tự tìm đến cái chết dữ dội thê thảm, Nam Cao muốn gửi gắm điều gì qua thiên chuyện đau thương và vô cùng xúc động này.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tÌm hiểu chung văn bản.

**+ Mục tiêu:** Học sinh nắm được những nét tiêu biểu về tác giả, tác phẩm.

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp.

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Cá nhân

**+ Thời gian:** 15 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| *? Khái quát vài nét cơ bản về tác giả tác phẩm?*  - GV: Yêu cầu đọc diễn cảm biểu hịên tâm trạng nhân vật.  + Ông giáo: Chậm buồn, lúc xót xa đau đớn.  + Lão Hạc: Khi đau đớn ân  hận, khi năn nỉ dãi bầy khi chua chát, mỉa mai ...  + Bà giáo: lạnh lùng, coi thường.  + Binh tư: Nghi ngờ mỉa mai.  - GV nhận xét HS đọc  - GV hướng dẫn HS nắm nghĩa 1 số từ khó: Những thành ngữ, khẩu ngữ, từ địa phương  *? Trong các chuỗi sự việc có mặt những nhân vật nào? ai* *là nhân vật trung tâm? vì sao* ?  *? Câu truyện kể từ nhân vật nào thuộc ngôi thứ mấy ?*  *? Nhận xét chung về các phương thức biểu đạt được* *sử dụng trong VB này?*  *? Tìm 1 đoạn văn để chứng minh cho phương thức biểu đạt đó?*  *? Nếu tách đoạn văn này thành 2 phần theo dấu cách đoạn trong sgk thì có thể khái quát nội dung chính của mỗi phần ntn?*  ? Tóm tắt văn bản? | - Đọc chú thích  - HS khái quát  - H/s đọc nối tiếp  - HS giải nghĩa.- H/s Quan sát tìm hiểu  - H/s phát hiện trả lời  - H/s phát hiện trả lời.  -H/s nhận xét.  - H/s phát hiện trả lời.  - H/s khái quát nội dung | *I. Tìm hiểu chung văn bản*  ***1. Tác giả***  ***2.Tác phẩm*** ( Sgk)  ***3. Đọc***  ***4. Chú thích***  - Nhân vật Lão Hạc, ông Giáo.  - Nhân vật trung tâm: Lão Hạc  - Vì quãng đời xoay quanh quãng đời khốn khó của Lão Hạc.  - Ông Giáo – xưng tôi – ngôi thứ nhất  - Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.  ***5. Bố cục***  Phần 1: Những việc làm của Lão Hạc trước khi chết.  Phần 2: Cái chết của Lão Hạc.  ***6. Tóm tắt*** |

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản

**+ Mục tiêu:** Thấy được tình cảnh khốn cùng và nhân cách cao quí của nhân vật Lão Hạc qua đó hiểu thêm về số phận đáng thương và vẻ đẹp tâm hồn đáng trọng của người nông dân Việt Nam trước CM tháng tám.

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp, bình giảng, thảo luận.

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp, nhóm nhỏ.

**+ Thời gian:** 55 phút.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| *? Lão Hạc được kể qua những sự việc nào?*  *? Tại sao 1 con chó lại được Lão Hạc gọi là cậu vàng?*  *? Tại sao Lão Hạc rất yêu thương cậu vàng mà vẫn phải đành lòng bán cậu vàng? Điều đó giúp em hiểu gì về Lão Hạc?*  - GV: Đối với Lão Hạc số tiền và mảnh vườn giành cho con thiêng liêng như một báu vật mà hàng ngày lão chỉ biết hết lòng bảo vệ chứ không bao giờ dám xâm phạm , việc quyết định bán con chó vàng bắt nguồn từ lòng yêu thương con sâu sắc của 1 người cha nhân hậu và giàu lòng tự trọng.  *? Em hãy tìm những từ ngữ hình ảnh miêu tả thái độ, tâm trạng của lão Hạc khi nói chuyện bán cậu vàng với ông giáo?*  *? Động từ “ ép ” trong câu văn những nếp nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra có sức gợi như thế nào*  *? Em có nhận xét gì về từ ngữ mà tác giả sử dụng khi miêu tả?*  *? Những chi tiết về ngoại hình giúp em hiểu gì về Lão Hạc?*  *? Qua việc bán con chó giúp em hiểu gì về con người Lão Hạc?*  - GV: Bán con Vàng vì thương con, nhưng rồi Lão Hạc lại vô cùng ăn năn day dứt, từ những nét ngoại hình quằn quại đến những lời ăn năn sám hối Lão Hạc quả là người nặng tình nghĩa thuỷ chung vô cùng trung thực.  *? Theo dõi việc Lão Hạc nhờ cậy ông giáo, hãy cho biết: mảnh vườn và món tiền gửi ông giáo có ý nghĩa ntn đối với Lão Hạc?*  *? Em nghĩ gĩ về việc Lão Hạc từ chối mọi người giúp đỡ trong cảnh ngộ gần như không kiếm được gì để ăn ngoài rau má sung luộc?*  *? Từ đó phẩm chất nào của Lão Hạc được bộc lộ?*  *? Cũng từ đó hiện lên 1 số phận con người ntn?*  *? Qua việc Lão Hạc nhờ vả ông giáo có ý kiến cho rằng Lão làm thế là gàn dở, có ý kiến cho rằng lão làm thế là đúng. ý kiến của em ntn?*  GV: Nhìn từ một phía thì giải quyết vấn đề như thế quả là gàn dở, là dại có tiền mà lão chịu khổ. Nhưng nhìn lại thì cách sử sự như vậy chính là thể hiện lòng thương con lòng tự trọng rất cao. Lão tìm mọi cách giữ lại mảnh vườn cho con.  - Bằng những việc làm cụ thể,Lão đã chuẩn bị cái chết cho mình, tác giả đã dành đoạn văn cuối cùng để đặc tả cái chết của Lão Hạc.  *? Hãy tìm trong đoạn văn những chi tiết miêu tả cái chết của lão Hạc?*  *? Để đặc tả cái chết của lão Hạc, tác giả đã sử dụng những từ ngữ như thế nào? theo em điều đó có tác dụng gì?*  Có ý thức cao về lẽ sống ( chết trong còn hơn sống đục )  **Trọng danh dự còn hơn cả sự sống**  *? Theo em một người đã tự đầu độc chết để dành mảnh vườn cho con, một người quyết định dành dụm cho ngày chết của mình những đồng tiền ít ỏi thì đó phải là con người có những phẩm chất nào*?  *? Cái chết của lão Hạc có ý nghĩa ntn?*  GV : Đọc chuyện chúng ta nhận rõ Lão Hạc chuẩn bị cái chết cho mình thật là bình tĩnh, chủ động, tự nguyện tự giác, cái chết đau thương của lão mang tính chất bi kịch.  *? Nếu gọi tên bi kịch của lão Hạc thì em sẽ lựa chọn cách nào dưới đây:*  - Đó là bi kịch của sự đói nghèo.  - Đó là bi kịch của tình phụ tử.  - Đó là bi kịch của phẩm giá làm người.  *? Theo em bi kịch của lão Hạc tác động như thế nào đối với người đọc*  *? So với cách kể chuyện của Ngô Tất Tố trong tắt đèn,cách kể chuyện của Nam Cao trong Truyện ngắn này có gì khác ?*  *? Em hãy khái quát một vài nét về nhân vật ông Giáo ,về tình cảm của ông Giáo đối với lão Hạc.*  ? *Khi nghe Binh Tư nói về Lão Hạc ông Giáo cảm thấy cuộc đời thật đáng buồn.Nhưng khi chứng kiến cái chết của Lão Hạc ông Giáo lại nghĩ “Không cuộc đời chưa hẳn đáng buồn theo một nghĩa khác” Em hiểu ý nghĩa đó ntn?*  *? Những ý nghĩ đó nói thêm với ta điều cao quý nào trong tâm hồn nhân vật ông Giáo ?*  *GV khái quát* | - H/s phát hiện trả lời  - H/s giải thích.  - H/s giải thích nhận xét  - H/s phát hiện  - H/s nhận xét  - HS giải thích  - HS nhận xét  - HS nhận xét  - HS giải thích  - HS bộc lộ  - HS nhận xét  - HS độc lập trả lời  - HS bộc lộ  - HS phát hiện  - HS nhận xét  - HS độc lập trả lời  - HS nhận xét  HS thảo luận nhóm  - HS độc lập trả lời  - HS giải thích  - HS so sánh  - HS khái quát nhận xét  -Hs trả lời  -Hs trả lời | **II. Tìm hiểu chi tiết văn bản**  ***1. Nhân vật Lão Hạc***  *a. Những việc làm của Lão Hạc trước khi chết.*  *\*Trước khi bán chó*  - Lão hạc nghèo, sống cô độc chỉ có con chó Lão nuôi làm bạn  - Con chó là kỉ vật của người con trai lão để lại.  - Sau khi bị ốm cuộc sống của lão quá khó khăn, lại gặp kỳ thóc cao gạo kém, Lão nuôi thân không nổi.  - Tấm lòng yêu con sâu sắc, nhân cách cao quí, người bố nhân hậu giàu lòng tự trọng này không nỡ tiêu pha vào những đồng tiền cố dành dụm cho đứa con trai nghèo mà phẫn chí bỏ đi.  *\*Sau khi bán chó:*  “ Cố làm ra vẻ vui vẻ, cười như mếu mắt ầng ậc nước, mặt đột nhiên co rúm lại , viết nhăn xô lại, ép nước mắt chảy, đầu nghẹo, miệng mếu máo như con nít .... hu hu khóc ”.  **\* ép :** gợi lên một khuôn mặt cũ kỹ già nua, khô héo một tâm hồn đau khổ đến cạn kiệt nước mắt, một hình hài thật đáng thương.  -> Từ ngữ gợi tả, tượng hình tượng thanh, miêu tả ngoại hình sinh động.  ⭢ Tâm trạng đau đớn, xót xa, ân hận.  -> Sống tình nghĩa thuỷ chung thương con sâu sắc.  - Mảnh vườn là tài sản duy nhất Lão Hạc để dành dụm cho con trai, mảnh vườn ấy gắn với danh dự, bổn phận của người làm cha  - Món tiền do cả đời dành dụm sẽ được dùng phòng khi Lão chết “ có tiền ma chay, món tiền ấy mang ý nghĩa danh dự của kẻ làm người”.  -> Lão là người tự trọng, không để người đời xem thường hoặc thương hại.  - Coi trọng bổn phận làm cha, coi trọng danh giá làm người  - Nghèo khổ và cô độc trong sự làm người  ***b. Cái chết của Lão Hạc***  “ Lão Hạc đang vật vã trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai con mắt long sòng sọc, lão tru tréo bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại giật mạnh một cái, nảy người lên”  ->*Từ tượng hình tượng thanh, tạo hình ảnh cụ thể sinh động về cái chết thê thảm dữ dội của Lão Hạc.*    - ý nghĩa : Góp phần bộc lộ số phận và tính cách của lão Hạc, cũng là người dân nghèo trong xã hội Việt Nam trước CM tháng tám nghèo khổ, bế tắc cùng đường nhưng giàu tình yêu thương và lòng tự trọng.  Có thể chọn 3 hoặc từng cách  Tình cảm xót thương; Lòng tin vào những điều tốt đẹp trong phẩm chất người nông dân lao động.  - Con người lão trung thực, nhân hậu chưa đánh lừa ai bao giờ, lần đầu tiên trong đời lão lừa, lại lừa cậu Vàng người bạn thân thiết của mình.  - Tắt đèn kể chuyện ở ngôi thứ ba ( TG giấu mặt ) Nam Cao chọn cách kể chuyện ở ngôi thứ nhất nv ông giáo tác giả vừa như người chứng kiến vừa tham gia vào câu chuyện của nhân vật chính vừa đóng vai trò dẫn dắt câu chuyện vừa trực tiếp bày tỏ tình cảm bộc lộ tâm trạng của bản thân.  ***2. Nhân vật ông giáo***  - Ông giáo là trí thức nghèo sống ở nông thôn, là người giàu tình thương. Ông tỏ ra thông cảm thương xót Lão Hạc.  - Cuộc đời thật đáng buồn vì đói nghèo, có thể đổi trắng thay đen biến người lương thiện như Lão Hạc thành kẻ trộm cắp như Binh Tư, đáng buồn vì đáng để ta thất vọng  - Cái nghĩa khác của cuộc đời đáng buồn vì không có gì có thể huỷ hoại được nhân phẩm người lương thiện như Lão Hạc, để ta có quyền hi vọng tin tưởng ở con người.  **=>Trọng nhân cách . Không mất lòng tin vào những điều tốt đẹp ở con người**. |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh tổng kết.

**+ Mục tiêu**: Hiểu được đặc sắc truyện ngắn Nam Cao: Khắc hoạ nhân vật tài tình, cách dẫn truyện tự nhiên, hấp dẫn, sự kết hợp tự sự, triết lý .....

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp.

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** cá nhân

**+ Thời gian:** 5 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| **HĐ3**  *? Nghệ thuật kể chuyện của tác giả có gì đặc sắc ?*  *? Đọc Vb Lão Hạc em nhận thức những điều sâu sắc nào về số phận và phẩm chất cuả người nông dân lao động trong xã hội cũ?*  *? Nhân vật ông giáo trong văn bản là hình ảnh của nhà văn Nam Cao. Từ nhân vật này , em hiểu gì về tác giả Nam Cao?*  *GV khái quát* | Thảo luận nhóm  - HS nhận xét  -HS nhận xét | III Tổng kết  ***1. Nghệ thuật***  Kết hợp tự sự, miêu tả, biểu cảm. Sử dụng các chi tiết cụ thể, sinh động để khắc hoạ nhân vật, cách kể tự nhiên chân thực từ ngôi thứ nhất.  *2. Nội dung:*  Số phận đau thương, nhân cách cao quí của người nông dân trong xã hội cũ.  Tấm lòng yêu thương trân trọng đối với người nông dân của tác giả.  Là nhà văn của những người lao động nghèo khổ mà lương thiện.  Giàu lòng yêu thương người nghèo.  Có lòng tin mãnh liệt vào những phẩm chất tốt đẹp của người lao động. |

**HOẠT ĐỘNG 4:** CỦNG CỐ, VẬN DỤNG

**+ Mục tiêu:** Vận dụng, củng cố kiến thức

**+ Phương pháp:** Luyện tập

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Cá nhân

**+ Thời gian:** 5phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| HĐ4:  *? Qua đoạn trích tức nước vỡ bờ và Lão Hạc, em hiểu thế nào về cuộc đời và tính cách người nông dân trong xã hội cũ* | Học sinh trả lời | **IV. Luyện tập:**  Gợi cho người đọc thấy cuộc đời nghèo khổ, bế tắc của tầng lớp nd trong XHTD nửa pk.  Thấy vẻ đẹp cao quí,lòng tận tuỵ hy sinh về người nông dân... |

**-** GV hệ thống kiến thức bài học.

**- Hoạt động tiếp nối:**

- Tóm tắt đoạn trích, phân tích nhân vật Lão Hạc

- Học phần ghi nhớ.

- Làm các bài tập, soạn bài

**Tiết 15 - Tiếng việt :**

**Trường từ vựng**

**I. Mục tiêu bài học:**

1. Về kiến thức:

- Hiểu được thế nào là trường từ vựng.

- Biết xác lập các trường từ vựng đơn giản.

1. Về kỹ năng:

Biết được mối liên quan giữa trường từ vựng với các hiện tượng ngôn ngữ đã học như đồng nghĩa, trái nghĩa, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hoá... giúp ích cho việc làm văn và học văn.

1. Về thỏi độ: Đồng tình khi sử dụng trường từ vựng.

**II. Chuẩn bị**:

1- Giáo viên: Chuẩn bị nội dung lên lớp, bảng phụ.

2- Học sinh: Chuẩn bị bài theo hướng dẫn.

**III. Phương pháp dạy học** : Vấn đáp, thảo luận, thuyết trình

**IV. Tiến trình dạy học:**

**HOẠT ĐỘNG I. KHỞI ĐỘNG ( 1P )**

\*Giới thiệu bài: Tìm hiểu từ ngữ, chúng ta không chỉ nắm được nghĩa của từ mà trong thực tế ta thấy nhiều từ ngữ có những nét nghĩa chung nào đấy. Trường hợp như vậy, người ta sắp xếp chúng vào cùng một trường gọi là trường từ vựng. Vậy tường từ vựng được hiểu như thế nào chúng ta cùng tìm hiểu.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tim hiểu về trường từ vựng.

**+ Mục tiêu:** Hình thành khái niệm về trường từ vựng.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp, thảo luận.

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp, nhóm nhỏ.

**+ Thời gian:** 15 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV yêu cầu HS đọc đoạn trích trong lòng mẹ – Nguyên Hồng.  *? Thống kê các từ in đậm?*  *? Các từ in đậm trong đoạn văn trên dùng để chỉ đối tượng nào?*  *? Chúng có nét chung nào về nghĩa?*  *? hãy tìm trong đoạn văn mở đầu văn bản trong lòng mẹ Nguyên Hồng những từ chỉ người ruột thịt của nhân vật tôi?*  *? Những từ ấy có nét chung nào về nghĩa?*  - GV: có đặc điểm như 2 nhóm từ trên gọi là trường từ vựng.  *? Thế nào là trường từ vựng*?  - GV: Khái quát ghi nhớ.  *? Tìm trường từ vựng chỉ hình dáng của con người?*  - GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu các lưu ý.  *? Quan sát trường từ vựng “ Mắt” Cho biết có những trường nhỏ nào?*  *? Qua trường từ vựng về “ Mắt” Em có nhận xét gì về trường từ vựng?*  *? Các trường từ vựng nhỏ trong trường từ vựng về “ Mắt” thuộc những từ loại nào?*  *? Nhận xét gì về quan hệ giữa các từ loại và trường từ vựng?*  *? Từ Chua thuộc những trường từ vựng nào?*  *? Từ việc tìm hiểu trên em có suy nghĩ gì về trường từ vựng và từ nhiều nghĩa?*  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu đoạn văn trích:” Lão Hạc – Nam cao”  *? Các từ : Tưởng, mường, cậu thường thuộc trường chỉ người hay vật?*  *? Vậy trong đoạn văn các từ đó thuộc trường từ vựng đối tượng nào?*  *? Chuyển trường từ vựng như vậy có ý nghĩa gì?*  *? Trong thơ văn và cuộc sống người ta thường dùng cách chuyển trường từ vựng để nhằm mục đích gì?*  - GV khái quát lưu ý | - HS đọc lại văn bản  - HS thống kê  - Trả lời độc lập  - HS nhận xét  - Suy nghĩ trả lời độc lập  - Thảo luận nhóm  - Địa diện nhóm trả lời.  - Ghi ý chính  - HS khái quát  - Đọc ghi nhớ  - HS tìm  - HS trả lời độc lập  - HS nhận xét  - HS khái quát.  - HS nhận xét  - HS trả lời độc lập  - HS bộc lộ  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời | I- Thế nào là trường từ vựng.  1)Tìm hiểu ngữ liệu:  - Mặt, da, gò má, đùi, đầu, tay, miệng.  - Các từ in đậm chỉ người  - Cùng chỉ bộ phận của cơ thể con người.  - Tôi, thầy tôi, mẹ tôi, cô tôi.  - Cùng chỉ những người ruột thịt của bé Hồng.  ***2. Ghi nhớ: SGK/21***.  - Hình dáng con người: Cao, thấp, lòng thòng, lêu nghêu, gầy, béo, xác ve, ...  *\** ***Lưu ý:***  - Có các trường nhỏ: Trường về bộ phận của mắt, trường về đặc điểm của mắt, cảm giác về măt, bệnh của mắt, hoạt động của mẳt.  - Một trường từ vựng có thể bao gồm nhiều trường từ vựng nhỏ hơn.  - Trường về bộ phận của mắt: là DT  - Trường về đặc điểm của măt: TT  - Hoạt động của mắt: ĐT  - Các trường từ vựng nhỏ trong trường từ vựng lớn có thể thuộc nhiều loại khác nhau...  - Chua:  + Trường mùi vị: Chua, cay, đắng, ngọt...  + Trường âm thanh: Chua ( chua tai), êm dịu, ngọt, chối tai, ...  - Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc nhiều trường từ vựng khác nhau.  - Trường chỉ người  - Trường chỉ người đã được chuyển sang trường chỉ vật.  - Tình cảm của lão Hạc gần gũi với con chó.  - Để tăng thêm tính nghệ thuật của ngôn từ và khả năng diễn đạt. |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh luyện tập

**+ Mục tiờu:** Vận dụng, củng cố kiến thức

**+ Phương pháp:** Luyện tập

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Cỏ nhõn, nhúm nhỏ.

**+ Thời gian:** 25 phỳt

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giỏo viờn** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV nêu yêu cầu bài tập 2  *? Đặt tên cho mỗi trường từ vựng?*  - GV khái quát ý đúng.  - GV: ? nêu yêu cầu bài tập 3  - GV khái quát ý đúng.  *? Yêu cầu bài tập 4?*  - Hướng dẫn HS tự làm.  - GV*: Nêu yêu cầu bài tập 5?*  - GV khái quát các bài tập. | HS trả lời độc lập  - Nhận xét  - HS ghi lưu ý  - HS khái quát  - HS trả lời độc lập  Thảo luận nhóm .  - Đại diện trả lời | *II- L****uyện tập***.  1. ***Bài tập 2*** *- Tr.23*  Đặt tên cho trường từ vựng.  a. Dụng cụ đánh bắt thuỷ sản.  b. Đồ dùng trong gia đình và cá nhân.  c. Hoạt động của chân.  d. Trạng thái tâm lý con người.  e. Tính cách con người.  f. Đồ dùng học tập ( dụng cụ để viết)  *2.* ***Bài tập 3*** *Tr.23*  Các từ thuộc trường từ vựng nào?  - Hoài nghi, khinh miệt, ruồng giẫy, thương yêu, kính mến, rắp tâm: thuộc trường từ vựng thái độ.  3. ***Bài tập 4*** *Tr.23*  - Khứu giác: Mũi, thơm, điếc, thính  - Thính giác: Tai, nghe, điếc, rõ, thính.  4***. Bài tập 5 Tr.23***  - Tìm trường từ vựng của mỗi từ sau:  - Lưới:  + Trường chỉ dụng cụ đánh băt thuỷ sản: Lưới, nơm, câu, vó...  + Trường chỉ đồ dùng cho chiến sỹ: lưới chắn đạn, võng căng bạt...  + Trường chỉ các hoạt động săn bắt của con gnười: lưới, bẵy, bắn, đâm...  - Lạnh:  + Trường chỉ thời tiết và nhiệt độ: lạnh, nóng, ấm ...  + Trường chỉ tính chất của thực phẩm: Lạnh (đồ lạnh), nóng (thực phẩm nóng)  + Thường chỉ, tình cảm, tâm lý hoặc tình cảm con người: lạnh ( anh ấy hơi lạnh), ấm ( hơi ấm)...  5***. Bài tập 6*** *Tr.24*  - Tác giả chuyển trường từ vựng quân sự sang trường nông nghiệp. |

**HOẠT ĐỘNG VI: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**-** GV hệ thống lại kiến thức về trường từ vựng.

- Học bài, làm bài tập còn lại.

**Tiết 16:**

***Từ tượng hình, từ tượng thanh***

**I. Mục tiêu bài học:**

1. **Về kiến thức:**

+ Hiểu được thế nào là từ tượng hình, từ tượng thanh

+ Có ý thức sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh để tăng thêm tính hình tượng, tính biểu cảm.

1. **Về kỹ năng:** Rèn kỹ năng sử dụng từ tượng hình, tượng thanh trong việc viết văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm.
2. **Về thái độ**: Bồi dưỡng ý thức học tập cho học sinh.

**II. Chuẩn bị**

**1- Giáo viên:** Soạn bài, tài liệu.

**2- Học sinh:** học và chuẩn bị bài.

**III. Phương pháp dạy – học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trình

**IV. Tiến trình dạy – học:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Kiểm tra bài cũ:**

? Thế nào là trường tự vựng? Tìm trường tự vựng của từ lưới.

Gợi ý: Trường dụng cụ đánh bắt thuỷ sản( cùng trường với nơm, câu, vó).

? Phân biệt cấp độ khái quát nghĩa từ ngữ với trường từ vựng? Lập các trường từ vựng nhỏ về con gà?

**Giới thiệu và dạy bài mới:**

*\**Giới thiệu bài

- GV có thể dẫn lại vấn đề về sự giàu đẹp của tiếng việt- NV 7, một trong những biểu hiện làm nên nét đẹp đặc sắc của tiếng việt đó là TV có 1 hệ thống từ tượng hình tượng thanh phong phú.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về từ tượng hìnnh, tượng thanh.

**+ Mục tiêu:** Nắm được khái niệm, đặc điểm và công dụng của từ tượng hình, tượng thanh.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 20 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| Yêu cầu học đọc các Bài tập SGK.  *? Theo dõi những từ in đậm, những từ nào gợi tả hình dáng, dáng vẻ hoạt trạng thái của sự vật?*  *? Những từ nào mô phỏng âm thanh của tự nhiên của con người?*  *? Những từ trên có tác dụng gì trong văn miêu tả, tự sự?*  *? Em hiểu thế nào là từ tượng hình, từ tượng thanh, tác dụng của chúng?*  - Gọi HS: Đọc ghi nhớ | - HS đọc bài tập.  - HS phát hiện.  - HS phát hiện.  - HS nhận xét.  - HS khái quát trả lời.  - Đọc ghi nhớ | **I. Đặc điểm, công dụng:**  **1.Ngữ liệu:**  \* Từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ: ***Móm mém, xồng xộc, vật vã, rũ rượi, xộc xệch, sòng sọc.***  \* Từ ngữ mô phỏng âm thanh: ***hu hu, ư ử.***  - Tác dụng: gợi hình ảnh, âm thanh cụ thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao.  *2. Ghi nhớ:* |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh luyện tập

**+ Mục tiêu:** Rèn kỹ năng sử dụng từ tượng hình, tượng thanh trong việc viết văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm.

**+ Phương pháp:** Luyện tập.

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** cá nhân

**+ Thời gian:** 20 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giỏo viờn** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập nhanh**: tìm từ ngữ tượng hình, tượng thanh trong đoạn văn sau: “ Anh Dậu... và dây thừng ” ?  - GV giao bài tập  *? Tìm tự tượng hình, tượng thanh?*  *? Tìm 5 từ tượng hình gợi tả dáng đi?*  *? Phân biệt nghĩa ?*  ? Yêu cầu bài tập 3  Đặt câu với các từ tượng hình, tượng thanh? | - HS làm bài tập thông báo kết quả  - HS độc lập làm bài  - HS độc lập làm bài  -Hs trả lời | II. Luyện tập  1. Bài 1:  - Từ tượng thanh : Soàn soạt, nham nhảm, Bịch, bốp.  - Từ tượng hình: Lẻo khẻo, chỏng quèo, ấn dúi, rón rén  2. Bài 2:  Đi lò dò, lom khom, thong thả , uyển chuyển, chập chững,  Bài 3:  \* Ha hả: gợi tả tiếng cười to, tỏ ra rất khoái trí.  \* Hì hì: mô phỏng tiếng cười phát ra cả đằng mũi, thường biểu lộ sự thích thú, có vẻ hiền lành.  \* Hô hố: cười to , vô ý.  \* Hơ hớ: mô phỏng tiếng cười thoải mái, vui vẻ, không cần che đậy (hơi vô duyên)  3. Bài tập 4:  - Mưa rơi lộp bộp trên mái nhà.  Gió thổi mạnh lá cây ào ào trút xuống.  - Những con đom đóm lập loè bay ra khi màn đêm buông xuống. |

**HOẠT ĐỘNG IV: CÚNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:** GV hệ thống lại kiến thức bài học.

**Hoạt động tiếp nối:**

- Hướng dẫn học ở nhà:

- Ghi nhớ, hoàn thành các bài tập còn lại;Chuẩn bị bài mới.

**Tiết 19- 20*. Bài 7: Văn bản***

***Đánh nhau với cối xay gió***

*( Trích Đôn-Ki-hô-tê - Xéc-van-tét )*

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức:**

- Đôn -ki -hô-tê và Xan-chô-Pan-Xa tương phản về mọi mặt.

- Đánh giá đúng đắn các mặt tốt, xấu của hai nhân vật ấy, từ đó rút ra bài học thực tiễn.

**2. Về kỹ năng:**

Biết tiếp tục rèn kỹ năng đọc, kể, tóm tắt truyện, phân tích, so sánh và đánh giá

các nhân vật trong tác phẩm văn học.

**3.Về thái độ:**

Tán thành với các em phân biệt cái tốt cái xấu trong xã hội.

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giao viên:** Chuẩn bị nội dung lên lớp, tham khảo tài liệu văn học phương tây từ cổ đại Hy Lạp đến thế kỷ XVIII.

**2. Học sinh:** Đọc và tóm tắt tác phẩm ở nhà, trả lời các câu hỏi.

**III. Phương pháp dạy học:**

Đọc hiểu, vấn đáp, bình giảng, thảo luận

**IV. Tiến trình dạy – học:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Kiểm tra bài cũ:**

? Tóm tắt đoạn trích Cô bé bán diêm? Phát biểu cảm nghĩ của em về cái chết của cô bé bán diêm?

**Giới thiệu và dạy bài học mới:**

Tây Ban Nha là một đất nước nằm ở phía tây Châu Âu, trong thời kì phục hưng TBN đã sản sinh ra một nhà văn vĩ đại Xéc-van-tét với tác phẩm bất hủ bộ tiểu thuyết Đôn-Ki-hô-tê. Bộ tiểu thuyết gồm 126 chương kể về 3 lần ra đi và trở về của hiệp sĩ Đôn-ki-hô-tê. Để giúp các em hiểu một phần của bộ tiểu thuyết này chúng ta cùng tìm hiểu đoạn trích: "***Đánh nhau với cối xay gió".***

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chung văn bản

**+ Mục tiêu:** Học sinh nắm được những nét tiêu biểu về tác giả, tác phẩm.

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp.

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Cá nhân

**+ Thời gian: 1**5 phútt

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV cho HS đọc chú thích dấu \*  ***? Nêu vài nét khái quát về tác giả?***  ***GV KQ lại SGV***  - GV nêu yêu cầu đọc.  - GV đọc 1 đoạn.  - GV nhận xét phần đọc của HS.  ***? Các em đã được học phương pháp tóm tắt VB tự sự vận dụng kiến thức đó em hãy tóm tắt đoạn trích?***  - GV nhận xét phần tóm tắt của HS, GV tóm tắt tác phẩm.  - GV cho học sinh giải nghĩa các từ khó.  ***? Giải nghĩa các chú giải 1,2,6,7,10,12?***  ***? Đoạn trích học chia làm mấy phần theo trình tự diễn biến? Sự việc chính trong mỗi phần là gì?***  ***? Xác định nhân vật chính trong đoạn trích?***    ***? Có người cho rằng đoạn trích trên là cuộc chiến đấu với cối xay gió là nội dung của TP theo em điều đó có đúng không ? Vì sao?***  ***? Tính cách của 2 nhân vật này được bộc lộ chủ yếu qua 5 sự việc chủ yếu. Em hãy chỉ rõ 5 sự việc đó?***  GV KQ chuyển ý. | - HS đọc chú thích dấu \*  - HS theo dõi SGK trình bày  - Ghi những ý cơ bản.  - HS đọc nối tiếp đến hết  - HS tóm tắt  - HS dựa sgk giải thích các từ khó.  - Nghiên cứu VB phát hiện cách tổ chức VB.  - HS phát hiện  - HS tự bộc lộ  - Trả lời độc lập. | ***I. Đọc- tiếp xúc văn bản***  **\* Tác giả, tác phẩm**  SGK / 31-32  **\* Đọc**  - Chú ý giọng đối thoại của hai nhân vật.  \* Tóm tắt:  - Thầy trò Đôn-ki trước trận chiến đấu gặp chiếc xay gió Đon ki nghĩ đó lá giã khổng lồ xấu xa.Dụ Xan chô...can ngăn nhưng Đôn ki...vẫn đơn thương độc mã xông tới,cánh puạt làm cho cả người và ngựa bị thương ( Từ đầu đến không cân sức )  - Hiệp sĩ Đôn-ki liều mình tấn công bọn khổng lồ và thảm bại.  **\* Từ khó:** SGK  **\* Câú trúc văn bản**  + Phân đoạn: 3 Phần  - Phần 1: Từ đầu đến cân sức hai thầy trò Đôn ki nhìn thấy và nhận định về những cối xay gió.  - Phần 2: Tiếp đến bị toạc nửa vai cuộc giao chiến với cối xay gió.  - Phần 3 còn lại: Quan niệm và cách ứng sử của mỗi người khi bị đau, khi ăn, khi ngủ.  - Nhân vật chính: Đôn-ki-hô-tê và Xan-chô -pan- xa  - ý kiến chưa thoả đáng, tuy nhan đề của đoạn trích là như thế nhưng phần 2 không dài và chủ yếu ở đoạn trích này nói về 2 nhân vật trước, trong và sau cuộc giao chiến.  \* 5 Sự việc tiêu biểu:  + Nhìn thấy và nhận định về những chiếc cối xay gió.  + Thái độ và hành động của mỗi người.  + Quan niệm và cách ứng sử của mỗi người khi bị đau đớn.  + Chung quanh chuyện ăn.  + Chung quanh chuyện ngủ. |

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản

**+ Mục tiêu:** Nắm được:- Đôn -ki -hô-tê và Xan-chô-Pan-Xa tương phản về mọi mặt.

- Đánh giá đúng đắn các mặt tốt, xấu của hai nhân vật ấy, từ đó rút ra bài học thực tiễn.

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp, bình giảng, thảo luận

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp, nhóm nhỏ

**+ Thời gian:**55 phút.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV định hướng hs hướng phân tích VB.  - GV: Theo dõi 5 sự việc trên để thấy được nét tính cách tiêu biểu của mỗi nhân vật.  ***? Từ hiệp sĩ được thể hiện thế nào?***  GV giới thiệu về hiệp sĩ Đôn- Ki- hô- tê trong đoạn trích em hãy cho biết.  ***? Vì sao Đôn- ki- hô- tê đánh nhau với cối xay gió?***  ***? Tại sao Đôn – Ki- hô- tê lại cho rằng những chiếc cối xay gió là những gã khổng lồ ? Mục đích tiêu diệt những gã khổng lồ đó là gì?***  ***? Trận đánh diễn ra như thế nào và kết quả ra sao?***  ***? Sau khi đánh nhau với cối xay gió Đôn- ki- hô- tê có những hành động và ý nghĩ như thế nào?***  ***? Em có suy nghĩ gì về các hành động trên của Đôn- ki- hô- tê ? Qua đó ta thấy Đôn- ki- hô- tê là người như thế nào?***  ***? Trước sự hoang tưởng của Đôn- ki em có thái độ gì?***  ***? Theo em chi tiết nào đáng cười nhất?***  **- GV** Đôn ki là một người cực kì hoang tưởng nhưng nhân vật này cũng có những nét phẩm chất bình thường đáng trọng.  ***? Qua chi tiết một mình Đôn Ki đánh nhau với 30 chiếc cối xay gió ( 30 tên khổng lồ ) đã thể hiện tính cách gì ở anh chàng hiệp sĩ này?***  ***? Không chỉ có lòng dũng cảm mà qua những suy nghĩ của Đôn ki sau cuộc chiến chúng ta còn nhận thấy nét tính cách nào của Đôn ki ?***  ***? Qua tìm hiểu em thấy nhân vật Đôn ki có những nét tính cách nào?***  ***?ở nhân vật này vừa có nét tính cách đáng trân trọng đồng thời vừa có tính cách đáng phê phán theo em đó là những nét tính cách nào***?  GVKQ chuyển ý.  Hết tiết 1.  - GV định hướng cho hs chú ý VB  ***? Theo dõi VB cho thấy khi Đôn-ki đánh nhau với cối xay gió Xan-chô đã có những lời can ngăn như thế nào?***  ***? Vì sao Xan- chô có những lời can ngăn đó?***  ***? Qua hành động trên của Xan-chô cho thấy đây là con người như thế nào?***  ***? Trong khi chủ giao chiến thì Xan-chô làm gì cho thấy đây là con người như thế nào?***  ***? Hành động đó thể hiện tính cách của bác giám mã này?***  ***? Khi thấy chủ bị đau bác cũng chạy đến giúp đỡ và nói Tôi đã chẳng bảo .... câu nói đó đã thể hiện hàm ý gì của Xan- chô?***  ***? Tại sao khi thấy ông chủ bị đau không kêu rên gì thì Xan- chô lại nói rằng còn tôi xin thưa với ngài rằng chỉ cần hơi đau ....?***  - GV đọc đoạn văn: **Được phép ... mà lại thoải mái nữa là khác.**  ***? Đoạn văn đã thể hiện được nét tính cách nào của Xan- chô?***  ***? Nhận xét về nhân vật Xan- chô qua đoạn văn Đôn- ki suốt đêm không ngủ ... đánh thức bác?*** | - Trả lời độc lập  - HS theo dõi VB  - Phát hiện.  - Phát hiện  - Suy luận  - HS miêu tả  - Phát hiện  - Thảo luận  - Nhận xét  - Phát hiện, lựa chọn  - Phát hiện, phân tích.  - Thảo luận trình bày ý kiến.  - HS khái quát  - Thảo luận nhóm 2  - HS phát hiện  - HS giải thích  - Nhận xét  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs phát hiện  -Hs nhận xét | II. Đọc hiểu văn bản  *1. Hiệp sĩ Đôn- ki- hô- tê.*  - Hiệp sĩ: sgk- 79  - Tưởng đó là những gã khổng lồ.  - Thấy đây là vận may, một cuộc chiến đấu chính đáng .....  - Đầu óc mê muội do đọc nhiều sách hiệp sĩ.  - Vì những chiếc cối xay gió là những kẻ độc ác, luôn phá hoại cuộc sống ...  - Kết quả ngọn giáo gãy tan tành, kéo theo người và ngựa văng ra ...  - Bẻ một cành khô, rút cái mũi sắt ..., thức suốt đêm để nghĩ tới nàng ...  - Hành động không bình thường điên rồ.  - Đôn-ki-hô-tê là người hoang tưởng  - Buồn cười vì sự hài hước của nhân vật.  - Lòng dũng cảm, có lí tưởng chiến đấu chống lại ác, cái xấu, trong XH.  - Đôn-ki coi khinh cái tầm thường, thực dụng không sợ đau đớn. Có tâm hồn cao thượng, cao cả.  Dũng cảm, cao thượng, có tình yêu  - Đáng chê cười: Tính cách hoang tưởng, thiếu thực tế.  - Đáng trọng: Tính cao thượng cứu khốn, phò nguy.  *2. Nhân vật Xan-chô- Pan-xa.*  - Xan-chô can ngăn cho rằng đó chỉ là những cái cối xay gió ....  - Xan-chô biết rõ sự thật đó là cối xay gió chứ không phải là bọn khổng lồ như Đôn-ki-hô-tê nghĩ.  - Xan-chô là con người tỉnh táo, không hoang tưởng.  - Không trợ giúp và ở một nơi khác.  - Xan-chô là người nhút nhát, sợ hãi.  - Trách móc chế giễu Đôn-ki không biết nghe lời mình. Và còn chứng tỏ mình là người có đầu óc bình thường.  - Vì Xan-chô tự biết không chịu được đau đớn và Xan – chô chỉ tin rằng con người khi đã đau thì phải kêu rên.  - Xan chô thích ăn uống và biết cách ăn uống.  - Xan-chô thích ngủ và ham ngủ.  - Xan chô luôn tỉnh táo, thực tế và thực dụng, ích kỷ hèn nhát. Ham ăn. ham ngủ  - Con người cần tỉnh táo nhưng không vì thế mà quá thực dụng, tầm thường.  ***3. So sánh cặp nhân vật***  **\* Đôn-ki:** Dòng dõi quí tộc, cao lênh khênh, khát vọng cao cả mê muội ....  **\* Xan-chô:** Nguồn gốc nông dân, béo lùn, ước muốn tầm thường, thực tế ...  - Hai nhân vật hoàn toàn đối lập.  - Nhấn mạnh và làm nổi bật tính cách của mỗi nhân vật.  - Tạo sự hài hước cho câu chuyện. |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh tổng kết.

**+ Mục tiêu**: Nắm được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp.

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** cá nhân.

**+ Thời gian:** 10 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| (?) Em hãy nêu những nét chính về nội dung và nghệ thuật của truyện | -Hs trả lời | ***III. Tổng kết:***  **1. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật đối lập  **2. Nội dung**  - Đôn ki – hô- tê tính cách hoang tưởng, thiếu thực tế.  - Xan chô luôn tỉnh táo, thiếu thực tế và thực dụng, ích kỷ hèn nhát.  **\* Ghi nhớ: sgk - 68**  ***IV. Luyện tập*** |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:** Gv tổng kết kiến thức.

**Hoạt động tiếp nối:**

- Làm các bài tập 1,2,3,4 SBT.

- Soạn bài : Chiếc lá cuối cùng.

**Tiết 17- 18:**

Bài 6: Văn bản:

***Cô bé bán diêm***

**( Trích ) *An - Đéc - Xen***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức:**

Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, có sự đan xen giữa hiện thực và mộng tưởng với các tình tiết hấp dẫn hợp lí của truyện Cô bé bán diêm, qua đó An- đéc- xen truyền cho người đọc lòng thương cảm của ông đối với em bé bất hạnh.

**2.Về kỹ năng:**

Biết tóm tắt và phân tích bố cục văn bản tự sự, phân tích nhân vật qua hành động và lời kể, phân tích tác dụng của biện pháp đối lập – tương phản.

**3.Về thái độ:**

Đồng tình với các em có tấm lòng bao dung đối với người nghèo.

**II. Chuẩn bị**

1. **Giáo viên:** Chuẩn bị nội dung lên lớp.
2. **Học sinh:** Đọc và tóm tắt tác phẩm ở nhà, trả lời các câu hỏi.

**III. Phương pháp dạy học:** Đọc hiểu, vấn đáp, bình giảng, thảo luận

**IV. Tiến trình dạy – học:**

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**Kiểm tra bài cũ:**

*? Qua đoạn trích Lão Hạc em thấy người nông dân có những phẩm chất gì cao quí.*

**Giới thiệu và dạy bài học mới:**

Đan mạch là một nước nhỏ thuộc khu vực Bắc Âu, diện tích bằng khoảng 1/8 diện tích nước ta, thủ đô là Co- pen- ha- ghen. An - đéc – xen là nhà văn nổi tiếng Đan Mạch với nhiều câu chuyện đặc sắc như cô gái và hạt đậu, nàng tiên cá .... Truyện của An- đéc- xen không chỉ trẻ em Đan Mạch thích thú mà hầu như tất cả trẻ em trên thế giới đều biết đến truyện của ông. Truyện của An- đéc- xen thường nhẹ nhàng tươi mát, toát lên lòng thương yêu con người nhất là người nghèo khổ, và niềm tin vào sự thắng lợi cuối cùng của cái tốt đẹp trên thế gian. Trong số đó có truyện Cô bé bán diêm là tiêu biểu và hấp dẫn. Vậy biễn biến câu truyện được diễn ra như thế nào chúng ta cùng tìm hiểu.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chung văn bản

**+ Mục tiêu:** Học sinh nắm được những nét tiêu biểu về tác giả, tác phẩm.

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp.

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Cá nhân

**+ Thời gian: 1**5 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV cho hs đọc chú thích dấu \*  ***? Nêu vài nét khái quát về tác giả ? Các tác phẩm tiêu biểu?***  *- GV khái quát lại SGV*  - GV nêu yêu cầu đọc.  - GV đọc 1 đoạn.  - GV nhận xét phần đọc của hs.  ***? Các em đã được học phương pháp tóm tắt VB tự sự vận dụng kiến thức đó em hãy tóm tắt đoạn trích ?***  GV cho hs giải nghĩa các từ khó.  *? Giải nghĩa từ* **Phuốc- sét, cây thông Nô- en?**  ***? Đoạn trích học chia làm mấy phần? Sự việc chính trong mỗi phần là gì?***  ***? Theo em trong 3 phần truyện phần nào là hấp dẫn nhất ? Vì sao ?***  ***? Phần 2 có thể được chia thành các đoạn nhỏ như thế nào ?***  ***? Qua việc tìm hiểu cấu trúc của truyện em có nhận xét gì về việc tổ chức tác phẩm?***  GV khái quát chuyển ý. | HS đọc chú thích dấu \*  HS theo dõi sgk trình bày  Ghi những ý cơ bản.  - HS đọc nối tiếp đến hết.  - HS tóm tắt  - HS dựa sgk giải từ khó.  Nghiên cứu VB phát hiện cách tổ chức VB.  - HS tự bộc lộ  - Trả lời độc lập.  - Trả lời độc lập | **I. Tỡm hiểu chung văn bản**  **\* Tác giả, tác phẩm**  SGK/ 31- 32  \* Đọc - tóm tắt.  - Chú ý giọng chậm cảm thông, chia sẻ. Phân biệt giọng ở đoạn văn nói tới những ảo tưởng và cảnh thực.  **\* Từ khó**: SGK  *-* ***Phuốc - sét****:* dụng cụ ăn có những cái xiên nhọn dùng để lấy thức ăn.  - ***Cây thông Nô- en*:** Cây thông nhỏ được kết đèn, hoa dùng để trang trí trong dịp lễ nô - en và tết dương lịch ở nhiều nước trên thế giới.  **\* Cấu trúc văn bản**  + Phân đoạn: 3 phần  - Phần 1: Từ đầu ⭢bàn tay em cứng đờ ra. Hoàn cảnh sống của cô bé bán diêm.  - Phần 2: Tiếp ⭢họ đã về chầu thượng đế. Các lần quẹt diêm và những mộng tưởng.  - Phần 3 còn lại: Cái chết thương tâm của em bé.  - Phần 2 là phần hấp dẫn nhất vì phần 2 đã nói về các lần quẹt diêm và mộng tưởng của em bé.  - Chia thành 5 đoạn nhỏ tương ứng với 2 lần quẹt diêm.  - Truyện diễn biến theo trình tự ba phần là hoàn toàn hợp lí, mạch lạch. |

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản

**+ Mục tiờu:** Thấy được tỡnh cảnh đáng thương của cô bé, những mộng tưởng của cô bé trong mỗi lần quẹt diêm và cái chết thương tâm của cô bé trong đêm giao thừa lạnh giá.

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp, bình giảng, thảo luận.

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp, nhóm nhỏ.

**+ Thời gian:** 55 phút.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV định hướng học sinh hướng phân tích VB.  - GV định hướng học sinh theo dõi phần 1 của VB.  ***? Theo dõi đoạn 1 của vb em thấy gia cảnh của cô bé bán diêm được giới thiệu như thế nào?***  ***? Trước gia cảnh đó em đã phải làm gì để sống?***  ? ***Qua những chi tiết miêu tả trên giúp em cảm nhận được gì về gia cảnh của cô bé bán diêm?***  ***? Trong VB cô bé cùng những bao diêm của mình xuất hiện trong thời điểm nào ? thời điểm đó sẽ gợi cho người đọc suy nghĩ gì?***  - GV: Giao thừa là thời gian giao thời giữa năm cũ sang năm mới. Giao thừa ở đất nước đan mạch vùng Bắc Âu này thời tiết thường rất lạnh nhiệt độ có thể xuống tới vài chục độ đưới không, tuyết dày đặc.  GV: Khung cảnh của đêm giao thừa được thể hiện từ trong nhà ngoài phố  ***? Trong từng ngôi nhà không khí của đêm giao thừa được miêu tả như thế nào?***  ***? Và ở ngoài đường phố hình ảnh em bé được miêu tả như thế nào?***  ***? Qua những hình ảnh miêu tả trên em cảm nhận gì về hai cảnh đó.***  ***? Em có nhận xét gì về nghệ thuật xây dựng hai cảnh trên***?  GV: Trong phần 1 của truyện tác giả còn sử dụng rất nhiều hình ảnh tương phản đối lập em hãy liệt kê các h/a đó?  ***? Theo em vì sao nhà văn lại sử dụng nhiều h/a tương phản đối lập trong một đoạn văn ngắn như vậy?***  GV: em bé đã rét đã khổ có lẽ càng rét và khổ hơn khi thấy mọi nhà rực ánh đèn. Em đã đói, có lẽ càng đói hơn khi ngửi thấy mùi ngỗng quay sực nức.  **Hết tiết 1:**  - GV KQ chuyển ý.  - GV định hướng cho học sinh chú ý phần 2 của VB  ***? Theo dõi phần truyện kể cô bé quẹt em diêm, hãy cho biết cô bé đã quẹt diêm mấy lần? Có gì đặc biệt trong mỗi lần quẹt diêm cuối có gì đáng chú ý?***  ***? Trong 5 lần quẹt diêm những hình ảnh kì diệu nào đã xuất hiện ?***  ***? lần quẹt diêm thứ nhất khi que diêm bật sáng em bé tưởng như có một lò sưởi cảnh đó gợi cho người đọc cảm thấy không khí thế nào?***  ***? Qua cảnh tượng đó ta thấy được ước mong gì của em bé?***  ***? Vì sao em bé lại mong ước điều đó?***  ***? Bàn ăn đã bày sẵn cùng các thứ quí giá hiện ở lần quẹt diêm thứ hai đã cho người đọc thấy được cảnh tượng như thế nào?***  ***? Mong ước gì của cô bé được hiện lên qua cảnh tượng này? Vì sao em lại có mong ước đó?***  GV: Ngỗng quay là món ăn ngon phổ biến ở các nước châu Âu và Đan mạch  ***? Sau hai lần quẹt diêm đó, thực tế đã thay cho mộng tưởng như thế nào?***  ***? Ta thấy ở đây tác giả đã sắp đặt song song cảnh mộng tưởng và thực tế. Cách sắp đặt đó có ý nghĩa gì?***  ***? Trong lần quẹt diêm thứ 3 em bé đã thấy gì?***  ***? Mong ước gì được thể hiện trong lần quẹt diêm thứ 3 này?***  ***? Trong lần quẹt diêm thứ tư có hai điều khác theo em đó là gì?***  ***? Vì sao trong lần quẹt diêm thứ tư em bé lại bắt gặp được h/a bà?***  ***? Qua 4 lần quẹt diêm em bé đều gửi gắm những mong ước đều gửi gắm những mong ước của mình đó là những mong ước gì?***  ***? Em có suy nghĩ gì về những mong ước đó?***  ***? Lần thứ 5 em bé quẹt diêm có gì khác có 4 lần trước?***  ***? Vì sao em bé lại quẹt tất cả các que diêm còn lại?***  ***? Khi các que diêm cháy hết là lúc em thấy mình bay lên cùng bà chẳng còn đói rét, đau buồn nào cả điều này có ý nghĩa gì?***  GV: Mỗi lần quẹt diêm là một lần em bé thấy mộng tưởng.  ***? Theo em các mộng tưởng đó diễn ra có hợp lí không? Trong số các mộng tưởng đó đâu là mộng tưởng gắn với thực tế điều nào thuần tuý chỉ là mộng tưởng?*** | - HS theo dõi phần 1 VB.  - Phát hiện  - Phát hiện  - Thảo luận  - Phát hiện thảo luận.  - Phát hiện.  - Phát hiện.  - Thảo luận trình bày ý kiến.  - Thảo luận nhóm  - HS làm việc độc lập  - Thảo luận  - HS theo dõi phần 2 của VB  - Phát hiện.  - Phát hiện  - Phát hiện.  - Phân tích kết luận  - Trả lời độc lập.  - Nhận xét  - Nhận xét.  - Phát hiện  - Thảo luận  - Phát hiện  - Nhận xét  - Phát hiện  - Nhận xét  - HS khái quát lại  - Nhận xét.  - Phát hiện .  - Thảo luận  - Nhận xét.  - Nhận xét. | *II. Tỡm hiểu chi tiết văn bản.*  *1. Hình ảnh em bé bán diêm trong đêm giao thừa.*  \* Gia cảnh cuả cô bé.  - Mồi côi mẹ, em sống với bố, bà nội là người thương yêu em nhất cũng đã qua đời.  - Em cùng bố sống chui rúc trong một só tối tăm, trên gác sát mái nhà.  - Bố em khó tính, luôn mắng em ....  - Em phải đi bán diêm để kiếm sống và mang tiền về cho bố.  - Gia cảnh của cô bé bán diêm nghèo khó, khổ cực.  - Cô bé cùng những bao diêm xuất hiện vào điêm giao thừa.  - Đây là thời điểm mọi người cần được sum họp đầm ấm bên gia đình.  \* Cảnh trong từng ngôi nhà:  - Cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn, trong phố sực nức mùi ngỗng quay...  ⭢ Cảnh ấp áp, hạnh phúc , no đủ.  **\* Cảnh ngoài phố**  - Trời rét buốt ....  - Em ngồi nép ở một góc tường, giữa hai ngôi nhà ...  - Em thu đôi chân vào người, nhưng mỗi lúc em càng thấy rét buốt hơn.  - Em không thể trở về nhà được vì sợ bố đánh ... đôi bàn tay cứng đờ...  ⭢ Cảnh cô đơn lạnh lẽo, đói rét bất hạnh.  **- Nghệ thuật đối lập tương phản**.  \* Hình ảnh tương phản đối lập.  - Trời giá rét, tuyết rơi – cô bé đầu trần chân đất.  - Ngoài đường lạnh buốt, tối đen – trong nhà đèn sáng rực.  - Em bé bụng đói – trong phố sực nức mùi ngỗng quay ....  - Xó tối tăm – ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân bao quanh ....  - Các h/a tương phản **nhằm làm nổi bật tình cảnh hết sức tội nghiệp rét, đói, khổ của em bé bán diêm. Và không chỉ là nỗi khổ về vật chất mà còn cả sự mất mát về tinh thần.**  *2. Cô bé bán diêm với những thực tế và mộng tưởng*.  - Cô bé đã quẹt diêm 5 lần, mỗi lần que diêm sáng là một lần em lại trông thấy một ảo ảnh kì diệu.  - Bốn lần đầu cô quẹt mỗi lần 1 que, lần thứ 5 cô quẹt hết các que diêm còn lại.  - Lần 1: Em tưởng chừng đang ngồi trước lò sưởi ...  - Lần 2: Em thấy một bàn ăn đã dọn ... có cả một con ngỗng quay ...  - Lần 3: Em thấy cây thông Nô- en.  - Lần 4: Em thấy bà.  - Lần 5: Em thấy mình cùng bà bay lên.  - Không khí sáng sủa ấm áp, thân mật.  - ước mong được sưởi ấm trong mái nhà quen thuộc.  - Vì em đang chịu rét trong băng tuyết.  - Cảnh sang trọng đầy đủ.  - Mong ước được ăn ngon.  - Vì lúc này em đang đói.  - Em bần thần cả người .... chẳng có bàn ăn thịnh soạn nào mà chỉ có phố xá vắng ...  **- Cảnh mộng tưởng và thực tế đặt song song.**  - Làm nổi bật mong ước hạnh phúc chính đáng của em bé bán diêm và số phận bất hạnh của em.  - Em thấy cây thông Nô- en...  - Em mong được vui đón Nô- en trong ngôi nhà của mình.  - Em thấy h/ả của bà xuất hiện; em được nói chuyện với bà.  - Em luôn mong ước có người che chở cho mình, bởi khi còn sống bà là người yêu thương em nhất.  - Mong ước chân thành, chính đáng, giản dị của bất cứ một em bé nào.  - Em quẹt tất cả các que diêm còn lại .....  - H/ả bà hiện lên chưa bao giờ em thấy bà to lớn ....  - **Em muốn níu giữ bà ở lại với em, em muốn đi theo bà.**  - Cuộc sống trên thế giới chỉ là buồn đau, đói rét. Chỉ có cái chết mới giải thoát được bất hạnh của em bé.  - Các mộng tưởng diễn ra hợp lí.  - Mộng tưởng gắn với thực tế: Lò sưởi, bữa ăn, đêm Nô- en.  - Mộng tưởng chỉ là mộng tưởng thuần tuý: ảo ảnh về người bà ......  - Tất cả các ảo ảnh trên thực ra chỉ là **những khao khát mơ ước của em bé bơ vơ thiếu một mái ấm gia đình, thiếu tình thương của con người.**  *3. Cái chết của em bé bán diêm.*  - Em chết vì giá rét ở một xó tường ....  - Đôi má hồng ....  - Nhà văn gửi gắm tình yêu thương sâu sắc của mình với những em bé bất hạnh ....  - Mọi người bảo nhau: Chắc nó muốn sưởi cho ấm ....  - Mọi người không hiểu em bé ... họ cố tình không hiểu em.  - Cái chết của em bé thật thương tâm và cảm động em chết vì sự lạnh lùng của người đời. |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh tổng kết

**+ Mục tiêu:** Học sinh nắm được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp.

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** cá nhân

**+ Thời gian:** 10 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| GVKQ xã hội vô tình lạnh lùng trước cái chết của đứa bé nghèo mồ côi chỉ có nhà văn mới có cái nhìn đầy nhân đạo như vậy. Cái chết của em bé thật thương tâm và cảm động em chết không chỉ vì giá rét mà em chế vì sự lành lùng của người đời. | -Hs ghi ý chính | III. Tổng kết  **1. Nghệ thuật**  - Đan xen giữa các yếu tố thật và huyền ảo.  - Kết hợp tự sự và miêu tả biểu cảm.  - Kết cấu truyện theo lối tương phản đối lập.  2. Nội dung.  - Xã hội và con người trong tác phẩm là sự lạnh lùng và thờ ơ vô cảm trước nỗi đau của người khác.  - Tấm lòng thương cảm của nhà văn.  \* Ghi nhớ: SGK – 68. |

HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG

**Củng cố bài học:** Gv tổng kết lại kiến thức.

**Hoạt động tiếp nối:**

- Đọc thêm các truyện của An- đéc - xen

- Tóm tắt đoạn trích.

? Phát biểu cảm nghĩ của em về truyện cô bé bán diêm nói chung và đoạn kết chuyện nói riêng ?

Về nhà:

- Làm các bài tập 1,2,3 ,4 SBT

**Tiết 19:**

***Tóm tắt văn bản tự sự***

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Về kiến thức:**

Hiểu được thế nào là tóm tắt văn bản tự sự và nắm được các thao tác tóm tắt văn bản tự sự.

**2. Về kỹ năng:**

Biết rèn luyện kỹ năng tóm tắt văn bản tự sự.

**3. Về thái độ:**

Cần có thái độ và ý thức trong việc tóm tắt văn bản tự sự.

**II. Chuẩn bị :**

**1. Giáo viên:** Soạn bài, tài liệu.

**2. Học sinh:** Học và ôn lại kiến thức văn tự sự ở lớp dưới

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trỡnh

**IV. Tiến trình dạy -học:**

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

Thế nào là liên kết đoạn văn trong vb, Nêu các cách liên kết đoạn văn trong văn bản.

**Giới thiệu và dạy học bài mới**

\*Giới thiệu bài

? Hãy cho biết những yếu tố quan trọng nhất trong tác phẩm tự sự

( sự việc, nhân vật chính )

Khi tóm tắt tác phẩm tự sự và qui trình tóm tắt ra sao bài hôm nay cô cùng các em đi tìm hiểu ....

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu thế nào là tóm tắt văn bản tự sự.

**+ Mục tiêu:** Nắm được thế nào là tóm tắt các văn bản tự sự.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp, thảo luận

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp, nhóm nhỏ

**+ Thời gian:** 10 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| *? Trong cuộc sống, có những văn bản tự sự ta muốn ghi lại nọi dung nhưng không thể ghi hết chi tiết cụ thể được, lúc ấy ta phảI làm gì?*  *? Suy nghĩ lựa chọn câu trả lời đúng nhất cho các câu sau??*  *?Theo em thế nào là tóm tắt văn bản tự sự*  Bảng phụ  Đọc ghi nhớ ý 1 | - HS độc lập trả lời    - Thảo luận nhóm  Trình bày kết quả  -Hs đọc | ***I. Thế nào là tóm tắt văn bản tự sự***  **1. Ngữ liệu**  - Khi muốn ghi lại nội dung chính của văn bản tự sự, ta cần tóm tắt văn bản đó.  Phương án đúng: b  2. Nhận xét:  - Tóm tắt VBTS là dùng lời văn của mình để trình bày ngắn gọn nội dung của văn bản đó.  \* Ghi nhớ ý 1 |

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh cách tóm tắt văn bản tự sự.

**+ Mục tiêu:** nắm được các thao tác tóm tắt văn bản tự sự.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 10 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| HĐ2  *? Văn bản tóm tắt trên kể lại nội dung của văn bản nào?*  *Dựa vào đâu mà em biết được điều đó ?*  *Văn bản tóm tắt có nêu được nội dung chính của văn bản ấy không?*  *? Văn bản trên có gì khác so với văn bản chưa tóm tắt* ( độ dài, câu, số lượng nhân vật sự việc ).  *? Từ văn bản trên em hãy cho biết yêu cầu đối với một văn bản tóm tắt* ( lưu ý phần 4 sgv)  *? Muốn viết được một văn bản tóm tắt theo em phải làm những việc gì? những việc ấy phải thực hiện theo trình tự nào*  GV khái quát. | -Hs trả lời  -Hs phát hiện  -Hs trả lời  -Hs phát hiện trả lời  -Hs trả lời  -Hs phát hiện | *II. Cách tóm tắt văn bản tự sự.*  *1.Yêu cầu đối với văn bản tóm tắt*  *a. Ngữ liệu*  Đoạn văn nói về văn bản Sơn Tinh Thuỷ Tinh sở dĩ biết được là nhờ vào sự việc chính, nhân vật chính.  Văn bản đã nêu được đầy đủ những nội dung chính của văn bản Sơn Tinh, Thuỷ Tinh ( các sự kiện và nhân vật trong văn bản )  - Văn bản trên ngắn gọn, nguyên bản truyện dài hơn  - Lời văn trong truyện khái quát hơn còn lời văn tóm tắt vb mang tính chất khách quan (lời nói của người viết)  - Cần phản ánh trung thành nội dung của văn bản được tóm tắt.  ***2. Các bước tóm tắt***  Bước 1: Đọc kỹ văn bản cần tóm tắt để nắm chắc nội dung của nó  Bước 2: Lựa chọn những sự việc chính và nhân vật chính  Bước 3: Sắp xếp cốt truyện tóm tắt theo một trình tự hợp lý.  Bước 4: Viết bản tóm tắt theo lời văn của mình.  \*Ghi nhớ2 ( sgk ) |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh luyện tập

**+ Mục tiêu:** Vận dụng những kiến thức vừa học vào cỏc dạng bài tập, rèn luyện kỹ năng tóm tắt văn bản tự sự.

**+ Phương pháp:** thuyết trình

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** cá nhân

**+ Thời gian:** 20 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? Lựa chọn những sự việc chính và nhân vật chính?  ? Tóm tắt theo lời văn của mình. | -Hs trả lời  -Hs tóm tắt | II. Luyện tập:  Tóm tắt đoạn trích “ Tức nuớc vỡ bờ”  - Nhân vật chính : chị Dậu.  Sự việc tiêu biểu là: Chị Dậu chăm sóc chồng bị ốm và đánh lại cai lệ và người nhà lí trưởng để bảo vệ anh Dậu |

HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG

**Củng cố bài học:** Gv tổng kết kiến thức

**Hoạt động tiếp nối:**

* Hướng dẫn học bài ở nhà.

- ? Thế nào là văn bản tự sự ? yêu cầu khi tóm tắt văn bản tự sự ? các bước tóm tắt văn bản tự sự ?

- Học ở nhà: học bài, chuẩn bị bài .

**Tiết 20**

***Luyện tập tóm tắt văn bản tự sự***

**I. Mục tiêu bài học:**

1. **Về kiến thức:**

Biết vận dụng các kiến thức đã học ở tiết 18 để luyện tập tóm tắt văn bản tự sự.

1. **Về kỹ năng:**

Biết rèn luyện các thao tác tóm tắt văn bản tự sự

1. **Về thái độ:**

Cần có ý thức luyện tập tóm tắt văn bản.

**II. Chuẩn bị :**

1. **Giáo viên:** Soạn bài,tài liệu**.**

**2. Học sinh**: Học và ôn kiến thức tóm tắt văn bản tự sự.

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trình

**IV. Tiến trình dạy - học:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

? Hãy nêu yêu cầu của một văn bản tóm tắt, những bước tóm tắt văn bản tự sự?

**Giới thiệu và dạy bài học mới:**

Các em đã học về cách tóm tắt VB tự sự và các bước tóm tắt VB để củng cố và nắm chắc hơn bài học hôm nay chúng ta tìm hiểu bài luyện tập

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh túm tắt một số văn bản tự sự.

**+ Mục tiêu:** Học sinh vận dụng các kiến thức đó được học ở tiết trước để tóm tắt văn bản tự sự.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp, thuyết trình

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp, nhóm nhỏ

**+ Thời gian:** 35 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| *? Hãy nhận xét về các sự việc, nhân vật chính nêu trong văn bản tóm tắt trên?*  *Cách sắp xếp các sự việc đó có đặc có đặc điểm gì?*  *? Hãy sắp xếp các ý trên theo một trình tự hợp lý?*  *? Tại sao em lại sắp xếp như vậy?*  ? Em hãy tóm tắt văn bản trên khoảng 10 dòng  - GV cho HS viết – trình bày trước lớp – Gv nhận xét bổ xung  - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm  - Y/c HS tóm tắt văn bản theo nhu cầu  ? Có ý kiến cho rằng văn bản “Tôi đi học” của Thanh Tịnh và văn bản “ Trong lòng mẹ ” của Nguyên Hồng rất khó tóm tắt . | - Hs trả lời  - Hs trả lời  - HS thảo luận nhóm trình bày kết quả  - HS độc lập trả lời  - HS tóm tắt trình bày trước lớp  - HS thảo luận  - HS tóm tắt trình bày kết quả  HS Thảo luận nhóm | *Bài tập 1:*  Tóm tắt truyện ngắn Lão Hạc  Nội dung: Văn bản tóm tắt đã nêu đầy đủ các sự kiện, nhân vật chính.  Sắp xếp còn lôn xộn, thiếu mạch lạc  a. Lão Hạc có 1 người con trai, 1 mảnh vườn và 1 con chó vàng.  b. Con trai lão đi phu đồn điền cao su lão chỉ còn lại cậu vàng.  c. Vì muốn giữ lại mảnh vườn cho con lão phải bán con chó.  d. Lão mang tiền dành dụm được gửi ông giáo.  e. Cuộc sống mỗi ngày một khó khăn lão kiếm gì ăn nấy và bị ốm 1 trận.  f. Một hôm lão xin Binh Tư một ít bả chó.  g. Ông giáo rất buồn khi nghe Binh Tư kể chuyện đó.  h. Lão chết, cái chết thật dữ dội.  k. Cả làng không biết vì sao Lão chết trừ Binh Tư và ông Giáo.  Dựa vào diễn biến của truyện ngắn Lão Hạc tóm tắt như vậy mới đảm bảo được tính hoàn chỉnh của văn bản ( Mở đầu, phát triển, kiến thúc )  *Bài 2:*  Nhân vật chính trong đoạn tức nước vỡ bờ là nhân vật chị Dậu.  Sự việc tiêu biểu là: Chị Dậu chăm sóc chồng bị ốm và đánh lại cai lệ và người nhà lí trưởng để bảo vệ anh Dậu.  Bài 3:  Văn bản trên rất khó tóm tắt vì đó là văn bản trữ tình, chủ yếu miêu tả những diễn biến trong đời sống nội tâm của nhân vật, ít các sự việc kể lại. |

HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG

**Củng cố bài học:**

? Thế nào là văn bản tự sự? Yêu cầu khi tóm tắt văn bản tự sự ? các bước tóm tắt văn bản tự sự ?

**Hoạt động tiếp nối:**

Học ở nhà: học bài, chuẩn bị bài tập.

**Tiết 21-22:**

***Luyện tập kỹ năng xây dựng đoạn văn***

I**. Mục tiêu bài học:**

**1.Về kiến thức:**

- Ôn tập củng cố các kiến thức văn tự sự.

- Giúp HS có khả năng tạo lập đoạn văn đạt yêu cầu về hình thức và nội dung

**2. Về kỹ năng:**

HS biết tạo lập 1 đoạn văn, diễn đạt dùng từ.

**3. Về thái độ** : Có ý thức tiếp thu, sửa chữa bài kiểm tra.

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:**

**1 – Giáo viên**: giao bài trước cho HS.

1. **Học sinh:**

**III. Phương pháp dạy học:**

**IV.Tiến trỡnh dạy- học:**

1. **Ổn định tổ chức:** Kiểm tra sĩ số.
2. **Kiểm tra bài cũ:**

Kiểm tra chuẩn bị của HS.

**3. Giới thiệu và dạy bài học mới:**

*Để giúp các em có cái nhìn chính xác về nội dung một số kiến thức đã được học về phần tập làm văn và biết sửa những lỗi về nội dung và diễn đạt trong bài làm vừa qua, bây giờ cô giáo cùng các em luyện tập về lỹ năng xây dựng đoạn văn.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giỏo viờn** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV cho HS đọc đề bài.  - GV cho HS đọc lại đề bài.  *? Xác định yêu cầu của đề bài?*  - GV hướng dẫn hs xây dựng dàn ý.  *? Trình bày phần mở đoạn, thân đoạn, kết luận?*  - GV khái quát  - HS viết và nhận xét bài làm của mình theo dàn ý.  - GV nhận xét chung .  - GV nhận xét bài làm của hs về các mặt ưu điểm và nhược điểm. | GV ghi đề bài lên bảng.  - HS xác định yêu cầu và đối tượng  - HS thảo luận  - HS ghi ý đúng.  - HS viết bài và nhận xét bài của mình.  - HS nghe. | \* Đề bài:  Viết đoạn văn cảm nhận về hình tượng người nông dân Việt Nam thời kỳ trước Cách mạng Tháng Tám trong các TPVH.  I. Tìm hiểu đề  - Yêu cầu:  **\* Kiểu bài:** cảm nhận  **\* Nội dung**: hình tượng người NDVN  II. Dàn ý:  A. Mở đoạn:  - Giới thiệu đối tượng cần cảm nhận.  B. Thân bài:  Nêu cảm nhận về hoàn cảnh, phẩm chất, nghệ thuật xây dựng nhân vật.  C. Kết đoạn:  Cảm nhận về giá trị nhân đạo/ hiện thực  III. Viết bài  IV. Nhận xét chung  1. Ưu điểm:  \* HS vận dụng đúng phương pháp đặc trưng của đoạn văn.  \* Bố cục 3 phần rõ ràng, nội dung trình bày trong từng phần đảm bảo với một đoạn văn cảm nhận.  \* Một số bài ngắn gọn, chính xác, ngôn ngữ dễ hiểu.  2. Tồn tại:  - Bố cục bài viết chưa rõ ràng, nội dung của từng phần không đảm bảo yêu cầu chung.  - Diễn đạt, dùng từ, đặt câu sai nhiều, chữ viết cẩu thả. Một số chưa có ý thức sửa chữa lỗi bài. |

HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG

**Củng cố bài học:  
Hoạt động tiếp nối:** GV nhắc nhở HS tiếp tục ôn tập những phương pháp viết đọan văn cảm nhận.

**Tiết 23:**

***Miêu tả và biểu cảm trong văn bản tự sự***

**I. Mục tiêu cầnđạt:**

**1. Về kiến thức:**

- Có được sự kết hợp và tác động qua lại giữa các yếu tố kể, tả và biểu lộ tình cảm của người viết trong một văn bản tự sự.

- Nắm được cách thức vận dụng các yếu tố này trong một bài văn tự sự.

**2. Về kĩ năng:**

Biết rèn luyện kĩ năng viết văn bản tự sự có đan xen các yếu tố miêu tả.

**3. Về thái độ:**

Tán thành ý thức trong việc học bộ môn.

**II. Chuẩn bị:**

1. **Giáo viên:** Chuẩn bị nội dung lên lớp, bảng phụ.
2. **Học sinh:** Chuẩn bị bài theo hướng dẫn.

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trỡnh

**IV. Tiến trình dạy – học:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Kiểm tra bài cũ:**

? Tóm tắt văn bản là gì? Nêu các bước tóm tắt VB?

**Giới thiệu và dạy bài học mới:**

Trong quá trình tạo lập VB tự sự tuỳ thuộc vào nội dung, mục đích và tính chất của VB mà người viết có thể sử dụng nhiều phương thức biểu đạt khác nhau. Để giúp các em biết cách sử dụng các phương thức biểu cảm trong một VB tự sự chúng ta cùng tìm hiểu trong giờ học.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về sự kết hợp các yếu tố kể, tả và biểu lộ tình cảm trong văn bản tự sự.

**+ Mục tiêu:** Học sinh nắm được sự kết hợp và tác động qua lại giữa các yếu tố kể, tả và biểu lộ tình cảm của người viết trong một văn bản tự sự.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 20 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV đọc bài tập  ***? Nhắc lại các biểu hiện của miêu tả, biểu cảm, tự sự?***  - GV: Từ những tiêu chí trên em hãy xác định các yếu tố miêu tả, biểu cảm, kể trong đoạn trích trên qua các từ ngữ, hình ảnh.  ***? Trong đoạn trích trên tác giả kể về việc gì?***  ***? Sự việc đó được thể hiện qua các chi tiết nào?***  - GV: Bên cạnh các chi tiết trên tác giả còn sử dụng yếu tố miêu tả.  ***? Hãy tìm các yếu tố miêu tả trong đoạn văn trên?***    ***? Ngoài các yếu tố miêu tả còn có yếu tố biểu cảm nào***?  ***? Các yếu tố miêu tả biểu cảm được thể hiện trong đoạn trích như thế nào***?  ***? Xác định các yếu tố trên trong đoạn trích?***    ***? Bỏ hết các yếu tố miêu tả biểu cảm trong đoạn văn, chép lại các câu văn kể người và việc thành một đoạn văn?***  ***? Hãy so sánh ý nghĩa của đoạn văn trên với đoạn văn cuả Nguyên Hồng.***  ***? Vậy yếu tố miêu tả và biểu cảm có vai trò gì trong VB tự sự?***  ***? Nếu bỏ hết các yếu tố tự sự thì đoạn văn sẽ bị ảnh hưởng thế nào?***  ***? Khi tạo lập VB cần sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm, tự sự thế nào?***  ***? Vậy các yếu tố miêu tả, biểu cảm, tự sự có vai trò gì trong tạo lập VB?***  *GV KQ ghi nhớ* | - Trả lời độc lập  - Thảo luận  - Phát hiện  - Thảo luận  - Phát hiện  - Nhận xét  - HS tự xác định  - Làm độc lập  - HS so sánh  - Thảo luận  - Phân tích  - Khát quát  - Khái quát  - HS đọc ghi nhớ | ***I. Sự kết hợp các yếu tố kể, tả và biểu lộ tình cảm trong văn bản tự sự.***  **1.Bài tập *:( sgk 72 –73).***  - **Kể:** thường tập trung vào nêu sự việc, hành động, nhân vật.  - **Tả**: Tập chung chỉ ra tính chất, màu sắc, mức độ của sự việc, nhân vật, hành động.  - **Biểu cảm**: thường thể hiện ở các chi tiết bày tỏ camr xúc, thái độ của người viết.  - **Kể**: Đoạn trích kể lại cuộc gặp gỡ đầy cảm động của nhân vật tôi với người mẹ xa cách lâu ngày.  **\* Chi tiết:**  + Mẹ vẫy tôi lên xe  + Tôi chạy theo chiếc xe chở mẹ.  + Mẹ kéo tôi lên xe.  + Tôi oà khóc.  + Mẹ cũng sụt sùi khóc theo.  + Tôi ngồi bên mẹ ngả vào lòng mẹ quan sát khuôn mặt mẹ.  **\* Các yếu tố miêu tả:**  + Tôi thở hồng hộc, chán đẫm mồ hôi, ríu cả chân lại.  + Mẹ tôi không còm cõi  + Gương mặt vẫn tươi sáng với đôi mắt .... hai gò má.  **\* Các yếu tố biểu cảm:**  + Hay tại sự sung sướng như thưở còn sung túc ( suy nghĩ ).  + Tôi thấy những cảm giác ấm áp ....( cảm nhận ).  + Phải bé lại mà lăn vào lòng ...( phát biểu cảm tưởng )  - Các yếu tố trên không tách rời nhau mà đan xen: Vừa kể, tả, biểu cảm.  **\* Đoạn văn**: “ Tôi ngồi trên đệm xe ... thơm tho lạ thường ”  - Kể việc: Tôi ngồi trên đệm xe ...  - Tả: Đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay... nhai trầu  - Biểu cảm: Những cảm giác ấm áp đó  - **Đoạn văn**: “ Mẹ tôi vẫy tôi. Tôi chạy theo chiếc xe chở mẹ. Mẹ kéo tôi lên xe. Tôi oà khóc. Mẹ tôi khóc theo. Tôi ngồi bên mẹ, đầu ngả vào cánh tay mẹ, quan sát gương mặt mẹ.”  - Đoạn văn đơn thuần chỉ kể lại việc, thiếu đi tình cảm của người viết.  **\*Vai trò của miêu tả, biểu cảm:**  + Các yếu tố miêu tả, biểu cảm giúp cho người đọc hình dung được cuộc gặp gỡ của hai mẹ con thật cảm động...  + Làm cho ý nghĩa câu chuyện thêm sâu sắc.  - Bỏ yếu tố tự sự: Chuyện không thành chuyện. Vì không có tình tiết và nhân vật chính tạo nên.  - Khi kể cần đan xen các yếu tố: miêu tả, biểu cảm, tự sự.  - Các yếu tố làm cho kể chuyên sinh động và sâu sắc hơn.  ***2. Ghi nhớ sgk- 74*** |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh luyện tập

**+ Mục tiêu:** Luyện kĩ năng viết văn bản tự sự có đan xen các yếu tố miêu tả.

**+ Phương pháp:** thuyết trình

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** cá nhân

**+ Thời gian:** 25 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV hướng dẫn hs làm các bài tập.  ? Tìm 1 số đoạn văn có sử dụng yếu tố miêu tả biểu cảm trong VB *Lão Hạc, Tôi đi học, tức nước vỡ bờ*?  - GV: Cho hs về nhà làm tiếp.  - GV cho hs làm bài tập 2.  ***? Viết đoạn văn kể về giây phút đầu tiên gặp người thân?***  GV hướng dẫn hs cách viết, yêu cầu viết. | HS làm 1 VB  - HS làm trong 7 phút  - HS trình bày | **II. Luyện tập**  **1. Bài 1- 74**  - “ Sau một hồi trống thúc vang... trong các lớp”  Miêu tả: *Sau một hồi trống ... quả ban tưởng tượng.*  + Biểu cảm: “ Vang dội lòng tôi....rộn ràng trong các lớp ”.  **2. Bài tập 2- 74**  - Yêu cầu: Đoạn văn dài khoảng 6-8 câu.  - Nên bắt đầu từ chỗ nào?  - Từ xa người ấy ra sao? ( hình dáng, mái tóc, ăn mặc...)  - Lạ gần người ấy thế nào? Hành động của mình và người thân.  - Biểu hiện tình cảm của 2 người sau khi đã gặp. |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:** Gv tổng kết kiến thức.

**Hoạt động tiếp nối:**

- Sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm như thế nào.

- Làm bài tập 1 và bài tập trong sách bài tập.

- Chuẩn bị bài tiếp theo.

**Tiết 24:**

**Luyện tập viết đoạn văn tự sự kết hợp**

**với miêu tả và biểu cảm**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức:**

Thông qua thực hành biết cách vận dụng sự kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm khi viết một đoạn văn tự sự.

**2. Về kĩ năng:**

Biết rèn luyện kĩ năng viết đoạn văn theo những yêu cầu cho trước.

**3. Về thái độ:**

Cần có ý thức bồi dưỡng tình cảm yêu quý bộ môn, có hứng thú học tập biết viết đoạn văn theo yêu cầu

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:**

**1. Giáo viên:** soạn bài.

**2. Học sinh:** ôn tập về sự việc và nhân vật chính trong văn tự sự kiến thức bài 6.

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trỡnh

**IV. Tiến trình dạy – học:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Giới thiệu và dạy bài học mới:**

Trong văn tự sự ngoài những yếu tố chính còn có những yếu tố miêu tả và biểu cảm, các yếu tố kết hợp đan xen vậy muốn viết đoạn văn tự sự có kết hợp miêu tả cần thực hiện như thế nào ....

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về từ sự việc và nhân vật đến đoạn văn tự sự có yếu tố miêu tả và biểu cảm

**+ Mục tiêu:** biết cách vận dụng sự kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm khi viết một đoạn văn tự sự.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 15 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Theo dõi các dữ liệu trong sgk cho biết:  ***? Những yếu tố cần thiết để xây dựng đoạn văn tự sự là gì?***  ***? Vai trò của những yếu tố miêu tả và biểu cảm trong đoạn văn tự sự ?***  ***? Quy trình xây dựng đoạn văn tự sự gồm mấy bước, nhiệm vụ của từng bước là gì?***  Vận dụng quy trình xây dựng đoạn văn:  ***? Hãy xây dựng đoạn văn từ SV và NV: Chẳng may em đánh vỡ một lọ hoa đẹp***  GV lưu ý khi viết đoạn văn  - Triển khai đoạn văn theo cấu trúc đã chọn  - Kiểm tra tính liên kết mạch lạc của đoạn văn đã viết xong | - HS xác định các yếu tố  - HS nhận xét  - HS nêu  -Hs trả lời  Đánh giá đoạn văn đối chiếu với yêu cầu  HS viết đoạn văn theo yêu cầu  Trình bày đoạn văn.  HS nhận xét | *I. Từ sự việc và nhân vật đến đoạn văn tự sự có yếu tố miêu tả và biểu cảm*  - Yếu tố cần thiết:  + Sự việc: Gồm một hoặc nhiều hành vi, hành động .  đã xảy ra cần được kể lại một cách rõ ràng, mạch lạc để người khác cũng được biết.  + Nhân vật chính: Là chủ thể của hành động hoặc là 1 trong những người chứng kiến sự việc xảy ra.  - Các yếu tố miêu tả biểu cảm có vai trò làm cho sự việc trở lên dễ hiểu hấp dẫn và nhân vật chính trở nên gần gũi sinh động các yếu tố này có thể nhiều hay ít, đậm hay nhạt nhưng nó chỉ có vai trò hỗ trợ cho sự việc, nhân vật chính.  - Quy trình xây dựng đoạn văn:  + Lựa chọn việc chính  + Lựa chọn ngôi kể  + Xác định thứ tự kể  + Xác định các yếu tố miêu tả, biểu cảm dùng trong đoạn văn sẽ viết  + Viết thành đoạn văn  + Sự việc chính  + Ngôi kể: ngôi thứ nhất số ít: Tôi, em  + Thứ tự kể: Mở đầu có thể nêu cảm tưởng, hành động, nhận xét ( VD: Em thẫn thờ ngồi nhìn cái lọ hoa đẹp vừa bị vỡ tan ... chỉ một phút vội vàng mà em đã phải trả giá bằng sự việc nối tiếc, ân hận )  - Diễn biến: Kể lại sự việc một cách chi tiết, có xen miêu tả và biểu cảm ( VD vỡ thành từng mảng lớn có thể gắn lại bằng keo, ngắm nghía mân mê những mảnh vỡ có hoa văn đẹp, các sự việc có liên quan ....)  - Kết thúc: suy nghĩ, cảm xúc của bản thân hoặc thái độ tình cảm cuả bản thân ( mọi người ) khi chứng kiến bài học kinh nghiệm về tính cẩn thận. |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh luyện tập

**+ Mục tiêu:** Rèn luyện kĩ năng viết đoạn văn theo những yêu cầu cho trước.

**+ Phương pháp:** trỡnh bày, vấn đáp

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** cá nhân

**+ Thời gian:** 25 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Luyện tập**  GV nêu yêu cầu: Cho sự và việc nhân vật sau đây: Hãy đóng vai ông giáo kể lại giây phút Lão Hạc sang bán cho với vẻ mặt và tâm trạng đau khổ  ***? Tìm trong chuyện ngắn Lão Hạc của Nam Cao đoạn văn miêu tả giây phút trên ?*** | HS tìm đoạn văn, nêu tác dụng  Hs trả lời | *II. Luyện tập*  Bài tập 1:  - Nêu cụ thể yếu tố miêu tả và biểu cảm.  Bài tập 2:  \* Yếu tố miêu tả và biểu cảm: nụ cười ...mắt... mặt...cái đầu ....cái miệng  \* Tác dụng: Khắc sâu hình ảnh Lão Hạc khốn khổ về hình dáng bên ngoài, đau đớn quằn quại về tinh thần trong giây ân hận, xót xa, già bằng này tuổi rồi còn đánh lừa một con chó. |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:** GV tổng kết kiến thức.

**Hoạt động tiếp nối:**

- Luyện viết đoạn văn tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm ( SV và NV theo sgk ý b, c)

- Ôn tập chuẩn bị viết bài

**Tiết 25:**

**Lập dàn ý cho bài văn tự sự kết hợp với**

**miêu tả và biểu cảm**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1.Về kiến thức**

- Nhận diện được bố cục các phần mở bài, thân bài, kết bài của một bài văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.

- Biết cách tìm, lựa chọn và sắp xếp các ý trong bài văn ấy.

**2.Về kỹ năng**

- Biết rèn luyện kĩ năng sắp xếp các ý trong văn bản tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.

3. Về thái độ

- Bồi dưỡng ý thức làm bài văn miêu tả và biểu cảm.

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh**

**1. Giáo viên:** Soạn bài.

**2. Học sinh:** Học bài và ôn tập.

**III. Phương pháp dạy học :** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trỡnh **IV. Tiến trình dạy-học**

***HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG***

**Kiểm tra bài cũ:**

? Vai trò của yếu tố miêu tả và biểu cảm trong văn tự sự.

**Giới thiệu và dạy bài học mới:**

Tiết trước các em đã được rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn tự sự xen lẫn miêu tả và biểu cảm. Để có một bài văn hoàn chỉnh, việc lập dàn ý cho bài viết là khâu cần thiết không thể thiếu. Vậy dàn ý cho bài văn tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm như thế nào Cô và các tìm hiểu bài hôm nay.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về dàn ý của bài văn tự sự.

**+ Mục tiêu:** Nhận diện được bố cục các phần mở bài, thân bài, kết bài của một bài văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 15 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***? Hãy xác định bố cục của bài văn ? Nêu nội dung của từng phần?***  ***? Lần lượt tìm và chỉ ra các yếu tố sau:***  ***? Truyện kể về việc gì ? Ai là người kể chuyện?***  ***? Câu chuyện sảy ra ở đâu vào lúc nào, trong hoàn cảnh nào?***  ***? Câu chuyện sảy ra với ai? Có những nhân vật nào? Ai là nhân vật chính? Tính cách của mỗi nhân vật ra sao?***  ***? Nêu diễn biến câu chuyện***  ( mở đầu như thế nào, đỉnh điểm câu chuyện kết thúc tại đâu, điều gì tạo nên sự bất ngờ cho câu chuyện )  ***? Điểm khác biệt của bài văn tự sự nói chung và bài văn tự sự này?***  ***? Các yếu tố miêu tả và biểu cảm được thể hiện chỗ nào trong bài văn? Nêu tác dụng của những yếu tố miêu tả và biểu cảm?***  ***? Nhận xét trình tự kể chuyện.***  ***? Qua phân tích em hãy cho biết dàn ý bài văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm gồm mấy phần nêu nhiệm vụ của từng phần.***  GV: Dàn ý của bài văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm chủ yếu vẫn là dàn ý của bài văn tự sự có bố cục ba phần. Tuy vậy trong từng phần cần đưa vào các nội dung miêu tả, biểu cảm để dàn ý được hoàn chỉnh hơn.  GV: hướng dẫn hs làm bài theo yêu cầu.  ***? Các yếu tố miêu tả và biểu cảm được thể hiện như thế nào trong truyện? Tác dụng của các yếu tố này?*** | - HS đọc.  - HS xác định  - HS phát hiện  - HS nhận xét  - HS phát hiện nhận xét  - HS so sánh  - HS phát hiện, nhận xét  - HS nhận xét  - HS nhận xét khái quát  -    HS đọc SGK  - HS thảo luận trình bày | ***I. Dàn ý của bài văn tự sự:***  **1. Bài tập**: văn bản “ ***Món quà sinh nhật ”:***  \* Bố cục:  + Mở bài: Từ đầu .... trên bàn: Kể và tả quang cảnh buổi sinh nhật.  + Thân bài: Vui .... không nói: Món quà sinh nhật độc đáo của người bạn.  + Kết bài: Còn lại: Cảm nghĩ của nhân vật Tôi về món quà sinh nhật của người bạn.  - Sự việc chính: Diễn biến buổi sinh nhật.  - Ngôi Kể: thứ nhất tôi Trang.  - Thời gian: Buổi sáng.  - Không gian: Trong nhà Trang.  - Hoàn cảnh: Ngày sinh nhật của Trang có các bạn đến chúc mừng.  - Sự việc sảy ra xoay quanh nhân vật Trang (nhân vật chính) ngoài ra còn có Trinh, Thanh và các bạn khác.  - Trang: hồn nhiên vui mừng sốt ruột  - Trinh đằm thắm kín đáo chân thành.  - Thanh hồn nhiên, nhanh nhẹ tinh ý.  \* Diễn Biến:  + Mở đầu buổi sinh nhật vui vẻ đã sắp đến hồi kết thúc, Trang sốt ruột vì bạn thân chưa đến.  + Diễn biến: Trinh đến và giải toả những băn khoăn của Trang.  Đỉnh điểm: là món quà độc đáo một chùm ổi được Trinh chăm sóc từ khi còn là cái nụ.  + Kết thúc: Cảm nghĩ của Trang về món quà sinh nhật độc đáo.  Điều tạo nên bất ngờ là do tình huống truyện.  - Bài văn tự sự nói chung chỉ làm nhiệm vụ kể chuyện, bài văn tự sự này có thêm yếu tố miêu tả và biểu cảm.  - Các yếu tố miêu tả và biểu cảm:  + Miêu tả: Suốt cả buổi sáng nhà tôi tấp nập kẻ ra người vào... các bạn ngồi chật cả nhà.. nhìn thấy Trinh đang cười ... Trinh lom khom .... Trinh vẫn lặng lẽ cười ...  + Biểu cảm: Tôi vẫn cứ bồn chồn không yên ... bắt đầu lo... tủi thân.  Tác dụng:  + Miêu tả tỉ mỉ diễn biến của buổi sinh nhật giúp cho người đọc có thể hình dung ra không khí của nó và cảm nhận được tình bạ thắm thiết giữa Trinh và Trang.  + Biểu cảm: Bộc lộ tình bạn bè chân thành và sâu sắc giúp cho người đọc hiểu rằng tặng cái gì không quan trọng bằng tặng như thế nào.  **\* Trình tự kể**: Vừa kể theo trình tự thời gian vừa dùng hồi ức, ngược thời gian nhớ về sự việc đã diễn ra “ lâu lắm mấy tháng trước ....”.  ***\* Dàn ý của bài văn tự sự:***  Gồm 3 phần:  + Mở bài: Giới thiệu sự việc, nhiệm vụ tình huống sảy ra câu chuyện ....  + Thân bài: Kể lại diễn biến ...  + Kết bài: Cảm nghĩ của người trong cuộc...  ***2. Ghi nhớ*** |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh luyện tập

**+ Mục tiêu:** Biết cách tìm, lựa chọn và sắp xếp các ý trong bài văn tự sư.

**+ Phương pháp:** thuyết trình

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** cá nhân

**+ Thời gian:** 25 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV Nêu yêu cầu, gợi ý cho hs lập dàn ý. | - HS độc lập làm bài | ***II. Luyện tập:***  ***1. Bài tập 1***: Lập dàn ý cho văn bản “ Cô bé bán diêm ”.  **\* Mở bài**: Giới thiệu quang cảnh đêm giao thừa và gia cảnh cô bé bán diêm, nhân vật chính.  **\* Thân bài:**  - Lúc đầu không bán được diêm, nên em không dám về nhà, em tìm một góc tường để tránh rét nhưng em vẫn bị gió rét hành hạ.  - Sau đó em đánh liền các que diêm để sưởi ấm cho mình. Sau mỗi lần quẹt diêm các mộng tưởng lần lượt hiện ra.  **\* Kết bài**: Em bé bán diêm đã chết trong đêm giao thừa ....  Các yếu tố miêu tả và biểu cảm có tác dụng làm cho việc miêu tả thêm sinh động và bộc lộ được những suy nghĩ và tâm trạng nhân vật.  ***2. Bài 2:***  **\* Mở bài:**  - Giới thiệu bạn thân mình là ai.  - Kỷ niệm xúc động nhất là kỷ niệm về cái gì.  **\* Thân bài**:  - Thời gian, không gian, hoàn cảnh ... kỉ niệm....  - Nhân vật chính và các nhân vật khác.  - Sự việc chính và các chi tiết  ( mở đầu, diễn biến, kết quả )  - Điều gì khiến em xúc động nhấ, xúc động như thế nào.  **\* Kết quả**: Nêu cảm nghĩ về kỷ niệm đó. |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học :** Gv tổng kết kiến thức.

**Hoạt động tiếp nối:**

- Học ghi nhớ, hoàn thành các bài tập còn lại.

**Tiết 26:**

***Luyện nói:***

***Kể chuyện theo ngôi kể kết hợp***

***với miêu tả và biểu cảm.***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1.Về kiến thức:**

- Cần có trình bày miệng trước tập thể một cách rõ ràng, gãy gọn, sinh động về một câu chuyện có kết hợp với miêu tả và biểu cảm.

- Ôn tập về ngôi kể.

**2.Về kỹ năng:**

- Biết rèn kĩ năng nói, kể trước tập thể kết hợp với miêu tả, biểu cảm

**3. Về thái độ:**

- Tán thành với các em và bồi dưỡng lòng tự tin, mạnh dạn trước tập thể.

**II.Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên:** Chuẩn bị nội dung lên lớp, bảng phụ.

**2. Học sinh:** Chuẩn bị bài theo hướng dẫn.

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trình **IV.Tiến trình dạy học:  
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG  
Kiểm tra bài cũ:** ? Dàn ý của bài văn tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm gồm mấy phần? Nhiệm vụ của từng phần? **Giới thiệu và dạy bài mới:**

Nói và viết là sản phẩm của quá trình tạo lập văn bản cao nhất, hiện tại các em còn gặp nhiều vướng mắc trong khi trình bày một vấn đề nào đó ( Văn nói ). Để giúp các em có kĩ năng nói thành thạo trong phần tập làm văn có giành một số giờ học giúp các em có cơ hội được trình bày ý kiến của mình về vấn đề cụ thể trước tập thể lớp.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh ôn tập về “ Ngôi kể ”

**+ Mục tiêu:** Học sinh nắm được định nghĩa “ ngôi kể ”

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 10 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV nêu câu hỏi cho hs thảo luận trả lời các kiến thức về ngôi kể.  ***? Kể theo ngôi thứ nhất là kể như thế nào? Nêu tác dụng của ngôi kể này?***  ***? Thế nào là kể theo ngôi thứ 3 nêu tác dụng của việc sử dụng ngôi kể này?***  ***? Lấy ví dụ về cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất và ngôi thứ 3 ở một vài tác phẩm hay trích đoạn văn tự sự đã học.***  ***? Tại sao người ta lại thay đổi ngôi kể?***  - GV cho hs đọc đoạn văn bài tập /110 ( Đoạn trích Ngô Tất Tố, Tắt đèn )  ***? Xác định sự việc, nhân vật chính và ngôi kể trong đoạn văn?***  ***? Trình bày các yếu tố biểu cảm nổi bật và cách xưng hô trong đoạn văn?***  ***? Xác định các yếu tố miêu tả? Tác dụng của các yếu tố miêu tả?***  **GVKQ:** để kể đúng được yêu cầu cần xác định được ngôi kể, lời kể, chi tiết miêu tả, lời biểu cảm .... | - HS thảo luận rút ra ý kiến nhận xét.  - Thảo luận nhóm trình bày ý kiến.  - HS nhớ và trình bày độc lập.  - HS phát hiện,phân tích  - HS đọc đoạn văn trích/ 110.  -HS phát hiện.  - HS phát hiện.  - Phát hiện trình bày.  - Nghe | **I*. Ôn tập ngôi kể.***  1. Ngôi kể thứ nhất, thứ ba.  - Kể theo ngôi thứ nhất: Là người kể xưng tôi trong câu chuyện.  + Kể theo ngôi này, người kể có thể trực tiếp kể ra những gì mình nghe, mình thấy, mình trải qua, có thể trực tiếp nói ra những suy nghĩ, tình cảm của chính mình. Kể như là người trong cuộc làm tăng tính chân thực, tính thuyết phục “ như là có thật ” của câu chuyện.  - Kể theo ngôi thứ 3: Là người kể tự giấu mình đi, gọi tên các nhân vật bằng tên gọi của chúng.  + Cách kể này giúp người kể có thể kể 1 cách linh hoạt, tự do những gì diễn ra với nhân vật.  *2. Ví dụ:*  - Kể theo ngôi thứ nhất: Tôi đi học, Lão Hạc, Những ngày thơ ấu .....  - Kể theo ngôi thứ 3: Tắt đèn, cô bé bán diêm, Chiếc lá cuối cùng ....  *3. Thay đổi ngôi kể:*  - Thay đổi ngôi kể là để soi chiếu sự việc, nhân vật bằng tính sinh động, phong phú khi miêu tả sự vật, sự việc và con người.  *II. Chuẩn bị luyện nói:*  Đọc đoạn văn sgk / 110 và kể lại theo lời của chị Dậu theo ngôi thứ nhất.  - Sự việc: cuộc đối đầu giữa những kẻ đi thúc sưu với người xin khất sưu.  - Nhân vật chính: Chị Dậu, cai lệ, người nhà lí trưởng.  - Ngôi kể: ngôi kể thứ 3.  \* Các yếu tố biểu cảm:  - Van xin, nín nhịn .... xưng hô cháu van ông.  - Bị ức hiếp, phẫn nộ ... xưng hô chồng tôi đau ốm ông ....  - Căm thù, vùng lên .. Mày..bà  \* Các yếu tố miêu tả:  - Chị Dậu xám mặt ....  - Sức lẻo khẻo của anh chàng nghiện ... người đàn bà lực điền .... ngã chỏng quèo ...  \* Các yếu tố miêu tả đã nêu bật sức mạnh lòng căm thù của chị Dậu. |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh luyện tập

**+ Mục tiêu:** Rèn kĩ năng trình bày miệng trước tập thể một cách rõ ràng, gãy gọn, sinh động về một câu chuyện có kết hợp với miêu tả và biểu cảm.

**+ Phương pháp:** thuyết trình

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** cá nhân

**+ Thời gian:** 30 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV nêu yêu cầu nói:  + Giọng to rõ ràng, tự nhiên nói đúng yêu cầu của bài, cần có các yếu tố miêu tả và biểu cảm, kết hợp động tác.  - GV chia lớp thành 6 nhóm nhỏ, phân công nhiệm vụ nhóm trưởng điều hành cho các em luyện nói trong nhóm các bạn cùng sửa cho phù hợp nội dung yêu cầu.  - GV cho đại diện các nhóm lên trình bày bài nói của mình trước lớp.  - GV nhận xét đánh giá cho điểm khuyết khích các em nói tốt và đúng yêu cầu.  ***? Yêu cầu của một bài nói văn tự sự kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm là gì?***  - GV hướng dẫn hs về nhà tiếp tục luyện nói để chuẩn bị cho các tiết luyện nói sau. | - Nói trước nhóm.  - Đại diện nhóm lên trình bày bài nói.  - HS khái quát.  - Ghi bài tập | *III. Luyện nói trên lớp:*  ***1. Luyện nói trong nhóm.***  ***2. Luyện nói trước lớp.***  - Giọng to rõ ràng, tự nhiên, nói đúng yêu cầu của bài, cần kết hợp tự sự và các yếu tố miêu tả và biểu cảm, kết hợp động tác. |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

***Củng cố bài học:*** Gv tổng kết kiến thức bài học  
***Hoạt động tiếp nối***

Hướng dẫn học ở nhà

- Chuẩn bị bài: Tìm hiểu chung về văn bản thuyết minh.

\* \* \* \* \* \* \* \* \*

**Tiết 42:**

***Tình thái từ***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức:**

- Hiểu được thế nào là tình thái từ.

- Biết sử dụng tình thái từ phù hợp với tình huống giao tiếp.

**2. Về kĩ năng:**

Biết rèn kĩ năng sử dụng tình thái từ có hiệu quả trong giao tiếp.

**3.Về thái độ:**

Cần có ý thức, nắm được tầm quan trọng và yêu cầu của thói quen giao tiếp có văn hóa.

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:**

**1- Giáo viên:** Chuẩn bị nội dung lên lớp, bảng phụ.

**2- Học sinh:** Chuẩn bị bài theo hướng dẫn.

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trình

**IV. Tiến trình dạy – học:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Kiểm tra bài cũ:**

? Thế nào là trợ từ, thán từ? Làm bài tập 5 sgk- 72

***Giới thiệu và dạy bài học mới:***

Trong mọi tình huống giao tiếp chúng ta không chỉ sử dụng đơn thuần câu đầy đủ chủ ngữ và vị ngữ là đã đạt được hiệu quả giao tiếp. Mà trong từng tình huống giao tiếp cụ thể người nói (viết) còn sử dụng một số từ ngữ có tính chất bộ lộ cảm xúc và cụ thể các từ đó được sử dụng như thế nào và ý nghĩa của chúng ra sao chúng ta cùng tìm hiểu.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chức năng của tình thái từ.

**+ Mục tiêu:** Nắm được thế nào là tình thái từ.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp, thảo luận.

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 7 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV đọc các bài tập – 80  ***? Các câu có chứa từ in đậm trong các ví dụ thuộc kiểu câu gì?***  ***? Nếu bỏ từ in đậm đi thì ý nghĩa của các câu có gì thay đổi?***  ***? Các từ in đậm có tác dụng gì trong các ví dụ?***  GV đọc câu d.  ***? Từ ạ ở câu d thể hiện sắc thái tình cảm gì của người nói?***  GVKQ: Như vậy các từ như **à, đi, thay, ạ** trong 4 câu trên được gọi là tình thái từ.  ***? Thế nào là tình thái từ? Chức năng của tình thái từ?***    ***? Để tạo dạng câu nghi vấn, câu cầu khiến và câu cảm thán người ta thường dùng các tình thái như thế nào?***  ***? Tình thái biểu cảm thường thể hiện qua các từ nào?***  ***? Có mấy loại tình thái thường dùng?***  GVKQ toàn phần rút ra ghi nhớ.  GV cho hs làm bài tập vận dụng. | - HS đọc bài tập  - Nhận xét  - Suy nghĩ nêu ý kiến nhận xét.  HS độc lập trả lời  - HS quan sát câu d.  - HS nhận xét.  - HS khái quát trả lời độc lập  - Thảo luận  - Nhận xét kết luận.  - HS khái quát.  - HS đọc ghi nhớ sgk- 81 | *I. Chức năng của tình thái từ*  ***1.Bài tập sgk- 80****.*  a. Câu hỏi  b. Câu cầu khiến.  c. Câu cảm thán.  - Bỏ từ in đậm thì các câu không còn mang ý nghĩa cầu khiến, cảm thán nữa.  - Các từ in đậm được thêm vào câu để cấu tạo nên câu cầu khiến, nghi vấn, cảm thán.  (câu chia theo mục đích nói)  - Từ **ạ** biểu thị thái độ tình cảm tôn trọng của người nói với người nghe.  - Tình thái từ là những từ được thêm vào câu để cấu tạo câu chia theo mục đích nói: Nghi vấn, cầu khiến, cảm thán.  - Biểu thị sắc thái tình cảm của người nói.  - Tạo câu nghi vấn thường dùng tình thái: à, ừ, chứ, há, phỏng, chăng ....  - Câu cầu khiến thường dùng các từ: đi, nào, thôi, với .....  - Câu cảm thán: thay, thật ...  - Tình thái biểu cảm: à, ạ, mà, kia thôi ...  \* Có 4 loại tình thái thường gặp.  - TT cầu khiến.  - TT nghi vấn  - TT cảm thán  - TT biểu thị sắc thái tình cảm.  ***2. Ghi nhớ: sgk - 81***  \*Bài tập vận dụng.  - Đèn khoe đỏ hơn trăng  Đèn ra trước gío còn **chăng** hỡi đèn  **Chăng**: TT hỏi.  - Sướng vui **thay**, miền Bắc của ta!  **Thay**: TT bộ lộ cảm xúc. |

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu cách sử dụng tình thái từ.

**+ Mục tiêu:** - Biết sử dụng tình thái từ phù hợp với tình huống giao tiếp.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp, thảo luận.

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 7 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV đọc các câu thơ.  ***? Xác định tình thái trong các câu thơ sau? Cho biết các tình thái đó thuộc kiểu nào ?***  GV cho hs đọc các câu trong bài tập.  ***? Các tình thái in đậm trong 4 câu trên được dùng trong những hoàn cảnh giao tiếp như thế nào?***    ***? Khi chúng ta sử dụng tình thái chúng ta cần chú ý đến điều gì?***  ***? Muốn bày tỏ thái độ lễ phép, sự miễn cưỡng, phân trần giải thích, bày tỏ ý kiến khác chúng ta cần dùng các từ như thế nào?***  - GVKQ ghi nhớ.  - GV nêu yêu cầu bài tập vận dụng.  ***? Cho câu văn Nam học bài. Dùng tình thái để thay đổi sắc thái ý nghĩa của câu?***  - GVKQ chuyển luyện tập. | - HS nghe  - HS theo dõi bài tập làm cá nhân.  - HS đọc bài tập.  - HS phát hiện  -HS khái quát  - Thảo luận nhóm 2. trình bày ý kiến.  - HS đọc ghi nhớ.  HS làm bài tập vận dụng. | ***II. Sử dụng tình thái.***  ***1. Bài tập***  a. Bạn chưa về **à** ( hỏi thân mật bằng vai )  b. Thầy mệt **ạ**? ( Hỏi tôn trọng lễ phép và người dưới nói với người trên )  c. Bạn giúp tôi một tay **nhé**! (cầu khiến thân mật bằng vai)  d. Bác giúp cháu một tay ạ !  (Cầu khiến lễ phép của người nhỏ tuổi )  - Khi sử dụng tình thái cần chú ý đến hoàn cảnh giao tiếp.  - Bày tỏ thái độ lễ phép: **ạ**.  - Bày tỏ thái độ miễn cưỡng: **vậy.**  - Bày tỏ thái độ phân trần: **mà..**  - Bày tỏ một ý khác: **kia** ...  ***2. Ghi nhớ sgk- 81***  \* Bài tập vận dụng:  - Nam học bài **à**?  - Nam học bài **ư ?**  - Nam học bài **hả**- Nam học bài **nhé**! |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh luyện tập

**+ Mục tiêu:** -Rèn kĩ năng sử dụng tình thái từ có hiệu quả.

**+ Phương pháp:** Luyện tập

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Cá nhân

**+ Thời gian:** 30 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV nêu yêu cầu bài tập 1 phát phiếu cho HS làm theo nhóm.  ***? Xác định từ nào là tình thái và từ nào không phải là tình thái ? Giải thích?*** | - HS làm độc lập. | III. Luyện tập  *1****. Bài tập 1- 81***  b, c, e, i (+ ); a,d, g,h (- )  Các câu a, d, g, h không phải là câu tình thái từ vì nó không tạo câu theo mục đích nói và không biểu thị sắc thái ý nghĩa.  ***2. Bài tập 2 - 82****.*  - Chứ: nhấn mạnh điều vừa khẳng định, cho là không thể khác được.  - Chứ nhấn mạnh điều vừa khẳng định cho là không thể khác.  ư: hỏi với thái độ phân vân.  ***3. Bài tập 3 - 82***  \* Đặt câu:  - Đừng trêu em nữa, em khóc đấy.  - Lan là học sinh giỏi mà!  - Con thích được xem phim cơ!  - Thôi đành đi làm vậy!  **4. Bài tập 4- 83**  - Thưa thầy em xin phép hỏi thầy một câu có được không **ạ**?  - Đằng ấy đã học bài rồi **chứ!**  - Mẹ sắp đi làm phải không **ạ**? |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:** GV tổng kết kiến thức.

**Hoạt động tiếp nối:**

|  |
| --- |
| Thế nào là tình thái từ? Chức năng của TT? Có mấy loại tình thái?  ? Cách sử dụng tình thái thế nào?  - Làm bài tập 5 ở nhà, bài 1,2,3,4 SBT  - Chuẩn bị bài: nói quá. |

**Tiết 27-28:**

***Kiểm tra giữa kỳ***

**Tiết 29-30:**

***Chiếc lá cuối cùng***

***( O Hen- ri)***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức:**

- Cần khám phá vài nét cơ bản nghệ thuật truyện ngắn của nhà văn Mĩ O- Hen- ri.

- Rung động trước cái hay cái đẹp và lòng cảm thông của tác giả đối với những nỗi bất hạnh của người nghèo.

**2. Về kỹ năng:**

Biết kỹ năng đọc, kể chuyện diễn cảm; phân tích các nhân vật và tình huống truyện.

**3. Về thái độ:**

- Có thái độ yêu thương con người nhất là những người nghèo khổ.

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:**

1. **Giáo viên:** Chuẩn bị nội dung lên lớp, tham khảo tài liệu.

**2. Học sinh:** Đọc và tóm tắt tác phẩm ở nhà, trả lời các câu hỏi.

***III. Phương pháp dạy – học:*** Đọc hiểu, vấn đáp, bình giảng, thảo luận

**IV. Tiến trình dạy – học:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Kiểm tra bài cũ:**

? Em hãy so sánh hai nhân vật Đôn- ki- hô- tê và Xan – chô Pan- xa trong đoạn trích Đánh nhau với cối xay gió để thấy được sự đối lập tương phản song song? Việc tác giả xây dựng 2 nhân vật đối lập song song như thế nhằm thể hiện điều gì?

**Giới thiệu và dạy bài học mới:**

Văn học Mĩ là một nền văn học trẻ nhưng đã xuất hiện những kiệt xuất như Hê-min-guây, Giắc- lơ- đơn.... trong số đó tên tuổi của O. Hen- ri nổi bật lên như một tác giả truyện ngắn tài danh. Chiến lá cuối cùng là một trong những truyện ngắn hướng vào cuộc sống nghèo khổ bất hạnh của người dân Mĩ vào sức mạnh của nghệ thuật chân chính đem lại niềm tin cho con người. Để hiểu phần nào truyện ngắn và đoạn trích chúng ta cùng tìm hiểu.

**HOẠT ĐỘNG 1:** Hướng dẫn học sinh tỡm hiểu chung văn bản

**+ Mục tiờu:** Học sinh nắm được những nét tiêu biểu về tỏc giả, tỏc phẩm.

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp.

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Cỏ nhõn

**+ Thời gian: 1**5 phỳt

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giỏo viờn** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV cho HS đọc chú thích dấu \*  ***? Nêu vài nét khái quát về tác giả?***  - GV giới thiệu tác phẩm Chiếc lá cuối cùng và đoạn trích.  - GV khái quát lại SGV – 85  - GV nêu yêu cầu đọc.  - GV đọc 1 đoạn.  - GV nhận xét phần đọc của hs.  ***? Các em đã được học phương pháp tóm tắt VB tự sự vận dụng kiến thức đó em hãy tóm tắt qua đoạn trích?***  - GV nhận xét phần tóm tắt của hs, GV tóm tắt TP.  - GV cho hs giải nghĩa các từ khó?  ***? Giải nghĩa các chú giải 2,3,4, 6,7?***  ***? Đoạn trích học chia làm mấy phần theo trình tự diễn biến?***  ***? Sự việc chính trong mỗi phần là gì?***  ***? Xác định các nhân vật chính trong đoạn trích?***  - GV giới thiệu cách phân đoạn. Nêu hướng phân tích VB theo nhân vật.  - GV định hướng hs theo dõi vào sgk chú ý các chi tiết xoay quanh nhân vật Giôn- Xi | - HS đọc chú thích dấu \*  - HS theo dõi sgk trình bày  - Ghi những ý cơ bản.  HS đọc nối tiếp đến hết  - HS tóm tắt  - HS dựa sgk giải thích các từ khó.  - Nghiên cứu  Trả lời  Phát hiện, trả lời | ***I. Đọc tiếp xúc văn bản***  **\* Tác giả tác phẩm** SGK 89.  **\* Đọc**  - Chú ý ngôn ngữ mệt mỏi của Giôn- xi lúc đầu và vui tươi ở đoạn cuối truyện.  - Giọng Xiu thể hiện sự yêu thương lo lắng.  \* Tóm tắt:  - Xiu và Giôn – Xi là hai hoạ sĩ nghèo sống trong căn hộ thuê ở Oa-sinh-tơn, cùng căn hộ của cụ Bơ-men cũng là hoạ sĩ nghèo. - Trong 40 năm cụ Bơ-men chưa có một kiệt tác nào.  - Trong mùa đông lạnh giá Giôn-xi bị bệnh viêm phổi. Bệnh tật, nghèo túng cô tuyệt vọng. Hàng ngày ngồi nhìn ra bức tường nhìn cây thường xuân đang rụng lá và ý nghĩ khi nhìn chiếc lá cuối cùng rụng thì cô cũng ra đi. Nhưng sau đêm mưa tuyết chiếc lá không rụng và Giôn- xi được bạn chăm sóc đã khỏi bệnh ...  - Chiếc lá do cụ Bơ-men vẽ trong đêm mưa bão đã cứu sống Giôn- Xi nhưng do vẽ trong đêm mưa tuyết nên cụ đã qua đời vì bệnh phổi. Chiếc lá đã trở thành kiệt tác ...  **\* Từ khó: SGK**  **\* Cấu trúc văn bản**  + Phân đoạn: 3 phần  - Phần 1: Từ đầu đến chán nản tình cảnh của Giôn- Xi.  - Phần 2: Tiếp đến vẽ vịnh Na- Phơ số mệnh của Giôn - Xi và chiếc lá.  - Phần 3 Còn lại: Sự hồi tỉnh của Giôn- xi.  - Nhân vật chính Giôn - Xi, Xiu , Cụ Bơ- men. |

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản

**+ Mục tiêu:** Rung động trước cái hay cái đẹp và lòng cảm thông của tác giả đối với những nỗi bất hạnh của người nghèo.

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp, bình giảng.

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:**55 phút.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***? Giôn- xi được giới thiệu trong hoàn cảnh như thế nào?***  ***? Trong hoàn cảnh đó Giôn- xi đã có những việc làm và suy nghĩ như thế nào?***  ***? Mỗi lần Giôn- xi ra lện cho Xiu kéo tấm mành lên giọng cô thều thào điều đó đã giúp cho người đọc cảm nhận được sức khỏe của Giôn- xi thế nào?***  - GV: Trong đoạn trích ta thấy hai lần Giôn- xi yêu cầu Xiu kéo tấm mành lên để nhìn cây thường xuân.  ***? Tại sao Giôn- xi lại yêu cầu như thế?***  ***? Vậy theo Giôn- Xi chiếc lá cuối cùng rụng có mối quan hệ gì với cô ?***  ***? ý nghĩ ấy của Giôn- xi đã bày tỏ tâm trạng gì của cô?***  ***? Vì sao Giôn- xi lại có tâm trạng như vậy?***  - GV: Vì thế trước lời lẽ yêu thương của bạn Giôn- Xi không đáp lại mà tâm hồn đang chuẩn bị cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình.  ***? Như vậy đến đây người đọc đã cảm nhận được gì về Giôn- xi?***  ***? H/ả Giôn- xi trong tình cảnh đó gợi cho em cảm xúc gì?***  - GV cho hs đọc đoạn tiếp theo ngày hôm đó đến vè vinh na- plơ  ***? Theo dõi phần đọc ta thấy sau một đêm mưa gió dữ dội, khi chiếc mành được kéo lên là lúc trời vừa hửng sáng, Giôn- Xi phát hiện ra điều gì?***  ***? Tại sao khi nhìn chiếc lá thường xuân còn đó Giôn- Xi cảm thấy mình là một con bé hư?***  ***? Từ lúc đó Giôn- Xi cảm thấy, muốn ăn và ngồi dậy trang điểm những chi tiết đó cho thấy Giôn- Xi đã có sự thay đổi như thế nào?***  ***? Và Giôn- Xi mơ ước vẽ vịnh Na- Pơlơ chi tiết đó đã thể hiện điều gì ?***  ***? Theo em vì sao một con người có thể vượt lên cái chết chỉ vì chiếc lá mỏng manh vẫn bám ở trên cây?***  **- GV** nguyên nhân làm cho Giôn-Xi vượt qua được cái chết là do chiếc lá có sức sống bền bỉ, dẻo dai qua đây ta thấy con người có thể tự chữa bệnh bằng nghị lực và tình yêu cuộc sống.  ? ***Tại sao nhà văn kết thúc truyện bằng lời kể của Xiu mà không để Giôn- xi phản ứng gì?***  GV KQ chuyển ý.  **tiết 2.**  - GV định hướng cho hs chú ý vào các chi tiết miêu tả Xiu  ***? Nhân vật Xiu được giới thiệu như thế nào?***  ***? Mở đầu đoạn trích ta thấy Xiu cùng cụ Bơ- Men sợ sệt ngó ra ngoài cửa sổ nhìn cây thường xuân rồi nhìn nhau chẳng nói gì. Tại sao hai người lại có cử chỉ đó?***  ***? Xiu đã có những việc làm như thế nào với bạn?***  ***? Qua cử chỉ trên em hiểu gì về Xiu?***  ***? Có ý kiến cho rằng Xiu hoàn toàn biết câu chuyện chiếc lá cuối cùng ý kiến đó có đúng không? Lí giải vì sao?***  ***? Giả sử Xiu biết chiếc lá là giả thì diễn biến câu chuyện thế nào?***  ***? Tại sao tác giả lại để cho Xiu kể lại câu chuyện về cái chết và nguyên nhân dẫn đến cái chết của cụ Bơ- men?***  ***? Việc làm và nhận xét bức vẽ của Xiu về cụ Bơ- men cho thấy t/c của Xiu đối với cụ thế nào?***  ***? Qua những việc làm của Xiu với cụ Bơ- men và Giôn- xi người đọc cảm nhận được gì về cô hoạ sĩ trẻ này?***  GVKQ chuyển ý.  ***? Sự thật về chiếc lá có liên quan đến nhân vật nào?***  - GV định hướng hs chú ý chữ in nhỏ.  ***? Cụ Bơ- men cũng như Xiu có tâm trạng gì?***  ***? Khi lên gác cụ Bơ- men cũng như Xiu có tâm trạng gì?***  ***? Hình dung xem lúc cụ lo lắng im lặng đó cụ đã có tâm suy nghĩ gì?***  ***? Khi vẽ chiếc lá mục đích của cụ có phải để cho bức trang trở thành kiệt tác không ? mà mục đích là gì?***  ***? Bức tranh chiếc lá được vẽ trong hoàn cảnh nào?***  ***? Bức tranh được miêu tả như thế nào?***  ***? Người hoạ sĩ đó đã phải trả giá như thế nào cho bức vẽ chiếc lá cuối cùng của mình?***  ***? Tại sao nhà văn bỏ qua không kể việc cụ vẽ chiếc lá trên tường trong đêm mưa tuyết thế nào. Mà đến cuối chuyện mới cho người đọc biết được qua lời kể của Xiu?***  ***? Tại sao Xiu lại cho rằng bức tranh chiếc lá trở thành một kiệt tác?***  ***? Qua tìm hiểu em có cảm nhận gì về cụ Bơ-men?***  ***? Bức tranh chiếc lá không phải thần dược mà là một tác phẩm nghệ thuật được tạo nên bởi tình yêu thương con người qua đó em hiểu gì về ý nghĩa của nghệ thuật chân chính?***  **GV KQ Toàn bài**. | Trả lời  Thảo luận, phát biểu  Trả lời  Phát hiện, trả lời  Thảo luận, phát biểu  Theo dõi VB phát hiện .  Tự bộc lộ  -HS phát hiện  - Phát hiện phân tích  - HS nêu cảm nhận  - Phân tích nhận xét.  - Phát hiện  - HS nhận xét.  - Thảo luận  - Trả lời độc lập.  - HS tự bộc lộ.  -  HS đọc đoạn văn tiếp theo hướng dẫn của GV.  - Phát hiện  - Trao đổi nhóm 2.  - Phát hiện.  - Nhận xét  - Nhận xét  - Phát hiện  - Phát hiện  - Nhận xét  - Phát hiện lựa chọn  - Thảo luận  - Trao đổi nhóm 2  - Thảo luận trình bày ý kiến.  - Trả lời  .  - HS tự bộc lộ  - HS nhận xét  - Phát hiện  - HS nhận xét-  Nhận xét- Phát hiện  - HS tự bộc lộ | II. Đọc – hiểu văn bản  *1. Diễn biến tâm trạng của Giôn- Xi.*  - Giôn-xi một cô gái trẻ, một hoạ sĩ nghèo.  - Cô đang bị bệnh viêm phổi.  - Hàng ngày Giôn- xi nằm nhìn cây thường xuân ngoài cửa sổ và đếm ngược những chiếc lá rụng.  - Suy nghĩ: chiếc lá cuối cùng rụng thì cô cũng xa lìa cõi đời.  - **Sức khoẻ của Giôn- Xi vô cùng yếu ớt, hầu như sức sống đã cạn kiệt.**  - Giôn- Xi muốn nhìn xem sau một thời gian thì chiếc lá thường xuân cuối cùng đã rụng chưa.  - Theo Giôn- Xi chiếc lá cuối cùng rụng thì cô cũng qua đời.  - Giôn- xi chán nản thất vọng không muốn sống, cô chờ đợi cái chết.  - Vì bệnh nặng, nghèo túng.  - Giôn- xi yếu đuối, tuyệt vọng đón chờ cái chết.  - Chiếc lá thường xuân vẫn còn đó.  - Giôn – xi đã cảm thấy chiếc lá nhỏ bé mong manh nhưng có sức sống kì diệu, dai dẳng. Vậy mà mình thì buông xuôi. ...  - Nhu cầu sống của Giôn- Xi đã trở lại.  - Tình yêu nghệ thuật, hội hoạ đã trở lại với Giôn- Xi , Giôn – xi đã thực sự vượt qua cái chết.  - Sức sống dẻo dai, bền bỉ của chiếc lá, đã kích thích tình yêu và sự sống của con người.  - Tạo cho truyện có dư âm và để lại trong lòng người đọc nhiều suy nghĩ và dự đoán, tạọ sự hấp dẫn cho câu chuyện.  *2. Nhân vật Xiu.*  - Xiu là hoạ sĩ nghèo sống cùng Giôn- xi.    - Hai người lo lắng cho bệnh tật của Giôn- xi. Vì khi chiếc lá cuối cùng rụng cũng qua đời.  - Lo lắng quan tâm: quấy cháo, thuốc thang cho bạn ....  - Xiu là người có lòng yêu thương và nhân hậu.  - Xiu không biết chiếc lá là lá vẽ. Vì khi kéo mành theo lệnh của Giôn – xi, Xiu rất chán nản. Và cô cũng ngạc nhiên vì chiếc  lá vẫn chưa rụng.  - Câu chuyện sẽ thiếu tự nhiên và hấp dẫn.  - Việc để Xiu kể lại cái chết của cụ Bơ men làm cho câu chuyện hấp dẫn tự nhiên.  - Xiu kính phục tài năng của cụ Bơ- men, nhớ tiếc cụ Bơ – men.  **- Xiu là cô gái giàu lòng yêu thương và nhân hậu. Biết cảm**  **nhận cái đẹp và thấy được giá trị đích thực của nghệ thuật chân chính.**  ***3. Nhân vật cụ Bơ-men và bức tranh chiếc lá cuối cùng***.  - Hoạ sĩ nghèo, trong 40 năm chưa có một kiệt tác nào cả. Ông mơ ước có được một kiệt tác trong cuộc đời.  - Lo lắng cho bệnh tình của Giôn- Xi  - Có thể cụ nảy sinh ý nghĩ vẽ bức tranh chiếc lá.  \* Bức tranh chiếc lá.  - Không có ý định đó mà chỉ là cứu sống Giôn- Xi.  - Vẽ trong đêm mưa gió, tuyết lạnh ... âm thầm, bí mật.  - Dưới ánh sáng của chiếc đèn bão.  - Cuống màu xanh sẫm, rìa lá hình răng cưa đã nhốm màu vàng úa .....  - Cụ Bơ-men đã bị viêm phổi và chết.  - Cách xây dựng truyện như vậy tạo sự bất ngờ cho Giôn- xi và gây hứng thú cho người đọc.  - Chiếc lá giống như thật. Tạo ra được sức mạnh khơi dậy sự sống cho Giôn- xi , và được vẽ bởi một hoạ sĩ lao động quên mình. Chiếc lá vẽ bằng cả tình thương lòng hi sinh cao thượng.  - Cụ Bơ –Men là người hoạ sĩ nghèo nhưng có tình thương yêu con người sâu sắc. Cụ đã cứu sống Giôn- xi.  - Nghệ thuật chân chính được tạo ra từ tình yêu thương con người.  - Nghệ thuật chân chính là nghệ thuật vì tình thương con người. |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh tổng kết.

**+ Mục tiêu**: Nắm được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp.

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** ca nhân

**+ Thời gian:** 10 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***? Nghệ thuật đảo ngược tình huống hai lần gây bất ngờ và tạo hấp dẫn cho truyện ngắn này là ở đâu? Phân tích và dẫn chứng***?  ***? Văn bản được thể hiện qua phương thức biểu đạt nào?***  - GV KQ nghệ thuật đảo ngược tình huống hai lần là một đặc sắc riêng của O- hen- ri.  ***? Nêu tư tưởng chủ đề của truyện ngắn?***  GVKQ ghi nhớ. | - Trả lời độc lập.  -  - Khái quát  -Hs trả lời  - HS khái quát- HS đọc ghi nhớ | III. Tổng kết  *1. Nghệ thuật:*  Nghệ thuật đảo ngược tình huống 2 lần bất ngờ;  - Lần 1: Đối với Giôn- xi bệnh tật chán nản ai cũng nghĩ sẽ chết.  - Lần 2: Cụ Bơ- men khoẻ mạnh bỗng cảm xưng phổi rồi chết.  Cả hai lần đều liên quan đến bệnh viêm phổi và chiếc lá. Chiếc lá vừa cứu người vừa hại người.  - Tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm.  *2. Nội dung:*  - Tình yêu thương của những con người nghèo khổ.  - Sức mạnh của tình yêu cuộc sống chiến thắng bệnh tật.  - Sức mạnh của nghệ thuật chân chính vì con người.  **\* Ghi nhớ: sgk- 90** |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:**Gv tổng kết kiến thức

**Hoạt động tiếp nối:**

|  |  |
| --- | --- |
| - Đọc thêm các truyện của O- Hen- ri  - Tóm tắt đoạn trích.  ? Nghĩ về cách kết truyện khác cho câu chuyện trên.  **Về nhà**: Làm các bài tập SBT học và chuẩn bị bài mới. |  |

**Tiết 31:**

***Chương trình địa phương***

***( Phần tiếng Việt )***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức:**

- Hiểu được từ ngữ chỉ quan hệ ruột thịt thân thích được dùng ở địa phương em sinh sống.

- Bước đầu so sánh các từ ngữ địa phương với các từ ngữ tương ứng trong ngôn ngữ toàn dân để thấy rõ những từ ngữ nào trùng với từ ngữ toàn dân.

**2. Về kĩ năng:**

Biết rèn luyện kĩ năng giải nghĩa từ ngữ địa phương: cách đối chiếu với từ ngữ toàn dân

**3. Về thái độ:**

Có ý thức khi sử dụng từ ngữ địa phương.

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:**

**1. Giáo viên:** Soạn bài, tư liệu liên quan.

**2. Học sinh:** Sưu tầm những từ ngữ chỉ quan hệ ruột thịt ở địa phương em, tìm những câu tục ngữ ca dao có sử dụng những từ ngữ chỉ quan hệ ruột thịt.

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trình

**IV. Tiến trình dạy – học :**

1. **HOẠT ĐỘNG: KHỞI ĐỘNG**

**Kiểm tra bài cũ:**

Tìm tình thái từ để điền vào chỗ trống trong câu văn sau, nêu công dụng cuả tình thái từ đó?

- Bọn mình kê lại mấy cái bàn ..........( hỏi với gợi ý nêu yêu cầu tán thành )

- Bài này mới khó ....... ( nhấn mạnh ý phản bác )

? Nhắc lại ý kiến của em về từ địa phương? Cho ví dụ minh hoạ ?

**Giới thiệu và dạy bài học mới:**

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về từ ngữ chỉ quan hệ thân thích được dùng ở địa phương

**+ Mục tiêu:** Hiểu được từ ngữ chỉ quan hệ ruột thịt thân thích được dùng ở địa phương em sinh sống.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 7 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***? Thế nào là từ ngữ địa phương? Cho ví dụ và phân tích?***  - GV giao nhiệm vụ mỗi tổ làm một bản điều tra.  - Kẻ bảng vào vở theo thứ tự ghi rõ từ ngữ được dùng ở địa phương em. Từ ngữ đó có thể trùng với từ ngữ toàn dân hoặc khác từ ngữ toàn dân  ***? Từ bảng trên em rút ra kết luận gì*** | - Phát biểu, nhận xét  - HS thảo luận nhóm, đối chiếu,  - Trình bày kết quả?  - HS nhận xét  - HS thảo luận  - HS độc lập trả lời | ***I. Từ ngữ chỉ quan hệ thân thích được dùng ở địa phương***   |  |  | | --- | --- | | Từ toàn dân | TN được dùng ở ĐP | | Cha  Mẹ  Ông nội  Bà nội  Ông ngoại  Bác ( anh trai của cha )  Bác ( Vợ anh trai của cha )  Chú ( em trai của cha )  Thím ( Vợ của chú )  Bác ( Chị gái của cha )  Bác ( chồng chị gái của cha )  Cô ( em gái của cha)  Chú ( chồng em gái của cha )  Bác ( anh trai của mẹ )  Bác ( Vợ anh của mẹ)  Cậu (em trai của mẹ)  Mợ (vợ em trai của mẹ )  Bác ( chị của mẹ )  Bác( chồng chị gái của mẹ )  Dì ( em gái của mẹ )  Chú(chồng em gái của mẹ )  Anh trai  Chị dâu (vợ anh trai)  Em trai  Em dâu (vợ em trai )  Chị gái  Anh rể( chồng chị gái )  Em gái  Em rể ( chồng em gái )  Con | Bố, thầy, cậu, ba.  Ma, má, u, bầm  Ông, ông nội  Bà nội, bà  Ông ngoại  Bác  Bác  Chú  Thím  Bác, cô  Bác, dượng  Cô  Dượng  Cậu  Mợ  Cậu  Mợ    Dì, bác  Bác  Dì  Dượng, chú  Anh  Chị dâu  Em trai  Em dâu  Chị  Anh rể  Em gái  Em rể  Con |   Có những từ trùng với từ toàn dân, có những từ không dùng với từ ngữ toàn dân  *II****. Một số từ ngữ chỉ quan hệ ruột thịt được dùng ở địa*** phương khác.  Một số vùng bắc bộ  Cha gọi là thầy  Mẹ gọi là:Bầm, U, Bủ  Vùng nam bộ  Cha- Ba, Tía  Anh cả - Anh hai  Chị cả - Chị hai.  *3. Sưu tầm một số thơ ca có sử dụng từ ngữ địa phương chỉ quan hệ ruột thịt*  - Con chị nó đi con gì nó lớn  - Sẩy cha còn chú sẩy mẹ bú dì  Thật thà như thể lai châu  Thương nhau như thể nàng dâu mẹ chồng.  Có cha có mẹ thì hơn  Không cha không mẹ như đàn đứt dây. |

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về một số từ ngữ chỉ quan hệ ruột thịt được dùng ở địa phương khác.

**+ Mục tiêu:** Biết so sánh các từ ngữ địa phương với các từ ngữ tương ứng trong ngôn ngữ toàn dân để thấy rõ những từ ngữ nào trùng với từ ngữ toàn dân.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp, thuyết trình

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 7 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV nêu y/c: ***? Sưu tầm một số từ ngữ chỉ quan hệ ruột thịt thân thích được dùng ở địa phương khác.***  ***? Sưu tầm 1 số thơ ca có sử dụng từ ngữ chỉ quan hệ ruột thịt thân thích.*** | - Học sinh suy nghĩ, trả lời  - Học sinh suy nghĩ, trả lời | ***II. Một số từ ngữ chỉ quan hệ ruột thịt được dùng ở địa phương khác.***  Một số vùng bắc bộ  Cha gọi là thầy  Mẹ gọi là:Bầm, U, Bủ  Vùng nam bộ  Cha- Ba, Tía  Anh cả - Anh hai  Chị cả - Chị hai.  \* *Sưu tầm một số thơ ca có sử dụng từ ngữ địa phương chỉ quan hệ ruột thịt*  - Con chị nó đi con gì nó lớn  - Sẩy cha còn chú sẩy mẹ bú dì  Thật thà như thể lai châu  Thương nhau như thể nàng dâu mẹ chồng.  Có cha có mẹ thì hơn  Không cha không mẹ như đàn đứt dây. |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:** Gv tổng kết kiến thức.

**Hoạt động tiếp nối:**

- Học ở nhà: Hoàn thành các bài tập, chuẩn bị bài nói quá

\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tiết 32:**

***Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức:**

Hiểuđược thế nào là từ ngữ địa phương và thế nào là biệt ngữ xã hội.

**Về kỹ năng:**

Biết rèn kỹ năng sử dụng lớp từ trên đúng chỗ có hiệu quả.

**3. Về thái độ:**

Có thái độ đúng khi sử dụng từ địa phương và biệt ngữ xã hội. Biết tích hợp với văn ở các văn bản và với tập làm văn.

**II. Chuẩn bị**

**1. Giáo viên :** Soạn bài tài liệu.

**2. Học sinh:** Học và chuẩn bị bài.

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trỡnh

**IV. Tiến trỡnh dạy- học:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Kiểm tra bài cũ**

*? Thế nào là từ tượng hình tượng thanh? Lấy ví dụ và phân tích tác dụng của nó?*

**Giới thiệu và dạy bài mới:**

\* Giới thiệu bài

Chúng ta có tiếng nói chung được sử dụng thống nhất trong toàn quốc song bên cạnh đó mỗi địa phương lại có những từ ngữ riêng được sử dụng trong 1 số địa phương nhất định, từ ngữ đó có đặc điểm như thế nào ? cách sử dụng ra sao ? chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về từ ngữ địa phương và biệt ngữ xó hội.

**+ Mục tiêu:** Hình thành khỏi niệm về từ ngữ địa phương.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 15 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| *? Hai từ bắp bẹ thuộc loại từ gì?*  *?Nhắc lại khái niệm từ đồng nghĩa?*  *?Trong ba từ: Bắp, bẹ, ngô từ nào được dùng phổ biến*  *hơn ?Tại sao*  *GV: Bắp, bẹ chỉ được dùng trong phạm vi hẹp vì chưa có tính chuẩn mực văn hoá.*  ? Qua các ví dụ em hiểu thế nào là từ địa phương?  - GV khái quát  *? Qua phân tích em hãy cho biết thế nào là từ địa phương?*  - Bài tập nhanh:  *Các từ mè đen, trái thơm có nghĩa là gì? chúng là từ địa* *phương nào ?*  *? Dựa vào kiến thức đã học ở lớp 7 cho biết hai từ mẹ, mợ gọi là những từ gì ?*  *? Tại sao trong đoạn văn này có chỗ tác giả dùng từ mẹ, có chỗ dùng từ mợ ? Trước CM tháng 8 tầng lớp xã hội nào thường dùng mợ, cậu ?*  *? Các từ ngỗng, trúng tủ có nghĩa là gì? Tầng lớp xã hội nào thường dùng từ ngữ này* ?  *? Qua phân tích ví dụ em hiểu biệt ngữ xã hội là gì ?*  Bài tập nhanh:  *? Cho biết các từ trẫm, khanh , long sàng, ngự thiện có nghĩa là gì? tầng lớp nào thường dùng từ ngữ này?*  *? Khi sử dụng lớp từ ngữ này cần chú ý điều gì ? Tại sao?*  - GV không nên lạm dụng lớp từ ngữ này một cách tuỳ tiện vì nó gây ra sự tối nghĩa khó hiểu.  *? Trong các tác phẩm văn học tác giả có thể sự dụng lớp từ này, vậy chúng có tác dụng gì?*  *? Có nên sử dụng từ này 1 cách tuỳ tiện không? Tại sao?* | *- HS đọc bài tập*  - HS nhận xét, giải thích  - HS khái quát trả lời  - HS xác định  - Đọc bài tập  - HS độc lập trả lời  - HS giải thích  - HS độc lập trả lời  - HS khái quát  HS giải thích  - Đọc ví dụ  - HS thảo luận  - HS nhận xét  - HS độc lập trả lời  -  Đọc ghi nhớ | ***I. Từ ngữ địa phương.***  *1. Ngữ liệu:*  - Từ đồng nghĩa  - Từ ngô được dùng phổ biến hơn vì từ ngô có tính chuẩn mực, văn hoá cao hơn.  - Từ bắp bẹ chỉ được dùng trong phạm vi hẹp vì chưa có tính chuẩn mực văn hoá.  *2. Ghi nhớ (sgk)*  - Mè đen: Vừng đen  - Trái thơm: Quả dứa  Từ địa phương Nam Bộ  ***II. Biệt ngữ xã hội.***  ***1. Bài tập.***  Mẹ- mợ: từ đồng nghĩa  \* Dùng từ mẹ để miêu tả những suy nghĩ của nhân vật, từ mợ để nhận vật xưng hô đúng với đối tượng và phù hợp đúng với đối tượng giao tiếp.  \* Tầng lớp xã hội trung lưu thường dùng từ này.  - Ngỗng: Điểm 2.  - Trúng tủ đúng cái phần đã học thuộc lòng.  - Tầng lớp hs, sinh viên thường dùng từ này.  *2. Ghi nhớ1 (sgk).*  Trẫm- vua, khanh là cách gọi các quan, long sàng giường của nhà vua , ngự thiện vua dùng bữa.  - Từ ngữ thường dùng của tầng lớp vua quan trong triều đình phong kiến  *III. Sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội*  \* Lưu ý đến đối tượng giao tiếp tình huống giao tiếp, hoàn cảnh giao tiếp để đạt hiệu quả giao tiếp.  \* Trong văn học: Để tô đậm sắc thái địa phương hoặc tầng lớp xuất thân , tính cách nhân vật  Không nên lạm dụng vì nó gây tối nghĩa khó hiểu  2. Ghi nhớ 2 ( sgk ) |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh luyện tập

**+ Mục tiêu:** Vận dụng, củng cố kiến thức, biết sử dụng những lớp từ trên đúng chỗ và có hiệu quả.

**+ Phương pháp:** Luyện tập

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** cá nhân

**+ Thời gian:** 30 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV hướng dẫn hs làm bài      *? Nêu yêu cầu của bài tập 2?* | - Đọc yêu cầu bài 1  HS độc lập làm bài  Thảo luận nhóm trình bày kết quả  HS độc lập làm bài | IV. Luyện tập  *1. Bài tập 1:*   |  |  | | --- | --- | | Từ ngữ địa phương | Từ toàn dân | | **Ngái- Nghệ tĩnh**  **Chộ**  **Nón - Nam bộ**  **Chén**  **Cá lóc** | **Xa**  **Thấy**  **Mũ**  **Cái bát**  **Cá quả** |   2. Bài 2:  - Học gạo: học thuộc lòng một cách máy móc  - Học tủ: Đoán mò một bài nào đó để học thuộc lòng, không nghĩ tới bài khác  - Gậy: Một điểm  Dân phe phẩy: mua bán bất hợp pháp  Nó đẩy xe con với giá hời: Đẩy - bán  3. Bài 3:  Dùng từ địa phương: Trường hợp a  Không dùng : b,c, d,e,g |

HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG

**Củng cố bài học:** Gv tổng kết kiến thức.

**Hoạt động tiếp nối:**

- Hướng dẫn học ở nhà: học bài ghi nhớ, hoàn thành bài tập còn lại, chuẩn bị bài trợ từ, thán từ.

**Tiết 33-34:**

***Trợ từ, thán từ***

I**. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức:** Cần hiểu được thế nào là trợ từ, thán từ.

**2. Về kĩ năng:** Biết cách dùng trợ từ, thán từ trong các trường hợp giao tiếp cụ thể.

**3. Về thái độ:** Bồi dưỡng ý thức học tập bộ môn cho học sinh.

**II. Chuẩn bị:**

**1- Giáo viên:** Chuẩn bị nội dung lên lớp, bảng phụ, phiếu học tập.

**2- Học sinh:** Chuẩn bị bài theo hướng dẫn.

**III. Phương pháp dạy – học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trỡnh

**IV. Tiến trỡnh dạy- học:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Kiểm tra bài cũ:**

? Hãy phân biệt từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội? Trình bày bài tập 4 sgk/ 59

**Giới thiệu và dạy bài học mới:**

Người Việt Nam trong lời nói hằng ngày thường dùng một số từ ngữ để nhấn mạnh biểu thị sắc thái ý nghĩa lớp từ đó có cấu tạo và chức năng ra sao chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về trợ từ.

**+ Mục tiêu:** Hình thành khái niệm về trợ từ

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 7 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV yêu cầu h/s đọc bài tập sgk- 69  ***? Nghĩa của các câu có gì khác nhau?***  ***? Từ* những*, có ở câu b, c đi kèm với từ ngữ nào trong câu và nó biểu thị thái độ gì của người nói đối với sự việc?***  GV cho HS quan sát VD:  ***? Từ* chính *được thêm vào câu nhằm mục đích gì?***  GV Khái quát các từ như: **Những , có , chính** được gọi là trợ từ.  ***? Thế nào là trợ từ?*** GV cho hs làm bài tập vận dụng:  ***? Xác định trợ từ trong câu sau ? Nêu ý nghĩa của nó?***  GV nhận xét ý đúng.  GVKQ chuyển ý. | - HS đọc VD.  - Trả lời độc lập  - Trả lời độc lập  - HS quan sát vd bảng phụ.  - Suy nghĩ trả lời.  - HS khái quát .  - HS đọc ghi nhớ.  - Làm bài tập | ***I. Trợ từ***  **1. Bài tập:**  a. Nó ăn hai bát cơm.  b. Nó ăn những hai bát cơm.  c. Nó ăn có hai bát cơm.  **\* Nghĩa của các câu:**  - Câu a: Nghĩa bình thường.  - Câu b: Nhấn mạnh ý: ăn nhiều so với bình thường.  - Câu c: Nhấn mạnh ý ăn ít so với bình thường.  - Từ **những**, có đi kèm với các từ hai bát cơm đằng sau nó. Biểu thị thái độ nhấn mạnh, đánh giá của người nói đối với sự việc nói trong câu là nó ăn hai bát cơm.  **\* Ví dụ:**  - Thầy hiệu trưởng tặng tôi quyển sách này.  -Chính thầy hiệu trưởng tặng tôi quyển sách này.  - Từ **chính** thêm vào câu để nhấn mạnh người tặng, bộc lộ sự tự hào được thầy hiệu trưởng tặng sách.  **2. Ghi nhớ**: SGK – 69.  **\* Bài tập vận dụng:**  - Tôi không biết đến việc này.  - Ngay tôi cũng không hề biết đến việc này.  - Trợ từ **ngay** nhấn mạnh ý gần gũi, người đáng ra phải biết, biểu thị thái độ oán trách ai đó không cho mình biết việc đó. |

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về thán từ.

**+ Mục tiêu:** Hình thành khỏi niệm về thán từ.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 7 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV cho hs đọc các VD sgk – 69.  ***? Các từ này, ạ, vâng trong ví dụ biểu thị điều gì?***  GV phát phiếu học tập.  ***? Nhận xét cách dùng từ* này, ạ, vâng *qua cách lựa chọn những câu trả lời đúng?***  ***? Qua tìm hiểu VD hãy cho biết thế nào là thán từ?***  ***? Thán từ có thể chia làm mấy loại?***  GVKQ toàn bài cho hs luyện tập. | - HS đọc ví dụ.  Phân tích trả lời.  - Làm theo nhóm  -  Khái quát  - Trả lời độc lập  - HS đọc ghi nhớ | ***II. Thán từ***  **1.Bài tập**: SGK – 69  - Này: Tiếng thốt ra để gây ra sự chú ý của người đối thoại.  - A: Tiếng thốt ra để biểu thị sự tức giận khi nhận ra một điều gì đó không tốt.  - Vâng: Tiếng dùng để đáp lại lời của người khác một cách lễ phép.  - Đáp án a, d.  - Thán từ là những từ dùng để bộc lộ cảm xúc hoặc dùng từ để gọi đáp.  - Thán từ là những từ dùng để bộc lộ cảm xúc hoặc dùng để gọi đáp.  **2. Ghi nhớ**: sgk - 70 |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh luyện tập

**+ Mục tiêu:** Vận dụng, củng cố kiến thức

**+ Phương pháp:** Luyện tập

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Cá nhân

**+ Thời gian:** 25 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV nêu yêu cầu bài tập 1.  ***? Đánh dấu (+) vào trường hợp câu có sử dụng trợ từ ( từ in đậm )***  GV phát phiếu học tập.  GV khái quát ý đúng.  ***? Tại sao các trường hợp còn lại không sử dụng trợ từ?***  GV nêu yêu cầu bài tập 2  ***? Giải thích ý nghĩa của các trợ từ in đậm trong các câu?***  GVKQ ý đúng  GV nêu yêu cầu bài tập 3  ***? Xác định các thán từ trong đoạn trích TP Lão Hạc - Nam Cao?***  GV nêu yêu cầu bài tập 4.  ***? Các thán từ in đậm trong các câu sau bộc lộ cảm xúc gì?***  ***? Giải thích ý nghĩa của câu tục ngữ* Gọi dạ bảo vâng** | - HS làm bài độc lập  - HS thảo luận.  - HS đọc các câu văn  trong bài tập  - Làm theo nhóm  - Đại diện trả lời.  - Thảo luận nhóm  - Đại diện trả lời.  Ghi ý kiến đúng. | ***III. Luyện tập***  **1.Bài tập 1**- 70  a: (+); c: (+); g(+); i: (+)  - Các trường hợp còn lại không phải là trợ từ vì nó không nhằm nhấn mạnh và biểu thị thái độ của người nói.  **2. Bài tập 2** - 70  Giải thích nghĩa của các trợ từ.  - Lấy: lặp lại 3 lần trong câu văn để nhấn mạnh ý: Mặc dù mẹ không gửi thư, không gửi quà và nhắn người thăm hỏi nhưng chú bé Hồng vẫn thương yêu và kính trọng mẹ.  - Nguyên, đến là những trợ từ nhấn mạnh ý nhà gái thách cưới nặng quá. Lão Hạc biểu thị thái độ oán trách.  - Cả: Nhấn mạnh ý con chó ăn khoẻ hơn cả người tình thế đó cho nên Lão Hạc phải bán nó.  - Cứ: Trợ từ nhấn mạnh ý sự việc diễn ra đều đặn hàng năm ....  **3. Bài tập 3** – 71  - Các thán từ:  a. Này !; à !  b. Chứ !; ấy !; Đấy !  c. Vâng !  d. Chao ôi!  e. Hỡi ơi!  **4. Bài tập 4 – 71**  a. Ha ha !: Biểu thị cảm xúc hoan hỉ; khoái chí.  ái ái !: Biểu thị cảm xúc đau xót, van xin.  b. Than ôi! : Biểu thị cảm xúc luyến tiếc.  **5. Bài tập 6** – 72  Câu tục ngữ khuyên răn; dạy bảo mọi người cách thức gửi khi có tiếng gọi hoặc sai bảo của người bậc trên: khi nghe gọi đến mình thì phải biết “ vâng ” ứng xử như vậy mới là người có lễ độ phép tắc. |

**HOẠT ĐÔNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:** GV tổng kết kiến thức.

**Hoạt động tiếp nối:**

? Thế nào là trợ từ? Thán từ?

- Bài tập về nhà: bài 5 sgk – 72, bài 1,2,3,4 SBT

- Chuẩn bị bài tiếp theo.

**Tiết 35-36**

***Ôn tập truyện kí Việt Nam***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức :**

- Cần có củng cố, hệ thống hoá kiến thức phần truyện kí hiện đại Việt Nam học ở lớp 8

**2. Về kỹ năng:**

- Về các mặt: đặc sắc về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật.

**3. Về thái độ**

- Bước đầu thấy được một phần quá trình hiện đại hóa VHVN đã hoàn thành cơ bản vào nửa đầu thế kỉ XX

**II.Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên:** Chuẩn bị nội dung ôn tập, tham khảo tài liệu.

**2. Học sinh:** Đọc và trả lời các câu hỏi sgk- 104.

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trỡnh

**IV. Tiến trình dạy học:  
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Kiểm tra bài cũ:** - GV kiểm tra chuẩn bị của học sinh.

**Giới thiệu và dạy bài mới:**  Chúng ta đã tìm hiểu một số văn bản về truyện kí Việt Nam giai đoạn 1930- 1945 để giúp các em có cái nhìn hệ thống về văn học giai đoạn này chúng ta cùng hệ thống lại các văn bản đã học.

***Nội dung ôn tập***

**Câu 1**: Lập bảng thống kê các văn bản truyện kí Việt Nam đã học theo hướng dẫn.

- HS làm theo nhóm đại diện trình bày.

- GV Khái quát bằng bảng phụ.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***TT*** | ***Tên văn bản*** | ***Thể loại*** | ***Phương thức biểu đạt*** | ***Nội dung chủ yếu*** | ***Đặc sắc nghệ thuật*** |
| **1** | **Tôi đi học**  **Thanh Tịnh**  (1911-1988) | **Truyện ngắn** | Tự sự xen miêu tả và biểu cảm. | Những kỉ niệm trong sáng về ngày đầu tiên được đến trường đi học. | - Những h/ả so sánh mới mẻ và gợi cảm. |
| **2** | **Trong lòng mẹ** | **Hồi kí tự truyện** | - Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm đánh giá. | - Nỗi cay đắng tủi cực và tình yêu thương mẹ cháy bỏng của bé Hồng với người mẹ bất hạnh | - H/ả so sánh liên tưởng độc đáo. |
| **3** | **Tức nước vỡ** **bờ** | **Tiểu thuyết** | - Tự sự kết hợp miêu tả | - Đoạn trích vạch trần bộ mặt tàn ác, bất nhân của XH thực dân PK đương thời. Tố cáo chính sách thuế khoá vô nhân đạo.  - Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ nông dân, vừa giàu tình thương yêu vừa có sức sống tiềm tàng mạnh mẽ của chị Dậu cũng là của người phụ nữ Việt Nam trước CM | - Ngòi bút hiện thực khoẻ khoắn, giàu tinh thân lạc quan.  - Xây dựng tình huống truyện bất ngờ, có cao trào và giải quyết hợp lí.  - Xây dựng, miêu tả nhân vật chủ yếu qua hai ngôn ngữ, hành động trong thế tương phản với các nhân vật khác. |
| 4 | ***Lão Hạc***  ***( trích truyện ngắn Lão Hạc)***  **- Nam Cao**  ( 1915-1851 ) | **Truyện ngắn** | - Tự sự kết hợp miêu tả biểu cảm | - Số phận đau thương và phẩm chất cao quí của người nông dân cùng khổ trong xã hội Việt Nam trước CM tháng 8.  - Thái độ trân trọng của tác giả đối với họ | - Nghệ thuật miêu tả nội tâm và diễn biến tâm lí của mỗi nhân vật.  - Ngôn ngữ miêu tả chân thật đậm đà chất nông dân giản dị, tự nhiên nhưng mang màu sắc triết lí. |

**Câu 2**: So sánh, phân tích để thấy điểm giống nhau và khác nhau về nội dung và nghệ thuật của 3 văn bản 2,3,4.

- GV gợi ý cho hs làm bài.

- HS trình bày bài làm ở nhà.

**\* Giống nhau**:

- Đều là văn bản tự sự, truyện kí hiện đại được sáng tác vào thời kì 1930-1945.

- Đều lấy đề tài về con người và cuộc sống xã hội đương thời của tác giả. Các tác phẩm đều đi sâu miêu tả số phận cực khổ của những người bị vùi dập.

- Các tác phẩm đều chan chứa tinh thần nhân đạo ( yêu thương, trân trọng những tình cảm, phẩm chất đẹp đẽ của con người; tố cáo những gì tàn ác xấu xa )

- Các tác phẩm có lối viết chân thật, gần gũi đời sống, chân thực ( bút pháp hiện thực )

- GV KQ: Đó chính là những điểm chung nhất của dòng văn xuôi hiện thực nước ta trước cách mạng.

\* Khác nhau:

- HS lập bảng đối chiếu để so sánh.

- GV khái quát các nội dung hs đã so sánh.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***TT*** | ***Tên VB*** | ***Thể loại*** | ***Phương thức biểu đạt*** | ***Nội dung chủ yếu*** | ***Đặc sắc nghệ thuật*** |
| **1** | **Trong lòng mẹ** | **Hồi kí** | - Tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm và đánh giá | - Nội cay đắng tủi cực và tình yêu thương mẹ cháy bỏng của bé Hồng với người mẹ bất hạnh | - H/ả so sánh liên tưởng độc đáo. |
| **2** | **Tức nước vỡ bờ** | **Tiểu thuyết** | - Tự sự kết hợp miêu tả. | - Đoạn trích vạch trần bộ mặt tàn ác, bất nhân của XH thực dân PK đương thời. Tố cáo chính sách thuế khoá vô nhân đạo.  - Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ nông dân, vừa giàu tình thương yêu vừa có sức sống tiềm tàng mạnh mẽ của chị Dậu cũng là của người phụ nữ Việt Nam trước CM. | - Ngòi bút hiện thực khoẻ khoắn, giàu tinh thân lạc quan.  - Xây dựng tình huống truyện bất ngờ, có cao trào và giải quyết hợp lí.  - Xây dựng, miêu tả nhân vật chủ yếu qua hai ngôn ngữ, hành động trong thế tương phản với các nhân vật khác. |
| **3** | **Lão Hạc** | **Truyện ngắn** | - Tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm | - Số phận đau thương và phẩm chất cao quí của người nông dân cùng khổ trong xã hội Việt Nam trước CM tháng 8.  - Thái độ trân trọng của tác giả đối với họ | - Nghệ thuật miêu tả nội tâm và diễn biến tâm lí của mỗi nhân vật.  - Ngôn ngữ miêu tả chân thật đậm đà chất nông dân giản dị, tự nhiên nhưng mang màu sắc triết lí. |

**- Câu 3**: Chọn 1 đoạn văn trong các văn bản 2,3 và 4 nêu rõ lí do chọn.

- HS tự trình bày theo ý kiến cảm nhận của bản thân, giáo viên định hướng.

+ Đó là đoạn văn .............? Trong văn bản ...........? Của tác giả.........?

+ Lí do yêu thích: Về nội dung, về hình thức nghệ thuật, lí do khác

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:** GV KQ toàn bài – Nêu 1 số câu hỏi tổng hợp, hs làm bài ở nhà GV kiểm tra.

**Hoạt động tiếp nối:**

**- Câu 1**: Qua các văn bản thuộc bài 3,4 em có nhận xét gì về số phận người nông dân trước CM tháng 8 và phẩm chất của họ.

**- Câu 2:** Phân tích giá trị nhân đạo của truyện ngắn Lão Hạc – Nam Cao. Đặc điểm truyện kí 30- 45

**Tiết 43:**

***Nói quá***

**I.Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức:**

- Đạt được thế nào là nói quá, tác dụng của biện pháp tu từ nói quá trong văn chương cũng như trong cuộc sống hàng ngày.

**2. Về kĩ năng:**

- Biết rèn luyện kĩ năng sử dụng biện pháp tu từ nói quá trong viết van và trong giao tiếp.

**3. Về thái độ**

- Tán thành bồi dưỡng ý thức sử dụng biện pháp tu từ đã học.

**II. Chuẩn bị**

**1. Giỏo viờn:** Chuẩn bị nội dung lên lớp, bảng phụ.

**2. Học sinh:** Chuẩn bị bài theo câu hỏi sgk.

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trỡnh**.**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Kiểm tra bài cũ:** Gv kiểm tra kết quả chuẩn bị của hs. **Giới thiệu bài học mới:**

- Giáo viên lấy ví dụ, hướng dẫn học sinh phân tích, dẫn vào bài.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu “Nói quá và tác dụng của nói quá”

**+ Mục tiêu:** Hình thành khái niệm về “ Nói quá ” và nắm được tác dụng của biện pháp tu từ nói quá

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 18 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV cho học sinh đọc các câu tục ngữ ca dao.  ***? Chú ý các cụm từ in đậm và cho biết: Em hiểu nghĩa của các cụm từ trên là gì?***  ***? Cách nói của ca dao tục ngữ có đúng với sự thật không?***  ***? Thực chất cách nói ấy nhằm mục đích gì?***  ***? Những cách nói trên là nói quá, em hiểu nói quá là gì?***  ***? Hãy so sánh các câu dùng biện pháp nói quá với các câu đồng nghĩa tương ứng?***   |  |  | | --- | --- | | ***Đêm tháng năm ....***  ***Ngày tháng mười ...***  ***Mồi hôi thánh thót như mưa ruộng cày*** | ***Đêm tháng năm ngắn.***  ***Ngày tháng mười ngắn.***  ***Mồi hôi ướt đẫm.*** |   ***? Cho biết cách nói nào hay hơn?***  ***? Từ đó em hãy cho biết tác dụng của phép nói quá?***  - Đọc ghi nhớ SGK.  ***Bài tập nhanh***  Chí ta lớn như biển Đông  ***? Xác định phép nói quá, nên tác dụng?***  - GV tổ chức cho HS làm, nhận xét bổ sung. | - HS đọc  - HS giải thích  - HS nhận xét  - HS nhận xét  - HS khái quát  - HS so sánh  - HS giải thích  - Đọc  - HS thảo luận trình bày kết quả | ***I. Nói quá và tác dụng của nói quá.***  ***1. Bài tập:***  **\* Chưa nằm đã sáng**: Đêm tháng 5 rất ngắn.  **\* Chưa cười đã tối**: Ngày tháng mười rất ngắn.  **\* Thánh thót như mưa ruộng cày**: Mồ hôi rất nhiều.  Cách nói không đúng với thực tế.  Cách nói này nhằm mục đích phóng đại sự thật với mục đích làm cho người ta hiểu rõ hơn sự thật.  **Phóng đại mức độ , quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng.**  Cách nói quá hay hơn vì nó sinh động hơn, gây ấn tượng hơn, mang giá trị biểu cảm cao.  Tác dụng: Nhấn mạnh gây ấn tượng tăng sức biểu cảm.  ***2. Ghi nhớ: SGK***  Sức mạnh của cách nói quá ở đây là gây được ấn tượng, xúc cảm xúc về ý chí, quyết tâm giải phóng đất nước của nhân dân ta. |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh luyện tập

**+ Mục tiêu:** Vận dụng, củng cố kiến thức

**+ Phương pháp:** Luyện tập

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Cá nhân

**+ Thời gian:** 20 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***? Nêu yêu cầu của bài tập?***  ***? Hãy xác định yêu cầu của bài tập?***  - Yêu cầu hs đặt câu  - GV kể chuyện con rắn vuông, yêu cầu hs so sánh | - HS nờu  - HS xác định  - HS đặt câu  - Thảo luận làm bài  - Thảo luận trình bày | ***II. Luyện tập:***  ***1. Bài tập 1:***  **a. Sỏi đá cũng thành cơm:** Sức lao động của con người thật kỳ diệu.  **b. Đi lên đến tận trời:** Còn rất khoẻ có thể đi tới bất cứ nơi nào.  **c. Thét ra lửa**: kẻ có quyền sinh, quyền sát trong tay ( nhấn mạnh uy quyền của Cụ Bá ).  *2. Bài 2:*  **a. Chó ăn đá gà ăn sỏi**: nơi đất đai cằn cỗi, hoang vu.  b. Bầm gan tím ruột: căm phẫn, uất ức.  **c. Ruột để ngoài da:** vô tâm, tính tình bộc toạc không dấu diếm ai điều gì.  d. Nở từng khúc ruột phấn khởi, thỏa mãn,sung sướng  **e. Vắt chân lên cổ:** chạy thật nhanh  *3. Bài 3:*  Thuý Kiều có vẻ đẹp nghiêng nước nghiêng thành.  Đoàn kết là sức mạnh dời non lấp biển.  Công việc dời non lấp biển, vá trời ấy là công việc của nhiều đời, nhiều thế hệ mới có thể làm xong.  Những chiến sĩ mình đồng da sắt đã chiến thắng.  Mình nghĩ nát óc mà chưa giải được bài toán này.  *4. Bài tập 4:*  Đẹp như tiên.  Đen như cột nhà cháy.  Trắng như trứng gà bóc.  Khoẻ như voi.  *5. Bài tập 6:*  **\* Giống**: Đều là phóng đại quá mức tính chất sự việc.  **\* Khác**: ở mục đích.  + Nói quá là biện pháp tu từ nhằm mục đích nhấn mạnh, gây ấn tượng tăng sức biểu cảm.  + Nói khoác: Nhằm làm cho người nghe tin vào những điều không có thực, nói khoác là hành động có tác động tiêu cực. |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:** GV tổng kết kiến thức.  
**Hoạt động tiếp nối:**

Hướng dẫn học ở nhà ( 2 phút )

- Nói quá và tác dụng của nói quá

- Làm bài tập 5, chuẩn bị bài nói giảm, nói tránh.

\* \* \* \* \* \* \* \*

**Tiết 35-36**

***Ôn tập truyện kí Việt Nam***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức :**

- Cần có củng cố, hệ thống hoá kiến thức phần truyện kí hiện đại Việt Nam học ở lớp 8

**2. Về kỹ năng:**

- Về các mặt: đặc sắc về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật.

**3. Về thái độ**

- Bước đầu thấy được một phần quá trình hiện đại hóa VHVN đã hoàn thành cơ bản vào nửa đầu thế kỉ XX

**II.Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên:** Chuẩn bị nội dung ôn tập, tham khảo tài liệu.

**2. Học sinh:** Đọc và trả lời các câu hỏi sgk- 104.

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trỡnh

**IV. Tiến trình dạy học:  
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Kiểm tra bài cũ:** - GV kiểm tra chuẩn bị của học sinh.

**Giới thiệu và dạy bài mới:**  Chúng ta đã tìm hiểu một số văn bản về truyện kí Việt Nam giai đoạn 1930- 1945 để giúp các em có cái nhìn hệ thống về văn học giai đoạn này chúng ta cùng hệ thống lại các văn bản đã học.

***Nội dung ôn tập***

**Câu 1**: Lập bảng thống kê các văn bản truyện kí Việt Nam đã học theo hướng dẫn.

- HS làm theo nhóm đại diện trình bày.

- GV Khái quát bằng bảng phụ.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***TT*** | ***Tên văn bản*** | ***Thể loại*** | ***Phương thức biểu đạt*** | ***Nội dung chủ yếu*** | ***Đặc sắc nghệ thuật*** |
| **1** | **Tôi đi học**  **Thanh Tịnh**  (1911-1988) | **Truyện ngắn** | Tự sự xen miêu tả và biểu cảm. | Những kỉ niệm trong sáng về ngày đầu tiên được đến trường đi học. | - Những h/ả so sánh mới mẻ và gợi cảm. |
| **2** | **Trong lòng mẹ** | **Hồi kí tự truyện** | - Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm đánh giá. | - Nỗi cay đắng tủi cực và tình yêu thương mẹ cháy bỏng của bé Hồng với người mẹ bất hạnh | - H/ả so sánh liên tưởng độc đáo. |
| **3** | **Tức nước vỡ** **bờ** | **Tiểu thuyết** | - Tự sự kết hợp miêu tả | - Đoạn trích vạch trần bộ mặt tàn ác, bất nhân của XH thực dân PK đương thời. Tố cáo chính sách thuế khoá vô nhân đạo.  - Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ nông dân, vừa giàu tình thương yêu vừa có sức sống tiềm tàng mạnh mẽ của chị Dậu cũng là của người phụ nữ Việt Nam trước CM | - Ngòi bút hiện thực khoẻ khoắn, giàu tinh thân lạc quan.  - Xây dựng tình huống truyện bất ngờ, có cao trào và giải quyết hợp lí.  - Xây dựng, miêu tả nhân vật chủ yếu qua hai ngôn ngữ, hành động trong thế tương phản với các nhân vật khác. |
| 4 | ***Lão Hạc***  ***( trích truyện ngắn Lão Hạc)***  **- Nam Cao**  ( 1915-1851 ) | **Truyện ngắn** | - Tự sự kết hợp miêu tả biểu cảm | - Số phận đau thương và phẩm chất cao quí của người nông dân cùng khổ trong xã hội Việt Nam trước CM tháng 8.  - Thái độ trân trọng của tác giả đối với họ | - Nghệ thuật miêu tả nội tâm và diễn biến tâm lí của mỗi nhân vật.  - Ngôn ngữ miêu tả chân thật đậm đà chất nông dân giản dị, tự nhiên nhưng mang màu sắc triết lí. |

**Câu 2**: So sánh, phân tích để thấy điểm giống nhau và khác nhau về nội dung và nghệ thuật của 3 văn bản 2,3,4.

- GV gợi ý cho hs làm bài.

- HS trình bày bài làm ở nhà.

**\* Giống nhau**:

- Đều là văn bản tự sự, truyện kí hiện đại được sáng tác vào thời kì 1930-1945.

- Đều lấy đề tài về con người và cuộc sống xã hội đương thời của tác giả. Các tác phẩm đều đi sâu miêu tả số phận cực khổ của những người bị vùi dập.

- Các tác phẩm đều chan chứa tinh thần nhân đạo ( yêu thương, trân trọng những tình cảm, phẩm chất đẹp đẽ của con người; tố cáo những gì tàn ác xấu xa )

- Các tác phẩm có lối viết chân thật, gần gũi đời sống, chân thực ( bút pháp hiện thực )

- GV KQ: Đó chính là những điểm chung nhất của dòng văn xuôi hiện thực nước ta trước cách mạng.

\* Khác nhau:

- HS lập bảng đối chiếu để so sánh.

- GV khái quát các nội dung hs đã so sánh.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***TT*** | ***Tên VB*** | ***Thể loại*** | ***Phương thức biểu đạt*** | ***Nội dung chủ yếu*** | ***Đặc sắc nghệ thuật*** |
| **1** | **Trong lòng mẹ** | **Hồi kí** | - Tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm và đánh giá | - Nội cay đắng tủi cực và tình yêu thương mẹ cháy bỏng của bé Hồng với người mẹ bất hạnh | - H/ả so sánh liên tưởng độc đáo. |
| **2** | **Tức nước vỡ bờ** | **Tiểu thuyết** | - Tự sự kết hợp miêu tả. | - Đoạn trích vạch trần bộ mặt tàn ác, bất nhân của XH thực dân PK đương thời. Tố cáo chính sách thuế khoá vô nhân đạo.  - Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ nông dân, vừa giàu tình thương yêu vừa có sức sống tiềm tàng mạnh mẽ của chị Dậu cũng là của người phụ nữ Việt Nam trước CM. | - Ngòi bút hiện thực khoẻ khoắn, giàu tinh thân lạc quan.  - Xây dựng tình huống truyện bất ngờ, có cao trào và giải quyết hợp lí.  - Xây dựng, miêu tả nhân vật chủ yếu qua hai ngôn ngữ, hành động trong thế tương phản với các nhân vật khác. |
| **3** | **Lão Hạc** | **Truyện ngắn** | - Tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm | - Số phận đau thương và phẩm chất cao quí của người nông dân cùng khổ trong xã hội Việt Nam trước CM tháng 8.  - Thái độ trân trọng của tác giả đối với họ | - Nghệ thuật miêu tả nội tâm và diễn biến tâm lí của mỗi nhân vật.  - Ngôn ngữ miêu tả chân thật đậm đà chất nông dân giản dị, tự nhiên nhưng mang màu sắc triết lí. |

**- Câu 3**: Chọn 1 đoạn văn trong các văn bản 2,3 và 4 nêu rõ lí do chọn.

- HS tự trình bày theo ý kiến cảm nhận của bản thân, giáo viên định hướng.

+ Đó là đoạn văn .............? Trong văn bản ...........? Của tác giả.........?

+ Lí do yêu thích: Về nội dung, về hình thức nghệ thuật, lí do khác

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:** GV KQ toàn bài – Nêu 1 số câu hỏi tổng hợp, hs làm bài ở nhà GV kiểm tra.

**Hoạt động tiếp nối:**

**- Câu 1**: Qua các văn bản thuộc bài 3,4 em có nhận xét gì về số phận người nông dân trước CM tháng 8 và phẩm chất của họ.

**- Câu 2:** Phân tích giá trị nhân đạo của truyện ngắn Lão Hạc – Nam Cao. Đặc điểm truyện kí 30- 45

\* \* \* \* \* \* \* \*

**CHỦ ĐỀ TÍCH HỢP:**

**CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG HAI VĂN BẢN “THÔNG TIN VỀ NGÀY TRÁI ĐẤT NĂM 2000”, “ÔN DỊCH, THUỐC LÁ” TÍCH HỢP VỚI CÂU GHÉP**

***PHẦN I:* XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ.**

***A. CƠ SỞ LỰA CHỌN CHỦ ĐỀ .***

- Căn cứ vào “Công văn 3280/BGD ĐT-GDTrH về việc hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS, THPT, ngày 27 tháng 8 năm 2020 để xây dựng chủ đề tích hợp văn bản – Tiếng Việt trong học kì I.

- Các văn bản truyện truyện ngắn và hồi kí được sử dụng trong hoạt động đọc hiểu sẽ trở thành nguồn ngữ liệu để hướng dẫn HS tiếp thu các tri thức cơ bản về làm văn.

***B. THỜI GIAN DỰ KIẾN :***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Tuần*** | ***Tiết*** | ***Bài dạy*** | ***Ghi chú*** |
| **10** | *37* | *Những vấn đề chung*  *Thông tin về Ngày Trái đất năm 2000* |  |
| *38* | *Ôn dịch, thuốc lá* |
| *39* | *Câu ghép* |
| *40* | *Câu ghép – Tổng kết chủ đề* |

***C. MỤC TIÊU CỦA CHỦ ĐỀ:***

**I. MỤC TIÊU CHUNG**

-Dạy học theo vấn đề hay chủ đề tích hợp là khai thác sự liên quan, gần gũi ở *nội dung*  kiến thức và khả năng bổ sung cho nhau giữa các bài học cho mục tiêu giáo dục chung. Các tiết học chủ đề Gv không tổ chức thiết kế kiến thức, thông tin đơn lẻ, mà phải hình thành ở học sinh năng lực tìm kiếm, quản lý, tổ chức sử dụng kiến thức để giải quyết vấn đề trong tình huống có ý nghĩa.

-Tích hợp kiến thức đọc hiểu văn bản và kĩ năng thực hành nghe- nói- viết trong mỗi bài học tạo hứng thú học tập cho học sinh. Các em có cái nhìn hoàn chỉnh và thấy được mối liên hệ giữa các môn học. Từ đó có ý thức tìm tòi, học hỏi và vận dụng kiến thức đã học vào đòi sống sinh động.

-Thông qua dạy học tích hợp, học sinh có thể vận dụng kiến thức để giải quyết các bài tập hàng ngày, đặt cơ sở nền móng cho quá trình học tập tiếp theo; cao hơn là có thể vận dụng để giải quyết những tình huống có ý nghĩa trong cuộc sống hàng ngày;

- Thông qua việc hiểu biết về thế giới tự nhiên bằng việc vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu giúp các em ý thức được hoạt động của bản thân, có trách nhiệm với chính mình, với gia đình, nhà trường và xã hội ngay trong cuộc sống hiện tại cũng như tương lai sau này của các em;

- Đem lại niềm vui, tạo hứng thú học tập cho học sinh. Phát triển ở các em tính tích cực, tự lập, sáng tạo để vượt qua khó khăn, tạo hứng thú trong học tập.

- Thiết lập các mối quan hệ theo một logic nhất định những kiến thức, kỹ năng khác nhau để thực hiện một hoạt động phức hợp.

- Lựa chọn những thông tin, kiến thức, kỹ năng cần cho học sinh thực hiện được các hoạt động thiết thực trong các tình huống học tập, đời sống hàng ngày, làm cho học sinh hòa nhập vào thế giới cuộc sống.

**-**  Chủ đề góp phần giúp học sinh học thấy được mối quan hệ giữa học văn bản và làm văn trong nhà trường đề phát trỉển hoàn thiện kiến thức, kĩ năng và phẩm chất, năng lực theo mục tiêu mon học. Từng bước tiếp cận chương trình giáo dục PT mới.

**II. MỤC TIÊU CỤ THỂ CHỦ ĐỀ**

**1. Kiến thức/ kỹ năng/ thái độ**

***1.1.Đọc- hiểu***

*1.1.1. Đọc hiểu nội dung*: Qua chủ đề văn bản – Tiếng Việt, học sinh hiểu được sự cần thiết của việc hạn chế sử dụng bao bì ni lông (*Thông tin về ngày Trái đất năm 2000*) và tác hại khủng khiếp của khói thuốc lá, tệ nghiện thuốc lá (*Ôn dịch, thuốc lá*).

*1.1.2. Đọc hiểu hình thức:* Nắm được hệ thống luận điểm. Bước đầu biết đọc - hiểu một văn bản tuyết minh. Vận dụng kiến thức về sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn bản thuyết minh để viết được đoạn văn nêu suy nghĩ, ý kiến.

*1.1.3. Liên hệ, so sánh, kết nối:* - Văn bản “Bức thư của thủ lĩnh da đỏ” – tác giả Xi-át-tơn, được trích dẫn trong chương trình *Ngữ văn 6, tập I.*

- Bài viết “Tác hại khôn lường của sản hẩm nhựa dùng một lần” – tác giả Hải Nguyễn, được đăng trên Vietnamnet.

- Có kĩ năng vận dụng phương pháp học tập vào Đọc - Hiểu những văn bản nhật dụng khác.

- Biết vận dụng câu ghép trong diễn đạt.

*1.1.4. Đọc mở rộng*: tìm đọc một số văn bản khác cùng đề tài. Chia sẻ những điều mình tâm đắc.

***1.2. Viết:***

***-Thực hành viết:*** Viết được bài theo chủ đề được định hướng và có bố cục hợp lý.

***1.3. Nghe - Nói***

***- Nói:*** kể lại một cách tóm tắt và nêu nhận xét về nội dung và nghệ thuật của hai tác phẩm được học trong chủ đề

-***Nghe***: Lắng nghe và tóm tắt được nội dung trình bày của thầy và bạn.

-***Nói nghe tương tác:*** Biết tham gia thảo luận trong nhóm về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất, biết đặt câu hỏi và trả lời, biết nêu một vài đề xuất dựa trên các ý tưởng được trình bày trong quá trình thảo luận.

*2.****Phát triển phẩm chất, năng lực***

*2.1.Phẩm chất chủ yếu:*

- *Nhân ái:* Qua tìm hiểu văn bản, HS biết tôn trọng, yêu thương người thân yêu. Biết dũng cảm đấu tranh với hành vi làm tổn hại đến tình cảm gia đình, nhà trường, bạn bè. Biết đồng cảm với những số phận bất hạnh...

- *Chăm học, chăm làm:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân. Chủ động trong mọi hoàn cảnh, biến thách thức thành cơ hội để vươn lên. Luôn có ý thức học hỏi không ngừng để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, trở thành công dân toàn cầu.

-*Trách nhiệm:* hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, dân tộc để sống hòa hợp với môi trường.

*2.2. Năng lực*

*2.2.1.Năng lực chung:*

***-***Năng lực tự chủ và tự học: sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống, khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.

-Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.

-Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

***2.2.2.*** *Năng lực đặc thù:*

- Năng lực đọc hiểu văn bản*:* Cảm nhận được nội dung tư tưởng và giá trị nghệ thuật của văn bản trong chủ đề để phát triển năng lực đọc hiểu những văn bản tương tự.

**-** Năng lực tạo lập văn bản: Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân để hiểu văn bản;Trình bày dễ hiểu các ý tưởng ; có thái độ tự tin khi nói; kể lại mạch lạc câu chuyện; biết chia sẻ ý tưởng khi thảo luận ý kiến về bài học.

- Năng lực thẩm mỹ: Cảm nhận vẻ đẹp ngôn ngữ, nhận ra những giá trị thẩm mĩ trong văn học. Trình bày được cảm nhận và tác động của tác phẩm đối với bản thân. Vận dụng suy nghĩ và hành động hướng thiện. Biết sống tốt đẹp hơn.

**D. CHUẨN BỊ :**

**- Giáo viên:**Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .

+ Thiết kể bài giảng điện tử.

+ Chuẩn bị phiếu học tập và dự kiến các nhóm học tập.

+ Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

+ Học liệu:Video clips , tranh ảnh, bài thơ, câu nói nổi tiếng liên quan đến chủ đề.

**- Học sinh :** - Đọc trước và chuẩn bị các văn bản SGK.

+ Sưu tầm tài liệu liên quan đến chủ đề.

+ Thực hiện hướng dẫn chuẩn bị học tập chủ đề của GV.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC.**

***1. Phương pháp và kĩ thuật dạy học:***

- Kĩ thuật động não, thảo luận - Kĩ thuật trình bày một phút

- Kĩ thụât viết tích cực: Hs viết các đoạn văn .

- Gợi mở - Nêu và giải quyết vấn đề

- Thảo luận nhóm - Giảng bình, thuyết trình

***2. Phương tiện dạy hoc:***

- Sách giáo khoa, máy tính có kết nối mạng, máy chiếu... - Bài soạn ( in và điện tử)

***PHẦN II.* TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Tiết 37**

***Bài 10: Văn bản***

***Thông tin về Ngày Trái đất năm 2000***

***( Theo tài liệu của sở KHCN Hà Nội )***

**I. Mục tiêu bài học:**

***Mục tiêu chung của các tiết dạy học theo chủ đề Đọc hiểu văn bản nhật dụng:***

**-** HS biết cách tiếp cận các văn bản nhật dụng, hiểu những vấn đề nóng bỏng được đặt ra trong các văn bản như vấn đề bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe, vấn đề dân số.

-Từ đó có thêm kiến thức để góp phần vào việc bảo vệ bản thân, bảo vệ xã hội…

***Mục tiêu cụ thể của từng bài:***

**1. Về kiến thức:**

- Thấy được tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông, tự mình hạn chế sử dụng bao bì ni lông và vận động mọi người cùng thực hiện khi có điều kiện.

- Thấy được tính thuyết phục trong cách thuyết minh về tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông cũng như tính hợp lí của những kiến nghị mà văn bản đề xuất.

- Từ việc sử dụng bao bì ni lông, có những suy nghĩ tích cực về các việc tương tự trong vấn đề xử lí rác thải sinh hoạt, một số vấn đề vào loại khó giải quyết nhất trong nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

**2. Về kỹ năng :**

- Biết rèn luyện kỹ năng đọc, tìm hiểu và phân tích một văn bản nhật dụng dưới dạng văn bản thuyết minh một vấn đề khoa học.

**3. Về thái độ:**

- Hhs thấy được tác hại, mặt trái của việc sử dụng bao bì ni lông , biết bảo vệ môi trường.

**II.Chuẩn bị:**

**1. Giỏo viờn:** Chuẩn bị nội dung lên lớp, tham khảo tài liệu.

**2. Học sinh:** Đọc và trả lời các câu hỏi.

**III.Phương pháp dạy học:** Đọc hiểu, vấn đáp, bình giảng, thảo luận **IV.Tiến trình dạy học:  
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Kiểm tra bài cũ:** ? Nêu các văn bản nhật dụng đã được học từ lớp 6 đến nay? Các văn bản đó trình bày về vấn đề gì? **Giới thiờu và dạy bài học mới**

- Bảo vệ môi trường sống quanh ta đang bị ô nhiễm là trách nhiệm là trách nhiệm chung của mọi người. Có rất nhiều việc để làm để thực hiện nhiệm vụ đó và một trong những việc làm cụ thể và cần thiết hàng ngày là hạn chế thấp nhất đến mức không dùng các loại bao bì bằng ni lông. Vì sao vậy? để trả lời câu hỏi này chúng ta cùng tìm hiểu văn bản.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chung văn bản

**+ Mục tiêu:** Học sinh nắm được những nét tiêu biểu về tác phẩm.

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp.

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Cá nhân

**+ Thời gian:** 5 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV nêu yêu cầu đọc.  - GV đọc 1 đoạn  - GV nhận xét phần đọc của học sinh.  - GV cho hs giải nghĩa các từ khó.  ***? Giải nghĩa các từ khó từ 1- 9?***  - GV giảng giải lại một số từ.  +Thông tin: Là truyền tin cho nhau để biết.  ***? Văn bản gồm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?***  - GV giới thiệu: Đây là một văn bản nhật dụng thuyết minh về một vấn đề khoa học tự nhiên.  ***GV KQ chuyển ý.*** | - HS đọc nối tiếp  - HS dựa vào SGK giải thích các từ khó.  - Nghiên cứu VB phát hiện | ***I. Đọc tìm hiểu chung***  **\* Đọc**  - Đọc rõ ràng, mạch lạc chú ý các thuật ngữ chuyên môn, phát âm chính xác.  **\* Từ khó**: SGK  **\* Cấu trúc văn bản**  + **Bố cục**: 3 Phần  - Phần 1: Từ đầu đến một ngày không sử dụng bao bì ni lông nguyên nhân ra đời của bản thông điệp: Thông tin về ngày trái đất năm 2000 của Việt Nam.  - Phần 2: Tiếp đến ô nhiễm nghiêm trọng với môi trường tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông.  Phần 3: Còn lại | |

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản

**+ Mục tiêu:** Nắm được nguyên nhân ra đời của bản thông điệp: Một ngày không sử dụng bao bì ni lông, tỏc hại của việc sử dụng bao ni long, biện phỏp khắc phục…

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp, bình giảng.

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 25 phút.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV nêu yêu cầu học sinh đọc phần 1.  ***? Phần 1 tập chung nêu lên vấn đề gì.***  ***? Ngày trái đất là ngày nào hàng năm, ngày đó có từ bao giờ? Do ai khởi xướng.***    ***? Tôn chỉ hoạt động của tổ chức Ngày Trái Đất?***  ***? Tổ chức Ngày trái đất đã có bao nhiêu nước tham gia Việt Nam tham gia với chủ đề gì?***  GV: Chủ đề mà Việt Nam lựa chọn có sự tham gia của 13 cơ quan và tổ chức phi chính phủ và bộ khoa học công nghệ lựa chọn. Có thể nói đây là 1 chủ đề thiết thực, phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam, gần gũi với mọi đối tượng trong nước đang phát triển  ***? Chỉ với mấy dòng ngắn gọn mà phần thứ nhất đã giúp cho người đọc nắm bắt được vấn đề chủ yếu nào?***  - GV: Vậy lí do nào khiến co Việt Nam lựa chọn chủ đề một ngày không sửa dụng bao bì ni lông chúng ta cùng tìm hiểu phần 2.  - GV nêu yêu cầu học sinh đọc phần 2.  ***? Nhắc lại nội dung phần 2.***  - GV: Phần 2 có thể chia làm hai phần nhỏ:  + Phần 1: Từ như chúng ta đã biết đến cho trẻ sơ sinh.  + Phần 2: Tiếp đến đối với môi trường.  - GV định hướng cho hs chú ý vào phần 1.  ***? ở phần này tập chung nêu lên vấn đề gì?***  - GV: Sử dụng bao bì ni lông cũng có nhiều thuận lợi nhưng có thể nói nó cũng có rất nhiều tác hại.  ***? Những tác hại của bao bì ni lông là gì? Tác hại nào là cơ bản nhất? Vì sao?***  ***? Em có nhận xét gì về cách giải thích tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông? Qua cách giải thích đó em hiểu gì về tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông?***  - GV cung cấp thêm thông tin theo sgv- 107.  ***? Hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới đã có những biện pháp nào để xử lí rác thải bao bì ni lông? Hãy phân tích các biện pháp xử lí đó?***  ***? ý kiến nhận xét của em về các biện pháp xử lí trên?***  ***? Trước những biện pháp xử lí còn nan giải trên VB nêu lên giải pháp gì?***  ***? Nhận xét các biện pháp trên?***  ***? Để các biện pháp trên có tính khả thi mỗi chúng ta cần làm gì?***  **GVKQ**: Sử dụng hay không sử dụng bao bì ni lông chỉ là 1 việc, một thói quen rất nhỏ trong cuộc sống hàng ngày của con người hiện đại. Nhưng thật ra nó lại có ý nghĩa rất to lớn.  ***? Tác giả kết thúc bản thông điệp đó bằng lời kêu gọi như thế nào?***  ***? Nhận xét gì về lời kêu gọi ?***  ***? Trước lời kêu gọi đó thái độ của chúng ta thế nào?***  **GVKQ toàn bài**. | - HS đọc phần 1  - Phát hiện  - Nhận xét  - Phát hiện  - HS khái quát  - HS đọc, theo dõi đoạn nhỏ 2  - HS trình bày  Thảo luận  - Thảo luận trình bày ý kiến  - H/S nhận xét  - Phát hiện  - HS nêu ý kiến  - H/s phát hiện  - H/S nêu ý kiến nhận xét  - Phân tích khái quát.  - HS phát hiện  - Nhận xét  - HS tự bộc lộ | ***II. Đọc- hiểu văn bản***  ***1. Nguyên nhân ra đời của bản thông điệp: Một ngày không sử dụng bao bì ni lông.***  - Ngày 22 tháng 4 hàng năm được gọi là ngày Trái đất.  - Do một tổ chức bảo vệ môi trường của Mĩ khởi xướng năm 1970.  - Đề cập đến vấn đề về môi trường nóng bỏng nhất của từng nước và khu vực.  - Trên thế giới có 141 nước tham gia.  - Năm 2000 là năm đầu tiên Việt Nam tham gia tổ chức ngày Trái đất với chủ đề: ***Một ngày không sử dụng bao bì ni lông.***  - Lịch sử ra đời, tôn chỉ, quá trình hoạt động của 1 tổ chức ***Ngày trái đất*** và lí do Việt Nam chọn chủ đề cho năm 2000: ***Một ngày không sử dụng bao bì ni lông.***  *2. Tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông.*  **\* Tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông:**  - Ô nhiễm môi trường.  - Bẩn, gây vướng, cản trở sự phân huỷ của đất đai ...  - Lẫn vào đất cát cản trở quá trình sinh trưởng của các loại thực vật ....  - Tác hại cơ bản: Tính không phân huỷ của pla- xtic.  - Ni lông màu có sử dụng các chất phụ gia nên gây tác hại đến sức khoẻ của con người khi đựng thức ăn trong đó ....  - Cách giải thích đơn giản, dễ hiểu làm sáng tỏ về tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông.  **\* Biện pháp:**  - Chôn lấp ....  - Đốt.  - Tái chế.  - Các biện pháp xử lí chưa hiệu quả còn đang là vấn đề nan giải.  **\* Giải pháp khi sử dụng bao bì ni lông.**  - Sử dụng bao bì ni lông khi thật cần thiết.  - Sử dụng bao bì ni lông khi thật cần thiết.  - Sử dụng các loại túi làm bằng các chất liệu khác hay gói lá...  **⭢ Các biện pháp nêu trong thông tin là hợp lí.**  - Mỗi người cần có ý thức tự giác khi sử dụng các loại bao bì ni lông.  ***3. Lời kêu gọi****.*  - Mọi người hãy cùng nhau quan tâm đến trái đất hơn nữa.  - Hãy bảo vệ trái đất ....  - Hãy cùng nhau hành động.  - Lời kêu gọi khẩn thiết bắt đầu bằng ba từ hãy.  **⭢ Lời kêu gọi xuất phát từ trách nhiệm chung đối với toàn nhân loại với mọi người.** |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh tổng kết.

**+ Mục tiêu**: Nắm được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp.

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** cá nhân

**+ Thời gian:** 5 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***? Nhận xét về bố cục văn bản?***  ***? Nêu nội dung của văn bản trên?***  GVKQ ghi nhớ  ***? Em dự định sẽ làm gì để thông tin này đi vào đời sống, biến thành hành động cụ thể?***  ***? Bảo vệ môi trường trong sạch của trái đất là vấn đề to lớn rộng khắp trong lĩnh vực đời sống XH, TN và con người. Em còn biết những việc làm nào, những phong trào nào nhằm bảo vệ môi trường trái đất trên thế giới, ở nước ta, ở địa phương em, ở trường em?*** | - HS nhận xét  - Trả lời độc lập  - HS đọc ghi nhớ  - Trao đổi, phát biểu.  - Thảo luận nhóm. | ***III. Tổng kết***  ***1. Nghệ thuật***  - Bố cục chặt chẽ, giải thích rõ ràng, dễ hiểu.  ***2. Nội dung***  - Tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông.  - Giải pháp khi sử dụng bao bì ni lông.  - Lời kêu gọi xuất phát từ trách nhiệm chung đối với toàn nhân loại và với mọi người.  **\* Ghi nhớ: sgk- 107**.  IV. Luyện tập:  - Phong trào trồng cây gây rừng.  - Phong trào xanh, sạch, đẹp. |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:**GV tổng kết kiến thức bài học  
**Hoạt động tiếp nối:**

Hướng dẫn học ở nhà.

- Liệt kê các tác hại của việc vứt bừa bãi bao bì ni lông?

- Dùng bao bì ni lông như thế nào cho đúng?

- Tình hình sử dụng bao bì ni lông ở Việt Nam.

- Học, nắm nội dung của bài.

- Chuẩn bị bài tiếp theo.

\* \* \* \* \* \* \* \* \*

**Tiết 38**

**Ôn dịch thuốc lá**

***(Nguyễn khắc Viện)***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức :**

- Đạt được quyết tâm phòng chống thuốc lá trên cơ sở nhận thức được tác hại to lớn, nhiều mặt của thuốc lá đối với đời sống cá nhân và cộng đồng.

- Sẽ có được sự kết hợp chặt chẽ giữa hai phương thức lập luận và thuyết minh trong văn bản.

**2. Về kỹ năng :**

- Biết rèn kĩ năng phân tích một văn bản nhật dụng thuyết minh một vấn đề khoa học – xã hội.

**3. Về thái độ :**

- Đồng tình các em nên tránh xa những chất có hại cho sức khoẻ.

**II.Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên:** Chuẩn bị nội dung lên lớp, tham khảo tài liệu.

**2. Học sinh :** Đọc và trả lời các câu hỏi.

**III. Phương pháp dạy học:** Đọc hiểu, vấn đáp, bình giảng, thảo luận. **IV.Tiến trình dạy hoc:  
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG  
Kiểm tra bài cũ:** ? Trong văn bản thông tin về trái đất năm 2000 chúng ta đã được kêu gọi vấn đề gì? Vấn đề ấy có tầm quan trọng như thế nào? **Giới thiệu và dạy bài học mới:**

Hút thuốc lá từ xưa tới nay đã trở thành một thói quen của nhiều quốc gia, dân tộc, trên thế giới trong đó có Việt Nam. Hút mãi thành quen, hút nhiều thành nghiện khó có thể cai được và hút thuốc lá có thể trở thành căn bệnh. Hút thuốc lá không chỉ tốn tiền mà còn có nhiều ảnh hưởng đến sức khoẻ của con người. Chống hút thuốc lá từ lâu đã trở thành vấn đề khoa học Ôn dịch thuốc lá chính là hồi còi báo động gióng lên rất kịp thời.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chung văn bản

**+ Mục tiêu:** Học sinh nắm được những nét tiêu biểu về tác phẩm.

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp.

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Cá nhân

**+ Thời gian:** 5 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV nêu yêu cầu đọc.  - GV đọc 1 đoạn.  - GV nhận xét phần đọc của học sinh.  - GV kiểm tra việc nắm chú giải của học sinh chú ý chú thích 1, 9.  **GV giới thiệu VB**: Đây là một VB dài đề cập đến nhiều phạm vi nên người viết sách đã lược bớt một số phần. Tuy nhiên vẫn giữ lại phần cơ bản để tạo thành một VB hoàn chỉnh.  ***? Dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà em hãy cho biết VB gồm mấy phần? Nội dung của từng phần?***  ***? VB được viết theo phương thức biểu đạt nào?*** | - Hs đọc  - Hs trả lời  - Hs trả lời | **I. Đọc tìm hiểu chung**  **\* Đọc**  - Đoạn từ đầu đến nặng hơn cả AIDS đọc với giọng chậm nhấn mạnh.  - Đoạn tiếp theo đến đẩy con người vào con đường phạm pháp đọc với giọng nhấn mạnh.  - Đoạn còn lại đọc với giọng lo âu.  \* Từ khó: SGK.  **\* Cấu trúc văn bản.**  **- Phân đoạn**: 4 phần  + Phần 1: Từ đầu đến nặng hơn cả AIDS nêu vấn đề và tầm quan trọng và tính chất nghiêm trọng của vấn đề.  + Phần 2: Tiếp đến sức khỏe cộng đồng. Phân tích tác hại của thuốc lá đối với những người hút thuốc lá.  + Phần 3: tiếp đến nêu gương xấu tác hại của thuốc lá với cộng đồng.  + Phân 4: Còn lại thông tin về những chiến dịch phòng chống thuốc lá và lời kêu gọi mọi người Việt Nam hãy đứng lên ngăn ngừa ôn dịch thuốc lá.  - Kiểu VB nhật dụng, thuyết minh về một vấn đề khoa học xã hội. |

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản

**+ Mục tiêu:** Nắm được cách nêu vấn đề của tác giả qua đó thấy được tác hại nghiêm trọng của thuốc lá đối với con người…

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp, bình giảng.

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:**30 phút.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV định hướng h/s phân tích VB.  - GV cho h/s đọc phần 1  ***? Phần 1 chủ yếu trình bày vấn đề gì?***  ***? Tác giả so sánh ôn dịch thuốc lá với những đại dịch nào? So sánh như thế có tác dụng gì?***  ***? Từ cách so sánh trên tác giả đã nêu lên vấn đề gì?***    ***? Nhận xét gì về vấn đề đã nêu.***  ***? Dựa vào cơ sở nào mà tác giả lại nêu lên nhận định đó?***  GV: Nhận định đó như một định đề không cần chứng minh, không cần bàn luận.  GV đọc nhan đề VB.    ***? Tại sao nhan đề VB tác giả lại viết Ôn dịch, thuốc lá?***  ***Dấu phẩy đặt giữa nhan đề có ý nghĩa gì?***  ***- GV KQ phần 1 chuyển ý***  GV cho h/s đọc phần thứ 2, 3  ***? Phần hai, ba tập chung nêu lên vấn đề gì?***  GV đọc lời dẫn của Trần Hưng Đạo.  ***? Tại sao tác giả lại dẫn lời Trần Hưng Đạo bàn về việc đánh giặc trước khi phân tích tác hại của thuốc lá?***  ***? Em có suy nghĩ gì về cách so sánh này?***  **GV:** Tằm ví như khói thuốc lá.Dâu như sức khỏe của con người. Tằm ăn dâu đến đâu biết đến đó. Con tằm gặm nhấm dần như khói thuốc lá giết dần, giết mòn cơ thể con người.  ***? Từ cách so sánh trên tác giả đã nêu các tác hại của thuốc lá. Cụ thể thuốc lá có tác hại như thế nào?***  ***? Vì sao tác giả lại lấy bệnh viêm phế quản một bệnh nhẹ nhất do thuốc lá gây lên làm dẫn chứng.***  ***? Vậy đối với những cá nhân trực tiếp hút thuốc lá em thấy có những tác hại nào.***  - GV bên cạnh những tác hại của thuốc lá với những cá nhân hút thì thuốc lá còn ảnh hưởng đến cộng đồng như thế nào.  GV cho h/s theo dõi phần 3.  GV đọc câu Có người bảo ...  ***? Câu nói trên là tiếng nói khá phổ biến của những người hút thuốc lá. Theo em câu nói đó thể hiện những suy nghĩ gì của người nghiện thuốc lá?***  ***? Tác giả đã phản bác lại ý kiến đó như thế nào?***  ***? Em có nhận xét gì về những lời cảnh báo trên về tác hại của thuốc lá đối với những người xung quanh.***  ***? Việc tác giả so sánh tỷ lệ thanh thiếu niên Việt Nam hút thuốc lá với thanh thiếu niên Âu Mĩ thể hiện điều gì?***  ***? Như vậy ta thấy đối với thanh thiếu niên Việt Nam hút thuốc lá sẽ đưa họ vào con đường phạm pháp vì sao vì vậy?***  ***? Qua tìm hiểu em thấy hút thuốc lá có những tác hại nào?***  ***? Tác giả đã sử dụng những phương pháp nào để thuyết minh tác hại của thuốc lá?***  GV đó là những phương pháp cần thiết để làm chúng ta cần học tập.  *GV KQ chuyển ý*  ***? Từ tác hại nhiều mặt của việc hút thuốc lá người viết đã nêu lên những kiến nghị gì.***  ***? Tác giải đã đưa người đọc qua những thông tin gì để đến với lời kiến nghị?***  ***? Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả?***  ***? Để thực hiện được kiến nghị đó theo em chúng ta phải làm gì?***  ***? Trong các biện pháp trên biện pháp nào là quan trọng?***  ***? Qua bài học em rút ra được điều gì cho bản thân?***  ***? Trong các biện pháp trên biện pháp nào là quan trọng?*** | - Hs đọc  - Hs trả lời  - Hs nhận xột  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs nhận xột  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs nờu  - Hs trả lời  - Hs nhận xột  - Hs trả lời  - Hs nêu  - Hs trả lời  - Hs khái quát | **II. Đọc - hiểu văn bản.**  ***1. Nêu vấn đề đánh giá vấn đề.***  - Tác giả so sánh ôn dịch thuốc lá với các đại dịch khác như: Tả, dịch, hạch ....  - Cách so sánh như thế gây sự chú ý cho người đọc.  ***- Ôn dịch thuốc lá đang đe doạ sức khoẻ và tính mạng của con người còn nặng hơn cả AIDS.***  - Vấn đề nghiêm trọng có tính chất toàn cầu.  - Tác giả dựa vào kết luận của hơn năm vạn công trình nghiên cứu để đưa ra nhận đinh đó.  - Nhan đề đặt dấu phẩy ở giữa có ý nghĩa nhấn mạnh và mở rộng nghĩa: hút thuốc lá không chỉ là ôn dịch nguy hiểm mà còn bày tỏ thái độ lên án nguyền rủa việc hút thuốc lá thuốc lá mày là đồ ôn dịch, đồ chết toi ....  - Dấy phẩy có sắc thái biểu cảm vừa căm tức, vừa ghê tởm.  ***2. Tác hại của thuốc lá.***  ***a. Tác hại của thuốc lá đối với những cá nhân hút thuốc lá.***  - Việc tác giả dẫn lời Trần Hưng Đạo trước khi phân tích tác hại của thuốc nhằm gây ấn tượng mạnh. So sánh thuốc lá tấn công loài người như giặc ngoại xâm.  - Mượn h/ả so sánh tằm ăn lá dâu để làm nổi bật vấn đề cần thuyết minh.  \* Tác hại:  ***- Về sức khoẻ:***  + Làm tê liệt các niêm mạc ở phế quản .... gây viêm phế quản ...  + ảnh hưởng về máu do chất ô xit các bon ....  + Gây ung thư vòm họng và ung thư phổi.  ảnh hưởng đến các bệnh tim mạch ...  ***- Về mặt kinh tế:*** chỉ riêng bệnh phế quản đã làm mất bao nhiêu ngày giờ công lao động ..  - Chỉ cần kể đến bệnh nhẹ như thế mà đã có tác hại to lớn đến nền kinh tế chưa kể đến các bệnh nặng khác thì ảnh hưởng như thế nào.  - Thuốc lá có tác hại to lớn đến sức khoẻ và kinh tế của người hút. Gây viêm phổi ung thư vòm họng, ung thư phổi ...  ***b. Tác hại của thuốc lá với cộng đồng và những tệ nạn khác.***  - Câu nói thể hiện thái độ vô trách nhiệm trước gia đình, cộng đồng của những người hút thuốc lá.  - Thể hiện họ chưa nhận ra tác hại thứ hai của việc hut thuốc lá.  - Tác giả nêu lên những tác hại do khói thuốc gây nên:  + Người gần khói thuốc làm ảnh hưởng đến thai nhi khi những người mang thai hít phải.  + Hút thuốc là đầu độc cho con em và là gương xấu cho con em ...  - Lời cảnh báo xuất phát từ thực tiễn, có căn cứ. Nó đã bác bỏ ý kiến nông cạn và vô trách nhiệm của ai đó.  - Khẳng định tỷ lệ thanh thiếu niên VN hút thuốc lá không kém gì các nước âu mĩ.  - Nền kinh tế nước ta còn nghèo ...  - Vì để có tiền mua thuốc lá thì không còn cách nào khác là ăn trộm, ăn cắp khi chưa có việc làm. Từ điếu thuốc dẫn đến các tệ nạn xã hội khác.  - ảnh hưởng đến sức khoẻ, kinh tế, nhân cách ...  - Tác giả dùng phương pháp thuyết minh như:  + Thông báo tình hình thực trạng.  + Nêu ví dụ bằng các số liệu cụ thể.  + Phân loại, phân tích.  + Dùng phương pháp so sánh. ..  3. Những kiến nghị:  - Mọi người phải đứng lên chống lại và ngăn ngừa ôn dịch này.  - Cấm hút thuốc lá ...  - Phạt nặng những người vi phạm.  - Khẩu hiệu tuyên truyền ...  - Triển vọng một châu âu không thuốc lá.  - Tình trạng các bệnh tật ở Việt Nam ....  - Lập luận chặt chẽ  - Mỗi người phải thấy rõ tác hại của thuốc lá. Có quyết tâm để bỏ hút thuốc.  - Tuyên truyền sâu rộng cho mọi người tiêu cùng biết tác hạic của thuốc lá.  - ý thức của mỗi người. |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh tổng kết.

**+ Mục tiêu**: Nắm được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp.

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** cá nhân.

**+ Thời gian:** 5 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***? Qua bài học em rút ra được điều gì cho bản thân?***  ***? Nêu phương pháp thuyết minh tiêu biểu trong bài văn thuyết minh trên?***  ***? Qua VB em thấy được những tác hại gì của thuốc lá?***  GV khái quát ghi nhớ | - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời | ***III. Tổng kết:***  - Lập luận, phân tích so sánh thông tin số liệu chính xác.  - Nạn dịch thuốc lá gây nhiều tác hại cho con người và cộng đồng.  ***\* Ghi nhớ: sgk- 122.*** |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:** GV tổng kết kiến thức bài học  
**Hoạt động tiếp nối:**

Hướng dẫn học ở nhà :

- Làm các bài tập SBT, học thuộc lòng đoạn văn.

- Chuẩn bị bài tiếp theo

**Tiết 39**

***Câu ghép***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức:**

- Có được đặc điểm của câu ghép.

- Có được hai cách nối các vế trong câu ghép.

**2. Về kỹ năng:**

- Biết rèn kĩ năng sử dụng câu ghep trong khi nói, viết.

**3. Về thái độ:**

- Đồng tình bồi dưỡng ý thức học tập cho học sinh.

**II.Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên:** Soạn bài.

**2. Học sinh:** Ôn lại về câu ghép đã học.

**III. Phương pháp dạy học :** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trình **IV. Tiến trỡnh dạy học:  
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Kiểm tra bài cũ:** - Kiểm tra chuẩn bị bài của học sinh. **Giới thiệu và dạy bài học mới:** GV khái quát hướng dẫn vào bài mới.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu “ Đặc điểm của câu ghép ”

**+ Mục tiêu:** Nắm được đặc điểm của câu ghép.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 15 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Bảng phụ ( máy chiếu )    ***? Phân tích cấu tạo ngữ pháp của các câu bằng mực khác màu?***  ***? Em có nhận xét gì về số lượng cụm chủ vị của những câu vừa phân tích?***    ***? Trình bày phân tích kết quả vào bảng theo mẫu?***  ***? Dựa vào kiến thức ở lớp dưới em hãy phân loại các câu trên theo cấu tạo ngữ pháp?***  ***? Thế nào là câu ghép?*** | - HS đọc  - HS phân tích  - HS nhận xét  - HS lên bảng điền  - HS phân loại  - HS khái quát  - Đọc ghi nhớ | ***I. Đặc điểm của câu ghép.***  *1. Bài tập:*  \* Tôi quên .... những ... sáng.    Nảy nở ... mấy ... tươi mỉm cười  - ... Mẹ tôi/ ... nắm tay ... và ...  C V  - Cảnh vật .../ đều thay đổi.  C V  Lòng tôi/ đang có sự thay đổi lớn  C V  Hôm nay tôi / đi học.  C V   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Kết cấu tạo câu | | Câu cụ thể | | Câu có 1 cụm chủ vị | | Buổi mai .... | | Câu có 2 hoặc nhiều  cụm CV | Cụm CV nhỏ nằm trong cụm C V lớn | Tôi quên thế nào được | | Các cụm không bao chứa nhau | Cảnh vật chung quanh ... |   ***2. Ghi nhớ: SGK*** |

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu cách nối cấc vế của câu ghép.

**+ Mục tiêu:** Học sinh nắm được cách nối cấc vế của câu ghép

**+ Phương pháp:** Vấn đáp, thuyết trình

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 15 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***? Hãy tìm thêm câu ghép trong đoạn văn ở mục 1?***  ***? Tất cả các vế của câu ghép trong đoạn được nối với nhau bằng cách nào?***  ? Có ***mấy cách nối các vế trong câu ghép?***  ***? Dựa vào kiến thức đã học ở tiểu học hãy tìm thêm cách nối các vế trong câu ghép?*** | - HS tìm câu ghép  - HS thảo luận nhóm 2  - HS khái quá  - HS thảo luận nhóm 2.  - HS đọc | ***II. Cách nối các vế câu ghép***  *1. Bài tập:*  \* Các câu ghép:  - Hàng năm .... trường.  - Những ý tưởng... không nhớ hết.  - Con đường này ... thấy lạ.  \* Cách nối:  Nối bằng quan hệ từ: Câu 3 và 6, vế 1 và vế 2 của câu 7.  Không dùng từ nối: Các vế trong câu 1 và vế 3 câu 7.  ***3. Ghi nhớ: SGK*** |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh luyện tập

**+ Mục tiêu:** Vận dụng, củng cố kiến thức, rèn kĩ năng sử dụng câu ghép trong khi nói và viết.

**+ Phương pháp:** Luyện tập

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** cá nhân

**+ Thời gian:** 30 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV Hướng dẫn học sinh làm bài  Đặt câu với các cặp quan hệ từ.  Từ thứ hai.  - Khi đảo trật tự các vế câu thì phải kết hợp các thao tác lược bớt 1 quan hệ từ và có khi phải hoán đổi vị trí một vài từ | - HS thảo luận nhóm thi đặt câu đúng, hay. | ***III. Luyện tập:***  Bài 2: Đặt câu  a. Vì trời mưa nên tôi không đi đá bóng.  b. Nếu chăm học thì nó đã được điểm khá.  c. Tuy gia đình khó khăn nhưng Lan vẫn học rất giỏi.  d. Không những Bình chăm học mà Bình rất chăm làm.  *Bài 3:*  a. Trời mưa nên tôi không đi đá bóng. |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:** Gv tổng kết kiến thức bài học.  
**Hoạt động tiếp nối:**

Hướng dẫn học ở nhà.

- Nắm đặc điểm câu ghép, hoàn thành bài tập còn lại.

- Chuẩn bị bài tiếp theo

**\* \* \* \* \* \* \* \* \***

**Tiết 40:**

***Câu ghép* *(tiếp)***

***Tổng kết chủ đề***

**I.Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức**

- Có được mối quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong câu ghép, biết xác định quan hệ ý nghĩa trong từng trường hợp cụ thể.

**2. Về kỹ năng :**

- Biết rèn luyện kĩ năng sử dụng cặp quan hệ từ để tạo câu ghép.

**3. Về thái độ :**

- Tán thành ý thức học tập bộ môn

**II.Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên:** Soạn bài.

**2. Học sinh:** Ôn lại bài về câu ghép đã học.

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trỡnh

**IV.Tiến trình dạy học:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Kiểm tra bài cũ:** ? Câu ghép có đặc điểm gì? Đặt câu ghép?

**Giới thiệu và dạy bài học mới**

Tiết trước chúng ta đã tìm hiểu thế nào là câu ghép và cách nối các vế trong câu ghép, để giúp các em tìm hiểu ý nghĩa giữa các vế trong câu ghép như thế nào cô và các em tìm hiểu tiếp bài học hôm nay.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tỡm hiểu “Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu”

**+ Mục tiêu:** Nắm được mối quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong câu ghép, biết xác định quan hệ ý nghĩa trong từng trường hợp cụ thể.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 20 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Bảng phụ  ***? Hãy xác định các vế trong câu ghép?***  ***? Tìm hiểu ý nghĩa mà mỗi vế câu biểu hiện.***  ***? Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ghép trên là quan hệ gì?***  ***? Dựa vào những kiến thức đã học ở lớp dưới hãy nêu thêm những quan hệ ý nghĩa có thể có giữa các vế câu? Cho ví dụ minh hoạ?***  ***? Qua tìm hiểu cho biết trong câu quan hệ ý nghĩa nào giữa các vế câu.***  ***? Hãy đặt câu ghép có các kiểu quan hệ ý nghĩa như trên?***  ***? Các kiểu quan hệ đó thường được đánh dấu bằng các cặp quan hệ từ nào?***  GV: Tuy nhiên để nhận biết chính xác quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu trong nhiều trường hợp ta phải dựa vào văn cảnh hoặc hoàn cảnh giao tiếp.  VD: Trời mưa, đường lầy lội.  Đọc ghi nhớ. | - HS đọc  - HS xác định  - HS nhận xét  - HS nhận xét  - HS lấy ví dụ và phân tích.  - HS khái quát  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Đọc ý 1 ghi nhớ | *I****. Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu.***  ***1. Bài tập****:*  V1: ( Có lẽ ) tiếng việt của chúng ta đẹp.  V2: ( Bởi vì ) Tâm hồn người Việt Nam ta rất đẹp.  V3: ( Bởi vì ) Bởi vì đời sống ... rất đẹp.  Ba vế câu này quan hệ với nhau rất chặt chẽ.  V1: Nêu nhận định, V2, 3 nêu nguyên nhân để giải thích cho vế 1.  Quan hệ nguyên nhân – hệ quả.  - Các em phải cố gắng để thấy mẹ được vui lòng và để thầy dậy các em được sung sướng.  Các vế có quan hệ mục đích.  - Nếu ai buồn phiền cau có thì gương cũng buồn phiền cau có theo.  Quan hệ điều kiện – kết quả.  - Mặc dù nó vẽ bằng những nét to tướng nhưng ngay cả cái bát múc cám lợn sứt một miếng cũng trở nên ngộ nghĩnh.  Các vế có quan hệ tương phản.  QH từ: Nếu – thì, mặc dù – nh  *2. Ghi nhớ: ( SGK )* |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh luyện tập

**+ Mục tiêu:** Vận dụng, củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng sử dụng cặp quan hệ từ để tạo câu ghép.

**+ Phương pháp:** Luyện tập

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** cá nhân

**+ Thời gian:** 20 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV hướng dẫn hs làm bài.  GV nêu yêu cầu, hướng dẫn hs thảo luận. | - HS xác định câu ghép.  - HS thảo luận  trình bày. | ***II. Luyện tập:***  *1. Bài tập 1:*  a. V1: Cảnh vật ... thay đổi.  V2: Vì chính lòng tôi ... đổi lớn  V3: Hôm nay tôi đi học.  - QH V1- V2: Nguyên nhân – hệ quả.  V2- V3: QH giải thích.  b. V1: Nếu .... lại.  V2: Thì cảnh ... bực nào.  QH điều kiện kết quả.  c. QH tăng tiến.  d. QH tương phản.  *2. Bài tập 2:*  Câu 1: Trời .....  QH giữa các vế: QH điều kiện.  Câu 2: 2 câu ghép  QH nguyên nhân hệ quả.  Không nên tách các vế câu trên thành những câu riêng vì chúng có quan hệ khá chặt chẽ.  *3. Bài tập 3:*  **\* Về nội dung** mỗi câu trình bày một sự việc mà Lão Hạc nhờ ông giáo.  **\* Về lập luận**: Thể hiện cách diễn giải của Lão Hạc.  **\* Về QH ý nghĩa**: Chỉ rõ quan hệ giữa tâm trạng,hoàn cảnh của nhân vật Lão Hạc với sự việc mà nhân vật có nguyện vọng nhờ ông giáo giúp đỡ.  \* Không thể tách thành câu đơn được nếu tách các quan hệ trên bị phá vỡ. |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:** Gv tổng kết kiến thức bài học  
**Hoạt động tiếp nối:**

Hướng dẫn học ở nhà:

- Nắm đặc điểm câu ghép , hoàn thành bài tập còn lại.

**Tiết 41:**

***Trả bài kiểm tra giữa học kỳ***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức:**

- Ôn tập củng cố kiến thức văn bản tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm đánh giá.

- Giúp học sinh có khả năng tự kiểm tra bài vết của mình, có ý thức tích hợp với các phân môn tập làm văn, tiếng việt.

- Thông qua bài kiểm tra văn giúp các em nắm vững hơn kiến thức về phần văn học Việt Nam từ 1930 – 1945.

- Học sinh biết sử dụng những lỗi mà thường gặp phải: Như tạo lập một đọan văn, diễn đạt từng từ ....

**II.Chuẩn bị của giỏo viờn và học sinh:**

**1. Giỏo viờn:** Chấm, trả bài cho học sinh

**2. Học sinh** : ôn lại tất cả các kiến thức thuộc phần trên.

**III.Phương pháp dạy học:** Đọc hiểu, vấn đáp, thuyết trình

**IV.Tiến trỡnh dạy học:**

**1.Ổn định trật tự:** Kiểm tra sĩ số  
 **2.Kiểm tra bài cũ :** - Kiểm tra chuẩn bị của học sinh.  
 **3.Giới thiệu và dạy bài học mới:**

Để giúp các em có cái nhìn chính xác về nội dung một số kiến thức đã được học về phần Đọc hiểu văn bản, Tiếng Việt và Tập làm văn cũng như biết sửa những lỗi về nội dung và diễn đạt trong các bài kiểm tra vừa qua, trong giờ trả bài cô giáo cùng các em phát hiện và sửa lỗi những kiến thức đã nêu.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV cho hs đọc đề bài.  GV cho hs đọc lại đề bài.  ***? Xác định yêu cầu của đề bài?***  ***? Lựa chọn ngôi kể?***  ***? Phương thức biểu đạt?***  GV hướng dẫn h/s xây dựng dàn ý.  ***? Trình bày phần mở bài TB và KB.***  GV khái quát  - GV trả bài cho hs.  - Yêu cầu hs nhận xét bài làm của mình theo dàn ý.  - GV nhận xét chung.  - GV nhận xét bài làm của hs về các mặt ưu điểm và nhược điểm.  - GV trả bài cho hs đối chiếu đáp án và nhận xét bài làm của mình.  - GV lấy điểm.  - Gv viết các lỗi hs mắc phải ra bảng phụ yêu cầu hs thảo luận và chữa.  - Gọi học sinh nhận xét, sửa chữa | ***- GV ghi đề bài lên bảng.***  - HS xác định yêu cầu và ngôi kể.  - Nhận xét  - Hs thảo luận  - HS ghi ý đúng.    - HS đọc bài và nhận xét bài làm của mình.  - HS lắng nghe  - Học sinh đọc, chữa bài  - Chữa lỗi | *A. Trả bài kiểm tra GHK.*  ***Đề bài:***  *I. Kiểm tra việc chữa bài của học sinh*  - Học sinh kiểm tra lẫn nhau theo nhóm.  - Giáo viên kiểm tra bài chữa của học sinh.  - Nhận xét kết quả kiểm tra.  *II. Nhận xét về kết quả làm bài của học sinh.*  **1. *Ưu điểm***  - Xác định được yêu cầu của đề bài.  - Bước đầu biết vận dụng phương pháp để giải quyết yêu cầu của đề bài  - Một số bài làm đạt yêu cầu.  ***2. Hạn chế:***  - Bài viết thiếu tự nhiên, chưa có sự liên kết.  - Bài kiểm tra văn chưa nêu được cảm nghĩ, tóm tắt sự việc chính trong tác phẩm.  - Nhiều bài viết lan man, rườm rà.  - Lưu ý: diễn đạt, dùng từ.  - Trình bày, chữ viết cẩu thả.  ***3. Học sinh trình bày kết quả chữa lỗi.***  - Chính tả:   |  |  | | --- | --- | | Dùng sai | Sửa lại | | chong  dồi  rút  dám  catô... | trong  rồi  giúp  giám  gatô... |   - Dùng từ, diễn đạt:  - Giáo viên nhận xét, đối chiếu với nhật ký chấm, thống nhất cách sửa.  ***4. Đọc bài mẫu.***  - Học sinh nhận xét bài viết của bạn. |

**4.Củng cố bài học:   
5.Hoạt động tiếp nối:**

Hướng dẫn học ở nhà.

GV nhắc nhở hs tiếp tục ôn tập các nội dung đã kiểm tra. Tự luyện viết đoạn văn.

**Tiết 42:**

***Tình thái từ***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức:**

- Hiểu được thế nào là tình thái từ.

- Biết sử dụng tình thái từ phù hợp với tình huống giao tiếp.

**2. Về kĩ năng:**

Biết rèn kĩ năng sử dụng tình thái từ có hiệu quả trong giao tiếp.

**3.Về thái độ:**

Cần có ý thức, nắm được tầm quan trọng và yêu cầu của thói quen giao tiếp có văn hóa.

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:**

**1- Giáo viên:** Chuẩn bị nội dung lên lớp, bảng phụ.

**2- Học sinh:** Chuẩn bị bài theo hướng dẫn.

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trình

**IV. Tiến trình dạy – học:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Kiểm tra bài cũ:**

? Thế nào là trợ từ, thán từ? Làm bài tập 5 sgk- 72

***Giới thiệu và dạy bài học mới:***

Trong mọi tình huống giao tiếp chúng ta không chỉ sử dụng đơn thuần câu đầy đủ chủ ngữ và vị ngữ là đã đạt được hiệu quả giao tiếp. Mà trong từng tình huống giao tiếp cụ thể người nói (viết) còn sử dụng một số từ ngữ có tính chất bộ lộ cảm xúc và cụ thể các từ đó được sử dụng như thế nào và ý nghĩa của chúng ra sao chúng ta cùng tìm hiểu.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chức năng của tình thái từ.

**+ Mục tiêu:** Nắm được thế nào là tình thái từ.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp, thảo luận.

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 7 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV đọc các bài tập – 80  ***? Các câu có chứa từ in đậm trong các ví dụ thuộc kiểu câu gì?***  ***? Nếu bỏ từ in đậm đi thì ý nghĩa của các câu có gì thay đổi?***  ***? Các từ in đậm có tác dụng gì trong các ví dụ?***  GV đọc câu d.  ***? Từ ạ ở câu d thể hiện sắc thái tình cảm gì của người nói?***  GVKQ: Như vậy các từ như **à, đi, thay, ạ** trong 4 câu trên được gọi là tình thái từ.  ***? Thế nào là tình thái từ? Chức năng của tình thái từ?***    ***? Để tạo dạng câu nghi vấn, câu cầu khiến và câu cảm thán người ta thường dùng các tình thái như thế nào?***  ***? Tình thái biểu cảm thường thể hiện qua các từ nào?***  ***? Có mấy loại tình thái thường dùng?***  GVKQ toàn phần rút ra ghi nhớ.  GV cho hs làm bài tập vận dụng. | - HS đọc bài tập  - Nhận xét  - Suy nghĩ nêu ý kiến nhận xét.  HS độc lập trả lời  - HS quan sát câu d.  - HS nhận xét.  - HS khái quát trả lời độc lập  - Thảo luận  - Nhận xét kết luận.  - HS khái quát.  - HS đọc ghi nhớ sgk- 81 | *I. Chức năng của tình thái từ*  ***1.Bài tập sgk- 80****.*  a. Câu hỏi  b. Câu cầu khiến.  c. Câu cảm thán.  - Bỏ từ in đậm thì các câu không còn mang ý nghĩa cầu khiến, cảm thán nữa.  - Các từ in đậm được thêm vào câu để cấu tạo nên câu cầu khiến, nghi vấn, cảm thán.  (câu chia theo mục đích nói)  - Từ **ạ** biểu thị thái độ tình cảm tôn trọng của người nói với người nghe.  - Tình thái từ là những từ được thêm vào câu để cấu tạo câu chia theo mục đích nói: Nghi vấn, cầu khiến, cảm thán.  - Biểu thị sắc thái tình cảm của người nói.  - Tạo câu nghi vấn thường dùng tình thái: à, ừ, chứ, há, phỏng, chăng ....  - Câu cầu khiến thường dùng các từ: đi, nào, thôi, với .....  - Câu cảm thán: thay, thật ...  - Tình thái biểu cảm: à, ạ, mà, kia thôi ...  \* Có 4 loại tình thái thường gặp.  - TT cầu khiến.  - TT nghi vấn  - TT cảm thán  - TT biểu thị sắc thái tình cảm.  ***2. Ghi nhớ: sgk - 81***  \*Bài tập vận dụng.  - Đèn khoe đỏ hơn trăng  Đèn ra trước gío còn **chăng** hỡi đèn  **Chăng**: TT hỏi.  - Sướng vui **thay**, miền Bắc của ta!  **Thay**: TT bộ lộ cảm xúc. |

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu cách sử dụng tình thái từ.

**+ Mục tiêu:** - Biết sử dụng tình thái từ phù hợp với tình huống giao tiếp.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp, thảo luận.

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 7 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV đọc các câu thơ.  ***? Xác định tình thái trong các câu thơ sau? Cho biết các tình thái đó thuộc kiểu nào ?***  GV cho hs đọc các câu trong bài tập.  ***? Các tình thái in đậm trong 4 câu trên được dùng trong những hoàn cảnh giao tiếp như thế nào?***    ***? Khi chúng ta sử dụng tình thái chúng ta cần chú ý đến điều gì?***  ***? Muốn bày tỏ thái độ lễ phép, sự miễn cưỡng, phân trần giải thích, bày tỏ ý kiến khác chúng ta cần dùng các từ như thế nào?***  - GVKQ ghi nhớ.  - GV nêu yêu cầu bài tập vận dụng.  ***? Cho câu văn Nam học bài. Dùng tình thái để thay đổi sắc thái ý nghĩa của câu?***  - GVKQ chuyển luyện tập. | - HS nghe  - HS theo dõi bài tập làm cá nhân.  - HS đọc bài tập.  - HS phát hiện  -HS khái quát  - Thảo luận nhóm 2. trình bày ý kiến.  - HS đọc ghi nhớ.  HS làm bài tập vận dụng. | ***II. Sử dụng tình thái.***  ***1. Bài tập***  a. Bạn chưa về **à** ( hỏi thân mật bằng vai )  b. Thầy mệt **ạ**? ( Hỏi tôn trọng lễ phép và người dưới nói với người trên )  c. Bạn giúp tôi một tay **nhé**! (cầu khiến thân mật bằng vai)  d. Bác giúp cháu một tay ạ !  (Cầu khiến lễ phép của người nhỏ tuổi )  - Khi sử dụng tình thái cần chú ý đến hoàn cảnh giao tiếp.  - Bày tỏ thái độ lễ phép: **ạ**.  - Bày tỏ thái độ miễn cưỡng: **vậy.**  - Bày tỏ thái độ phân trần: **mà..**  - Bày tỏ một ý khác: **kia** ...  ***2. Ghi nhớ sgk- 81***  \* Bài tập vận dụng:  - Nam học bài **à**?  - Nam học bài **ư ?**  - Nam học bài **hả**- Nam học bài **nhé**! |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh luyện tập

**+ Mục tiêu:** -Rèn kĩ năng sử dụng tình thái từ có hiệu quả.

**+ Phương pháp:** Luyện tập

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Cá nhân

**+ Thời gian:** 30 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV nêu yêu cầu bài tập 1 phát phiếu cho HS làm theo nhóm.  ***? Xác định từ nào là tình thái và từ nào không phải là tình thái ? Giải thích?*** | - HS làm độc lập. | III. Luyện tập  *1****. Bài tập 1- 81***  b, c, e, i (+ ); a,d, g,h (- )  Các câu a, d, g, h không phải là câu tình thái từ vì nó không tạo câu theo mục đích nói và không biểu thị sắc thái ý nghĩa.  ***2. Bài tập 2 - 82****.*  - Chứ: nhấn mạnh điều vừa khẳng định, cho là không thể khác được.  - Chứ nhấn mạnh điều vừa khẳng định cho là không thể khác.  ư: hỏi với thái độ phân vân.  ***3. Bài tập 3 - 82***  \* Đặt câu:  - Đừng trêu em nữa, em khóc đấy.  - Lan là học sinh giỏi mà!  - Con thích được xem phim cơ!  - Thôi đành đi làm vậy!  **4. Bài tập 4- 83**  - Thưa thầy em xin phép hỏi thầy một câu có được không **ạ**?  - Đằng ấy đã học bài rồi **chứ!**  - Mẹ sắp đi làm phải không **ạ**? |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:** GV tổng kết kiến thức.

**Hoạt động tiếp nối:**

|  |
| --- |
| Thế nào là tình thái từ? Chức năng của TT? Có mấy loại tình thái?  ? Cách sử dụng tình thái thế nào?  - Làm bài tập 5 ở nhà, bài 1,2,3,4 SBT  - Chuẩn bị bài: nói quá. |

**Tiết 44**

***Nói giảm, nói tránh***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức:**

- Hiểu được khái niệm nói tránh, nói tránh và giá trị biểu cảm của hai biện pháp tu từ này.

- Có ý thức và biết cách sử dụng nói giảm, nói tránh.

**2. Về kỹ năng :**

- Biết rèn kĩ năng phân tích và sử dụng hai biện pháp tu từ này trong cảm thụ văn và giao tiếp.

**3. Về thái độ :**

- Cần bồi dưỡng cho học sinh ý thức trong việc sử dụng nói giảm, nói tránh.

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên:** Soạn bài

**2. Học sinh:** Học và chuẩn bị bài mới

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trỡnh

**IV.Tiến trình dạy học:  
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  
**Kiểm tra bài cũ:** ? Thế nào là nói quá, nói quá có tác dụng như thế nào?

? Lấy ví dụ có sử dụng phép tu từ nói quá?

**Giới thiệu và dạy bài học mới:**

Trong hoàn cảnh giao tiếp làm thế nào để có thế lựa chọn những từ ngữ thích hợp để giao tiếp mà không gây khó chịu, hay mất lòng người khác đây là một vấn đề chúng ta cần quan tâm. Tiết học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về cách giải quyết đó.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tÌm hiểu về “ Nói giảm, nói tránh”

**+ Mục tiêu:** Hiểu được khái niệm nói giảm, nói tránh và tác dụng của nó.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 20 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV: Bảng phụ ngữ liệu SGK.  ***? Giải thích từ gạch chân trong bài tập 1.***  ***? Ta có thể dùng từ nào để thay cho các từ và cụm từ trên?***  ***? Tại sao người nói và người viết lại không dùng từ chết mà lại dùng cách nói trên.***  ***? Tại sao trong bài tập 2 người ta dùng từ “ bầu sữa ” mà không dùng một từ khác cùng nghĩa.***  - GV: Câu văn của Nguyên Hồng viết về cảm xúc sung sướng đến tột cùng của đứa con khi ở bên mẹ sau bao tháng ngày xa cách. Dùng cách nói hoán dụ này để tạo ra một thái độ nhã nhặn lịch sự.  ***? So sánh hai cách nói sau***:  **- Dạo này con lười lắm.**  **- Con dạo này không được chăm chỉ lắm.**  GV Khái quát  ***? Thế nào là nói giảm, nói tránh?***  **Bài tập nhanh**: Cho biết giá trị biểu cảm trong các cách nói giảm, nói tránh sau:  - Bác Dương thôi đã thôi rồi.  - Nó đã thổ ra huyết.  **GV**: Lưu ý sử dụng nói giảm, nói tránh cho phù hợp với tình huống giao tiếp. | - HS đọc.  - HS giải thích  - HS thay từ chết  Vào VD  - HS giải thích  - HS giải thích  - HS so sánh  - HS khái quát | ***I. Nói giảm, nói tránh và tác dụng của nói tránh***  *1.Bài tập:*  - Đi gặp cụ Các Mác.  - Đi  - Chẳng còn  Đều nói về cái chết  Người nói dùng cách diễn đạt đó là nhằm làm giảm nhẹ nỗi đau sót do từ “ chết ” gây ra.  - Nếu dùng từ khác chẳng hạn “ Bầu vú ” .  - Một cách nói thô tục thiếu lịch sự.  ***Bài tập 2*:** Dùng từ " **bầu sữa"** thể hiện thái độ nhã nhặn lịch sự.  - Hai cách nói đều thể hiện sự đánh giá của người nói với đối tượng “ con ” ( đều có ý chê ) ở cách nói thứ hai không trực tiếp chỉ ra phẩm chất ấy qua cách nói phủ định “ không được chăm lắm ”  ***⭢*** Cách nói thứ hai là cách nói tế nhị có tính chất nhẹ nhàng hơn đối với người tiếp nhận.  2. Ghi nhớ ( SGK )  Cách nói giảm nói tránh có tác dụng giảm sự đau buồn  ( chết) và tránh thô tục ( nôn ra máu ) |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh luyện tập

**+ Mục tiêu:** Vận dụng, củng cố kiến thức, rèn kĩ năng phân tích và sử dụng hai biện pháp tu từ này khi nói và viết

**+ Phương pháp:** Luyện tập

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Cá nhân

**+ Thời gian:** 20 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***? Điền từ ngữ nói giảm, nói tránh sau đây vào chỗ trống?***  - GV nêu y/c bài tập 2.  - GV khái quát lại bài học | HS độc lập làm bài tập  - Thảo luận nhóm 2  - Đại diện trả lời. | ***II. Luyện tập:***  ***1. Bài tập 1:***Điền từ  a. Đi nghỉ.  b. Chia tay nhau.  c. Khiếm thị.  d. Có tuổi.  e. Đi bước nữa.  ***2. Bài tập 2:***  Câu sử dụng nói giảm, nói tránh: a2, b2, c1, d1, c2.  ***3. Bài tập 3***:  **Mẫu**: Bài thơ của anh dở lắm – bài thơ của anh chưa được hay lắm. |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:** Gv tổng kết kiến thức bài học  
**Hoạt động tiếp nối:**

- Học ở nhà: Khái niệm, tác dụng của nói giảm, nói tránh, tìm trong văn học 5 VD nói giảm, nói tránh.

- Đọc chuẩn bị bài tiếp theo

**Tiết 45:**

*Thực hành kĩ năng khai thác, cảm thụ*

*các tác phẩm tự sự*

**A. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức:*** Hướng dẫn học sinh nắm được đặc trưng của văn bản tự sự và những giá trị nội dung, nghệ thuật của nó. Đặc biệt là cách cảm nhận đặc sắc nội dung, nghệ thuật trong tác phẩm.

***2. Kĩ năng:*** - Biết cách chọn lọc và cảm nhận những nét đặc sắc. Rèn kỹ năng Đọc - Hiểu VB.

***3. Thái độ, tình cảm:***

Giáo dục các em ý thức học tập tốt.

4. ***Năng lực cần phát triển***

- Tự học - Tư duy sáng tạo. - Hợp tác - Sử dụng ngôn ngữ

**B. CHUẨN BỊ**

- Theo yêu cầu SGK. - Sơ đồ tư duy

**C. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT DẠY HỌC**

-Kĩ thuật động não, thảo luận: - Kĩ thuật trình bày một phút:

- Kĩ thụât viết tích cực: Hs viết các đoạn văn .

- PP trực quan, vấn đáp, thuyết trình, nêu vấn đề ...

**D. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG**

**HOẠT ĐỘNG I. KHỞI ĐỘNG ( 1P )**

*Mỗi văn bản đều được tạo thành bởi tài năng và tấm lòng của tác giả. Và ở mỗi văn bản lại có những giá trị khác nhau. Nhưng thông thường văn bản có giá trị về nội dung và nghệ thuật nào? Cách cảm nhận giá trị ấy sao cho hợp lí? Để trả lời câu hỏi đó, chúng ta đi vào tiết ôn tập.*

**HOẠT ĐỘNG II. ÔN TẬP VỀ CÁC GIÁ TRỊ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT ( 40P )**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| - Gọi HS đọc bài tập 1.  **HOẠT ĐỘNG NHÓM**  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm :  + Tổ 1-2: bài 1.  + Tổ 3-4: bài 2  - Tổ chức cho các nhóm thảo luận. GV quan sát, khích lệ HS.  - Tổ chức cho HS báo cáo kết quả thảo luận qua phiếu học tập  - Tổ chức cho HS nhận xét  - Gv tổng hợp ý kiến và kết luận chung. | **Bài 1:** Nêu cảm nhận về vẻ đẹp của nhân vật cụ Bơ-men.  + Giới thiệu các nhân vật trong truyện.  + Cảm nhận tình yêu dành cho Giôn-xi  + Cảm nhận về nghệ thuật khắc họa tâm trạng nhân vật của nhà văn Ô. Hen-ri.  **Bài 2:** Nêu cảm nhận về nghệ thuật xây dựng nhân vật trong văn bản ”Lão Hạc”:  + Giới thiệu về nhà văn Nam Cao và tài năng của ông.  + Phân tích các nét đặc sắc trong ngòi bút xây dựng nhân vật  + Cảm nhận về sự thành công của tác phẩm. |

**HOẠT ĐỘNG III. CỦNG CỐ, VẬN DỤNG ( 4P )**

**Củng cố bài học:** Gv tổng kết kiến thức bài học  
**Hoạt động tiếp nối:**

- Đọc chuẩn bị bài tiếp theo

**Tiết 46:**

***Tìm hiểu chung về văn bản thuyết minh***

***Phương pháp thuyết minh***

***Cách làm bài văn thuyết minh***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1.Về kiến thức:**

- Cần có được vai trò, vị trí và đặc điểm của văn bản thuyết minh trong đời sống con người.

- Phân biệt được thuyết minh với tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận.

- Nắm được phương pháp và cách làm bài văn thuyết minh

**2. Về kỹ năng:**

- Biết rèn luyện kĩ năng viết và và phân tích văn bản thuyết minh.

**3. Về thái độ:**

- Đồng tình có ý thức học tập bộ môn.

**II.Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên**: chuẩn bị nội dung lên lớp.

**2. Học sinh:** Chuẩn bị bài theo hướng dẫn.

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trình

**IV. Tiến trình dạy học:  
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Kiểm tra bài cũ:**

? Thế nào là văn tự sự có kết hợp với miêu tả và biểu cảm? **Giới thiệu và dạy bài học mới:**

Các em đã học một số kiểu văn bản như tự sự, tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm ... hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu loại văn bản mới xem có gì giống và khác với các văn bản đã học.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chung về đặc điểm của văn bản thuyết minh.

**+ Mục tiêu:** Học sinh nắm được đặc điểm của văn bản thuyết minh.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 20 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV cho hs đọc các VB ( Cây dừa Bình Đinh, Tại sao lá cây có màu xanh lục, Huế,...)    ***? Các văn bản trên trình bày vấn đề gì?***  ***? Em thường gặp các văn bản đó ở đâu?***    ***? Hãy kể thêm 1 vài văn bản cùng loại mà em biết?***  GV khái quát.  ***? Các văn bản trên có phải là văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm? Có gì khác với các loại văn bản đã học?***  - GV: Các văn bản này không nhằm mục đích kể, tả. biểu cảm, nghị luận: Là văn bản thuyết minh.  ***? Các văn bản trên có những đặc điểm chung nào làm chúng trở thành 1 kiểu riêng?***  - GV: VB thuyết minh có nhiệm vụ cung cấp tri thức khách quan về sự vật giúp cho con người có được hiểu biết về sự vật giúp cho con người có được hiểu biết về sự vật một cách đầy đủ, đúng đắn nhất, đây là đặc điểm quan trọng nhất giúp cho sự phân biệt với các kiểu văn bản khác.  ***? Đặc điểm tiêu biểu của từng đối tượng thuyết minh trong văn bản trên là gì?***  ***? Các VB trên đã thuyết minh về đối tượng bằng phương thức nào?***  ***? Ngôn ngữ của văn bản trên có đặc điểm gì?***  ***? Thế nào là văn bản thuyết minh?***  - GV: Loại văn bản này không đòi hỏi người viết phải bộc lộ cảm xúc cá nhân chủ quan của mình, phải biết tôn trọng sự thật.  - Theo dõi các văn bản đã tìm hiểu trong tiết tìm hiểu chung.  ***? Các loại tri thức được sử dụng trong một số văn bản trong SGK?***  ***? Công việc được chuẩn bị để viết một bài văn thuyết minh?***  - GV khái quát công việc chuẩn bị.  ***? Cách tích luỹ tri thức để viết văn bản thuyết minh.***  ***? Để viết được một bài thuyết minh điều trước tiên cần có là gì?***    - GV khái quát chuyển ý.  ***? Đọc các câu văn trong mục a, trong các câu văn trên người ta thường gặp từ gì? ý nghĩa của từ đó?***  ***? Sau từ đó người ta cung cấp một kiến thức như thế nào?***  ***? Vai trò và đặc điểm của câu văn định nghĩa, giải thích trong văn bản thuyết minh.***  ***? Đọc hai đoạn văn bản sgk. Cho biết cách làm của pp liệt kê?***  ***? Đọc văn bản sgk, chỉ ra ví dụ và tác dụng của nó đối với việc sử dụng phạt những người hút thuốc lá ở nơi công cộng?***  ***? Tác dụng của việc nêu ví dụ?***    ***? Hãy chỉ ra các số liệu trong đoạn văn, tác dụng của những số liệu có trong đoạn văn?***    ***? Hãy thống kê các so sánh trong VB Ôn dịch thuốc lá những so sánh này có tác dụng gì?***  ***? Dựa vào ví dụ hãy nêu cách làm của pp này?***  ***? Hãy cho biết bài Huế đã trình bày các đặc điểm của Huế trên những mặt nào?***  ***? Cách làm của pp này như thế nào?***  GV: Trong thực tế người viết phối hợp cả 5 pp một hợp lý, hiệu quả. | - HS đọc các VB.  - Phân tích nêu ý kiến nhận xét.  - HS nêu  - HS lấy ví dụ  - Thảo luận nhóm trình bày ý kiến.  - HS suy luận  - HS phân tích  - HS nhận xét  - HS nhận xét  - HS khái quát  - HS đọc ghi nhớ | **I*. Vai trò đặc điểm chung của văn bản thuyết minh.***  ***1. Văn bản thuyết minh trong đời sống của con người.***  - Cây dừa Bình Định:Trình bày lợi ích của cây dừa Bình Định.  - Tại sao lá cây có màu xanh lục: Giải thích tác dụng của chất diệp lục làm cho lá cây màu xanh.  - Huế: GT Huế như là một trung tâm văn hoá nghệ thuật của Việt Nam với những tiêu biểu riêng của Huế.  Sách địa lý, lịch sử, sinh học ( VB khoa học ) trên sách báo khi cần giới thiệu, thuyết minh về một sự vật, hiện tượng nào đó trong cuộc sống.  VB: Động phong nha, thông tin về ngày trái đất năm 2000.  *2. Đặc điểm chung của văn bản thuyết minh*  So sánh với các văn bản đã học:  -Văn bản miêu tả phải có cảnh sắc, con người và cảm xúc.  - Văn nghị luận phải có luận điểm, luận chứng, luận cứ.  Đặc điểm: Nhằm cung cấp tri thức về các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội mang tính khách quan xác thực và thực dụng.  + Cây dừa từ thân, lá, nước ... đều có ích con người nên nó gắn bó với cuộc sống của người dân.  + Lá cây có chất diệp lục nên lá có màu xanh lục.  + Huế là một tác phẩm có cảnh sắc hài hoà, có nhiều công trình kiến trúc nổi tiếng, có nhiều vườn hoa cây cảnh ... trở thành trung tâm văn hoá lớn của nước ta.  - Dùng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích để thuyết minh các đặc điểm tiêu biểu của đối tượng.  Ngôn ngữ chính xác, rõ ràng, cô đọng, chặt chẽ và hấp dẫn.  \* Ghi nhớ: SGK.  ***II. Tìm hiểu các phương pháp thuyết minh****.*  ***1. Quan sát học tập, tích luỹ tri thức để làm bài văn thuyết minh.***  - Các tri thức về: sự vật cây dừa.  - Các tri thức về khoa học:  Lá cây, con giun đất  Các tri thức về lịch sử.  \* Cần chuẩn bị:  + Quan sát tìm hiểu đối tượng về màu sắc hình dáng, kích thước, đặc điểm, t/c.  + Học tập: Tìm hiểu đối tượng trong sách báo, tài liệu, từ điển.  + Tham quan: Tìm hiểu đối tượng bằng cách trực tiếp ghi nhớ thông qua các giác quan các ấn tượng.  **Tích luỹ tri thức**: Viết văn bản thuyết minh phải có ý thức tích luỹ và sử dụng những mảng trí thức tương ứng với các đối tượng cần thuyết minh chứ không phải đưa tất cả những hiểu biết của mình vào 1 bài văn.  - Học tập và chọn lọc.  - Học tập và nghiên cứu.  - Quan sát đối tượng: Nhớ ghi tóm tắt.  - Phân tích, chọn lọc, phân loại.  **\* ý 1**: ghi nhớ  ***2. phương pháp thuyết minh.***  *a. Phương pháo nêu định nghĩa, giải thích*.  Từ “ Là ” biểu thị sự phán đoán  Quy sự vật vào loại của nó và chỉ ra đặc điểm công dụng riêng ( Huế là 1 trong những ... Nông văn Vân là tù trưởng )  - Vai trò, đặc điểm câu văn định nghĩa, giải thích: Phần lớn ở vị trí đầu bài, đầu đoạn giữ vai trò giới thiệu cho người đọc thấy được nét chung chủ yếu của đối tượng là gì trước khi thuyết minh cụ thể từng phương diện.  ***b. Phương pháp liệt kê:***  Cách làm: kể ra lần lượt các đặc điểm của sự việc theo 1 trật tự nào đó.  Vai trò: giúp người đọc hiểu sâu sắc toàn diện và có ấn tượng về nội dung được thuyết minh.  ***c. Phương pháp nêu ví dụ:***  Tác dụng: Làm cho ví dụ trừu tượng trở nên dễ hiểu, dễ nắm bắt và có sức thuyết phục , vd cũng còn làm cho người đọc dễ liên hệ với thực tế, cho người đọc dễ liên hệ với thực tế, cho nên cảm nhận vấn đề sâu sắc hơn.  ***d. Phương pháp dùng số liệu:***  Các số liệu:  Tác dụng: nếu không có các số liệu ấy thì người đọc có thể chưa tin vào nội dung thuyết minh cho rằng người suy diễn.  ***e. Phương pháp so sánh:***  So sánh nguy hại của thuốc lá còn nặng hơn AIDS, đáng sợ của thuốc lá so với cái đáng sợ của tằm ăn lá dâu ... những so sánh này nói lên tác hại sâu xa tiềm ẩn của thuốc lá dưới cái bề ngoài “vô hại” của nó.  Cách làm so sánh hai đối tượng cùng loại hay khác loại nhằm làm nổi bật các đặc điểm tc của đối tượng cần được thuyết minh.  ***g. Phương pháp phân loại, phân tích:***  Huế là sự kết hợp hài hoà ...  Huế đẹp với cảnh sắc sông núi....  Huế còn có những công trình kiến trúc ....  Huế còn được yêu bởi ....  Huế còn nổi tiếng với những ...  Cách làm chia đối tượng ra thành từng mặt từng khía cạnh, từng vấn đề ... để lần lượt thuyết minh.  ***2. Ghi nhớ***: ( sgk ) |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh luyện tập

**+ Mục tiêu:** Vận dụng những kiến thức vừa học vào cỏc dạng bài tập, luyện kĩ năng viết và và phân tích văn bản thuyết minh.

**+ Phương pháp:** thuyết trỡnh

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** cá nhân

**+ Thời gian:** 20 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV nêu yêu cầu bài tập 1.  ***? Yêu cầu của bài tập?*** | - HS đọc  - Thảo luận đại diện trình bày ý kiến.  - Ghi ý đúng. | ***III. Luyện tập***  ***1. Bài tập 1***  **\* Văn bản a:** Thuyết minh về khởi nghĩa Nông văn Vân  ( cung cấp kiến thức lịch sử )  **\* Văn bản**  thuyết minh về con giun đất ( cung cấp kiến thức sinh vật )  2. Bài tập 2:  Văn bản thông tin về trái đất năm 2000 là văn bản nghị luận đề xuất một hành động tích cực bảo vệ môi trường, nhưng đã sử dụng yếu tố thuyết minh để nói rõ tác dụng của bao bì lông, làm cho đề nghị có sức thuyết phục cao – yếu tố thuyết minh trong văn nghị luận.  **Bài 2**: Phạm vi tìm hiểu vd trong “ Ôn dịch thuốc lá ”  - Tác hại do thuốc lá gây ra đối với người hút.  - Tác hại của việc hút thuốc lá đối với người xung quanh.  - So sánh của việc hút thuốc lá ở Việt Nam với trên thế giới.  - Tình hình chống thuốc lá hiện nay .... - Người viết phải huy động tối đa vốn kiến thức của 1 bác sĩ, một người quan sát xã hội.  **Bài 3**: Các phương pháp được sử dụng trong bài  So sánh đối chiếu  Liệt kê.  Nêu ví dụ.  Dùng số liệu.  Phân loại, phân tích. |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:**Gv tổng kết kiến thức  
**Hoạt động tiếp nối:**

Hướng dẫn học ở nhà

- Học ghi nhớ, làm bài tập còn lại.

\* \* \* \* \* \* \* \* \*

**Tiết 47-48**

***Bài 13: Văn bản***

**Bài toán dân số**

***( Theo Thái An, Báo GD và Thời đại)***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức :**

- Đạt được mục đích và nội dung chính mà tác giả đặt ra qua văn bản là cần phải hạn chế sự gia tăng dân số, đó là con đường “ tồn tại hay không tồn tại ” của chính loài người.

- Cần có cách viết nhẹ nhàng, kết hợp kể chuyện với lập luận trong việc thể hiện nội dung bài viết.

**2. Về kỹ năng:**

**-** Biết rèn kỹ năng đọc và phân tích lập luận chứng minh - giải thích trong 1 văn bản nhật dụng.

**3. Về thái độ:**

*-* Phản đối việc sinh đẻ không có kế hoạch dẫn đến sự gia tăng dân số.

**II.Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên:** chuẩn bị nội dung lên lớp, tham khảo tài liệu.

**2. Học sinh:** Đọc và trả lời các câu hỏi.

**III. Phương pháp dạy học:** Đọc hiểu, vấn đáp, bình giảng, thảo luận

**IV.Tiến trỡnh dạy học:  
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG  
Kiểm tra bài cũ:** ? Trong bài Ôn dịch thuốc lá chúng ta đã nhận thức được vấn đề gì? Vấn đề có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi chúng ta?

**Giới thiệu và dạy bài học mới:**

Đất không tự sinh ra mà con người thì cứ nhiều lên gấp bội. Chỉ tính đến năm 1995 dân số toàn thế giới là 5, 63 tỉ người. Vấn đề đặt ra là nếu không tự hạn chế sự gia tăng dân số thì con người sẽ tự làm hại chính mình. Để thấy được vấn đề này chúng ta cùng tìm hiểu văn bản Bài Toán dân số.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chung văn bản

**+ Mục tiêu:** Học sinh nắm được những nét tiêu biểu về tỏc phẩm.

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp.

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** cá nhân

**+ Thời gian:** 7 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV nêu yêu cầu đọc.  - GV đọc 1 đoạn.  - GV nhận xét phần đọc của hs.  - GV kiểm tra việc nắm chú giải của hs chú ý thích 3,4.  GV giải thích một số từ:  ***- Chàng A đam và nàng Êva:***Theo kinh thánh của đạo thiên chúa Ki tô, Gia Tô đó là cặp vợ chồng đầu tiên trên trái đất được chúa tạo ra và sai xuống trần gian để hình thành và phát triển loài người.  *-* ***Tồn tại hay không tồn tại:***Câu nói nổi tiếng của nhân vật Hăm-lét trong vở kịch Hăm-lét của U.séc- xpia ( Anh )  ***GV giới thiệu VB****:* Đây là một VB được trích trong báo GD & TĐ số 28 với tên đầy đủ là Bài toán dân số đã được đặt ra từ thời cổ đại khi tuyển chọn một số chi tiết từ ngữ và diễn đạt cho phù hợp với yêu cầu sgk ...  ***? Bài toán dân số là VB nhật dụng theo em là vì sao?***  ***? Trong các phương thức sau phương thức nào là phương thức biểu đạt của VB? Vì sao?***  - Lập luận  - Thuyết minh.  - Biểu cảm.  - Lập luận kết hợp thuyết minh, biểu cảm.  ***? Dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà em hãy cho biết VB gồm mấy phần? Nội dung của từng phần? Riêng phần TB em hãy nêu rõ các luận điểm?***  ***? Em có nhận xét gì về bố cục của VB?***  ***? Vấn đề chủ yếu mà tác giả nêu ra trong VB này là gì?*** | - HS đọc nối tiếp đến hết  - HS dựa vào sgk giải thích các từ khó.  - HS lắng nghe  - Nghe và ghi ý chính  - Suy nghĩ phân tích nêu ý kiến.  - Phân tích kết luận ý kiến.  - Nghiên cứu VB phát hiện.  - HS phân tích kết luận  - Khái quát dựa vào phần chuẩn bị bài.  - HS ghi ý lớn | **I. Đọc tìm hiểu chung**  **\* Đọc**  Đọc với giọng diễn cảm đoạn đầu VB đọc với giọng rõ ràng, đoạn sau đọc với giọng tâm tình và đoạn sau đọc với giọng kêu gọi thống thiết, chú ý các câu có dấu chấm (! ),những con số và những từ phiên âm.  **\* Từ khó**: sgk  \* Cấu trúc văn bản.  - VB đề cập đến một vấn đề có t/c cấp thiết lâu dài của đời sống nhân loại, đó là vấn đề gia tăng dân số.  - Lập luận kết hợp thuyết minh, biểu cảm.  - Vì: Trong khi nói tới vấn đề dân số tác giả sử dụng phương pháp thuyết minh. Nêu số liệu và lập luận.  **- Bố cục**: 3 phần  + Phần 1: Từ đầu đến sáng mắt ra nêu vấn đề bài toán dân số được đặt ra từ thời cổ đại.  + Phần 2: Tiếp đến Ô chữ thứ 31 của bàn cờ tập chung làm sáng tỏ vấn đề: Tốc độ tăng dân số trên toàn thế giới.  ( + ): Luận điểm 1: Nêu bài toán cổ và dẫn đến kết luận.  ( + ): L điểm 2: So sánh sự gia tăng dân số.  ( + ): L điểm 3: Thực tế mỗi phụ nữ lại có thể sinh nhiều con nên thực hiện vấn đề dân số có khó khăn.  + Phần 3: Tiếp đến nêu gương xấu tác hại của thuốc lá với cộng động.  + Phần 4: Còn lại kêu gọi mọi người cần hạn chế sự bùng nổ dân số.  - Bố cục rõ ràng chặt chẽ giữa các phần.  - Chủ đề của VB: Thế giới đang đứng trước nguy cơ tăng dân số nhanh. Đó là một hiểm hoạ hạn chế gia tăng dân số là một yêu cầu cấp bách. |

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản

**+ Mục tiêu:** Nắm được mục đích và nội dung chính mà tác giả đặt ra qua văn bản là cần phải hạn chế sự gia tăng dân số, đó là con đường “ tồn tại hay không tồn tại ” của chính loài người.

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp, bình giảng.

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 20 phút.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV định hướng h/s phân tích VB  - GV cho hs đọc phần 1  ***? Phần 1 chủ yếu trình bày vấn đề gì?***  ***? Bài toán dân số theo tác giả thực chất là vấn đề gì?***  ***? Em hiểu gì về vấn đề dân số và kế hoạch hoá gia đình***?  ***? Theo tác giả vấn đề dân số có từ bao giờ? Tại sao tác giả lại khẳng định thời gian đó***?  ***? Như vậy người đọc và tác giả cùng sáng mắt ra về vấn đề gì?***  ***? Em có nhận xét gì về cách diễn đạt trong phần nêu vấn đề?***  ***? Cách nêu vấn đề như thế có tác dụng gì?***  GV KQ chuyển ý.  GV cho h/s đọc phần 2 chú ý các luận điểm.  ***? Phần 2 tập chung giải quyết vấn đề gì?***  - GV để làm rõ vấn đề dân số tác giả đã xây dựng 3 luận điểm theo em đó là những luận điểm nào?  - GV định hướng cho h/s theo dõi vào đoạn 1 phần 2.  ***? Em có thể tóm tắt câu chuyện kén rể của nhà thông thái?***  ***? Bản chất của bài toán hạt thóc là gì?***  ***? Liệu có ai đủ số thóc để xếp đầy 64 ô bàn cờ không? Vì sao?***  ***? Vậy nhà thông thái cổ đặt ra bài toán cực khó ấy để làm gì?***  ***? Mục đích của nhà thông thái là như vậy còn mục đích của tác giả đưa ra câu chuyện qua bài viết này là gì.***  GV KQ ý đúng.  ***? Bàn về dân số từ một bài toán đều đó có tác dụng gì?***  GV cho hs theo dõi đoạn 2,3 phần 2.  ***? Theo dõi 2 đoạn văn cho biết cách chứng minh của người viết có gì thay đổi?***  ***? Em hãy trình bày các con số so sánh về tỷ lệ sinh và khả năng sinh sản của phụ nữ trên thế giới? Đặc biệt chú ý đến các nước Châu á và châu phi?***  ***? Qua các số liệu thống kê em có nhận xét gì về các con số.***  ***? Việc đưa nhiều con số về tỉ lệ sinh và khả năng sinh của phụ nữ nhằm mục đích gì?***  ***? Từ đây có thể rút ra mối quan hệ gì giữa dân số và sự phát triển của xã hội?***  ***? Việc tác giả nêu thêm một vài con số dự báo tình hình gia tăng dân số hiện nay và đến năm 2010 về dân số đã nói lên điều gì?***  ***? Để thể hiện được luận điểm của phần thân bài người viết đã vận dụng các phương pháp như thế nào?***  ***? Cách viết đó có tác dụng gì?***  GV KQ chuyển ý.  GV cho h/s đọc phần 3  ***? Phần kết thúc nêu lên vấn đề gì?***  ***? Qua đọc phần kết bài của tác giả em có nhận xét gì về nội dung phần kết bài? Mối quan hệ giữa các phần trong VB?***  ***-*** GV đọc lời dẫn của vở kịch Hăm lét.  ***? Tại sao tác giả lại dẫn lời độc thoại nổi tiếng của nhân vật Hăm-let?***  GV KQ toàn bài. | HS đọc phần 1.  - Phát hiện  - HS thảo luận, trình bày ý kiến.  - Phát hiện, phân tích.  - Khái quát  - Nhận xét cách diễn đạt.  - Nhận xét  - HS đọc  - Phát hiện  - HS nhắc lại  - Nhận xét  - Phân tích, lí giải  - Phân tích suy luận  - HS thảo luận trình bày ý kiến  - HS ghi ý đúng  - Nhận xét  - HS theo dõi đoạn 2,3 phần.  - Phát hiện  - HS dựa vào sgk để trình bày.  - HS nhận xét  - HS phân tích suy luận | **II. Đọc - Hiểu văn bản**  ***1. Bài toán dân số được đặt ra từ thời cổ đại.***  - Bài toán dân số thực chất là vấn đề dân số và kế hoạch hoá gia đình.  - Dân số là người dân sống trên 1 quốc gia, châu lục, toàn cầu.  - Kế hoạch hoá gia đình: Là vấn đề sinh sản trong mỗi gia đình.  - Vấn đề dân số có từ thời cổ đại.  - Vì qua câu chuyện kén rể của nhà thông thái.  - Cùng sáng mắt ra về vấn đề: dân số và kế hoạch hoá gia đình.  - **Cách nêu vấn đề ngắn gọn nhẹ nhàng dễ hiểu.**  - **Tác dụng: tạo sự bất ngờ hấp dẫn, lôi cuốn sự chú ý của người nghe.**  ***2. Tập chung chứng minh, giải thích vấn đề dân số xung quanh bài toán cổ***.  - Nêu bài toán cổ và dẫn đến kết luận.  - So sánh sự gia tăng dân số.  - Thực tế khả năng sinh sản của PN quá cao.  **\* Nội dung câu chuyện kén rể.**  - Đó là bài toán nổi tiếng .....  - Bài toán hạt thóc thực chất là đề cập đến vấn đề tăng theo cấp số nhân với công bội là 2. Nghĩa là 1 ô đặt 1 hạt thì ô 2 là 2 và ô 3 là 4 ô 4 là 16 và thứ 5 là 32 .... như thế con số tăng lên khủng khiếp.  - Không có ai có đủ số thóc để xếp vào 64 ô bàn cờ. Vì số thóc quá lớn.  **- Thử thách trí thông minh** của các chàng trai.  - Câu chuyện được đưa ra có ngụ ý rất thông minh dựa vào sự tăng nhanh của số hạt thóc theo cấp số nhân công bội 2 để so sánh với sự tăng nhanh dân số của loài người.  **- Gây hứng thú cho người đọc và rất dễ hiểu.**  - Đưa các số liệu so sánh và số liệu thực tế sinh sản của phụ nữ.  - Các số liệu cụ thể, con số chính xác thuyết phục.  - Chứng minh cho người đọc thấy được tỷ lệ sinh quá cao, Châu á và châu phi là những châu lục có nhịp độ tăng dân số cao nhất trên thế giới.  - Dân số tăng tỷ lệ thuận với đói nghèo bệnh tật, lạc hậu và kém phát triển.  - **Cảnh báo nguy cơ bùng nổ dân số** luôn có thể xảy ra trong lịch sử nhân loại.  - Chứng minh bằng con số chính xác, ngắn gọn, đáng tin cậy. Lập luận chặt chẽ.  - Làm cho người đọc phải sửng sốt giật mình trước tỷ lệ tăng dân số trên toàn cầu và Việt Nam nói riêng.  - Thấy được thực trạng đáng lo ngại và có ý thức trong vấn đề dân số.  *3. Con đường tồn tại và phát triển.*  - Kết bài hướng vào nội dung của chủ đề VB, nâng cao tầm trọng của vấn đề, nêu lên lời kêu gọi nhân loại trước vấn đề dân số.  - Lời dẫn đó đã diễn tả những suy tư dằn vặt da diết của con người thời kì phục hưng. Đó cũng chính là suy tư dằn vặt của mỗi con người hiện nay trước vấn đề dân số. |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh tổng kết.

**+ Mục tiêu**: Nắm được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp.

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** cá nhân.

**+ Thời gian:** 5phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***? Nêu phương pháp thuyết minh tiêu biểu trong VB trên?***  ***? Bài toán dân số được đề cập giúp em hiểu thêm gì?***  *GV KQ ghi nhớ*  ***? GV cho hs đọc phần đọc thêm sgk – 132***  ***? Liên hệ phần vừa đọc em hãy cho biết con đường nào là con đường tốt nhất để hạn chế sự gia tăng dân số***?  GV cho các nhóm trình bày.  GV kết luận | - HS ghi ý chính của bài.  - HS khái quát lại  - Trả lời độc lập  HS đọc phần đọc thêm trang 132 sgk  - HS thảo luận nhóm | **III. Tổng kết**  - Lập luận, phân tích so sánh, thông tin số liệu chính xác.  - Vấn đề dân số là vấn đề nóng bỏng và cấp bách, ý thức của mỗi con người trước vấn đề dân số.  \* Ghi nhớ: sgk 132. |

**HOẠT ĐỘNG 4:** CỦNG CỐ, VẬN DỤNG

**+ Mục tiêu:** Vận dụng, củng cố kiến thức, rèn kỹ năng đọc và phân tích lập luận chứng minh - giải thích trong 1 văn bản nhật dụng.

**+ Phương pháp:** Luyện tập

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Cá nhân

**+ Thời gian:** 5 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giỏo viờn** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***? Nêu các lí do chính để trả lời cho câu hỏi vì sao sự gia tăng dân số lại có tầm quan trọng to lớn đối với nhân loại và con người như thế nhất là các nước còn nghèo nàn, lạc hậu?***  GV phát phiếu học tập  Cho các nhóm trình bày.  GV kết luận  Gv khái quát các câu hỏi củng cố bài.  Hướng dẫn h/s về nhà làm tiếp câu 3. | - Thảo luận nhóm đại diện trả lời.  Ghi ý đúng | ***IV. Luyện tập***  - Đẩy mạnh giáo dục là con đường tốt nhất để hạn chế sự gia tăng dân số.  - Vì: sinh đẻ là quyền của phụ nữ ...  đẩy mạnh giáo dục cho phụ nữ là hạ thấp tỷ lệ thụ thai cũng như tỷ lệ tử vong ....  - Dân số phát triển đến con người ở các phương diện: lương thực, chỗ ở, môi trường, việc làm, giáo dục ....  - Đối với các nước còn nghèo nàn lạc hậu thì hạn chế sự phát triển giáo dục thì trở nên nghèo nàn lạc hậu hơn. |

Củng cố bài học: **Gv tổng kết kiến thức bài học**

**Hướng dẫn học sinh học ở nhà**

|  |  |
| --- | --- |
| - Về nhà chuẩn bị các bài tập SBT.  - Chuẩn bị bài tiếp theo |  |

**Tiết 49-50:**

***Nhận xét, đánh giá kết quả thực hành***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức:**

- Ôn tập củng cố kiến thức văn bản tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm đánh giá.

- Giúp học sinh có khả năng tự kiểm tra bài vết của mình, có ý thức tích hợp với các phân môn tập làm văn, tiếng việt.

- Thông qua bài kiểm tra văn giúp các em nắm vững hơn kiến thức về phần văn học Việt Nam từ 1930 – 1945.

- Học sinh biết sử dụng những lỗi mà thường gặp phải: Như tạo lập một đọan văn, diễn đạt từng từ ....

**II.Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:**

**1. Giáo viên:** Chấm, trả bài cho học sinh

**2. Học sinh** : ôn lại tất cả các kiến thức thuộc phần trên.

**III.Phương pháp dạy học:** Đọc hiểu, vấn đáp, thuyết trình

**IV.Tiến trình dạy học:**

**1.Ổn định trật tự:** Kiểm tra sĩ số  
 **2.Kiểm tra bài cũ :** - Kiểm tra chuẩn bị của học sinh.  
 **3.Giới thiệu và dạy bài học mới:**

Để tiếp tục giờ học về kỹ năng khai thác cảm thụ các tác phẩm tự sự, hôm nay chúng ta cùng lắng nghe và nhận xét, rút kinh nghiệm qua phần báo cáo kết quả thực hành của các tổ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV cho hs đọc đề bài.  GV cho hs đọc lại đề bài.  ***? Xác định yêu cầu của đề bài?***    GV hướng dẫn h/s xây dựng dàn ý.    GV khái quát  - Yêu cầu hs nhận xét bài làm của mình theo dàn ý.  - GV nhận xét chung.  - GV nhận xét bài làm của hs về các mặt ưu điểm và nhược điểm.  - GV trả bài cho hs đối chiếu đáp án và nhận xét bài làm của mình.  - GV lấy điểm.  - Gv viết các lỗi hs mắc phải ra bảng phụ yêu cầu hs thảo luận và chữa.  - Gọi học sinh nhận xét, sửa chữa | - HS xác định yêu cầu của đề bài và trình bày bài viết.  - Nhận xét  - Hs thảo luận  - HS ghi ý đúng.    - HS đọc bài và nhận xét bài làm của mình.  - HS lắng nghe  - Học sinh đọc, chữa bài  - Chữa lỗi | *I. Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh*  - Học sinh kiểm tra lẫn nhau theo nhóm.  - Giáo viên kiểm tra bài chữa của học sinh.  - Nhận xét kết quả kiểm tra.  *II. Nhận xét về kết quả làm bài của học sinh.*  **1. *Ưu điểm***  - Xác định được yêu cầu của đề bài.  - Bước đầu biết vận dụng phương pháp để giải quyết yêu cầu của đề bài  - Một số bài làm đạt yêu cầu.  ***2. Hạn chế:***  - Bài viết chưa nêu được cảm nghĩ, tóm tắt sự việc chính trong tác phẩm.  - Nhiều bài viết lan man, rườm rà.  - Lưu ý: diễn đạt, dùng từ.  - Trình bày, chữ viết cẩu thả.  - Giáo viên nhận xét, đối chiếu với nhật ký chấm, thống nhất cách sửa. |

**4.Củng cố bài học:   
5.Hoạt động tiếp nối:**

Hướng dẫn học ở nhà.

GV nhắc nhở hs tiếp tục ôn tập các nội dung đã kiểm tra. Tự luyện viết đoạn văn.

**Tiết 51-52:**

***Luyện nói: thuyết minh một thứ đồ dùng***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức :**

- Củng cố kiến thức về văn thuyết minh cho học sinh

**2. Về kỹ năng :**

- Rèn luyện khả năng quan sát, suy nghĩ độc lập của h/s.

- Rèn luyện khả năng xây dựng kiểu văn bản thuyết minh.

- Tạo điểu kiện cho h/s mạnh dạn suy nghĩ, phát biểu.

**3. Về thái độ:**

- Có ý thức học tập bộ môn

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên:** Soạn bài theo yêu cầu

**2. Học sinh** : Tìm hiểu quan sát, ghi chép xây dựng đề cương ở nhà.

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trình

**IV.Tiến trình dạy học:  
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  
 **Kiểm tra bài cũ:** ? Nêu đặc điểm của đề văn thuyết minh và cách làm bài văn thuyết minh. **Giới thiệu và dạy bài học mới**

Để giúp các em có kỹ năng xây dựng kiểu bài thuyết minh và rèn kỹ năng nói không phụ thuộc vào văn bản, tiết hôm nay cô cùng các em tìm hiểu ...........

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu đề bài sau đó học sinh nói trước lớp.

**+ Mục tiêu:** Củng cố kiến thức về văn thuyết minh cho học sinh, rèn khả năng nói trước lớp của học sinh.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 30 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Gv nêu đề bài  ***? Đề bài yêu cầu trình bày loại văn bản nào?***  ***? Đối tượng cần thuyết minh ở đây là gì?***  ***? Mục đích để làm gì?***  ***? Dàn ý cần trình bày như thế nào?***  - GV nêu cho hs luyện nói theo nhóm để các em nói với nhau cho tự nhiên.  - GV nêu yêu cầu: Nói tự nhiên, thoát ly văn bản, có thưa gửi ...  \* GV tổ chức nhận xét, rút kinh nghiệm.  \* Bài thuyết minh tham khảo:  Kính thưa cô giáo! Các bạn thân mến!  Hiện nay tuy có nhiều gia đình khá giả đã có bình nóng lạnh hoặc các loại phích hiện đại, nhưng đa số các gia đình có thu nhập thấp vẫn coi cái phích nước là một đồ dùng tiện dụng và hữu ích. Cái phích nước dùng để chứa nước sôi pha trà cho người lớn, pha sữa cho trẻ em ... cái phích có cấu tạo thật đơn giản ... giá một cái rất phù hợp với túi tiền của đại đa số người lao động, nhất là bà con nông dân: Vì vậy từ lâu cái phích đã trở thành vật dụng quen thuộc trong gia đình người Việt Nam chúng ta. | - Đọc đề bài  - HS xác định  - HS nhận xét  - HS thảo luận trình bày  - HS tập nói trước nhóm  - HS lên nói trước lớp | ***Đề bài****:* Thuyết minh cái phích nước  - Kiểu bài: Thuyết minh  - Đối tượng: Cái phích nước  - Mục đích: Giúp người nghe có hiểu biết tương đối đầy đủ về cái phích nước  **\* Dàn ý:** 3 phần  + Mở bài: Giới thiệu đối tượng: Cái phích một vật dụng quen thuộc trong gia đình.  + Thân bài: cấu tạo:  - Chất liệu vỏ: sắt, nhựa ....  - Màu sắc: trắng, xanh, đỏ ...  - Ruột: hai lớp thuỷ tinh có lớp chân không ở giữa, phía trong lớp thuỷ tinh có tráng bạc.  **\* Công dụng**: Giữ nhiệt, dùng cho sinh hoạt và đời sống.  **\* Cách bảo quản**: Để xa tầm tay trẻ em, nơi khuất.  + Kết bài: Vị trí của phích nước trong đời sống.  I. Tập nói trước nhóm  \* Trình bày dàn ý.  \* Sửa chữa bổ xung dàn ý.  \* Từng hs trình bày.  ***II. Luyện nói trước tập thể***  - HS nói trước tập thể lớp. |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:** Gv tổng kết kiến thức bài học **Hoạt động tiếp nối:**

*H*ướng dẫn học ở nhà

- Ôn tập phương pháp làm văn thuyết minh, xem các đề văn TM chuẩn bị viết bài.

\* \* \* \* \* \* \*

**Tiết 53-54**

***Báo cáo dự án học tập***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức :**

- Củng cố kiến thức về văn thuyết minh cho học sinh

**2. Về kỹ năng :**

- Rèn luyện khả năng quan sát, suy nghĩ độc lập của h/s.

- Rèn luyện khả năng xây dựng kiểu văn bản thuyết minh.

- Tạo điểu kiện cho h/s mạnh dạn suy nghĩ, phát biểu.

**3. Về thái độ:**

- Có ý thức học tập bộ môn

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên:** Soạn bài theo yêu cầu

**2. Học sinh** : Tìm hiểu quan sát, ghi chép xây dựng đề cương ở nhà.

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trình

**IV.Tiến trình dạy học:  
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  
 **Kiểm tra bài cũ:** ? Nêu đặc điểm của đề văn thuyết minh và cách làm bài văn thuyết minh. **Giới thiệu và dạy bài học mới**

Để giúp các con có kỹ năng xây dựng kiểu bài thuyết minh và rèn kỹ năng nói không phụ thuộc vào văn bản, tiết hôm nay cô cùng các con lắng nghe báo cáo dự án học tập của các nhóm.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu đề bài sau đó học sinh nói trước lớp.

**+ Mục tiêu:** Củng cố kiến thức về văn thuyết minh cho học sinh, rèn khả năng nói trước lớp của học sinh.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 30 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Gv nêu nhiệm vụ của từng nhóm  - GV nêu cho hs luyện nói theo nhóm để các em nói với nhau cho tự nhiên.  - GV nêu yêu cầu: Nói tự nhiên, thoát ly văn bản, có thưa gửi ...  \* GV tổ chức nhận xét, rút kinh nghiệm. | - Đọc đề bài  - HS xác định  - HS nhận xét  - HS thảo luận trình bày | ***Đề bài***  - Kiểu bài: Thuyết minh  **\* Dàn ý:** 3 phần  + Mở bài: Giới thiệu đối tượng.  + Thân bài:  + Kết bài: Vị trí của đối tượng thuyết minh trong đời sống.  ***I. Tập nói trước nhóm***  \* Trình bày dàn ý.  \* Sửa chữa bổ xung dàn ý.  \* Từng hs trình bày.  ***II. Trình bày trước tập thể***  - HS nói trước tập thể lớp. |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:** Gv tổng kết kiến thức bài học **Hoạt động tiếp nối:**

*H*ướng dẫn học ở nhà

- Ôn tập phương pháp làm văn thuyết minh, xem các đề văn TM chuẩn bị viết bài.

**Tiết 52:**

**Dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức:**

- Hiểu rõ công dụng của dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm.

- Biết dùng dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm trong khi viết.

**2. Về kỹ năng :**

- Biết rèn luyện kỹ năng sử dụng dấu nhoặc đơn và dấu hai chấm trong khi viết văn bản.

**3. Về thái độ :**

- Đồng tình bồi dưỡng cho học sinh ý thức sử dụng dấu ngoặc đơn, dấu hai chấm trong khi viết.

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên:** Chuẩn bị nội dung lên lớp, bảng phụ.

**2. Học sinh:** Chuẩn bị bài theo hướng dẫn.

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trỡnh

**IV. Tiến trỡnh dạy học:  
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  
 **Kiểm tra bài cũ:** ? Trình bày các mối quan hệ giữa các vế trong câu ghép? Làm bài tập 4 sgk. **Giới thiệu và dạy bài học mới:**

Chúng ta đã được tìm hiểu công dụng của rất nhiều loại dấu câu trong chương trình ngữ văn lớp 6,7 để giúp các em có hiểu biết phong phú hơn về các loại dấu câu và biết sử dụng đúng chức năng của các dấu câu, chúng ta cùng tìm hiểu một loại dấu câu mới đó là: dấu ngoặc đơn, dấu hai chấm.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về “ Dấu ngoặc đơn”

**+ Mục tiêu:** Nắm rừ đặc điểm và tác dụng của dấu ngoặc đơn.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 10 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Gv đọc các bài tập sgk – 80  Bảng phụ.  Chú ý các từ ngữ được đặt trong dấu ngoặc đơn.  GV giới thiệu các đoạn trích.  ***? Các phần được đặt trong dấu ngoặc đơn có nội dung gì?***  ***? Như vậy ta thấy dấu ngoặc đơn trong những đoạn trích có tác dụng gì?***  - GV bỏ các phần trong dấu ngoặc đơn và đọc lại các đoạn văn.  ***? Nhận xét gì về ý nghiã của đoạn văn lược bỏ so với đoạn văn ban đầu?***  ***? Dấu ngoặc đơn có tác dụng gì?***  GV KQ toàn phần rút ra ghi nhớ.  **GV lưu ý**: Có trường hợp dùng dấu ngoặc đơn với dấu chấm hỏi ( ? ) để tỏ ý hoài nghi và dấu chấm ngoặc đơn với dấu chấm than ( ! ) để tỏ ý mỉa mai.  VD: *Trong tất cả những cố gắng của nhà khai hoá nhằm bồi dưỡng cho dân tộc Việt Nam và dìu dắt họ lên đường tiến bộ ( ? ) thì phải kể đến việc bán rượu ti cưỡng bức !.*  GV cho hs làm bài tập vận dụng. GV nêu yêu cầu BT.  ***? Phần nào trong các câu sau có thể để trong dấu ngoặc đơn được? Tại sao***  (Phiếu học tập )  - GV cho hs đại diện trình bày khái quát ý đúng.  - GVKQ chuyển ý. | - HS đọc bài tập  - Nhận xét  - Suy nghĩ nêu ý kiến nhận xét.  - HS so sánh nhận xét.  - HS khái quát  - HS đọc nghi nhớ sgk / 134  - HS nghe  - HS nghe  - HS giải thích  - HS nghe | ***I. Dấu ngoặc đơn.***  ***1. Bài tập sgk/ 134.***  a. Giải thíchrõ họ ngụ ý chỉ ai những người bản xứ.  b. Thuyết minh về 1 loại động vật mà tên của nó là ba khía.  c. Bổ xung thông tin về năm sinh năm mất của tác giả Lí Bạch và giải thích rõ Miên Châu thuộc tỉnh nào.  - Dùng để đánh dấu các phần giải thích, thuyết minh, bổ xung một số nội dung nhất định.  - Nếu bỏ các phần trong dấu ngoặc đơn thì ý nghĩa của câc đoạn văn không thay đổi.  + Vì các phần trong dấu ngoặc đơn chỉ là bổ xung các thông tin kèm thêm chứ không thuộc phần nghĩa cơ bản của VB.  ***-Dùng để đánh dấu phần chú thích( giải thích, thuyết minh, bổ xung thêm)***  ***2. Ghi nhớ****:* SGK/ 134.  \* Bài tập.  - Nam ( Lớp trưởng lớp 8b) có một giọng hát hay.  - Mùa xuân ( mùa đầu tiên trong một măm) ây cối xanh tươi mát mắt.  Vì: Đó là các phần có tác dụng giải thích thêm. |

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về “ Dấu hai chấm”

**+ Mục tiêu:** Học sinh nắm được đặc điểm và công dụng của dấu hai chấm

**+ Phương pháp:** Vấn đáp, thuyết trình

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 10 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV cho h/s đọc bài tập.  Quan sát các câu sau dấu hai chấm.  ***? Quan sát và cho biết nội dung của các câu sau dấu hai chấm.***  ***? Vậy dấu hai chấm trong các đoạn trích có tác dụng gì?***  ***? Quan sát các câu trên ta thấy khi viết các câu sau hai chấm cần lưu ý điều gì?***  ***GV KQ ghi nhớ*** | - Đọc các câu văn  - HS phân tích  - HS khái quát  - HS nêu ý kiến  - HS đọc nghi nhớ | *II. Dấu hai chấm.*  ***1. Bài tập.***  a. Là lời thoại của dế Mèn với Dế Choắt và của Dế Choắt nói với Dế Mèn.  b. Là một lời dẫn trực tiếp của tác giả Thép mới dẫn lại của người xưa.  c. Giải thích lí do tâm trạng của tác giả trong ngày đầu tiên đi học.  ***- Báo trước một lời thoại, một lời dẫn, hay một lời thông báo.***  ***- Đánh dấu phần giải thích, thuyết minh.***  - Viết hoa khi báo trước một lời thoại, có thế không viết hoa khi giải thích một nội dung.  ***2. Ghi nhớ sgk*** *135.* |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh luyện tập

**+ Mục tiêu:** Vận dụng, củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng sử dụng dấu nhoặc đơn và dấu hai chấm trong khi viết văn bản.

**+ Phương pháp:** Luyện tập

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** cá nhân

**+ Thời gian:** 20 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV nêu yêu cầu bài tập 1 phát phiếu cho hs làm theo nhóm.  ***? Cho biết các nội dung của các từ ngữ trong dấu ngoặc đơn?***  ***? Từ đó xác định công dụng của dấu ngoặc đơn.***  GVkhái quát ý đúng    - GV nêu yêu cầu bài tập 2.  ***? Nội dung sau phần dấu hai chấm là gì.***  ***? Nêu công dụng của dấu hai chấm trong các trường hợp cụ thể?***  - GV cho hs trình bày ý kiến và khái quát ý đúng.  - GV nêu yêu cầu bài tập 3.  - GV đọc đoạn văn.  ***? Có thể bỏ dấu hai chấm trong đoạn trích được không? Trong đoạn trích này tác giả dùng dấu hai chấm nhằm mục đích gì?***  - GV cho hs trình bày ý kiến.  - GV khái quát ý đúng  - GV nêu yêu cầu bài tập 4.  ***? Có thể thay dấu hai chấm bằng dấu ngoặc đơn được hay không?***  ***? Nếu thay thì ý nghĩa của câu có thay đổi không?***    ***? Nếu viết lại là Phong Nha gồm: Động Khô và Động nước thì có thể thay dấu hai chấm bằng dấu ngoặc đơn được không? Vì sao?***  - GV hướng dẫn h/s làm bài tập 5.  ***? Cách viết như đoạn văn đúng hay sai? Vì sao.***  - GV khái quát bài tập.  ***? Công dụng của dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm.*** | - Làm theo nhóm  - Đại diện trình bày  - Ghi ý đúng  - Thảo luận nhóm hai câu hỏi  - Trình bày ý kiến  - HS theo dõi bài tập  - HS đọc bài tập  - Làm độc lập  - HS ghi ý đúng  - HS theo dõi yêu cầu  - Thảo luận hai câu hỏi  - Ghi ý chính  - HS làm bài tập nhóm  - HS khái quát lại. | ***III. Luyện tập***  ***1. Bài tập 2 - 135***  Giải thích công dụng của dấu ngoặc đơn trong các đoạn trích.  a. Các cụm từ trong dấu ngoặc đơn giải thích ý nghĩa cho các từ: *tiệt nhiên, định phân tại thiên thư, hành khan thủ bại hư.*  - Dấu ngoặc đơn dùng để đánh dấu phần giải thích.  b. Phần đặt trong dấu ngoặc đơn thuyết minh cụ thể cho chiều dài của cây cầu.  - Dấu ngoặc đơn dùng để đánh dấu phần thuyết minh.  c. Phần đặt trong dấu bổ xung ý cho phần trước.  - Dấu ngoặc đơn dùng để đánh dấu phần bổ xung.  2. Bài tập 2 – 136.  Giải thích công dụng của dấu hai chấm.  a. Giải thích rõ cho ý: họ thách cưới nặng.  - Dấu hai chấm báo trước phần giải thích.  b. Báo trước 1 lời thoại.  c. Thuyết minh đủ màu là những màu nào.  - Dấu hai chấm báo trước phần thuyết minh.  3. Bài tập 3 – 136.  - Có thể bỏ dấu hai chấm được song phần sau dấu hai chấm không được nhấn mạnh bằng khi sử dụng dấu hai chấm.  **4. Bài tập 4** - 137  - Có thể thay dấu hai chấm bằng dấu ngoặc đơn được.  - ý nghĩa của câu văn không thay đổi nhưng người viết chỉ coi phần trong dấu ngoặc đơn chỉ có tác dụng kèm thêm chứ không thuộc phần nghĩa cơ bản của câu như khi phần này đặt dấu hai chấm.  - Nếu viết lại là Phong Nha gồm: Động Khô và Động nước thì có thể thay dấu hai chấm bằng dấu ngoặc đơn được. Vì trong câu này vế Động khô và Động nước không thể coi là phần thuộc phần chú thích.  **5. Bài tập 5** – 137.  - Cách viết như thế là sai vì dấu ngoặc đơn cũng như dấu ngoặc kép bao giờ cũng được dùng thành cặp.  - Đặt thêm 1 dấu ngoặc đơn nữa.  - Dùng để đánh dấu phần chú thích ( giải thích, thuyết minh, bổ xung thêm ) .... |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:** Gv tồng kết kiến thức bài học  
**Hoạt động tiếp nối:**

*H*ướng dẫn học ở nhà

- Học nắm nội dung của bài.

- Chuẩn bị bài tiếp theo

**Tiết 52:**

**Dấu ngoặc kép**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức:**

- Hiểu công dụng của dấu ngoặc kép

- Có được cách dùng dấu ngoặc kép trong khi viết.

**2. Về kỹ năng:**

- Biết rèn kỹ năng sử dụng dấu ngoặc kép

**3. Về thái độ:**

- Đồng tình bồi dưỡng ý thức học tập cho học sinh

**II.Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên**: Soạn bài

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài theo câu hỏi sgk

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trình

**IV. Tiến trình dạy học:  
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  
 **Kiểm tra bài cũ:** ? Nêu công dụng của dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm. Làm bài tập 4 SGK

**Giới thiệu và dạy bài học mới**

GV khái quát lại các loại dấu đã học chuyển vào bài mới

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu cụng dụng của dấu ngoặc kép.

**+ Mục tiêờu:** Hiểu công dụng của dấu ngoặc kép

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 15 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***? Dấu ngoặc kép trên những phần trích trên dùng để làm gì.***  - GV gợi ý  ***? BT a dấu ngoặc kép dùng sau dấu hai chấm có tác dụng gì?***  - VD b Từ dải lụa nhắc đi nhắc lại dùng trong dấu ngoặc kép có tác dụng gì?  - VD c Cụm từ khai hoá văn minh bộc lộ thái độ ntn của người nói?  ***? Từ kết quả tìm hiểu các ví dụ, em hãy khái quát công dụng của dấu ngoặc kép?***  - GV khái quát  **Bài tập**: Thêm dấu ngoặc kép vào những chỗ cần thiết để cho đúng chính tả, ( bảng phụ)  - Tục ngữ có câu: Người ta hoa của Đất, nhưng người ta còn là hoa của biển nữa chứ? Sự sống của con người đã trở nên xanh tươi. Đa dạng, phong phú biết chừng nào? Hãy thử hình dung một hoang mạc hay một hành tinh nào đó chưa có sự sống của con người ! Chỉ có bão cát và bão tuyết hoành hành, thật lạnh lẽo! Và cả biển khơi mênh mông nữa.  - Những con tàu ngược xuôi, những chiếc thuyền bồng bềnh và cả những hồi còi ngân dài dài vô tận. Có một người thuỷ thủ hát rằng Trên trời có những cánh hải âu chớp nắng, dưới nước có những đàn cá tung tăng, trên tàu có những chàng trai say đắm hát ca ... | ***- Đọc bài***  - HS phân tích  - HS khái quát  - HS đọc ghi nhớ  - HS thảo luận nhóm 2 lên bảng điền dấu theo yêu cầu  - HS giải thích | *I. Công dụng:*  *1. Bài tập:*  a. Đánh dấu lời dẫn trực tiếp.  b. Đánh dấu một từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt.  c. Đánh dấu một từ ngữ được hiểu theo ý mỉa mai, châm biếm.  d. Đánh dấu tên tác phẩm.  **Đánh dấu:**  **Lời dẫn trực tiếp.**  **Một từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt hay mỉa mai châm biếm. Tên tác phẩm.**  ***2. Ghi nhớ****: ( SGK )* |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh luyện tập

**+ Mục tiêu:** Vận dụng, củng cố kiến thức, rèn kỹ năng sử dụng dấu ngoặc kép.

**+ Phương pháp:** Luyện tập

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** cá nhân

**+ Thời gian:** 15 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Gọi HS nêu yêu cầu bài tập  - Giải thích công dụng của dấu ngoặc kép trong những đoạn trích.  - Đặt dấu ngoặc kép  ***? Vì sao hai câu giống nhau nhưng lại dùng từ khác nhau ?*** | - HS độc lập làm bài  - HS thảo luận trình bày kết quả  - HS độc lập làm bài | *II. Luyện tập:*  *Bài 1:*  Dùng để đánh dấu:  a. Câu nói được dẫn trực tiếp  b. Dùng với hàm ý mỉa mai  c. Trích lời dẫn trực tiếp  d. Bộc lộ thái độ mỉa mai châm biến  e. Lời dẫn trực tiếp  Bài 2:  a. Báo trước lời thoại, lời dẫn tt  “ cười bảo ” báo trước lời đối thoại  “ Cá tươi, tươi ” đánh dấu lời dẫn lại.  b. Chú Tiến Lê “ cháu ” bá  c. “ Bảo hắn đây là ” báo trước lời dẫn trực tiếp  **Bài 3**:  a. Dùng dấu hai chấm và dùng dấu ngoặc kép để đánh dấu lời dẫn trực tiếp, dẫn nguyên văn lời Hồ Chủ Tịch  b. Không dùng các loại dấu trên vì câu nói không được nói nguyên văn ( Lời dẫn gián tiếp)  Bài 5:  Ngày trước Trần Hưng Đạo căn dặn nhà vua: “ Nếu giặc đến ...”  ( Ôn dịch thuốc lá ) |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:** Gv tổng kết kiến thức bài học  
**Hoạt động tiếp nối**

Hướng dẫn học ở nhà:

- Nắm công dụng, cách viết cho đúng chính tả. Hoàn thành các bài tập còn lại.

**Tiết 55-56:**

***Thuyết minh về một tác phẩm văn học***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức:**

Củng cố kiến thức về kiểu bài thuyết minh.

**2. Về kỹ năng:**

+ Rèn luyện năng lực quan sát, nhận thức, dùng kết quả quan sát mà làm bài thuyết minh.

+ Thấy được muốn làm bài văn thuyết minh chủ yếu phải dựa vào quan sát, tìm hiểu, tra cứu.

**3. Về thái độ:**

Bồi dưỡng thái độ tình cảm với bộ môn.

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên:** Soạn bài.

**2. Học sinh:** Học và ôn lại thể thơ của bài Đập đá ở Côn Lôn

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trỡnh **IV. Tiến trình dạy học:  
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  
 **Kiểm tra bài cũ:** ? Các bước làm bài văn thuyết minh?

**Giới thiệu và dạy bài học mới**

- GV khái quát lại về văn thuyết minh một đồ dùng rồi chuyển vào bài.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu cách “  *quan sát đến mô tả, thuyết minh đặc điểm 1 thể loại văn học ”*

**+ Mục tiêu:** Củng cố kiến thức về kiểu bài thuyết minh.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 20 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV: Trình chiếu văn bản “Lão Hạc”  ***? Hãy nêu những thông tin liên quan tới tác phảm? Có thê thay đổi những thông tin ấy được hay không?***  ***? Hãy sắp xếp các thông tin đó theo trình tự hợp lý cho phần thân bài.***  ***? Hãy nêu y/c chung của một dàn ý văn thuyết minh?***  ***GV gọi hs thuyết minh từng phần***  ***? Mở bài giới thiệu vấn đề gì?***  ***? Thân bài trình bày ý chính nào?***  ***? Kết bài như thế nào?***  ***? Qua tìm hiểu hãy cho biết muốn thuyết minh một thể loại văn học chúng ta cần lưu ý những điều gì?***    - GV khái quát laị bài học. | - Hs xác định  - Hs trả lời  - Hs nhận xét  - Hs trả lời | *I. Từ quan sát đến mô tả, thuyết minh đặc điểm của một tác phẩm văn học:*  - **Đề bài**: Thuyết minh văn bản “Lão Hạc” của tác giả Nam Cao.  ***1. Quan sát:***  \* Mỗi tác phẩm thường có các thông tin:  - Tác giả (tiểu sử, sự nghiệp sáng tác)  - Thông tin chung về tác phẩm (xuất xứ, thể loại, đề tài, chủ đề, ngôi kể, ý nghĩa nhan đề)  - Giá trị nội dung, thông điệp  - Giá trị nghệ thuật  ***2. Lập dàn ý:***  **a. Mở bài:**  - Giới thiệu về đối tượng cần thuyết minh:  **b. Thân bài:**  - Tác giả (tiểu sử, sự nghiệp sáng tác)  - Thông tin chung về tác phẩm (xuất xứ, thể loại, đề tài, chủ đề, ngôi kể, ý nghĩa nhan đề)  - Giá trị nội dung, thông điệp  - Giá trị nghệ thuật  **c. Kết bài:** Vai trò của tác phẩm trong nền văn học, trong đời sống  *3. Ghi nhớ: ( SGK* ) |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh luyện tập

**+ Mục tiêu:** Vận dụng những kiến thức vừa học vào cỏc dạng bài tập, rèn luyện năng lực quan sát, nhận thức, dùng kết quả quan sát mà làm bài thuyết minh.

**+ Phương pháp:** thuyết trình

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** cá nhân

**+ Thời gian:** 20 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***? Nêu yêu cầu của bài tập ?*** | - Hs trả lời | II. Luyện tập:  ***1. Bài tập 1****:* Hãy thuyết minh các truyện ngắn đã học: *Tôi đi học, Chiếc lá cuối cùng.*  \* Giới thiệu chung.  \* Giới thiệu về các thông tin và yếu tố cơ bản.  \* Kết bài: Thành công và đóng góp của tác giả, cảm nhận chung. |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:** Gv tổng kết kiến thức bài học  
**Hoạt động tiếp nối:**

***-*** Hướng dẫn học ở nhà.

- Ôn phương pháp làm văn thuyết minh vận dụng làm bài tập còn lại

**Tiết 57**

***Bài 15: Văn bản***

***Đập đá ở Côn Lôn***

***(Phan Chu Trinh)***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức:**

+ Cảm nhận được hình ảnh cao đẹp của người chiến sĩ yêu nước. Trong gian nguy vẫn bền gan vững chí.

- Nhân cách cứng cỏi của nhà yêu nước Phan Chu Trinh.

- Giọng điệu hùng tráng của thể thất ngôn biểu cảm trong lối thơ tỏ chí của các nhà thơ yêu nước Việt Nam.

- ý nghĩa biểu cảm của các yếu tố tự sự trong thơ trữ tình.

**2. Về kỹ năng**:- Củng cố và nâng cao hiểu biết về thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật trong thời kì trung đại hiện đại; tác dụng của lối nói khoa trương, phóng đại trong thể thơ này.

**3. Về thái độ:** Hiểu được nhân cách của nhà yêu nước Phan chu Trinh.

**II. Chuẩn bị :**

**1. Giáo viên:** Soạn bài:

**2. Học sinh:** Chuẩn bị bài theo hướng dẫn.

**III. Phương pháp dạy học:** Đọc hiểu, vấn đáp, bình giảng, thảo luận

**IV.Tiến trình dạy học:  
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Giới thiệu và dạy bài học mới**

ở tiết học trước chúng ta đã tìm hiểu khí phách hiên ngang, phong thái ung dung đường hoàng vượt lên trên cảnh tù ngục khốc liệt của nhà chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu, hôm nay cô cùng các em đi tìm hiểu một bức chân dung của nhà CM yêu nước mới qua bài thơ “ Đập đá ở Côn Lôn ”.

**HOẠT ĐỘNG2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chung văn bản

**+ Mục tiêu:** Học sinh nắm được những nét tiêu biểu về tác giả, tác phẩm.

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp.

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** cá nhân

**+ Thời gian:** 5 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV cho hs đọc chú thích dấu \*  ***? Nêu hiểu biết của em về tác giả Phan Chu Trinh ?***  - GV: PCT cũng như PBC là nhà nho yêu nước nhà cách mạng lớn của nước ta đầu TK XX. Nhưng chủ trương đường lối cứu nước của ông trước hết dựa vào Pháp để lật đổ nền quân chủ PKVN, đem lại dân chủ cho đồng bào, rồi từ đó xây dựng đất nước tự do, phát triển. ( còn PBC chủ trương đông du, dựa vào Nhật Bản để đánh Pháp dành độc lập dân tộc là nhiệm vụ quan trọng trước mắt ) Tuy chủ trương khác nhau nhưng hai ông là bạn thân, là đồng chí của nhau, rất khâm phục tài năng ý chí của nhau.  - Sau vụ chống thuế ở trung kì 4/ 1908 PCT cùng với nhiều chiến sĩ yêu nước khắp Bắc Trung kì bị thực dân Pháp đánh bắt và đày ra Côn Lôn ( Côn Đảo ) một hòn đảo nhỏ ở miền ĐN nước ta, nơi TDP chuyên làm chỗ đày ải tù nhân yêu nước CM VN.  Bài thơ Đập đá ở Côn Lôn bằng chữ Nôm được viết trong thời gian này.  - GV nêu y/c đọc:  - GV đọc mẫu  - GV nhận xét phần đọc của hs.  - GV cho h/s giải nghĩa các từ khó 4, 5 , 6.  ***? Hiểu như thế nào về hình thức lao động được nói đến trong bài ?***  ***? Bài thơ viết theo thể thơ nào? đặc điểm của thể thơ.***  ***? Nhân vật trữ tình trong bài thơ?***  ***? Căn cứ vào chú thích SGK, thì người Đập đá ở đây liên quan như thế nào đến tác giả bài thơ ?***  ***? Nhân vật trữ tình được biểu hiện trong những nội dung nào của bài thơ ?***  ***? Trong hai phương thức TS và BC của VB này, phương thức nào là chính, phương thức nào là yếu tố tham gia ?***  ***? Hãy xác định PTBĐ trong từng phần nội dung VB ?*** | - Hs đọc  - Hs nêu  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs nhận xột  - Hs giải thớch  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs xác định | *I. Đọc tìm hiểu chung:*  \*Tác giả, tác phẩm:  **\* Đọc**  Đọc phấn chấn tự tin, nhịp 3/4 , câu 1, 2,3,4 nhịp 2/2/3  **\* Chú thích**  **\* Cấu trúc văn bản:**  Đập đá: Một hình thức lao động nặng nhọc ở Côn Đảo, bọn cai ngục bắt các tù nhân vào núi khai thác đá, đập đá hộc, to thành mảng, những viên nhỏ để làm đường.  - Thể thơ thất ngôn bát cú đường luật. Đặc điểm: 8 câu 7 chữ, 4 phần.  - Nhân vật trữ tình: Người đập đá xưng là kẻ làm trai, kẻ vá trời.  Chính là PCT, bài thơ được làm trong lúc ông cùng các tù nhân khác bị TDP bắt tù khổ sai.  Công việc đập đá ( 4 câu đầu ).  Cảm nghĩ từ việc đập đá ( còn lại ).  - Phần 1: Tự sự  - Phần 2: Biểu cảm |

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản

**+ Mục tiêu: -** Cảm nhận được hình ảnh cao đẹp của người chiến sĩ yêu nước. Trong gian nguy vẫn bền gan vững chí.

- Nhân cách cứng cỏi của nhà yêu nước Phan Chu Trinh.

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp, bình giảng.

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 20 phút.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Đọc 4 câu thơ đầu.  ***? Em hình dung công việc đập đá của người tù Côn Đảo là một công việc như thế nào?***  ***? Lời thơ mở đầu nhắc đến cụm từ Làm trai em biết những câu thơ nào có hai từ trên?***  - GV: Làm trai quan niệm nhân sinh truyền thống là lòng kiêu hãnh là ý chí tự khẳng định của người đàn ông, người trai thời loạn,là khát vọng cao cả, phi thường.  ***? Có ý kiến cho rằng 4 câu đầu có hai lớp nghĩa. Hãy tìm hai hình ảnh có hai lớp nghĩa đó và phân tích giá trị nghệ thuật của chúng ?***    ***? Nét đặc sắc nghệ thuật của lời thơ này là gì ?***  ***? Theo em điều mà tác giả muốn gửi gắm thông qua những biện pháp nghệ thuật trên là gì ?***  ***? Nêu cảm nhận của em về hình ảnh người tù qua bốn câu thơ đầu.***  - GV: Bốn câu thơ đầu đã khắc hoạ hình ảnh người tù cách mạng thật ấn tượng trong tư thế ngạo nghễ vươn cao tầm vũ trụ, biến một công việc lao động cưỡng bức hết sức nặng nhọc, vất vả thành một công việc chinh phục thiên nhiên dũng mãnh của con người có sức mạnh thần kỳ như một dũng sĩ thần thoại. Câu thơ đã dựng một tượng đài uy nghi về người anh hùng với khí phách hiên ngang, lẫm liệt, sừng sững giữa đất trời ?  ***? Từ các chú thích 4,5 . Em hiểu những cảm nghĩ nào của con người được biểu hiện trong 2 câu luận?***  ***? Phân tích nghệ thuật đối trong hai câu thơ ?***  ***? Tác dụng của phép đối? Phẩm chất cao quý của người tù được khắc hoạ ở đây ?***  ***? Hình ảnh kẻ vá trời gợi cho em nhớ tới một huyền thoại dân gian nào ?***  ***? Tự thấy mình là kẻ vá trời lỡ bước vào đây , điều đó cho thấy con người ở đây nghĩ gì về bản thân mình ?***  ***? Nét đặc sắc nghệ thuật của hai câu kết là gì ?***  ***? Cấu trúc đối lập của lời thơ những kẻ vá trời ( việc lớn ) việc cỏn con ( việc nhỏ mọn ) có ý nghĩa gì ?***  ***? Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật của văn bản***  ***? Bài thơ đã làm hiện nên những phẩm chất nào của người tù yêu nước?***  ***? Từ đó em hiểu thêm những điều cao quý nào về con người Phan Chu Trinh cũng như những nhà yêu nước Việt Nam trong những năm đầu của thế Kỷ XX?***  - GV khái quát. | - Hs đọc  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs nờu  - Hs nêu cảm nghĩ  - Hs phân tích  - Hs nêu tác dụng  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs khái quát  - Hs trả lời  - Hs nhận xét  - Hs trả lời  - Hs trả lời | ***II. Đọc hiểu văn bản:***  ***1. Bốn câu thơ đầu:***  Côn Đảo là địa ngục trần gian, nơi TDP giam cầm, tra tấn và hành hạ dã man những chiến sĩ CM của chúng ta. Điều kiện làm việc trên hòn đảo trơi trọi, giữa nắng gió biển khơi, trong chế độ lao tù khắc nghiệt người đi đày buộc phải làm công việc khổ sai này cho đến khi kiệt sức và không ít người gục ngã. Họ phải làm việc dưới súng đạn và roi vọt của kẻ thù.  Tính chất công việc là khổ sai cực kỳ nặng nhọc.  **Làm trai** cho đáng nên trai.  Xuống Đông đông tĩnh lên Đoài đoài tan ( ca dao ).  **Làm trai** ở trong trời đất  Phải có danh gì với núi sông ( Nguyễn Trãi )  Đã sinh làm trai cũng phải khác đời. ( Phan bội châu ).   |  |  |  | | --- | --- | --- | | H/ả | Lớp nghĩa 1  nghĩa đen | Lớp nghĩa 2  N. Biểu trưng | | Lừng … | đập đá nhiều làm cho núi lở | Chí lớn công việc lớn lao để cứu nước | | Xách …đống ra ... hòn | Tả cảnh tù nhân đậo đá ở Côn Lôn | Tư thế hiên ngang lẫm liệt, súc mạnh và ý chí của người tù yêu nước. |   - Giọng điệu hùng tráng sôi nổi động từ mạnh , cách nói khoa trương, đối.  - Gợi tả công việc đập đá.  - Diễn tả khí phách hiên ngang, kiên cường của con người.  *2. Bốn câu cuối:*  - Tự thấy mình có tấm thân dày dạn, phong trần qua nhiều thử thách tự thấy mình có tinh thần cứng cỏi kiên trung, không sờn lòng, đổi chí trước mọi gian lao thử thách.  **NT:** đối  **Tháng ngày mưa nắng:** chỉ những gian khổ phải chịu đựng không chỉ 1 sớm một chiều mà dài dằng dặc qua nhiều năm tháng.  **Thân sành sỏi dạ sắt son:** bao quản – càng bền: Thân càng dày dạn phong trần bao nhiêu thì dạ càng cứng cỏi trung kiên bấy nhiêu, cũng có nghĩa là gian nan đã tôi luyện nên chí khí anh hùng của người chiến sĩ yêu nước.  - Sức chịu đựng mãnh liệt về cả thể xác lẫn tinh thần của con người trước thử thách nguy nan.  - Bất khuất trước gian nguy, trung thành với lý tưởng yêu nước.  - Tự hào kiêu hãnh về công việc mà mình đang theo đuổi.  Xem thường việc tù đày.  **- Cách nói khoa trương, đối.**  **Tin tưởng mãnh liệt vào sự nghiệp yêu nước của mình. Coi khinh gian lao tù đày.** |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh tổng kết.

**+ Mục tiêu**: Nắm được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

**+ Phương pháp:** Đọc hiểu, vấn đáp.

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** cá nhân

**+ Thời gian:** 5 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***? Rút ra những nét chung của hai bài thơ về tư tưởng và nghệ thuật?*** | - Hs nhận xét | *III. Tổng kết:*  ***1. Nghệ thuật*:** Giọng điệu hào hùng sảng khoái, lối nói khoa trương ước lệ, vận dụng thành thạo nhuần nhuyễn thể thơ thất ngôn bát cú đường luật.  *2. Nội dung:*  - Hiên ngang trung thành với lý tưởng.  - Người anh hùng chấp nhận mọi nguy nan, bền gan vững chí với lí tưởng cứu nước của mình. |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**+ Mục tiêu:** Vận dụng, củng cố kiến thức bài học.

**+ Phương pháp:** Luyện tập

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** cá nhân

**+ Thời gian:** 5 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
|  | - Hs độc lập làm bài | *IV. Luyện tập:*  Cả hai bài thơ đều là khẩu khí của những bậc anh hùng hào kiệt khi sa cơ, lỡ bước anh hùng hào kiệt khi rơi vào vòng tù đày.  - Vẻ đẹp hào hùng lãng mạn của họ biểu hiện trước hết ở khí phách ngang tàng lẫm liệt ngay cả trong thử thách, gian lao có thể đe doạ tính mạng. Vẻ đẹp ấy còn được biểu hiện ở ý chí chiến đấu và niềm tin không dời đổi vào sự nghiệp cách mạng của mình. |

**Củng cố bài học:** Gv tổng kết kiến thức bài học  
**Hoạt động tiếp nối:**

Hướng dẫn học ở nhà:

- Học thuộc lòng phân tích bài thơ.

- Làm bài tập SGK chuẩn bị bài mới.

**Tiết 57:**

***HDĐT: Muốn làm thằng Cuội***

### I. Mục tiêu bài học

**1. Kiến thức**

- Học sinh cảm nhận được tâm sự buồn chán thực tại ; ước muốn thoát li rất “ngông” và tấm lòng yêu nước của Tản Đà.

- Sự đổi mới về ngôn ngữ, giọng điệu, ý tứ, cảm xúc trong bài thơ “ Muốn làm thằng Cuội”

**2. Kĩ năng**

- Rèn cho học sinh kĩ năng phân tích tác phẩm để thấy được tâm sự của nhà thơ Tản Đà.

- Phát hiện so sánh thấy được sự đổi mới trong hình thức thể loại văn học truyền thống.

**3. Thái độ**

- Giáo dục co học sinh lòng yêu nước; gd hs có ý thức thái độ đúng trong học tập.

### II. Chuẩn bị tài liệu

**1. Giáo viên**

Giáo án, nghiên cứu bài, sgk, sgv, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng,đọc sách tham khảo...

**2. Học sinh**

Chuẩn bị bài, học bài cũ, sgk,nháp, vở ghi...

### III. Tiến trình tổ chức dạy học

**1. Ổn định tổ chức** Sĩ số:

**2. Kiểm tra**

H: đọc thuộc bài thơ “ Đập đá ở Côn Lôn” của tác giả Phan Châu Trinh

H: Phân tích 4 câu thơ đầu: Câu thơ đầu: Tạo dưng tư thế sánh ngang trời đất của người trai đứng giữa đất trời Côn Đảo. Cả câu thơ toát lên một vẻ đẹp hùng tráng , biểu lộ một tư thế con người đường hoàng làm chủ mình.

- Câu thơ sau: Tả thực công việc đập đá, khắc hoạ được hình ảnh bậc anh hùng dựng nước hăm hở quả quyết với những hành động mạnh mẽ, phi thường.

“ lừng lẫy”, “đánh tan năm bẩy đống”, “đập bể mấy trăm hòn”, “làm cho lở núi non”=> Bốn câu thơ vừa tả thực cộng việc lao động khổ sai của ng tù cm vừa xây dựng được một tượng đài uy nghi về ng anh hùng khí phách hiên ngang, lẫm liệt sừng sững giữa đất trời với khẩu khí: ngang tàng ngạo nghễ coi thường gian nan.

**3. Bài mới**

Tản Đà vốn xuất thân từ một gia đình nhà nho nhưng lại sống giữa thời buổi nho học tàn tạ. Ông là nghệ sĩ có tài, có tình, có cá tính độc đáo, nhân cách cao thượng. Tản Đà không muốn hoà mình với xã hội phong kiến xấu xa, nhơ bẩn, hỗn tạp, xô bồ nên đã tìm cách thoát li vào rượu vào thơ, vào cõi mộng, cõi tiên. Để hiểu rõ tâm trạng ấy chúng ta cùng tìm hiểu bài hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **HĐ1. HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  -GV hướng dẫn đọc: rõ ràng, ngắt nhịp 4/3 hoặc 2/2/3.  - GV đọc mẫu, hs đọc.  Nhận xét.  H: Theo dõi chú thích sao, nêu vài nét về tác giả?  H :Kể tên một số tác phẩm tiêu biểu của tác giả?  - Khối tình con I,II (thơ - 1917)  - Giấc mộng con I (tiểu thuyết - 1917)  - Thề non nước (tiểu thuyết - 1920).  - Giấc mộng con II (1932).  - Giấc mộng lớn ( tự truyện - 1932). | **I. Đọc và tìm hiểu chú thích:**  1. Đọc:  2. Chú thích:  a. Tác giả:  - Tản Đà (1889- 1939) tên khai sinh là Nguyễn Khắc Hiếu.  - Quê : Sơn Tây- Hà Nội.  - Thơ ông tràn đầy cảm xúc lãng mạn, đậm đà bản sắc dân tộc, có những tìm tòi và sáng tạo mới mẻ. Ngoài ra Tản đà còn viết văn xuôi : tản văn, tuỳ bút, tự truyện và những thiên du kí viễn tưởng đặc sắc... |
| H:Em biết gì về bài thơ “Muốn làm thằng cuội”?  H: Hãy giải nghĩa các từ: Cung quế, thế gian trần thế , chị Hằng! | b. Tác phẩm:  - “Muốn làm thằng cuội” nằm trong “Khối tình con”- 1917.  c. Từ khó:  - SGK/ 156 |
| **HĐ2. HDHS đọc hiểu văn bản:**  H: Bài thơ được viết theo thể thơ nào?  - Thất ngôn bát cú đường luật. | **II. Đọc – hiểu văn bản:**  1. Thể thơ: thất ngôn bát cú đường luật |
| H: Hãy chia bố cục cho bài thơ! | 2. Bố cục: Bài thơ có bố cục hai câu đề hai câu thực hai câu luận và hai câu kết. |
| - Đọc hai câu thơ đầu  H: Hai câu thơ nhà thơ tâm sự điều gì? Với ai?  - Tâm sự của Tản Đà với chị Hằng. | 3. Phân tích:  a. Hai câu đầu:  “ Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!  Trần thế em nay chán nửa rồi,  - Hai câu thơ là lời tâm của tác giả với chị Hằng trong một đêm thu. Lời thơ như một tiếng than, một nỗi lòng, một tâm trạng trước cảnh đời buồn chán. |
| H: Vì sao tác giả có tâm trạng đó?  - GV: Xã hội phong kiến Việt đầu thế kỷ XX là một xã hội đen tối ngột ngạt, vì vậy những người có đầu óc, muốn thoát li mà không thoát li nổi họ phải thoát li vào mộng tưởng, vào cõi tiên, vào thơ. | - Vì thực tại bế tắc, ngột ngạt của xã hội, cuộc sống trần thế không có niềm vui cho con người. |
| H: Tai sao nhà thơ lại bày tỏ với chị Hằng?  H: Em hiểu như thế nào về nội dung hai câu thơ đầu? | - Trong suy nghĩ của nhà thơ, chị Hằng ở trên cao sẽ thấy hết sự tầm thường dưới mặt đất. Đồng thời thể hiện khát vọng thoát khỏi trần gian hướng tới cái đẹp lí tưởng cao rộng.  => Bằng ngôn ngữ thơ thân mật đến suồng sã, nhà thơ thể hiện tâm trạng bất hoà sâu sắc với xã hội đương thời. |
| - Gọi hs đọc 4 câu thơ sau.  H: Tản Đà thường nhận mình là “ngông”,em hiểu “ngông” nghĩa là gì?  Ngông : là làm những việc trái với lẽ thường, khác mọi người xung quanh. Trong văn học, ngông là biểu hiện của ngòi bút có cá tính mạnh mẽ, bất hoà sâu sắc với xã hội đương thời, không chịu gò ép mình trong khuôn khổ chật hẹp của lễ nghi, lề thói thông thường. | b. Bốn câu thơ sau:  “ Cung quế đã ai ngồi đó chửa?  Cành đa xin chị nhắc lên chơi.  Có bầu có bạn can chi tủi,  Cùng gió cùng mây thế mới vui”  - Trong văn học, “ngông” là biểu hiện của ngòi bút có cá tính mạnh mẽ, không chịu gò ép mình trong khuôn khổ chật hẹp của lễ nghi, lề thói thông thường. |
| H: Em hãy phân tích cái ngông của Tản Đà trong 4 câu thơ trên?  - Câu 3: Cung quế.. chửa -> như một câu hỏi thăm dò, cung trăng đã có ai ở đó chưa?  - Câu 4: thể hiện ước muốn được chị Hằng nhắc lên chơi.  ( GV liên hệ truyền thuyết sự tích mặt trăng và bài đồng dao chú cuội...) | - Cặp câu 3- 4: Lời hỏi thăm dò: cung trăng đã có ai ở đó chưa. Từ đó thể hiện một lời cầu xin được chị Hằng thả một “cành đa” xuống “nhắc” lên chơi. |
| H: Cái “ngông” ở cặp câu thơ 5-6 được thể hiện như thế nào?  - Cặp câu 5- 6: thể hiện rõ tính “ngông” , chất đa tình của Tản Đà. Từ cách xưng hô “chị”, “em” có vẻ thân mật đúng đắn đã chuyển sang tình tri kỉ, mong muốn được sánh vai bầu bạn cùng người đẹp Hằng Nga và thiên nhiên mây gió.Bởi lên đấy ông có thể hoàn toàn xa lánh được cái “cõi trần nhem nhuốc” mà ông chán ghét.  - Tác giả từng viết:  Chung quanh những đã cùng cây  Biết người tri kỉ đâu đây mà tìm.  Hay : Kiếp sau xin chớ làm người  Làm đôi chim nhạn tung trời mà bay.  - Cõi trần Tản Đà luôn thấy buồn, trống vắng, cô đơn và khắc khoải đi tìm tâm hồn tri kỉ , giờ đây lên cung quế được sánh vai bầu bạn với người đẹp được thoả chí cùng mây gió thì còn gì lí thú hơn. | - Cặp câu 5- 6: thể hiện khát vọng thoát li trần thế, xa lánh được cái “cõi trần nhem nhuốc”; được sánh vai bầu bạn cùng người đẹp Hằng Nga và thiên nhiên mây gió của Tản Đà. |
| - Đọc hai câu cuối.  H: Em hiểu hình ảnh “Tựa nhau trông xuống thế gian cười” như thế nào?  H: Em hiểu cái cười ở đây có nghĩa là gì?  - Cái cười có thể hiểu theo hai ý nghĩa: thoả mãn vì đã đạt được khát vọng thoát li mãnh liệt, xa lánh hẳn cõi trần bụi bặm.  - Thể hiện sự mỉa mai khinh bỉ cõi trần giờ đây chỉ bé tí khi mình đã bay bổng lên cung trăng.  -> Đó là đỉnh cao của tâm hồn lãng mạn và ngông của Tản Đà. | c. Hai câu thơ cuối:  “ Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám,  Tựa nhau trông xuống thế gian cười”  - Một hình ảnh tưởng tượng đầy ý vị và bất ngờ: đêm trung thu nhà thơ ngồi trên cung trăng , tựa vai chị Hằng cùng ngắm thế gian và “cười”.  - “Cười” ở đây có thể có cả hai ý nghĩa: vừa thoả mãn vì đã đạt được khát vọng thoát li trần thế, vừa thể hiện sự mỉa mai khinh bỉ cái cõi trần gian đáng chán ghét. Đó chính là đỉnh cao của hồn thơ lãng mạn và “ngông” của Tản Đà. |
| H: Theo em những yếu tố nghệ thuật nào tạo nên sức hấp dẫn cho bài thơ. | d. Nghệ thuật:  - Cảm xúc mãnh liệt, dồi dào, phóng túng bay bổng và sâu lắng thiết tha được biểu hiện một cách tự nhiên, thoải mái, nhuần nhuỵ.  - Lời lẽ giản dị, trong sáng.  - Sức tưởng tượng phong phú, táo bạo.  - Thể thơ đường luật vẫn tuân thủ vần luật nhưng không gò bó trói buộc hồn thi sĩ, không câu nệ bởi công thức, khuân sáo tạo nên sức hấp dẫn cho bài thơ. |
| **HĐ3. HDHS tổng kết:**  H: Em cảm nhận được gì về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?  - Gọi hs đọc ghi nhớ SGK | **III. Tổng kết:**  \* Ghi nhớ: SGK/ 157 |
| **HĐ4. HDHS luyện tập:**  - Đọc bài tập cảm thụ, nêu yêu cầu.  - Gọi vài em lên chữa bài tập.  HS nhận xét.  GV sửa chữa bổ sung. | **IV. Luyện tập:**  Bài 1.  - Cặp câu 3- 4 và 5-6 đối nhau về h/a, ý tứ ngôn từ. |
| Đọc bài tập 2, xác định yêu cầu, làm bài.  GV hướng dẫn, bổ sung. | 2. Bài 2 (157). So sánh ngôn ngữ, giọng điệu bài thơ này với “ Qua Đèo Ngang” của Bà Huyện Thanh Quan.  Giải:  - Bài “Qua Đèo Ngang” tuy chất chứa tâm trạng nhưng giọng điệu mực thước, trang trọng, đăng đối.  - Bài “Muốn làm thằng cuội” giọng nhẹ nhàng thanh thoát pha chút tình tứ, hóm hỉnh có nét phóng túng ngông nghênh của một hồn thơ lãng mạn thoát ly. |

**Củng cố bài học:** Gv tổng kết kiến thức bài học  
**Hoạt động tiếp nối:**

Hướng dẫn học ở nhà:

- Học thuộc lòng bài thơ.

**Tiết 60:**

***Ôn tập Tiếng Việt***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức:**

+ Nắm vững phần tự vựng, ngữ pháp Tiếng việt ở học kì I.

**2. Về kỹ năng:** Rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng việt trong giao tiếp.

**3. Về thái độ:** Bồi dưỡng cho học sinh ý thức sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp.

**II.Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên:** Chuẩn bị nội dung lên lớp, bảng phụ.

**2. Học sinh:** Chuẩn bị bảng ôn tập theo mẫu.

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trình **IV.Tiến trình dạy học:  
HOẠT ĐỘNG: KHỞI ĐỘNG**  
 **Kiểm tra bài cũ: *?*** GV kiểm tra kết quả chuẩn bị của hs. **Giới thiệu và dạy bài học mới:**

- Các em đã học phần từ vựng, ngữ pháp Tiếng việt để củng cố bài học 1 cách có hệ thống. Chúng ta cùng tìm hiểu tiết học hôm nay.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh ôn tập.

**+ Mục tiêu:** Nắm vững phần từ vựng, ngữ pháp Tiếng việt ở học kì I. Rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng việt trong giao tiếp. Bồi dưỡng cho học sinh ý thức sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 40 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| *? Thế nào là một từ có nghĩa rộng và 1 từ có nghĩa hẹp? Cho ví dụ?*  *? Tính chất rộng hẹp của từ ngữ là tuyệt đối hay tương đối?*  Bảng phụ sơ đồ văn học dân gian.  *? Dựa vào kiến thức đã học về văn học dân gian và cấp độ khái quát nghĩa từ ngữ, hãy điền từ ngữ thích hợp vào ô trống theo sơ đồ sau?*  *? Thế nào là trường từ vựng? Cho ví dụ?*  *? Phân biệt cấp độ khái quát nghĩa từ ngữ với trường từ vựng? Cho ví dụ?*  *? Từ tượng hình tượng thanh là gì? Cho ví dụ?*    *? Tác dụng của nó*  *? Đặt câu có sử dụng từ tượng hình hoặc tượng thanh?*  *? Thế nào là từ địa phương? Cho ví dụ?*  *? Thế nào là biệt ngữ xã hội ? Ví dụ?*  *? Trợ từ là gì? Cho ví dụ?*    *? Thán từ là gì? Cho ví dụ?*  *? Tình thái từ là gì? Cho ví dụ.*  *? Có thể sử dụng tình thái từ tuỳ tiện được không? Tại sao?*  *? Viết 2 câu có sử dụng tình thái từ và thán từ?*  *? Nói quá là gì? cho ví dụ?*  *? Nói giảm là gì? Nói tránh là gì? cho ví dụ?*  *? Tìm trong ca dao VN hai ví dụ về biện pháp tu từ nói quá hoặc nói giảm nói tránh*?  *? Câu ghép là gì? cho ví dụ?*  *? Cách nối các vế trong câu ghép?*  *? Các kiểu quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu? Các cặp quan hệ nào biểu thị ý nghĩa ấy?*  *? Làm bài tập thực hành phần câu ghép?* | - HS nêu khái niệm, lấy ví dụ  - HS giải thích  - HS thảo luận trình bày kết quả.  - HS độc lập trả lời.  - HS phân biệt.  - HS nêu khái niệm lấy ví dụ.  - HS đặt câu.  - HS nêu khái niệm  - HS nêu khái niệm, lấy ví  - HS độc lập trả lời  - HS nêu khái niệm, lấy ví dụ  - HS giải thích  - HS đặt câu  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs nêu ví dụ  - Hs nêu ví dụ  - HS nêu cách nối  - HS độc lập trả lời  - HS làm bài tập. | *I. Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ.*  1. Một số từ ngữ có nghĩa rộng khi phạm vi của từ đó bao hàm nghĩa của 1 số từ khác.  VD: Thú có nghĩa rộng hơn voi, hươu.  Cây có nghĩa rộng hơn cây cam, cây bưởi.  2. Một số từ ngữ có nghĩa hẹp khi phạm vi nghĩa của từ đó được bao hàm nghĩa của một từ khác.  VD: Cá thu có nghĩa hẹp hơn cá.  Bút máy có nghĩa hẹp hơn bút.  Chỉ là tương đối vì nó phụ thuộc vào phạm vi nghĩa của từ.  *Giáo viên* rộng hơn *thầy giáo* hoặc *cô giáo* hẹp hơn *người.*  **Truyện dân gian**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | T/n nghĩa rộng | T/ngữ nghĩa hẹp | | Truyện DG | + |  | | T/thuyết |  | + | | N/ngôn |  | + | | Cổ tích |  | + | | Tr/cười |  | + |   *II. Trường từ vựng:*  1. Trường từ vựng là tập hợp tất cả các từ có 1 nét chung về nghĩa.  VD: Trường từ vựng về phương tiện giao thông: Tàu, xe, thuyền, máy bay.  2. Phân biệt cấp độ khái quát nghĩa từ ngữ với trường từ vựng:  Cấp độ khái quát nghĩa từ ngữ nói về mối quan hệ bao hàm nhau giữa các từ ngữ có cùng thể loại  VD: Thực vật ( dt ) bao hàm cây , cỏ, hoa ( dt ); cây cỏ, hoa bao hàm cây dừa, cỏ gà, hoa cúc ( dt ).  - Trường từ vựng tập hợp các từ có ít nhất một nét chung về nghĩa, nhưng có thể khác nhau về từ loại.  VD: Trường từ vựng tập hợp các từ có ít nhất một nét chung về nghĩa, nhưng có thể khác nhau về thể loại.  VD: Trường từ vựng về người:  + Chức vụ của người: Giám đốc, bộ trưởng ( dt ).  + Phẩm chất:, trí tuệ của người: Thông minh, sáng suất ( tt ).  *III. Từ tượng hình, tượng thanh.*  ***1. Từ tượng hình:*** là từ gợi tả dáng vẻ, hoạt động, trạng thái của sự vật. Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh.  VD: + Lom khom, ngất ngưởng …. ( tượng hình )  + Oang oang, chan chát …  ( TT )  *2. Tác dụng:*  Trời mưa lộp độp.  *IV. Từ địa phương và biệt ngữ xã hội*  1. Từ địa phương: là từ ngữ chỉ sử dụng trong 1 địa phương nhất định.  2. Biệt ngữ xã hội:Là những từ chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định ( tầng lớp vua chúa ngày xưa: Trẫm, khanh, lòng sàng, tầng lớp HS, sinh viên: Tủ, ngỗng, gậy ).  *V. Trợ từ, thán từ:*  **1. Trợ từ:** Là những từ dùng để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến trong câu.  VD: Nó ngồi cả buổi chiều mà chỉ làm được một bài tập.  **2. Thán từ:** Là những từ dùng để làm dấu hiệu biểu lộ cảm xúc tình cảm. thái độ của người nói hoặc dùng để gọi đáp.  VD: ô hay, tôi tưởng anh cũng biết rồi.  VI. Tình thái từ:  1. Tình thái từ: Những từ được thêm vào câu để tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến …. Biểu hiện sắc thái …  VD: Con nghe thấy rồi ạ.  2. Sử dụng tình thái từ: Phải chú ý đến quan hệ về tuổi tác, thứ bậc xã hội và tình cảm đối với người nghe người đọc.  VD: Bác giúp cháu một tay ạ !  - Bạn giúp mình một tay nào !  *VII. Nói quá, nói giảm, nói tránh.*  1. Nói quá: Là một biện pháp tu từ phóng đại mức độ quy mô, tính chất của sự vật được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.  2. Nói giảm, nói tránh: Là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác quá đau buồn nặng nề tránh thô tục, thiếu lịch sự.  VD: Chị ấy không còn trẻ lắm.  *VIII. Câu ghép*:  **1. Câu ghép** là câu có từ hai cụm từ chủ vị trở lên và chúng không bao chứa nhau.  VD: Gió thổi, mây bay, hoa nở.  Vì trời mưa nên đường ướt.  **2. Cách nối** hai vế trong câu ghép: Có hai cách nối:  - Nối trực tiếp: ( Qua các dấu câu )  - Nối bằng từ ngữ có tác dụng liên kết ( QHT, cặp QHT )  **3. Các kiểu quan hệ** ý nghĩa giữa các vế trong câu ghép.  - Quan hệ nhân quả: Vì … nên, cho … nên, tại … nên, do … nên.  - Quan hệ giả thiết – kết quả: Nếu … thì, giá … thì, hễ … thì.  - Quan hệ tương phản: Tuy … nhưng, dẫu … những, dù … vẫn.  - Quan hệ mục đích: để, cho ….  Quan hệ bổ sung đồng thời: Và  - Quan hệ nối tiếp: Rồi  - Quan hệ lựa chọn: Hay.  **IX. Dấu câu:** ( HS tự ôn theo bài tổng kết dấu câu ) |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:** Gv tổng kết kiến thức bài học  
**Hoạt động tiếp nối**

Hướng dẫn học ở nhà:

- Ôn tập chương trình, hoàn thành các bài tâp.

\* \* \* \* \* \* \*

**Tiết 61:**

***Thực hành kĩ năng phát hiện, phân tích***

***tác dụng và vận dụng các yếu tố TV***

**I. Mục tiêu bài học:**

1**. Về kiến thức:**

+ Nắm được các kiến thức về Tiếng Việt cách có hệ thống.

+ Có ý thức cẩn trọng việc dùng dấu câu, tránh được các lỗi thường gặp về dấu câu.

**2. Về kỹ năng**: Rèn luyện kỹ năng sử dụng và kỹ năng sửa các lỗi về dấu câu.

**3. Về thái độ**: Bồi dưỡng ý thức học tập của học sinh

**II.Chuẩn bị :**

**1. Giáo viên:** Chuẩn bị nội dung lên lớp.

**2. Học sinh:** Chuẩn bị bảng ôn tập theo mẫu.

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trình **IV.Tiến trình dạy học:  
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Kiểm tra bài cũ:** ? GV kiểm tra kết quả chuẩn bị bài của học sinh***.***

**Giới thiệu và dạy bài học mới**

Trong quá trình viết văn bản sử dụng các từ loại, dấu câu là một yếu tố quan trọng. Chính vì vậy mà trong chương trình ngữ văn 6, 7, 8 đã cung cấp cho các em công dụng và cách sử dụng cơ bản. Để giúp các em nắm được dấu câu 1 cách có hệ thống và khắc phục một số lỗi sử dụng sai. Chúng ta cùng tìm hiểu tiết học hôm nay.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tổng kết về

**+ Mục tiêu:** Nắm được các kiến thức về dấu câu 1 cách có hệ thống.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 10 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV hướng dẫn nhận xét bổ sung.    - Chốt lại các kiến thức về dấu câu. Đưa ra bảng tổng kết đã chuẩn bị.  - GV chuẩn bị 4 ví dụ trong SGK vào bảng phụ.  ***? Chỉ ra những lỗi sai trong việc sử dụng dấu câu của VD trên? Em hãy sửa lại cho đúng.*** | - Hs lắng nghe  - Hs ghi  - Hs đọc  - hs trả lời | ***I. Hệ thống về từ loại, dấu câu:***    **1/ Cấp độ khái quát nghĩa của từ:**  Nghĩa của một từ ngữ có thể rộng hơn hoặc hẹp hơn nghĩa của từ ngữ khác:  - Một từ được coi là có nghĩa rộng khi phạm vi nghĩa của từ ngữ đó bao hàm phạm vi nghĩa của một số từ ngữ khác.  - Một từ ngữ được coi là có nghĩa hẹp khi phạm vi nghĩa của từ ngữ đó được bao hàm trong phạm vi nghĩa của một từ ngữ khác.  - Một từ ngừ có nghĩa rộng đối với những từ ngữ này, đồng thời có thể có nghĩa hẹp đối với một từ ngữ khác.  Ví dụ:  Giáo dục:  + Thầy giáo: Thầy giáo dạy Toán, Thầy giáo dạy Văn…  + Học sinh: Học sinh giỏi, HS yếu…  **2. Trường từ vựng:**  Là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.  Ví dụ:  Y phục: quần áo, giày dép, mũ nón…  **3. Từ tượng hình - Từ tượng thanh:**  - Từ tượng hình: là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật  -Từ tượng thanh: là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người.  **4. Từ địa phương và biệt ngữ xã hội:**  - Từ địa phương: là từ ngữ chỉ sử dụng ở một hoặc một số địa phương nhất định  - Biệt ngữ xã hội: chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định.  **5.Trợ từ:**  Là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó.  Ví dụ:  những, có, chính, đích, ngay…  **6. Thán từ:**  Là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Thán từ gồm có hai loại chính:  - Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc: a, ái, ơ,  ôi, ô hay, than ôi,  trời ơi…  -Thán từ gọi đáp: này, vâng, dạ, ừ…  **7. Tình thái từ:**  Là những từ được thêm vào câu để tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán, và để biểu thị các sắc thái tình cảm của người nói.  Tình thái từ gồm một số loại đáng chú ý:  -Tình thái từ nghi vấn  - Tình thái từ cầu khiến  - Tình thán từ cảm thán  -Tình thái từ biểu thị sắc thái tình cảm   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Dấu câu | Công dụng | VD | | Dấu câu.  Dấu chấm hỏi  Dấu chấm than  Dấu phẩy  Dấu chấm lửng  Dấu chấm phẩy  Dấu gạch ngang  Dấu gạch nối  Dấu ngoặc đơn  Dấu ngoặc kép  Dấu hai chấm | Kết thúc câu trần thuật.  Kết thúc câu nghi vấn  Kết thúc câu cầu khiến hoặc câu cảm thán  Dùng để phân cách các bộn phận của câu  Biểu thị bộ phận chưa liệt kê hết, lời nói ngập ngừng, giảm nhịp điệu câu văn hài hước, dí dỏm.  Đánh dấu gianh giới giữa câu ghép có cấu tao phức tạp, giữa một bộ phận trong một phép liệt kê.  Đánh dấu bộ phận giải thích, chú thích, lời nói trực tiếp, sự liệt kê.  Nối các tiếng trong 1 từ phiên âm.  Đánh dấu phần chú thích.  Đánh dấu lời dẫn trực tiếp, từ được hiểu theo nghĩa mỉa mai, đặc biệt .  Báo trước lời dẫn trực tiếp, bổ sung, giải thích, đối thoại |  | |

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh luyện tập

**+ Mục tiêu:** Vận dụng, củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng phân tích tác dụng của từ loại và kỹ năng sửa các lỗi về dấu câu.

**+ Phương pháp:** Luyện tập

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Cá nhân

**+ Thời gian:** 20 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV nêu yêu cầu bài tập 2  - GV hệ thống lại kiến thức về dấu câu. | - HS làm bài độc lập | ***III. Luyện tập:***  ***1. Bài tập 1***: Điền dấu câu thích hợp vào chỗ trống  ( . ) ( . ) ( . ) ( . ) ( : ) ( - )  ( ! ) ( ! ) ( ! ) ( , ) ( , ) ( , )  ( , )  ( . ) ( . ) ( . ) ( , )  ( , ) ( . ) ( , ) ( : ) ( - ) ( ? ) ( ? )  ( ? ) ( ! ).  **2. Bài 2: *Những dấu câu sau đây đã được sử dụng chính xác chưa? Hãy sửa lại nếu có lỗi sai và giải thích lí do con sửa.***  a) Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay.  - Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!  - Cụ bán rồi?  - Bán rồi? Họ vừa bắt xong.  b) Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước. Tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc. |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:** Gv tổng kết kiến thức bài học  
**Hoạt động tiếp nối:**

Hướng dẫn học ở nhà

* Ôn tập sửa lỗi về dấu câu trong bài tập làm văn của mình.

\* \* \* \* \* \* \*

**Tiết 62:**

***Thuyết minh về một thể loại văn học***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức:**

Củng cố kiến thức về kiểu bài thuyết minh.

**2. Về kỹ năng:**

+ Rèn luyện năng lực quan sát, nhận thức, dùng kết quả quan sát mà làm bài thuyết minh.

+ Thấy được muốn làm bài văn thuyết minh chủ yếu phải dựa vào quan sát, tìm hiểu, tra cứu.

**3. Về thái độ:**

Bồi dưỡng thái độ tình cảm với bộ môn.

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên:** Soạn bài.

**2. Học sinh:** Học và ôn lại thể thơ của bài Đập đá ở Côn Lôn

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trỡnh **IV. Tiến trình dạy học:  
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  
 **Kiểm tra bài cũ:** ? Các bước làm bài văn thuyết minh?

**Giới thiệu và dạy bài học mới**

- GV khái quát lại về văn thuyết minh một đồ dùng rồi chuyển vào bài.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu cách “  *quan sát đến mô tả, thuyết minh đặc điểm 1 thể loại văn học ”*

**+ Mục tiêu:** Củng cố kiến thức về kiểu bài thuyết minh.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 20 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV: Bảng phụ hai bài thơ  ***? Hãy xác định số tiếng trong mỗi dòng thơ và số dòng trong bài thơ? Có thê thay đổi thêm bớt số dòng, số tiếng trong bài thơ được hay không?***  ***? Hãy ghi kí hiệu bằng trắc cho 2 bài thơ.***  ***? Nhận xét quan hệ B, T giữa các dòng với nhau ?***  ( tìm đối và niêm )  - Lưu ý: Nếu dòng trên đối với dòng dưới thường gọi là đối nhau, và nếu cùng thanh hoặc bằng hoặc trắc gọi là niêm.  ***? Quan sát bài thơ và cho biết tiếng nào hiệp vần với nhau?***  ( Nằm ở cuối câu và là vần bằng )  ***? Nhận xét về cách ngắt nhịp ?***  ***? Bài thơ có bố cục như thế nào***  ***? Nghệ thuật đối được thể hiện như thế nào trong bài thơ?***  - GV: TNBC là một chỉnh thể nghệ thuật hoàn mỹ. Số lượng thể thơ này trong văn học nhiều hơn hẳn các thể thơ khác. Trong văn học nôm một số bài thơ ở thể thơ này đã được cải biên thành thể thất ngôn pha lục ngôn. Bắt đầu như thơ Nôm của Nguyễn Trãi ( Thuật Hứng ).  ***? Hãy nêu y/c chung của một dàn ý văn thuyết minh?***  ***GV gọi hs thuyết minh từng phần***  ***? Mở bài giới thiệu vấn đề gì?***  ***? Thân bài trình bày ý chính nào?***  ***? Nhận xét gì về ưu điểm nhược điểm của thể thơ này?***  ***? Kết bài như thế nào?***  ***? Qua tìm hiểu hãy cho biết muốn thuyết minh một thể loại văn học chúng ta cần lưu ý những điều gì?***  - GV hướng dẫn hs thuyết minh truyện ngắn Lão Hạc  - GV khái quát laị bài học. | - Hs xác định  - Hs trả lời  - Hs nhận xột  - Hs trả lời  - Hs nhận xột  - Hs tỡm  - Hs trả lời  - Hs nờu  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs nhận xột  - Hs trả lời | *I. Từ quan sát đến mô tả, thuyết minh đặc điểm 1 thể loại văn học:*  - **Đề bài**: Thuyết minh đặc điểm thể thơ thất ngôn bát cú.  ***1. Quan sát:***  \* Mỗi bài thơ phải có 8 dòng mỗi dòng 7 chữ ( tiếng ) không được thêm bớt.   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | C | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | | d1 | T | B | B | T | T | B | B | | 2 | T | T | B | B | T | T | B | | 3 | T | T | B | B | B | T | T | | 4 | T | B | T | T | T | B | B | | 5 | T | B | B | T | B | B | T | | 6 | T | T | B | B | T | T | B | | 7 | B | T | T | B | B | T | T | | 8 | B | b | B | T | T | B | B |   **\* Quan hệ bằng trắc:**  + Cặp câu: 1-2, 3- 4; 5-6, 7-8.  + Cặp câu: 2-3, 4-5, 6-7  “ niêm ” ( dính ) với nhau.  - Quy luật này đúng với chữ thứ 2,4,6 trong các câu thơ.  **\* Vần**: lên non hòn san con  **\* Nhịp**: 3/4  **\* Bố cục 4 phần:**  + Đề: Mở đề và bắt đầu mở ý.  + Thực: miêu tả cụ thể về sự việc.  + Luận: Bàn luận nhận xét về đề tài.  + Kết: khép laịi bài thơ bằng những kết luận.  **\* Nghệ thuật đối**: Hai câu thực và hai câu luận phải đối nhau  ***2. Lập dàn ý:***  **a. Mở bài:**  - Giới thiệu về đối tượng cần thuyết minh:  Nêu định nghĩa chung về thể thơ TNBC.  VD: Thất ngôn bát cú là một thể thơ thông dụng trong các thể thơ đường luật, một thể thơ được viết theo luật đặt ra từ thời nhà Đường ( 618 – 907 ) được các nhà thơ rất yêu thích. Các nhà thơ cổ điển VN ai cũng làm thơ theo thể thơ này bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm.  **b. Thân bài:**  - Số câu số chữ trong mỗi bài.  - Quy định bằng trắc.  - Cách gieo vần của thể thơ.  - Cách ngắt nhịp của thể thơ.  - Bố cục.  - Nghệ thuật đối.  **- ưu điểm**: Bài thơ có vẻ đẹp hài hoà cân đối ( số câu chữ bố cục ) âm thanh nhạc điệu trầm bổng ( vần luật bằng trắc )  **- Hạn chế:** Vì niêm luật chặt chẽ nên việc diễn tả cảm xúc gò bó vì bị ràng buộc không được tự do như thơ tự do.  **c. Kết bài:** Vai trò của thể thơ TNBC từ xưa tới nay.  - Đây là thể thơ quan trọng có nhiều tác phẩm có giá trị được làm theo thể thơ này. Và cho đến nay nó vẫn được ưu chuộng.  *3. Ghi nhớ: ( SGK* ) |

**HOẠT ĐỘNG 3:** Hướng dẫn học sinh luyện tập

**+ Mục tiêu:** Vận dụng những kiến thức vừa học vào cỏc dạng bài tập, rèn luyện năng lực quan sát, nhận thức, dùng kết quả quan sát mà làm bài thuyết minh.

**+ Phương pháp:** thuyết trình

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** cá nhân

**+ Thời gian:** 20 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***? Nêu yêu cầu của bài tập ?*** | - Hs trả lời | II. Luyện tập:  ***1. Bài tập 1****:* Hãy thuyết minh đăck điểm chính của truyện ngắn trên cơ sở các truyện ngắn đã học: Tôi đi học, Lão Hạc, Chiếc lá cuối cùng.  \* Định nghĩa về truyện ngắn.  \* Giới thiệu về các yếu tố của truyện ngắn.  + Tự sự: Là yếu tố chính quyết định cho sự tồn tại của một truyện ngắn.  Sự việc chính, nhân vật chính:  - VD: Sự việc chính:Lão Hạc giữ tài sản cho con trai bằng mọi giá.  Nhân vật chính: Lão Hạc.  Ngoài ra còn có sự việc phụ, nhân vật phụ:  VD: Con trai Lão bỏ đi, lão làm bạn với con vàng, bán con vàng, đối thoại với ông Giáo, xin Binh Tư bả chó  Nhân vật phụ: Ông Giáo, con vàng, Binh Tư, vợ Ông Giáo.  + Miêu tả, biểu cảm, đánh giá là yếu tố bổ trợ, giúp cho truyện ngắn sinh động hấp dẫn. Thường đan xen vào các yếu tố tự sự  - Bố cục lời văn chi tiết: Lời văn trong sáng giàu hình ảnh, chi tiết bất ngờ độc đáo.  \* Kết bài: Thành công và đóng góp của tác giả, cảm nhận chung. |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:** Gv tổng kết kiến thức bài học  
**Hoạt động tiếp nối:**

***-*** Hướng dẫn học ở nhà.

- ôn phương pháp làm văn thuyết minh vận dụng làm bài tập còn lại

**Tiết 63-64:**

***Ôn tập tổng hợp***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức:** Nắm vững phần Văn bản, tập làm văn, ngữ pháp Tiếng việt ở học kì I.

**2. Về kỹ năng:** Rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng việt trong giao tiếp.

**3. Về thái độ:** Bồi dưỡng cho học sinh ý thức sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp.

**II.Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên:** Chuẩn bị nội dung lên lớp.

**2. Học sinh:** Chuẩn bị bảng ôn tập theo mẫu.

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trình **IV.Tiến trình dạy học:  
HOẠT ĐỘNG: KHỞI ĐỘNG**  
 **Kiểm tra bài cũ: *?*** GV kiểm tra kết quả chuẩn bị của hs. **Giới thiệu và dạy bài học mới:**

- Các em đã học phần văn bản, Tiếng Việt, tập làm văn để củng cố bài học một cách có hệ thống. Chúng ta cùng tìm hiểu tiết học hôm nay.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh ôn tập.

**+ Mục tiêu:** Nắm vững kiến thức Văn ở học kì I. Rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp. Bồi dưỡng cho học sinh ý thức sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 40 phút

+ GV nhận xét, chữa bài, chốt kiến thức cho học sinh

**Đề 1**

**Phần I:** Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

‘‘*Xin đáp lại: Hút thuốc là quyền của anh, nhưng anh không có quyền đầu độc những người ở gần anh. Anh uống rượu say mèm, anh làm anh chịu. Nhưng hút thuốc thì người gần anh cũng hít phải luồng khói độc. Điều này hành nghìn công trình nghiên cứu đã chứng minh rất rõ. Vợ con, những người cùng phòng với những người nghiện thuốc cũng bị nhiễm độc, cũng đau tim mạch, viêm phế quản, cũng bị ung thư. Anh có quyền hút, nhưng có mặt người khác, xin mời anh ra ngoài sân, ngoài hành lang mà hút.*’’

(Trích «*Ôn dịch, thuốc lá*», SGK Ngữ văn 8, tập một, NXB Giáo dục 2008)

1. Cho biết phương thức biểu đạt chủ yếu của bài? Ý nghĩa của dấu phẩy trong nhan đề trên.

2. Tìm các từ thuộc *trường từ vựng chỉ bệnh lí của con người*.

3. Em hãy cho biết nội dung của đoạn trích dẫn trên? Em hãy đề xuất những biện pháp để giảm thiểu, ngăn chặn tệ nghiện hút thuốc lá ?

**Phần II:** Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

"*Chao ôi! Đối với những người quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là đáng thương; không bao giờ ta thương... Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân có khi nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến cái khác đâu? Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng nghĩ đến ai được nữa. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất. Tôi biết vậy nên chỉ buồn chứ không nỡ giận. Tôi giấu giếm vợ tôi, thỉnh thoảng giúp ngấm ngầm lão Hạc. Nhưng hình như lão cũng biết vợ tôi không ưng giúp lão. Lão từ chối tất cả những gì tôi cho lão. Lão từ chối gần như hách dịch. Và lão cứ xa tôi dần dần...*"

(Trích "*Lão Hạc*" - Nam Cao, SGK Ngữ văn 8, tập một)

1. Phân tích cấu tạo ngữ pháp và cho biết câu sau thuộc loại câu gì?

*"Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng nghĩ đến ai được nữa."*

2. Nêu những yếu tố nghệ thuật tạo nên sự thành công cho đoạn trích dẫn trên.

3. Dựa vào văn bản đã học trong sách giáo khoa Ngữ văn 8, em hãy viết đoạn văn từ 10 đến 12 câu theo phép lập luận quy nạp nêu *suy nghĩ của em trước ý kiến của ông giáo*: «*Chao ôi! … ích kỉ che lấp mất*». Trong đoạn văn có sử dụng một *câu ghép* và một *tình thái từ* mà em đã học. Chỉ rõ câu ghép và tình thái từ ở trong đoạn văn.

**Đề 2**

**Phần I:**Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

«*Theo các nhà khoa học, bao bì ni lông lẫn vào trong đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật mà nó bao quanh, cản trở sự phát triển của cỏ dẫn đến sự xói mòn ở các vùng đồi núi. Bao bì ni lông bị bị vứt xuống cống làm tắc các đường dẫn nước thải, làm tăng khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa. Sự tắc nghẽn hệ thống cống rãnh làm cho muỗi phát sinh, lây truyền bệnh dịch. Bao bì ni lông trôi ra biển làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải. Đặc biệt bao bì ni lông màu đựng thực phẩm làm ô nhiễm thực phẩm do chứa các kim loại như chì, ca- đi- mi gây tác hại cho não và là nguyên nhân gây ung thư phổi. Nguy hiểm nhất là các bao ni lông thải bỏ bị đốt, các khí độc thải ra đặc biệt là chất đi- ô- xin có thể gây ngộ độc, gây ngất, khó thở, nôn ra máu, ảnh hưởng đến các tuyến nội tiết, giảm khả năng miễn dịch, gây rối loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ em*. »

(Trích SGK Ngữ văn 8, tập một, NXB Giáo dục 2008)

1. Đoạn trích trên được rút từ văn bản nào? Cho biết phương thức biểu đạt chủ yếu của tác phẩm đó.

2. Tìm các từ ngữ thuộc *trường từ vựng chỉ bệnh lí của con người*.

3. Để diễn đạt tốt nhất về tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông, người viết đã dùng biện pháp nghệ thuật gì? Theo em, chúng ta nên làm gì để hạn chế tối đa tác hại của bao bì ni lông ?

**Phần II:**Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

«*Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão nghẹo về một bên và cái miệng móm mén của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...*

*- Khốn nạn... Ông giáo ơi!... Nó có biết gì đâu! Nó thấy tôi gọi thì chạy ngay về, vẫy đuôi mừng. Tôi cho ăn cơm. Nó đang ăn thì thằng Mục nấp trong nhà, ngay đằng sau nó, tóm lấy hai cẳng nó dốc ngược nó lên. Cứ thế thằng Mục với thằng Xiên, hai thằng chúng nó chỉ loay hoay một lúc đã trói chặt cả bốn chân nó lại. Bấy giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết!... Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Nó cứ nằm in như trách tôi; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn nói với tôi rằng: «A! Lão già này tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão cư xử với tôi như thế này à ?»... »*

(Trích «*Lão Hạc*» - Nam Cao, SGK Ngữ văn 8, tập một, NXB Giáo dục 2008)

1. Phân tích cấu tạo ngữ pháp và cho biết câu sau thuộc loại câu gì?

*"Cái đầu lão nghẹo về một bên và cái miệng móm mén của lão mếu như con nít."*

2. Nhân vật "*nó*" được lão Hạc nhắc đến là nhân vật nào ? Tại sao lão đau rất đau khổ khi nỡ tâm "*đánh lừa*" "*nó* "?

3. Dựa vào văn bản đã học trong sách giáo khoa Ngữ văn 8, em hãy viết đoạn văn từ 10 đến 12 câu theo phép lập luận diễn dịch làm rõ nhận định "*Trong tác phẩm Lão Hạc, nếu nhà văn Nam Cao tước bỏ nhân vật cậu Vàng thì tác phẩm sẽ giảm sức hấp dẫn đi rất nhiều*". Trong đoạn văn có sử dụng một *câu ghép* và một *biện pháp tu từ* mà em đã học. Chỉ rõ câu ghép và biện pháp tu từ ở trong đoạn văn đó.

**Tiết 65:**

*Thực hành kĩ năng khai thác, cảm thụ*

*các tác phẩm tự sự*

**A. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức:*** Hướng dẫn học sinh nắm được đặc trưng của văn bản tự sự và những giá trị nội dung, nghệ thuật của nó. Đặc biệt là cách cảm nhận đặc sắc nội dung, nghệ thuật trong tác phẩm.

***2. Kĩ năng:*** - Biết cách chọn lọc và cảm nhận những nét đặc sắc. Rèn kỹ năng Đọc - Hiểu VB.

***3. Thái độ, tình cảm:***

Giáo dục các em ý thức học tập tốt.

4. ***Năng lực cần phát triển***

- Tự học - Tư duy sáng tạo. - Hợp tác - Sử dụng ngôn ngữ

**B. CHUẨN BỊ**

- Theo yêu cầu SGK. - Sơ đồ tư duy

**C. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT DẠY HỌC**

-Kĩ thuật động não, thảo luận: - Kĩ thuật trình bày một phút:

- Kĩ thụât viết tích cực: Hs viết các đoạn văn .

- PP trực quan, vấn đáp, thuyết trình, nêu vấn đề ...

**D. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG**

**HOẠT ĐỘNG I. KHỞI ĐỘNG ( 1P )**

*Mỗi văn bản đều được tạo thành bởi tài năng và tấm lòng của tác giả. Và ở mỗi văn bản lại có những giá trị khác nhau. Nhưng thông thường văn bản có giá trị về nội dung và nghệ thuật nào? Cách cảm nhận giá trị ấy sao cho hợp lí? Để trả lời câu hỏi đó, chúng ta đi vào tiết thực hành.*

**HOẠT ĐỘNG II. ÔN TẬP VỀ CÁC GIÁ TRỊ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT ( 40P )**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên-học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| - Gọi HS đọc bài tập 1.  **HOẠT ĐỘNG NHÓM**  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm :  + Tổ 1-2: bài 1.  + Tổ 3-4: bài 2  - Tổ chức cho các nhóm thảo luận. GV quan sát, khích lệ HS.  - Tổ chức cho HS báo cáo kết quả thảo luận qua phiếu học tập  - Tổ chức cho HS nhận xét  - Gv tổng hợp ý kiến và kết luận chung. | **Bài 1:** Nêu cảm nhận về diễn biến tâm trạng của nhân vật ”tôi” trong văn bản ”Tôi đi học”.  + Giới thiệu hoàn cảnh dẫn đến việc ”tôi” đi học trong truyện.  + Cảm nhận về diễn biến tâm trạng ở các thời điểm khác nhau.  + Cảm nhận về nghệ thuật khắc họa tâm trạng nhân vật của nhà văn Thanh Tịnh.  **Bài 2:** Nêu cảm nhận về nghệ thuật xây dựng nhân vật trong văn bản ”Tức nước vỡ bờ”:  + Giới thiệu về nhà văn Ngô Tất Tố và tài năng của ông.  + Phân tích các nét đặc sắc trong ngòi bút xây dựng nhân vật  + Cảm nhận về sự thành công của tác phẩm. |

**HOẠT ĐỘNG III. CỦNG CỐ, VẬN DỤNG ( 4P )**

**Củng cố bài học:** Gv tổng kết kiến thức bài học  
**Hoạt động tiếp nối:**

- Đọc chuẩn bị bài tiếp theo

**Tiết 66:**

***Chương trình địa phương***

***( Phần văn )***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức:**

- Có được ý thức quan tâm đến truyền thống văn học của địa phương.

- Đạt được qua việc chọn chép một bài thơ hoặc một bài văn viết về địa phương vừa củng cố tình cảm quê hương, vừa bước đầu rèn luyện năng lực thẩm bình và tuyển chọn văn thơ.

**2. Về kỹ năng :**

- Biết rèn kỹ năng hệ thống hoá và tuyển chọn thơ văn theo những tuyển chọn nhất định.

**3. Về thái độ :**

- Tán thành bồi dưỡng lòng yêu quê hương

**II. Chuẩn bị:**

1**. Giáo viên:** Chuẩn bị tài liệu về những tác giả về những sáng tác của các nhà văn nhà thơ về Hà Nội.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị tư liệu theo mẫu:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ tên | Bút danh | Nơi sinh | Năm sinh, năm mất | TP chính |
|  |  |  |  |  |  |

**III . Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trình

**IV. Tiến trình dạy học:  
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  
Tổ chức trò chơi tìm hiểu về các nhà văn nhà thơ của Hà Nội.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học ***Thống kê bảng danh sách các tác giả văn học địa phương theo mẫu sau***

**+ Mục tiêu:** Học sinh có được ý thức quan tâm đến truyền thống văn học của địa phương.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 30 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** | ***Nội dung cần đạt*** | ***Hỡnh thành và PTNL*** |
| Giáo viên yêu cầu học sinh làm bài tập 1- SGK trang 141.  ***(?) Thống kê bảng danh sách các tác giả văn học địa phương theo mẫu sau***  ( nêu ví dụ)  GVkẻ bảng, gợi ý.  - Họ tên  - Bút danh (nếu có)  - Năm sinh - năm mất (nếu có)  - Các thành phố chính.  GV gọi những học sinh ở địa phương khác nhau, không tập trung vào một địa phương nào.  - Chỉ thống kê những tác giả có sáng tác trước năm 1975 | HS thực hiện yêu cầu của giáo viên  Tiến hành làm phần bài tập 1 | **Bài tập 1**: Lập bảng danh sách các nhà văn, nhà thơ ở thành phố , tỉnh hoặc quận huyện nơi em ở theo trình tự: họ tên, bút danh (nếu có), năm sinh, năm mất và các tác phẩm chính  Bảng thống kê ( dưới đây) | Năng lực tự học và nghiờn cứu tài liệu  Năng lực tổng hợp thụng tin |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Bút danh** | **Nơi sinh** | **Năm sinh,**  **năm mất** | **Tác phẩm chính** |
| **1.** | Nguyễn Thị Hinh | Bà Huyện Thanh Quan | Quận Tây Hồ- Hà nội | Khoảng thế kỉ 18 | Thăng Long thành hoài cổ |
| **2.** | Hồ Xuân Hương | Xuân Hương | Quận Tây Hồ- Hà Nội | Khoảng thế kỉ 18 | Đề đền Sầm Nghi Đống, chùa Trấn Quốc. |
| **3.** | Ngô Tất Tố | Lộc Hà, Hi Cừ, Thục điểu, Phó chi | Huyện Đông Anh- Hà Nội | 1893-1954. | Tắt đèn, Việc làng. |
| **4.** | Nguyên Tuân | Tuấn Thừa Sắc, Nguyễn | Quận Cầu Giấy- Hà Nội | 1910-1987 | Vang bóng một thời, Sông Đà, Hà Nội của ta đánh Mĩ giỏi, Con hồ thủ đô, Cây Hà Nội. |
| **5.** | Nguyễn Sen | Tô Hoài | Quận Ba Đình |  | Dế mèn phiêu lưu kí, Giăng Thề, Chuyện cũ Hà Nội, Người ven làng, Giếng ngày xưa. |
| **6.** | Nguyễn Huy Tưởng | Không | Huyện Đông Anh | 1912-1960 | Lá cở thêu 6 chữ vàng, Sống mãi với thủ đô, truyện Luỹ hoa. |
| **7.** | Đặng Trần Thi | Trần Đăng | Huyện Từ Liêm- Hà Nội | 191?- | Truyện và kí ( Trận Phố Ràng) |
| **8.** | Phan Thị Thanh Nhàn | Không | Quận Tây Hồ- Hà Nội | 191? | Xóm đê, hương thầm |
| **9.** | Nguyễn Vũ Tiềm | Không | Huyện Gia Lâm- Hà Nội | 1940 | Thương nhớ tài hoa, Nghìn câu thơ tài hoa, Hoài nghi và tin cậy |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** | ***Nội dung cần đạt*** | ***Hình thành và PTNL*** |
| (\*) Gv nhận xét, tổ chức cho học sinh bổ sung, góp ý vào bảng, cho chính xác, phong phú | Học sinh bổ sung | \_ Học sinh mở rộng hiểu biết về những tên tuổi, tác phẩm ở địa phương khác. | Năng lực giải quyết vấn đề |
| (?) GV nêu yêu cầu  - Gợi ý một số bài thơ có giá trị  - Nêu cảm nhận của em về bài thơ ấy? | HS thảo luận  Phát biểu cảm nhận, nêu lý do lụa chọn | \_ Cảm nhận được cái hay và đánh giá đuợc bước đầu phong cách, chủ đề, cái riêng của mỗi tác giả, tác phẩm. | Năng lực hợp tác, năng lực ra quyết định, năng lực giải quyết vấn đề |
| **Hoạt động 3: Tổng kết giờ học**  Nhận xét: ưu nhược điểm, kết quả của giờ học  Tuyên dương những cá nhân chuẩn bị tốt .  - Đọc, giới thiệu một số tác phẩm có giá trị  **Hoạt động 4: Củng cố, vận dụng.**  - Hs tiếp tục hoàn thiện 2 bài tập trên  Soạn bài tiếp theo. | HS lắng nghe, ghi nhớ  HS lắng nghe | \_ Bước đầu cảm nhận cái hay của một số tác phẩm  \_ Tự hào về tên tuổi tác giả nơi địa phương mình đang sống. | Năng lực cảm thụ |

**Tiết 67-68**

***Kiểm tra cuối kỳ 1***

**I. Mục tiêu cần đạt**

***1. Kiến thức*:**

- Đánh giá việc nắm vững những nội dung cơ bản của cả ba phần trong chương trình Ngữ văn 8 kỳ 1 từ tuần 9 đến 14.

- Xem xét sự vận dụng linh hoạt theo hướng tích hợp các kiến thức và kĩ năng của cả ba phần Văn - Tiếng Việt – Tập làm văn.

- Đánh giá năng lực vận dụng phương thức biểu cảm nói riêng và các kĩ năng của phần Tập làm văn nói chung để tạo lập một văn bản nghị luận.

***2. Kĩ năng:***

- Huy động kiến thức đã học.

- Rèn kĩ năng vận dụng kiến thức làm bài kiểm tra một cách khoa học, chính xác.

***3. Thái độ:***

- Ý thức tự giác, tích cực, trung thực khi làm bài kiểm tra.

**II. Trọng tâm**

***1. Kiến thức*:**

- Đánh giá việc nắm vững những nội dung cơ bản của cả ba phần trong Ngữ văn 8 tập1.

***2. Kĩ năng***

- Rèn kĩ năng vận dụng kiến thức làm bài kiểm tra một cách khoa học, chính xác.

***3. Thái độ:***

- Ý thức tự giác, tích cực, trung thực khi làm bài kiểm tra.

***4. Năng lực dạy học được hướng tới:***

**- Năng lực chung**: giải quyết vấn đề,tư duy sáng tạo

**- Năng lực chuyên biệt:** giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**II. Chuẩn bị**

- Thầy: Chuẩn bị đề.

- Học sinh: Ôn tập tốt để làm bài đạt kết quả cao.

**III. Tổ chức dạy và học**

**Bước I. Ổn định tổ chức:** (1 phút)

Kiểm tra sĩ số, trật tự nội vụ lớp học

**Bước II. Kiểm tra bài cũ:**

Không thực hiện.

**Bước III. Tổ chức dạy và học bài mới:** (90 phút)

- GV phát đề kiểm tra => HS làm bài.

**Tiết 69:**

***Báo cáo dự án học tập: Sưu tầm, thuyết minh về một thứ đồ dùng/ một phương pháp cách làm/ một thể loại văn học/ một***

***tác phẩm văn học***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức :**

- Củng cố kiến thức về văn thuyết minh cho học sinh

**2. Về kỹ năng :**

- Rèn luyện khả năng quan sát, suy nghĩ độc lập của h/s.

- Rèn luyện khả năng xây dựng kiểu văn bản thuyết minh.

- Tạo điểu kiện cho h/s mạnh dạn suy nghĩ, phát biểu.

**3. Về thái độ:**

- Có ý thức học tập bộ môn

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên:** Soạn bài theo yêu cầu

**2. Học sinh** : Tìm hiểu quan sát, ghi chép xây dựng đề cương ở nhà.

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trình

**IV.Tiến trình dạy học:  
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  
 **Kiểm tra bài cũ:** ? Nêu đặc điểm của đề văn thuyết minh và cách làm bài văn thuyết minh. **Giới thiệu và dạy bài học mới**

Để giúp các con có kỹ năng xây dựng kiểu bài thuyết minh và rèn kỹ năng nói không phụ thuộc vào văn bản, tiết hôm nay cô cùng các con lắng nghe báo cáo dự án học tập của các nhóm.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu đề bài sau đó học sinh nói trước lớp.

**+ Mục tiêu:** Củng cố kiến thức về văn thuyết minh cho học sinh, rèn khả năng nói trước lớp của học sinh.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 30 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Gv nêu nhiệm vụ của từng nhóm  - GV nêu cho hs luyện nói theo nhóm để các em nói với nhau cho tự nhiên.  - GV nêu yêu cầu: Nói tự nhiên, thoát ly văn bản, có thưa gửi ...  \* GV tổ chức nhận xét, rút kinh nghiệm. | - Đọc đề bài  - HS xác định  - HS nhận xét  - HS thảo luận trình bày | ***Đề bài***  - Kiểu bài: Thuyết minh  **\* Dàn ý:** 3 phần  + Mở bài: Giới thiệu đối tượng.  + Thân bài:  + Kết bài: Vị trí của đối tượng thuyết minh trong đời sống.  ***I. Tập nói trước nhóm***  \* Trình bày dàn ý.  \* Sửa chữa bổ xung dàn ý.  \* Từng hs trình bày.  ***II. Trình bày trước tập thể***  - HS nói trước tập thể lớp. |

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, VẬN DỤNG**

**Củng cố bài học:** Gv tổng kết kiến thức bài học **Hoạt động tiếp nối:**

*H*ướng dẫn học ở nhà

- Ôn tập phương pháp làm văn thuyết minh, xem các đề văn TM chuẩn bị viết bài.

**Tiết 70:**

***Trả bài kiểm tra tổng hợp***

**I.Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức**:

+ Ôn tập củng cố kiến thức chung.

+ Giúp hs có khả năng tự kiểm tra bài viết của mình.

**2. Về kỹ năng**: Học sinh biết sửa những lỗi mà thường gặp phải: Như tạo lập một đoạn văn, diễn đạt dùng từ …

**3. Về thái độ:** Có thái độ tiếp thu, sửa chữa bài viết có hiệu quả.

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:**

**1. Giáo viên:** Chấm, trả bài cho học sinh

**2. Học sinh**: Ôn lại tất cả kiến thức thuộc các phần trên.

**III.Phương pháp dạy và học:  
IV.Tiến trỡnh dạy học:  
1.Ổn định trật tự:** Kiểm tra sĩ số **2.Kiểm tra bài cũ:** - Kiểm tra chuẩn bị của học sinh.

**3.Giới thiệu và dạy bài học mới**

Để giúp các em có cái nhìn chính xác về nội dung một số kiến thức đã được học và biết sửa những lỗi về nội dung và diễn đạt trong các bài làm vừa qua, trong giờ trả bài cô giáo cùng các em phát hiện sửa lỗi những kiến thức đã nêu.

**HOẠT ĐỘNG 1:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu đề bài, nhận xét bài làm của học sinh, chữa lỗi.

**+ Mục tiêu: -** Ôn tập củng cố kiến thức văn.

- Giúp hs có khả năng tự kiểm tra bài viết của mình.

**+ Phương pháp:** Vấn đáp

**+ Hỡnh thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 40 phút

**4.Củng cố bài học:** Gv tổng kết kiến thức bài học  
**5.Hoạt động tiếp nối:**

\* Hướng dẫn học ở nhà

- Tiếp tục rèn luyện kỹ năng thuyết minh

- Ôn tập toàn bộ chương trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV cho hs đọc đề bài.  GV cho hs đọc lại đề bài.  ***? Xác định yêu cầu của đề bài?***    GV khái quát  - GV trả bài cho hs.  - Yêu cầu hs nhận xét bài làm của mình theo dàn ý.  - GV nhận xét chung.  - GV nhận xét bài làm của hs về các mặt ưu điểm và nhược điểm.  - GV trả bài cho hs đối chiếu đáp án và nhận xét bài làm của mình.  - GV lấy điểm.  - Gv viết các lỗi hs mắc phải ra bảng phụ yêu cầu hs thảo luận và chữa.  - Gọi học sinh nhận xét, sửa chữa | ***- GV ghi đề bài lên bảng.***  - HS xác định yêu cầu và ngôi kể.  - Nhận xét  - Hs thảo luận  - HS ghi ý đúng.    - HS đọc bài và nhận xét bài làm của mình.  - HS lắng nghe  - Học sinh đọc, chữa bài  - Chữa lỗi | *A. Trả bài kiểm tra GHK.*  ***Đề bài:***  *I. Kiểm tra việc chữa bài của học sinh*  - Học sinh kiểm tra lẫn nhau theo nhóm.  - Giáo viên kiểm tra bài chữa của học sinh.  - Nhận xét kết quả kiểm tra.  *II. Nhận xét về kết quả làm bài của học sinh.*  **1. *Ưu điểm***  - Xác định được yêu cầu của đề bài.  - Bước đầu biết vận dụng phương pháp để giải quyết yêu cầu của đề bài  - Một số bài làm đạt yêu cầu.  ***2. Hạn chế:***  - Bài viết thiếu tự nhiên, chưa có sự liên kết.  - Bài kiểm tra văn chưa nêu được cảm nghĩ, tóm tắt sự việc chính trong tác phẩm.  - Nhiều bài viết lan man, rườm rà.  - Lưu ý: diễn đạt, dùng từ.  - Trình bày, chữ viết cẩu thả.  ***3. Học sinh trình bày kết quả chữa lỗi.***  - Dùng từ, diễn đạt:  - Giáo viên nhận xét, đối chiếu với nhật ký chấm, thống nhất cách sửa.  ***4. Đọc bài mẫu.***  - Học sinh nhận xét bài viết của bạn. |

**Tiết 71:**

***Hoạt động Ngữ văn: Sân khấu hóa tác phẩm văn học***

I. **I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức :**

- Củng cố kiến thức, khơi gợi sự hứng thú với tác phẩm văn học cho học sinh

**2. Về kỹ năng :**

- Rèn luyện khả năng quan sát, suy nghĩ độc lập của h/s.

- Rèn luyện khả năng xây dựng bố cục văn bản.

- Tạo điểu kiện cho h/s mạnh dạn suy nghĩ, phát biểu, sáng tạo.

**3. Về thái độ:**

- Có ý thức học tập bộ môn

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên:** Soạn bài theo yêu cầu

**2. Học sinh** : Tìm hiểu quan sát, chuyển thể tác phẩm văn học ở nhà.

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trình

**IV.Tiến trình dạy học:  
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  
 **Giới thiệu và dạy bài học mới**

Để giúp các em có thêm cơ hội tiếp xúc văn bản ở một khía cạnh sáng tạo cá nhân và cảm nhận riêng, tiết hôm nay cô cùng các em trình bày kết quả hoạt động sân khấu hóa tác phẩm văn học.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Hướng dẫn học sinh trình bày trước lớp.

**+ Mục tiêu:** Củng cố kiến thức về văn bản cho học sinh, rèn khả năng sáng tạo và nói trước lớp của học sinh.

**+ Phương pháp:** Thuyết trình

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 40 phút

**Tiết 72:**

***Hoạt động Ngữ văn: Xem phim***

I. **I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức :**

- Củng cố kiến thức, khơi gợi sự hứng thú với tác phẩm văn học cho học sinh

**2. Về kỹ năng :**

- Rèn luyện khả năng quan sát, suy nghĩ độc lập của h/s.

- Rèn luyện khả năng xây dựng bố cục văn bản.

- Tạo điểu kiện cho h/s mạnh dạn suy nghĩ, phát biểu, sáng tạo.

**3. Về thái độ:**

- Có ý thức học tập bộ môn

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên:** Soạn bài theo yêu cầu

**2. Học sinh** : Tìm hiểu quan sát.

**III. Phương pháp dạy học:** Vấn đáp, thảo luận, thuyết trình

**IV.Tiến trình dạy học:  
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  
 **Giới thiệu và dạy bài học mới**

Để giúp các em có thêm cơ hội tiếp xúc văn bản ở một khía cạnh khác, tiết hôm nay cô cùng các em xem bộ phim “Làng Vũ Đại ngày ấy”.

**HOẠT ĐỘNG 2:** Xem phim.

**+ Mục tiêu:** Củng cố kiến thức về văn bản cho học sinh.

**+ Phương pháp:** Thuyết trình

**+ Hình thức tổ chức dạy học:** Toàn lớp

**+ Thời gian:** 40 phút